HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

Số 22 tháng 4 & 5 / 1995

SỐ ĐẶC BIỆT NỬA THẾ KỶ TÂN NHẠC VIỆT NAM



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Tel: (714-537-2468

Phát hành hai tháng một kỳ • số 22 tháng 4, năm 1995

Đại diện Florida
Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419
Đại diện tại San Jose
Trần Thị Hồng Vân / Tel: (408)223-8490
Đại diện tại Âu Châu
Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, Paris, France / Tel: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy
Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway
Đại diện tại Canada
Trần Sa / Tel: (416)762-4659 và (416)652-1384 • Hồ Đình Nghiêm / Tél: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh. / Tél: (604)873-1697
Đại diện tại Australia
Thường Quán / 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149 / Tél: 61.3.8071-797
Đại diện tại Đông Âu
Trần Ngọc Tuấn
Sokolovska 33/240 - 18600, Praha 8 - Czech Repunlic / Fax (422)235 99 83

•

Chủ trương

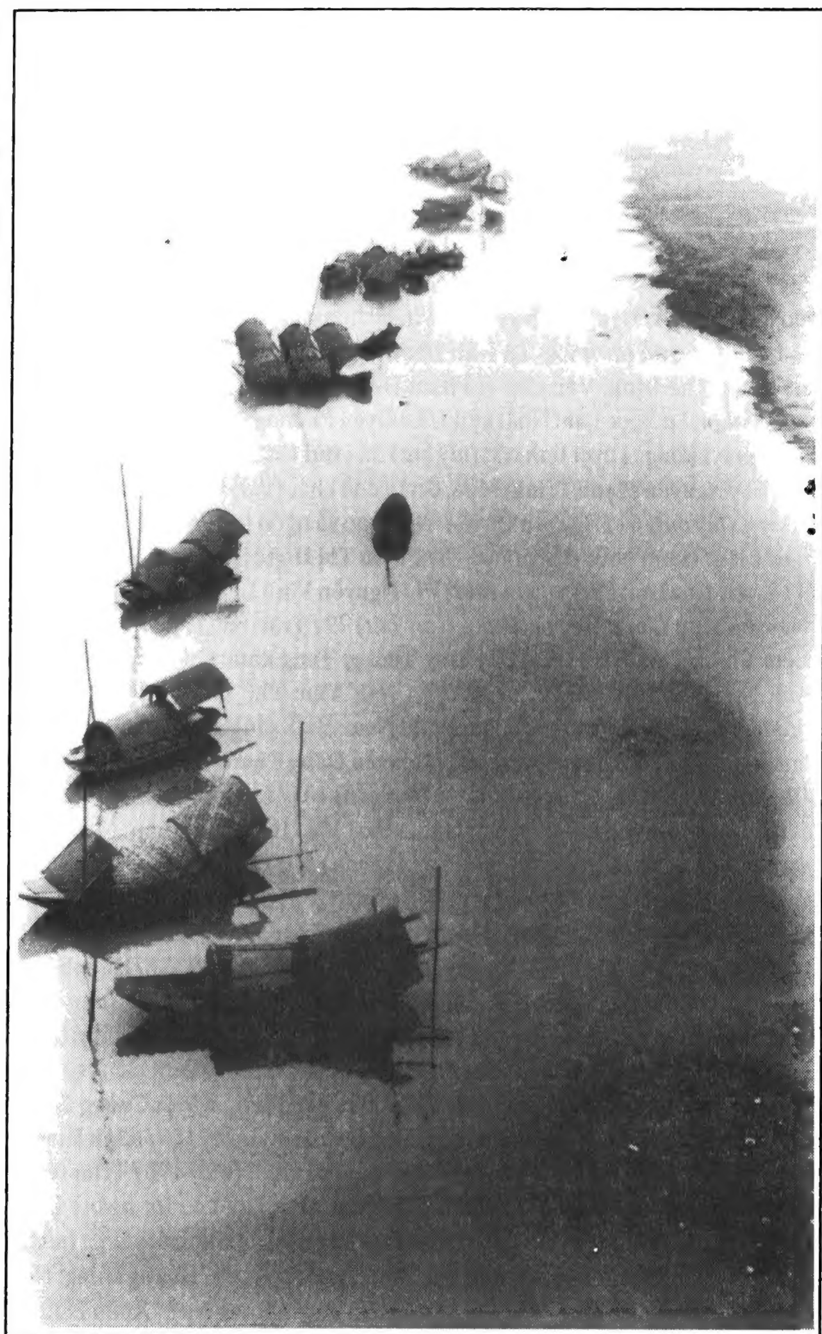
Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang, Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Nguyễn Hữu Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trần Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

•

Chủ biên
Khánh Trường
Phụ tá chủ biên
Phan Tấn Hải

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323

Cheo Reo: *Sông Hồng*



Số 22 tháng 4 &5, 1995

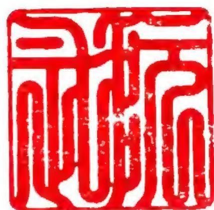
Nửa Thế Kỷ Tân Nhạc Việt Nam



MỤC LỤC

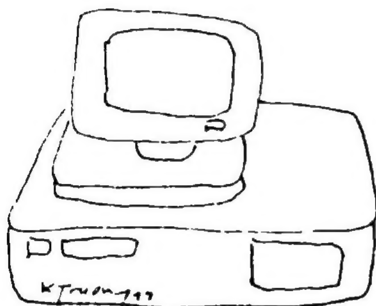


Bìa: **Rừng**: "Phiêu du mộng tưởng - Ánh sáng và bóng tối",
120cm X 120cm. *Sơn mài.*





thư tòa soạn



Trong *Hợp Lưu* số 18 (tháng 8&9/1994), chúng tôi có giới thiệu đến độc giả *"Vài Cảm Nhận Văn Học Việt Nam Hải Ngoại"* của giáo sư Nguyễn Huệ Chi. Nhân đó, nhà phê bình Đặng Tiến, học giả Tạ Trọng Hiệp và nhà văn Trần Vũ, qua trao đổi với nhà phê bình Thụy Khuê, đã có ý muốn mở ra những cuộc thảo luận văn học giữa trong và ngoài nước, hầu sắp xếp và giữ lại cho văn học Việt Nam những công trình sáng tạo nghiêm chỉnh, giá trị. Hưởng ứng ý hướng tốt đẹp đó, một nhà nghiên cứu trẻ, trên dưới ba mươi, thuộc thế hệ cầm bút sau chiến tranh: ông Phạm Xuân Nguyên, bổ sung thêm cho quan điểm của giáo sư Nguyễn Huệ Chi bằng bài viết: *"Hình Dung Một Bức Tranh Hoàn Chỉnh Về Văn Học Dân Tộc"*, độc giả sẽ đọc ở những trang sau. Dĩ nhiên, đây chỉ là gợi ý riêng của một nhà nghiên cứu trong nước, còn có nhiều vấn đề cần được thảo luận rốt ráo hơn, công bình hơn. Tuy nhiên, giữa thời điểm mọi cách cửa, cả trong lẫn ngoài, vẫn đang đóng chặt, một gợi ý như vậy, theo chúng tôi, có thể xem là rất cấp tiến, can đảm và cởi mở. *Hợp Lưu* trân trọng kính mời quý văn hữu, độc giả tham gia thảo luận, để hy vọng trong tương lai gần, chúng ta sẽ có được một bản lược đồ văn học Việt Nam hoàn chỉnh và đầy đủ, không bị cắt chia như hiện tại.

Số trước, chúng tôi có loan tin *Hợp Lưu* số này sẽ chuyên đề về *"Nửa Thế Kỷ Tân Nhạc Việt Nam"*. Nhưng dù đã liên lạc với rất nhiều nhạc sĩ tại hải ngoại, chúng tôi vẫn không gom được đủ lượng bài có nội dung mong muốn. Có vị, vì lý do tế nhị riêng, không thể tham gia; có vị, chỉ sáng tác nhạc, không quen viết bài... Vì thế, số đặc biệt này còn quá sơ lược, thậm chí có thể nói là quá nghèo nàn. Trong hoàn cảnh hiện nay ở hải ngoại, người Việt phân tán khắp nơi trên mọi quốc gia, nhu cầu đọc và viết tiếng Việt càng lúc càng trở nên mòn mỏi, do tác động của môi trường sống, đó là lý do các tạp chí chuyên

về văn học nghệ thuật, khi muốn thực hiện những số chuyên đề, đều vấp phải vô số khó khăn, trở lực. Chúng tôi đã làm hết khả năng của mình, nhưng lực bất tùng tâm, rất mong quí độc giả cảm thông.

Ngoài những bài viết liên quan đến chủ đề "âm nhạc", phần sáng tác kỳ này khá phong phú, với nhiều truyện ngắn, bút ký, thơ của nhiều tác giả trong ngoài: Thế Uyên, Trần Ngọc Tuấn, Du Tử Lê, Hồ Đình Nghiêm, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Trọng Tạo, Huy Tưởng, Phan Nhật Nam, Thuận Ánh, Huỳnh Hữu Ủy, Phan Quốc Sơn, Nguyễn Hữu Liêm, Lưu Thị Lượng, Phan Huyền Thư, Thái Phương, Phan Thị Vàng Anh, Hoàng Khởi Phong, Ngu Yên, Nguyễn Ý Thuần, Kinh Dương Vương...

Phần sinh hoạt văn học: Một tin buồn: ngày 21 tháng 1, năm 1995, nhà thơ Phùng Quán đã từ trần tại Hà Nội, để lại trong lòng những người yêu mến thơ văn ông một khoảng trống khó bù đắp, nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhà thơ Thường Quán, nhà thơ Trần Ngọc Tuấn sẽ bày tỏ sự mất mát ấy qua những dòng chữ của họ, và có thể xem đó là những nén tâm hương, thắp trước vong linh người quá vãng.

Nhưng bên cạnh tin buồn trên, chúng ta lại có một tin vui: nhà văn Doãn Quốc Sỹ, sau hai mươi năm sống dưới chế độ mới, với 13 năm tù, đã vừa đến định cư tại Hoa Kỳ cùng gia đình. Để đánh dấu cho sự "đổi đời" này, nhà xuất bản *Văn Nghệ* đã phát hành cùng lúc ba tác phẩm mới nhất của Doãn Quốc Sỹ: *Mình Lại Soi Mình*", "*Người Vái Tứ Phương*", và "*Dấu Chân Cát Xóa*". *Hợp Lưu* trân trọng giới thiệu ba tác phẩm này đến độc giả. Đó là những hồi ức, những suy nghĩ, những tiếng lòng của một nhà văn đã dành trọn cuộc đời mình cho chữ nghĩa và những điều cao đẹp.

HỢP LƯU

THÔNG BÁO CỦA TÒA SOẠN



Vì việc riêng, Chủ biên Khánh Trường sẽ vắng mặt một thời gian, Vì thế *Hợp Lưu* số 23, tháng 6&7/1995 có thể sẽ đến tay độc giả chậm hơn lệ thường trên dưới 10 ngày. Phụ tá chủ biên Phan Tấn Hải sẽ điều hành công việc tòa soạn trong thời gian KT vắng mặt.

Số phone liên lạc tạm thời từ ngày 9/4 đến ngày 9/5/1995: **Phan Tấn Hải, (714) 638-9274** (Buổi tối, sau 7 giờ. Giờ California).

Xin cáo lỗi trước cùng độc giả và văn hữu.

HỢP LƯU



PHẠM XUÂN NGUYÊN

hình dung một bức tranh hoàn chỉnh về văn học dân tộc.



Thời kỳ 1954-1975 là thời kỳ đất nước ta bị chia cắt làm hai miền. Đó là một thực tế lịch sử. Hai miền, hai chế độ chính trị khác nhau, có hai nhà nước riêng, quân đội riêng, văn học nghệ thuật do đó cũng mỗi miền mỗi khác. Thời kỳ này văn học Việt Nam rõ ràng là có hai bộ phận: Văn học miền bắc và văn học miền Nam. Sau 1975, đất nước thống nhất nhưng có một số lượng khá lớn người Việt ra sinh sống ở nước ngoài với nhiều lý do khác nhau, hình thành nên một cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Cộng đồng này do nhu cầu tinh thần đòi hỏi, cũng đã hình thành dần dần một bộ phận sáng tác bằng tiếng Việt.

Văn học Việt Nam tính trong thế kỷ XX, từ đầu cho đến 1945, là một nền văn học thống nhất của cả nước. Chúng ta nói đến nền văn học Việt Nam thời kỳ này với đầy đủ diện mục, khối lượng của nó, bao gồm cả cũ và mới, cả lãng mạn, hiện thực và cách mạng. Từ 1945 đến 1954 vẫn là một nền văn học chung trên cả nước nhưng đã bắt đầu tách thành bộ phận, trong đó bộ phận chính thống là văn học cách mạng của lực lượng kháng chiến chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, còn bộ phận văn học không cách mạng ở các thành thị tạm chiếm thì mới manh nha, chưa tồn tại độc lập. Từ 1954 đến 1975 văn học Việt Nam đã tách hẳn thành hai bộ phận như nói trên. Và từ 1975 trở đi văn học Việt Nam có thêm bộ phận văn học của cộng đồng

người Việt ở nước ngoài.

Từ trước đến nay khi nói tới "Văn học Việt Nam" chúng ta thường quen và mặc nhiên cho đó là văn học cách mạng, văn học ở miền Bắc. Nếp tư duy này là do hoàn cảnh lịch sử qui định. Thêm vào đó cái cách đo văn học theo hệ qui chiếu chính trị-xã hội chứ không phải theo hệ qui chiếu thẩm mỹ, càng đẩy văn học tới sự phiến diện. Cho đến khi hoàn cảnh lịch sử tạo ra nếp tư duy đó thay đổi, chúng ta vẫn chưa thay đổi cách nhìn lịch sử văn học Việt Nam. Nhìn tiến trình văn học dân tộc là đơn nhất mà lẽ ra là đa hợp. Cả thực tế lịch sư lẫn thực tế văn học đều cho thấy phải hiểu một nền văn học dân tộc Việt Nam đầy đủ trong thế kỷ này là sự hợp thành, sự tổng hợp của nhiều bộ môn văn học khác nhau. Thử xem hai mươi năm ấy (1954-1975) nếu ở ngoài Bắc người đọc biết đến những Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Phạm Tiến Duật, Bằng Việt, Nguyễn Minh Châu... thì ở trong Nam người đọc đã quen với Vũ Hoàng Chương, Vũ Bằng, Đinh Hùng, Thanh Tâm Tuyền, Bùi Giáng, Nguyên Sa, Thế Uyên, Phan Nhật Nam... Không thể lấy một bộ phận nào để làm tổng thể, như thế sẽ là phi lịch sử, phi khoa học và tự cắt xén, làm nghèo nàn mình. Cố nhiên tư tưởng của giai cấp thống trị là tư tưởng thống trị xã hội, văn học sẽ chịu một phần nhìn nhận, đánh giá dưới góc độ tư tưởng hệ ấy. Nhưng không nên quên rằng đặt trong tiến trình văn học thì sự phát triển của một khuynh hướng, một trào lưu, một nền chung cần được nhìn nhận toàn diện. Lại thử xem hiện nay trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại đang đọc Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Khánh Trường, Nguyễn Mộng Giác, Trần Vũ... với những suy tư, cảm xúc của người xa quê hương đất nước, vừa tìm cách hội nhập vào nơi đến vừa đau đau tìm về với nơi đi. Bỏ qua bộ phận văn học này hay hạn chế sự giao lưu của nó với bộ phận văn học trong nước đều không hợp lý và đem lại sự thiệt thòi cho nền văn học dân tộc.

Liên quan đến việc nhìn văn học Việt Nam trong tổng thể hợp thành này có vấn đề tên gọi. Trước đến nay tên gọi các bộ phận văn học thường gắn với chính trị, hay nói cách khác lấy nội dung chính trị tư tưởng làm tên gọi cho văn học. Do đó văn học miền Bắc là "văn học cách mạng", văn học miền Nam là "văn học thực dân mới". Cách gọi tên như vậy không chính xác và không lợi. Không chính xác vì nội hàm của "văn học cách mạng" không thể bao trùm văn học miền Bắc và nội hàm của "văn học thực dân mới" không thể bao trùm văn học miền Nam. Không lợi vì gọi tên lên theo kiểu chính trị như thế ngay từ đầu đã có vẻ thiên kiến và áp đặt, dễ khiến người nghiên cứu bị chệch hướng theo một cái đích đặt trước. Có lẽ nên đặt tên hai bộ phận văn học này theo đúng địa lý bị chia cắt trong hai chục năm: Văn học miền Bắc và Văn học miền Nam. Đúng hơn trong thời kỳ 1954-1975 chúng ta buộc phải nói đến văn học Việt Nam (miền Bắc) và văn học Việt Nam (miền Nam). Cũng như thế văn học của người Việt ở nước ngoài sẽ có tên gọi là văn học Việt Nam hải ngoại. Cố nhiên trong nền văn học dân tộc nửa sau thế kỷ XX, bộ phận văn học theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng Sản lãnh đạo giữ vai trò chính, nhưng không thể thiếu một tỷ lệ nhất định của các bộ phận

văn học khác.

Văn học miền Nam 1954-1975 chịu sự tác động, chi phối của chủ nghĩa thực dân mới và có một xu hướng chống Cộng rõ ràng. Điều đó không cần phải bàn cãi. Nhưng thực tế văn học miền Nam thời kỳ này tỏ ra phong phú và phức tạp hơn sự phân loại cứng nhắc trên đây nhiều. Thí dụ, trên văn đàn công khai dưới chế độ Sài Gòn không thể nói là không có ít nhiều tinh thần dân tộc và lòng yêu nước (đây không chỉ nói xu hướng văn học tiến bộ ở các thành thị, mà nói ngay đến sáng tác của chính những người phục vụ cho chế độ đó). Nạn ngoại xâm là một hiện thực tàn nhẫn trên đất đai xứ sở miền Nam. Nỗi đau chia cắt vì ngoại bang là có thực hàng ngày. Một bài thơ như bài sau đây của Du Tử Lê đương thời được người đọc yêu thích hẳn là vì tấm lòng đau thương cho đất nước đồng bào mình của tác giả. Bài này ở trong tập *Thơ Du Tử Lê*, được giải thưởng Văn Học Nghệ Thuật 1973 của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa (một giải thưởng hàng năm, bắt đầu từ năm 1970).

Vỡ lòng cho một người con gái Mỹ.
(Trích)

không bao giờ đâu Donna, Donna
dù anh có yêu em
hơn bất cứ một thứ gì có trên đất Mỹ
thì anh cũng vẫn trở về
vì như em đã biết
quê hương anh trên bốn ngàn năm lập quốc
trên bốn ngàn năm không ngừng đánh đuổi ngoại xâm
trong đó có gần một ngàn năm bị Tàu đô hộ
và ngót trăm năm làm thuộc địa của Tây
nhưng dân tộc anh không bao giờ bị đồng hóa
bởi dân tộc anh là một giống dân quật cường
tuy hiền lành và rất nhiều tình cảm
mặc dù anh không thể quên
những lần gọi điện thoại cho em
trong những phòng điện thoại công cộng
với mười xu cho một cuộc nói chuyện dài tối đa bảy phút
và đôi khi máy đã chẳng trả lại mười xu
như điều đã ghi trong bản chỉ dẫn
mỗi khi không liên lạc được
không phải anh tiếc mười xu đâu, Donna
dù mười xu tính ra tiền Việt Nam
những trên hai mươi đồng tính theo giá chợ đen cơ đó
với hai mươi đồng Việt Nam xưa
anh có thể ăn một bữa ăn tạm no

hay thừa để mua một bao thuốc lá
nhưng kể từ khi có người Mỹ sang chiến đấu
bên cạnh quân đội của nước anh
thì với hai mươi đồng anh đã không đủ mua một gói thuốc lá

Lòng yêu nước là tài sản chung. Có thể cách thế để biến từ tình cảm sang hành động phục vụ đất nước ở người này trái ngược, thậm chí đối lập với người kia, và đúng sai ở đây lịch sử sẽ phán xét. Chế độ mà Du Tử Lê cầm súng bảo vệ đã sụp đổ, một sự sụp đổ tất yếu. Nhưng bài thơ này thì còn lại, và đáng trọng. Cũng như đáng quý nỗi lòng nhớ nước khôn nguôi của người thơ này khi sống xa đất nước, chỉ mong khi chết được thả xác ra biển để được trôi về quê nhà. Đất nước đã thành nỗi ám ảnh buồn bã trong tâm trí người phiêu bạt (dù đầu óc có thể vẫn còn nặng mối hận thù quá khứ):

Từng bước chân đi hồn vẫn lẻ
Cách gì chăng nữa cũng là không
Ta như trời mới hồn không mới
Tình vẫn khua trên mái lá vàng
(Du Tử Lê - Ở Bruscen)

Trường hợp nhà văn Võ Hồng lại khác. Tác giả này xứng đáng có mặt trong các tuyển tập, các trích tuyển, trong sách giảng văn và trong lịch sử văn học dân tộc. Ông sinh năm 1921, truyện ngắn đầu tay đăng trên *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* năm 1939, tác phẩm đầu tay in năm 1959, từ đó cho đến 1975 ông đã có 15 cuốn sách được xuất bản. Truyện Võ Hồng viết bằng một lối văn nhẹ nhàng, bình dị nhưng tinh tế, sâu sắc, kể về số phận những con người bình thường, những cảnh đời bình thường trong một hoàn cảnh xã hội-lịch sử đầy biến động. Nhà văn truyền cho người đọc lòng yêu thương con người, đồng cảm xót xa với những bất hạnh của họ, biết sống biết yêu những điều tốt đẹp trên đời. Đặc biệt truyện Võ Hồng truyền cho ta lòng yêu quê hương bản quán nồng nàn tha thiết, văn ông đầy dân tộc tính từ cách cảm cách nghĩ đến cách dùng từ hành văn, đủ khiến rung động mọi tâm hồn người Việt còn lưu luyến với nước non. Truyện ngắn *Tình Yêu Đất* của ông, chẳng hạn, rất đáng xếp vào kho tàng truyện ngắn Việt Nam thế kỷ XX. Và đây, một quan điểm của ông về tiếng Việt:

Là nhà văn, chúng tôi yêu tiếng Việt hơn ai hết, phụng sự cho tiếng Việt hơn ai hết. Nhưng khi dạy Việt văn cho học sinh thì thật là nản. Đến nỗi có lần tôi đã nửa đùa nửa thật mà nói với một lớp nữ sinh: "Đối với tiếng Việt, các cô là những bà mẹ chồng. Các cô hành hạ nó, dày xéo nó, vùi dập phũ phàng nó. Câu văn viết sao cũng được, bất chấp văn phạm, bất kể chính tả. Trong khi với tiếng Anh tiếng Pháp, các cô chiu chút nâng niu, sai một giới từ nhỏ, thiếu một chữ S chữ E các cô xuýt xoa đấm đầu bứt tai như vừa phạm tội trọng". Thật vậy, sự coi thường tiếng Việt ở bậc Trung học đã đến độ trầm trọng. Giáo chức

ở bậc Tiểu học chỉ cần dạy cho học sinh giỏi toán, giáo chức ở bậc Trung học chỉ cần dạy cho học sinh giỏi Lý, Hóa, Toán, Sinh ngữ. Đó là những môn tương đối dễ dàng vì có luật lệ nguyên tắc rõ ràng, đúng sai phân minh, nên học sinh sợ, phải lo học. Sang đến tiếng Việt thì học sinh coi thường đã đành mà giáo sư cũng mỗi thầy một cách, mỗi cô một cách, thậm chí có trường người ta còn dành môn Việt văn để chia vào phút chót cho những giáo sư nào không đủ khả năng dạy các môn khác(1).

Một quan điểm như vậy đủ nói lên tư cách nhà văn chân chính của ông, đồng thời ý kiến này nói ra cách đây hai chục năm vẫn rất thời sự với bây giờ.

Văn học miền Bắc 1954-1975 đầy khí thế hào sảng của một dân tộc quyết tâm bằng mọi giá chống giặc ngoại xâm, giải phóng đất nước, Chiến tranh đòi hỏi mọi người phải sống theo nghĩa lớn, hy sinh quên mình. Cái TA là trọng, cái TÔI tạm quên. Thời gian đẩy cuộc chiến lùi xa, nền văn học này tiếp tục khẳng định cái TA nhưng thêm phần bù đắp cái TÔI. Nhìn vào văn học miền Nam 1954-1975, ở những sáng tác về chiến tranh, chủ đề chính là nỗi đau đớn cho thân phận cá nhân con người bị dày dọa, hành hạ trong một cuộc chiến mà lý tưởng và mục đích dù có được hết sức biện minh vẫn không thể chính danh. Tuy nhiên, bộ phận văn học này vẫn để lại những trang viết cụ thể, chân thực (tất nhiên về phía họ), bổ sung cho bức tranh khốc liệt, dữ dội đằng đẵng hai mươi năm tàn phá quê hương đất Việt. Phan Nhật Nam là cây bút nổi bật viết về chiến tranh của văn học miền Nam trước 1975. Nhà văn này là một người lính đúng nghĩa của chế độ cũ, nhưng những trang viết của anh về hiện thực chiến tranh như đời lính, nỗi khổ và thất vọng chán chường, lại có giá trị văn học và lịch sử. Tiếp nhận chúng hay không thì đó vẫn là những bằng chứng còn cần phải tìm lại để hiểu Việt Nam trong cuộc chiến vừa qua.

Cuộc chiến ấy, hay đúng hơn lịch sử hai chục năm qua của miền Nam, đã được một tác giả ở hải ngoại tái hiện lại trong một bộ tiểu thuyết trường thiên 5 tập, gần hai nghìn trang: *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác, nhà xuất bản Văn Nghệ, California (Mỹ). Chiều dài thời gian mười năm, chiều rộng không gian từ Huế vào Sài Gòn, ý định của tác giả là: *Qua cuộc đời thăng trầm của ba gia đình phản ảnh giai đoạn có nhiều thăng trầm bể dâu nhất của người miền Nam, kể từ lúc chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ cho đến ngày tôi vượt biên.* Tập cuối, *Tha Hương*, viết rất hay sự rút chạy của quân đội Sài Gòn thoát ra khỏi Buôn Mê Thuột. Sau 1975 ở trong nước Nguyễn Khắc Phục đã bắt tay vào thực hiện bộ tiểu thuyết sử thi dự định gồm 10 tập, bao trùm cả không gian miền Nam trong vòng hai mươi năm, nhằm dựng lại cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam, chủ yếu là hoạt động của học sinh sinh viên ở thành thị, từ những ngày đen tối gian khổ đến thắng lợi cuối cùng. Bộ này có tên chung là *Bay Qua Cõi Chết*, đến nay, chỉ mới ra được hai tập: *Học Phí Trả Bằng Máu* và *Thành Phố Đứng Đầu Sóng.* Nếu xong, hai bộ sách của Nguyễn Khắc Phục và Nguyễn Mộng Giác sẽ là hai mảng khác nhau, bổ sung soi tỏ cho nhau dựng nên bức tranh hiện thực chung của miền Nam thời

kỳ 1954-1975.

Nói riêng, tập ba ở tác phẩm của Nguyễn Mộng Giác mang tên chung của cả bộ, mô tả quang cảnh Huế Tết Mậu Thân (1968), góp thêm một cái nhìn về biến cố lịch sử này, bên cạnh các tác phẩm khác viết lúc đương thời hay về sau này: *Giải Khăn Sô Cho Huế* (1969) và *Tình Ca Cho Huế Đổ Nát* (1968) của Nhã Ca, *Ngôi Sao Trên Đỉnh Phu Văn Lâu* (1971) của Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Huế Những Ngày Nổi Dậy* (1979) của Nguyễn Đắc Xuân, Nguyễn Quang Hà, Tô Nhuận Vĩ, *Đất Nước Vào Xuân (1979) của Lê Chưởng... Nhà phê bình Nam Chi ở hải ngoại nhận xét: Hoàng Phủ Ngọc Tường viết bút ký. Lê Chưởng viết hồi ký, Nguyễn Mộng Giác viết tiểu thuyết, họ khác nhau không phải chỉ ở "lập trường" hay vị trí quan sát, hay cách nhìn, mà còn ở hành văn, thể loại(2)*

Về mặt lịch sử tiểu thuyết Việt Nam, bộ *Mùa Biển Động* góp thêm một đơn vị vào danh mục tiểu thuyết trường thiên đương đại kể từ *Vỡ Bờ* (Nguyễn Đình Thi), *Cửa Biển* (Nguyên Hồng), *Khu Rừng Lau* (Doãn Quốc Sỹ), *Dòng Sông Thanh Thủy* (Nhất Linh)... Đối với Nguyễn Mộng Giác, đây là bộ trường thiên thứ hai sau bộ *Sông Côn Mùa Lũ* (4 tập) viết về Nguyễn Huệ. Viết về người anh hùng áo vải đất Tây Sơn cuộc đời đầy những kỳ tích tác giả không thấy khó như khi viết về những con người bình thường. Đây là quan điểm văn chương của Nguyễn Mộng Giác: *Viết về cuộc đời họ, cuộc đời tôi, cuộc đời thân nhân bạn bè tôi, không hề có những kỳ tích đáng ghi vào lịch sử. Họ không hề làm nên lịch sử. Đôi khi họ cũng có tỏ ra chân thành, cao thượng, có tinh thần trách nhiệm, biết phân biệt tốt xấu, nhưng nhiều khi họ thụ động, yếu đuối, để cho hoàn cảnh đẩy đưa. Họ là đám đông góp phần lớn vào các chuyển biến của lịch sử, nhưng họ chưa đáng được nhắc tới, dù là một dòng, trong những cuốn sử. Tôi cũng thuộc vào cái đám đông tội nghiệp đó. Tôi cảm thấy "bị lịch sử bỏ quên". Trong hăm hở ngây thơ, tôi nghĩ mình cần phải viết một cuốn sách thật dày về tâm tình của họ, những niềm vui nỗi buồn nho nhỏ của họ, những yếu đuối lẫn lẫm liệt của họ. Các sử gia chỉ chú tâm đến các bậc anh hùng hoặc kẻ có quyền thế, thì tôi phải chú tâm đến đám đa số thiếu tiếng nói*(3). Thiết nghĩ đây cũng là vấn đề đang được văn học trong nước hiện nay quan tâm.

Cuộc chiến tranh đã kết thúc gần hai mươi năm. Nhìn lại văn học Việt Nam trong hai mươi năm qua là một việc làm cần thiết để thấy ra những cái được và chưa được, và định hướng tiếp tục phát triển. Trong cái nhìn đó không nên lãng tránh hay kỳ thị bộ phận văn học của người Việt ở nước ngoài. Bài viết của Nguyễn Huệ Chi nhan đề *Vài Cảm Nhận Văn Học Việt Nam Hải Ngoại* (Tạp chí *Văn Học*, Hà Nội, số 2 / 1994) đã gây được sự quan tâm ở hải ngoại. Nhân bài viết này tạp chí *Hợp Lưu* (xuất bản tại Mỹ) đã dành số 18 (tháng 8-9/1994) cho chuyên đề về *"Định Vị Văn Học Việt Nam Hải Ngoại Trong Cộng Đồng Dân Tộc"*. Mở đầu cho cuộc đối thoại văn học giữa giới sáng tác, phê bình, biên khảo trong và ngoài nước về vấn đề này, Thụy Khuê viết: *Văn học Việt Nam gồm thâu những tác phẩm viết bằng tiếng Việt,*

xuất hiện ở bất cứ nơi nào, thời nào, do người Việt Nam viết ra. Nhưng nghịch cảnh của đất nước chưa cho phép những người làm văn học Việt Nam ở khắp nơi quan hệ với nhau một cách bình thường, nhìn nhận và đặt vấn đề trực tiếp với nhau. Trên tạp chí Văn Học *(Hà Nội) số tháng 2 năm 1994 xuất hiện bài viết của giáo sư Nguyễn Huệ Chi tựa đề*: Vài Cảm Nhận Văn Học Việt Nam Hải Ngoại. *Đối với chúng tôi đây là bài nhận định đầu tiên của người cầm bút trong nước viết về văn học ngoài nước một cách cẩn trọng và nghiêm túc*. Tuy còn nhận thấy ở bài viết của Nguyễn Huệ Chi có thiếu sót, hạn chế do thiếu tài liệu sách báo và không thực sát thực tế ở hải ngoại, các tác giả ngoài nước đều cho đây là một dấu hiệu tích cực, khơi mở cho sự hòa hợp dân tộc trong văn học, hàn gắn vết thương chiến tranh giữa những người Việt với nhau.

Cũng ở Mỹ, tạp chí *Văn Học* cũng đã ra số chuyên đề *"Khởi đầu thảo luận về văn học hải ngoại"* (số 99, tháng 7/1994), nhân bài viết của Nguyễn Huệ Chi, và chuẩn bị cho việc tổng kết hai mươi năm sống ở xứ người. Tuy nhiên quan điểm của *Văn Học* có khác *Hợp Lưu*. Trong "thư tòa soạn" đăng ở đầu số có đoạn viết: *Công việc này* (tức việc nghiên cứu, tìm hiểu văn học hải ngoại - PXN), *hiện nay ở trong nước, cũng có một số nhà nghiên cứu văn học bắt đầu lưu tâm. Nhưng do thiếu tài liệu, do thói quen nhìn hiện tượng văn học như một biểu hiện trọn vẹn của chính trị, hoặc do chủ đích chính trị nào đó, các nhà nghiên cứu trong nước chỉ quan tâm đến một phần rất nhỏ của văn học hải ngoại. Bài của nhà nghiên cứu Nguyễn Huệ Chi chúng tôi trích đăng trong số này là một bằng chứng của lối nhìn thiên lệch nói trên*. Tạp chí *Văn Học* dự định dành bốn số đăng các bài *"Tổng quan hai mươi năm văn học hải ngoại"*, sau đó là các số đánh giá về các bộ môn. Nghĩa là một bản sơ kết khá qui mô về hai mươi năm văn học hải ngoại. Sau đây là những câu hỏi gợi ý của ban chủ biên *Văn Học* nêu ra cho các tác giả tham gia thảo luận:

1. Lấy tiêu chuẩn nào để một tác phẩm được xem là tác phẩm văn chương? (Câu hỏi này rất quan trọng, nhất là khi xét tới những cuốn hồi ký hoặc các sách biên khảo).

2. Lấy tiêu chuẩn nào để xác định một tác phẩm là thuộc về dòng văn học hải ngoại? Địa lý (tác giả ở trong nước hay ngoài nước), chính trị (Cộng Sản, Quốc Gia), ngôn ngữ (trường hợp những tác giả viết bằng Anh ngữ, Pháp ngữ...), nơi xuất bản sách (tác phẩm từ trong nước phải in ở nước ngoài)?...

3. Văn học hải ngoại có phải là dòng nối dài của văn học miền Nam trước 1975 không?

4. Những khác biệt căn bản giữa văn học hải ngoại và văn học miền Nam 1954-1975, giữa văn học hải ngoại và văn học quốc nội?

5. Các trào lưu, giai đoạn hình thành của văn học hải ngoại.

6. Đặc tính của văn học Việt Nam hải ngoại, so với văn chương các sắc tộc di dân khác?

7. Khả năng và triển vọng của văn học hải ngoại: sẽ phát triển hoặc sẽ suy tàn? Vai trò của giới trẻ trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương?

8. Đời sống của người cầm bút hải ngoại (nghề nghiệp, lợi tức, việc in sách và hoạt động phát hành)?

9. Các tác giả được ưa chuộng? Những tác giả tiêu biểu cho từng thời kỳ?

10. Các cuộc tranh luận bút chiến trên văn đàn.

Như vậy, văn học Việt Nam hiện đại phải là một nền văn học dân tộc đầy đủ, một nền văn học hợp thành. Chỉ tính từ 1954 đến nay văn học miền Bắc đã từ nửa nước chuyển thành cả nước. Văn học miền Nam 1954-1975 đã hình thành, tồn tại và chấm dứt với tư cách một thực thể văn học trọn vẹn. Về hai mươi năm nay tính từ 1975 văn học hải ngoại là một thực thể khác đã hình thành và đang tồn tại. Sự phát triển của văn học nước nhà trong tương lai phải được nhìn nhận từ những kinh nghiệm của các thực thể văn học khác nhau trong quá khứ và hiện tại. Đó là một yêu cầu khoa học và lịch sử.

Tại đại hội Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam họp tại thủ đô Hà Nội vừa qua, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam Đỗ Mười đã tuyên bố: *Lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm hận thù, hướng về tương lai, hòa hợp thành một khối thống nhất vì lợi ích đất nước và dân tộc...* Chính trị đã như vậy, văn hóa, văn học nghệ thuật cũng nên vậy. Dân tộc Việt Nam là một, văn học Việt Nam cũng chỉ là một, dù trước đây chia cắt hai miền và bây giờ có trong nước và hải ngoại, nhưng mọi giá trị văn chương viết bằng tiếng Việt đều phải là tài sản chung của người Việt. Trong bối cảnh tinh thần đó, những người chủ trương tạp chí *Hợp Lưu* xác định mục tiêu của họ: *Hợp Lưu trân trọng, bảo tồn và xiển dương tất cả mọi đóng góp của mọi tài năng cho một mục tiêu duy nhất: làm đầy, làm dày, làm phong phú thêm gia tài văn hóa dân tộc. Trên diễn đàn Hợp Lưu có thể có nhiều khuynh hướng, nhiều lập trường, nhiều cách suy nghĩ khác nhau, nhưng nếu những khuynh hướng, lập trường, suy nghĩ đó không xuất phát từ mưu đồ tối ám, từ định kiến cực đoan, từ cuồng nộ thuần bản năng, từ những xung khắc có tính cách cá nhân, và nhất là nó có một giá trị nhất định nào đấy, thì tại sao chúng ta không trân trọng? Vài ba mươi năm nữa, chắc chắn những bài học về văn chương của con cháu chúng ta sẽ không có* "nhà văn lưu vong chống Cộng Mai Thảo", "nhà thơ Cộng Sản Chế Lan Viên", *mà chỉ có* "nhà văn Mai Thảo", "nhà thơ Chế Lan Viên" *cùng tác phẩm của họ* (*Hợp Lưu* số 16). Dĩ nhiên không thể xóa nhòa ranh giới khi đi vào nghiên cứu cụ thể, nhưng hướng tìm về dân tộc này của những nhà văn người Việt ở hải ngoại là một điều cần thiết cho văn học.

Trong việc nhìn nhận vấn đề văn học Việt Nam hải ngoại, chúng ta có thể liên hệ đến kinh nghiệm của văn học Nga trong thế kỷ XX này. Do tác động của các hoàn cảnh lịch sử-chính trị từ đầu những năm 20 đến những năm 80, nhiều văn nghệ sĩ Nga đã rời nước ra đi (đi theo các đội quân rút lui, đi vì bị trục xuất, cưỡng bức, tự nguyện...) Và tại các nơi cư trú (chủ yếu là Paris và Berlin) một nền văn học Nga hải ngoại đã hình thành và tồn tại. Trước thời cải tổ nền văn học này không được nhắc đến, thậm chí còn bị coi như không

có. Chỉ từ năm 1985 trở lại nay văn học Nga hải ngoại mới được tập trung nghiên cứu, tìm hiểu.

Đánh giá bộ phận văn học hải ngoại này trong lịch sử văn học Nga hiện đại thế kỷ XX như thế nào còn là công việc lâu dài của các nhà nghiên cứu. Nhưng có một thực tế là không thể phủ nhận sự tồn tại của nó. Các nhà văn Nga ở hải ngoại được giải Nobel như Bunhin, Solzhenitsyn, Brosxky là niềm vinh quang và tự hào của cả văn học Nga nói chung. Trên tạp chí *Văn Học Nước Ngoài* (số 6/1989. khi đó còn là Liên Xô) có đăng bản trưng cầu ý kiến của các nhà Nga học ở nước ngoài, trong đó câu hỏi thứ 5 là: *"Ngài đánh giá thế nào về hiện tượng văn học viết bằng tiếng Nga ở hải ngoại và vị trí của hiện tượng này trong văn hóa Nga và văn hóa thế giới?"*. Đêming Braun, giáo sư văn học Nga ở trường Đại học Michigan (Mỹ) trả lời: *"Tất nhiên, nền văn học Xô Viết khác biệt do những người lưu vong tạo ra. Tuy vậy hiển nhiên đó là hai nhánh của một nền văn học Nga hiện đại thống nhất. Cần phải làm hết mọi khả năng để thiết lập những mối liên hệ chặt chẽ hơn giữa chúng với nhau"*. Còn giáo sư tiến sĩ Vônfgăng Kazac, Viện trưởng viện Slavơ thuộc trường Đại Học Kenơ (CHLB Đức) thì phát biểu: *"Hiện tượng văn học viết bằng tiếng Nga ở hải ngoại đặt trong bối cảnh toàn bộ nền văn học Nga cần phải được đánh giá rất cao. Sáng tác văn học của các nhà văn lưu vong dù trình độ thẩm mỹ cao thấp thế nào vẫn là một bộ phận của nền văn học Nga thống nhất"*.

G. Struvê, một học giả Nga ở nước ngoài, đã có công trình nghiên cứu nghiêm túc về nền văn học Nga ở hải ngoại. Ông không thích dùng từ "lưu vong" hay "di tản" để áp dụng vào đây. Theo ông: *"Nền văn học Nga ở hải ngoại này tạm thời đang bị đẩy sang một bên khỏi dòng chảy chung của văn học Nga. Nước của dòng chảy riêng biệt này hiện tại đang nằm phía ngoài ranh giới nước nga sẽ tạo điều kiện làm giàu có thêm dòng chảy chung còn hơn cả nước ở chính bên trong nước Nga"*. Đoạn cuối nhận định này của Struvê có thể chưa chính xác, còn phải trao đổi lại. Nhưng tư tưởng và con sông văn học Nga hiện đại thế kỷ XX phải là hợp lưu của cả hai dòng văn học của người Nga trong và ngoài nước là một điều nghiêm túc, đúng đắn.

Văn học Việt Nam hải ngoại, cố nhiên, khác với văn học Nga hải ngoại cả về hoàn cảnh tạo thành, về tính chất nội dung, về trình độ văn chương... Tuy nhiên, trên kinh nghiệm của người, chúng ta có thể rút ra những điều cần thiết cho mình. Có một nền văn học Việt Nam hải ngoại đã hình thành, sự tồn vong lâu dài của nó là điều còn phải bàn, nhưng những gì có giá trị của nền văn học đó cần phải được tính vào văn học Việt Nam nói chung.

PHẠM XUÂN NGUYÊN

---

(1) *Giai phẩm Văn*, số đặc biệt nhà văn Võ Hồng. Sài Gòn 1974, tr. 13-14.

(2) *Đoàn Kết*, xuất bản tại Pháp, số 4 - 1990, tr. 25.

(3)Lời cuối cho một bộ trường thiên, in trong tập V: *Tha Hương*, nxb Văn Nghệ, California, 1989.



NGUYỄN VĂN TUYÊN

những ngày đầu tân nhạc



Hồi ký của Nguyễn Văn Tuyên Về cuộc vận động cải cách âm nhạc Việt Nam năm 1938 (dưới thời Pháp thuộc), Kỷ nguyên Tân nhạc.

Tên tôi là Nguyễn Văn Tuyên, sinh năm 1909 tại Thừa Thiên - Huế.

Tôi có ba anh em ruột đều giỏi âm nhạc nên tôi bắt đầu học nhạc tại gia đình. Về sau, khi đã rành tiếng Pháp thì dựa vào quyển "Deuxieme année de musique de Marmontel" "năm thứ hai âm nhạc" của Mác Mông Ten để học. Khi lớn lên, vào Sài Gòn, tôi tiếp tục học âm nhạc và học thanh nhạc.

Từ nhỏ đến lớn, tôi học tại trường Pellerin ở Huế, năm 1928, sau khi có bằng diplôme, tôi thi vào bưu điện và làm việc tại Sở Bưu Điện Huế và Đà Nẵng.

Suốt thời gian làm việc tại Huế cũng như tại Đà Nẵng, ở đâu tôi cũng chỉ nghe nhạc Tây.

Tại Huế, mỗi buổi chiều thứ bảy người Pháp tổ chức những buổi hòa nhạc rầm rộ tại Kiosque cạnh chân cầu Tràng Tiền. Những buổi hòa nhạc này lôi cuốn đông đảo những người thích nghe nhạc Tây.

Phong trào chơi nhạc Tây trở nên rầm rộ. Nam triều cũng có dàn nhạc Tây.

Mặc dù đại chiến thế giới thứ nhất kết thúc từ lâu nhưng thời đó dân ta vẫn phải "tiêu hóa" những bài ca tụng các anh hùng dân tộc Pháp (Jeanne d'Arc, Napoléon v.v...) với những bài ca ngợi chiến thắng. Trong số các bài

này, bài nổi bật nhất là bài "Mađơlông" (Madelon). Người ta nghe đàn bài này khắp nơi. Lác đác, trên vỉa hè các đường phố, các nhạc sĩ ta chơi đàn bầu, đàn nguyệt thường đánh các bài Kim Tiền, Lưu Thủy, thì về sau đã không ngần ngại chơi luôn cả bài Madelon và ngay cả bài Marseillaise, tạo ra những giai điệu rất khó nghe!

Từ đầu thập niên ba mươi về sau, các bài hát của điện ảnh Pháp với giọng ca của các ca sĩ Pháp từ Maurice Chevalier đến Tino Rossi tràn ngập khắp nơi và đã lôi cuốn được số đông nam nữ thanh niên và học sinh. Người ta say sưa nghe các đĩa hát của Tino Rossi.

Tiếp theo là các bài hát Tây lời ta ra đời. Người ta đặt lời Việt cho một số bài Tây hấp dẫn, phổ biến nhất là bài "Si l'on ne s'était pas connu" (Giá như chưa từng biết nhau), "Tango pour Lola (bản tăng gô cho Lo la) v.v...

Hát bài Tây lời ta trở thành phong trào rộng rãi. Từ các trường học đến các công sở, từ thành thị đến thôn quê đâu cũng hát và thích nghe hát các bài này. Các bài Tây lời ta xâm nhập ngay cả sân khấu cải lương mà vẫn được hoan nghênh.

Đối với thực dân Pháp thì tình hình phát triển theo chiều hướng này có lợi cho chúng vì lôi cuốn được đông đảo thanh niên và học sinh theo con đường chuộng các bài Tây, thích các bài lai Tây, rồi dần dần xa rời âm nhạc dân tộc và những gì có tính chất dân tộc.

Từ lâu, tình hình phát triển theo chiều hướng này làm tôi hết sức phân vân, đau lòng. Trong lúc đang nóng ruột muốn làm một cái gì để cứu vãn tình thế thì năm 1933, tôi được đổi vào Đà Lạt, và Đà Lạt đã mở ra cho tôi một chân trời mới.

Cũng trong năm 1933, người Pháp tại Đà Lạt tổ chức tại rạp xinê một buổi biểu diễn ca nhạc. Tôi đã tham gia buổi biểu diễn ấy và đã được giới nhạc sĩ Pháp chú ý. Tiếp đó, bà Mayer, giáo sư Trường Tiểu Học Đà Lạt (Petit Lycée Dalat), nhờ tôi tập hát cho học sinh, chuẩn bị đón tiếp bác sĩ Yersin lên thăm Đà Lạt.

Từ đó, các nhạc sĩ Pháp lên nghỉ mát tại Đà Lạt càng biết tôi hơn. Tôi đã nói rõ với họ nguyện vọng của tôi được vào Sài Gòn học thêm âm nhạc và họ hứa giúp tôi. Tôi liền xin nghỉ Bưu điện.

Sau một thời gian chờ đợi quyết định của Bưu điện, vào giữa năm 1936, tôi vào Sài Gòn và được giới thiệu về dậy âm nhạc tại trường Lycéum Paul Doumer ở Chợ Quán.

Tại Sài Gòn vào thời kỳ này, phong trào hát bài Tây lời ta càng rầm rộ hơn. Tình hình này sẽ đưa âm nhạc Việt Nam tới đâu? Đó là câu hỏi thể hiện nỗi băn khoăn của tất cả những ai có ý thức dân tộc. Khi ấy, tôi nghĩ rằng để chận đứng cuộc chạy đua theo các bài lai Tây và đưa quần chúng quay về với âm nhạc có tính dân tộc thì cần có những bài mới hoàn toàn Việt Nam (cả nhạc và lời), do đó cần cải cách âm nhạc.

Nhưng ai là người đứng ra phát động phong trào mới? Hoàn cảnh xã hội khi ấy có những đặc điểm có thể gây ra những khó khăn và trở ngại không

thể vượt qua được: vào thời kỳ ấy, Nam Kỳ là thuộc địa của nước Pháp. Ở đây, bọn tư sản mại bản, bọn đại điền chủ và đông đảo những kẻ mang quốc tịch Pháp dựa vào giới cầm quyền thực dân. Do đó, sẵn sàng chống lại mọi sự đổi mới có khuynh hướng dân tộc dù là về phương diện nghệ thuật.

Thêm vào đó, muốn tiến hành một cuộc vận động từ Nam chí Bắc cần phải có phương tiện tài chính dồi dào.

Mặc dù tương lai khá mù mịt nhưng tôi không nản lòng. Ngược lại, tôi ra sức học thêm âm nhạc và học thanh nhạc. Tôi theo lớp học thanh nhạc tổ chứ tại Hội trường Philharmonique Sài Gòn. Thầy dạy là ca sĩ Pháp Fraisvinet, diễn viên nhà hát Toulouse và tôi là người học viên Việt Nam duy nhất.

Ngoài các buổi học tại Philharmonique, tôi thường đến thư viện tham khảo các sách dạy thanh nhạc, dự các buổi biểu diễn của các ca sĩ Pháp tại Nhà hát thành phố và tại Philharmonique, nghe các bài cổ điển trong đĩa hát.

Về sau, tôi đã được mời hát nhiều lần tại nhà hát thành phố và được tất cả báo chí Sài Gòn nhiệt liệt hoan nghênh, cả báo Pháp và Việt Nam.

Công ty đĩa hát RCA-Victor đến ký hợp đồng với tôi.

Đài phát thanh Sài Gòn dành cho tôi mỗi tuần 15 phút dưới tiết mục ghi trong chương trình bằng tiếng Pháp: "Le quart d'heure de Nguyễn văn Tuyên" (Mười lăm phút của Nguyễn Văn Tuyên).

Tình hình này hết sức thuận lợi cho tôi để tiến hành công việc chính là chuẩn bị cho cuộc vận động cải cách âm nhạc. Khi ấy vào cuối năm 1937.

Công việc này được nhiều người chung quanh tôi nhiệt liệt khuyến khích. Ông Nguyễn Văn Cổn thầy dạy văn tại trường Lycéum Paul Doumer, đưa cho tôi hai bài thơ để phổ nhạc. Đó là bài "Kiếp hoa" và bài "Anh hùng ca". Cụ Nguyễn Quý Anh thuộc Công ty "Liên thành Phan Thiết" đưa cho tôi bài thơ "Bông cúc vàng".

Và tôi bắt đầu đặt một số bài mới. Trong hoàn cảnh khi ấy, công việc này khá phức tạp. Quần chúng đang hát những bài buồn và lãng mạn, nên để tránh một sự chuyển sang quá đột ngột, tôi cho phổ biến bài đầu tiên là bài "Kiếp hoa" cũng có nội dung lãng mạn và giai điệu buồn, nhưng với bài này, mục đích chủ yếu của cuộc cải cách âm nhạc đã đạt được, tức là bài tân nhạc hoàn toàn Việt Nam cả lời và nhạc.

Về sau, nhận thấy bước quá độ diễn ra êm dịu, tôi cho ra hai bài khác là bài "Bông cúc vàng" và bài "Anh hùng ca" trong đó chất lãng mạn ít hơn và giai điệu vui hơn.

Tiếp đó, tôi tổ chức một buổi nói chuyện về tân nhạc. Cuộc nói chuyện này được quần chúng hưởng ứng nhiệt liệt. Hội trường Philharmonique quá đông đúc, chen không lọt.

Một sự việc bất ngờ xảy ra: một nhóm người - dưới sự hướng dẫn của bác sĩ Nhã đột ngột đến xin tham gia biểu diễn văn nghệ, chơi nhạc cổ truyền trước phần tân nhạc của tôi. Tôi đồng ý nhưng để tránh sự hiểu lầm, tôi tuyên bố trước Hội trường: "Buổi biểu diễn này không có tính chất chống chọi lẫn

nhau: tân nhạc là sự nối tiếp của âm nhạc cổ truyền".

Vào đầu năm 1936, tôi tham gia một buổi biểu diễn ca nhạc tại hội trường Philharmonique do giới nhạc sĩ Pháp tổ chức. Thống đốc Nam kỳ Pagès cùng nhiều người Âu đến dự. Tôi đưa một nữ sinh ra múa hát bài "Anh hùng ca" là một bài tân nhạc. Nhưng tôi thì hát bài "Le chaland qui passe" (Chiếc xà lan đi qua). Hội trường hoan nghênh nhiệt liệt.

Pagès liền gọi tôi và bảo ngày mai đến dinh Thống đốc gặp ông ta. Qua ngày mai tôi đến, ông ta nói sẵn sàng cho tôi qua Pháp học thêm âm nhạc, tôi mừng quá vì nhận thấy thời cơ đã đến cần phải khai thác triệt để.

Viện lý do có những khó khăn gia đình nên tôi không đi Pháp được, nhưng tôi xin được trợ cấp tài chính và được tạo điều kiện dễ dàng để tiến hành một cuộc hành trình văn nghệ từ Sài Gòn ra Bắc, biểu diễn một chương trình ca nhạc cổ điển và nhạc nhẹ. Thống đốc Nam kỳ Pagès chấp nhận.

Tôi biên soạn chương trình biểu diễn của cuộc hành trình này gồm ba phần:

1. Nhạc cổ điển
2. Nói chuyện và hát tân nhạc.
3. Hát nhạc nhẹ.

Thế là tôi đã lồng vào giữa chương trình này cuộc tuyên truyền cổ động cho tân nhạc.

Bài nói chuyện của tôi bằng tiếng Pháp tuyên truyền cho âm nhạc mới đã được đăng nguyên văn trên báo "La Patrie Annamite" ở Hà Nội, "France - Annam" ở Huế và "Les cahiers de la Jeunesse" tại Sài Gòn.

Tôi rời Sài Gòn ra miền Trung và ra Bắc vào đầu tháng 4/1938.

Về cuộc hành trình của tôi, về phía chính quyền thực dân Pháp và phía quần chúng Việt Nam có những lối nhìn hoàn toàn trái ngược nhau: phía thực dân Pháp muốn tranh thủ thanh niên Việt Nam, nhưng đồng thời họ cũng hết sức cảnh giác.

Để đề phòng một thanh niên đi gieo rắc tư tưởng cách mạng, một mặt việc quyết định cho tôi tiến hành cuộc hành trình này đã được chính thức loan báo cho Tòa khâm sứ Huế, cho Nam Triều và cho Thống sứ Bắc Kỳ tại Hà Nội, mặt khác khắp nơi, hễ nói chuyện với quần chúng tôi phải nói bằng tiếng Pháp.

Về phía quần chúng Việt Nam từ lâu nóng lòng chờ đợi cuộc vận động cho một nền âm nhạc mới nên đã tổ chức các cuộc đón tiếp hết sức nhiệt tình và cảm động.

Khi tôi vừa đến ga Huế, báo "Tiếng Dân" của cụ Huỳnh Thúc Kháng đã cử anh em đến đón tôi. Báo đăng lời giới thiệu và bức phác họa.

Khi ấy, Hội chợ Huế năm 1938 sắp khai mạc. Trong những chương trình của Hội chợ, mục một là mục giới thiệu tôi trình bày và hát tân nhạc và nhạc nhẹ tại Hội trường viện Dân biểu và trên micrô thành phố.

Ngày 17/4/1936, triều đình Bảo Đại mời tôi nói chuyện và hát tại Điện Kiến Trung trước mặc Khâm sứ Huế Graffeuil và triều đình Bảo Đại, tôi

phản đối các bài hát lai Tây. Tôi nói: "Những bài hát lai Tây này không có gì gọi là tinh chất đối với cả nước Pháp và nước chúng tôi."

Sau đó, Khâm sứ Huế mời tôi qua Tòa Khâm sứ nói chuyện và hát một lần nữa cho người Âu nghe trước khi ra Bắc.

Tôi ra Hà Nội vào đầu tháng 6/1938 và tối 9/6/1938, tôi nói chuyện về tân nhạc tại Hội trường Hội Trí Tri - phố Hàng Quạt. Từ lâu, quần chúng Hà Nội nóng lòng chờ đợi nên tối hôm đó bà con đến dự đông đúc đến nỗi xô đổ cả hàng rào sắt ùa vào. Ban tổ chức bị tràn ngập. Tuy nhiên, trật tự trở lại ngay khi tôi bước lên diễn đàn ra mắt bà con Hà Nội. Hội trường im lặng. Trong số những người nghe, tôi thấy có cả người Âu. Trước mắt tôi là ông Khérian, Giám đốc trường Đại học Hà Nội.

Các báo Hà Nội nhiệt liệt hưởng ứng cuộc vận động cải cách âm nhạc mở đầu cho kỷ nguyên tân nhạc. Đặc biết báo "Ngày Nay", qua những cố gắng hết sức tích cực của anh Thế Lữ, đã theo dõi chặt chẽ diễn biến của cuộc vận động, và sốt sắng đăng bài mới lên mặt báo trong đó mở đầu là bài "Kiếp hoa" của tôi. Từ đó thì trăm hoa đua nở trên báo "Ngày Nay".

Buổi nói chuyện và biểu diễn thứ hai đã được tổ chức tạo Afima theo yêu cầu của Châtel, Thống đốc xứ Bắc Kỳ.

Đài phát thanh Radio-club Hà Nội đã mời tôi nói chuyện và hát âm nhạc cải cách trong một buổi phát thanh đã được báo trước ba tuần lễ.

Tại Hà Nội, tôi cũng đã được mời hát tân nhạc tại rạp ciné Palace trong buổi lễ phát phần thưởng cho nữ sinh trường Hoài Đức.

Sau đó, tôi về Hải Phòng nói chuyện và hát tại hội Trí Tri Hải Phòng.

Cuối cùng, tôi được mời về nói chuyện và hát tân nhạc tại nhà hát Lạc Bằng, Nam Định.

Những cuộc đón tiếp tại Hải Phòng và Nam Định hết sức nồng nhiệt.

Sau khi trở về Sài Gòn, tôi đến chào Thống đốc Nam Kỳ Pages thì ông ta nói "Tôi đã theo dõi cuộc hành trình của anh".

Một thời gian ngắn sau, Văn phòng Thống Đốc Nam Kỳ gửi giấy mời tôi về Mỹ Tho nói chuyện và hát tân nhạc cho người Âu nghe. Sau đó, mấy cô gái Pháp chạy lên xin mua đĩa hát tân nhạc, nhưng... không có!

NGUYỄN VĂN TUYÊN



NGUYỄN THỤY KHA

phần chưa vang lên trong chương trình "nửa thế kỷ bài hát việt nam"



Năm 1988, trong không khí những ngày đầu đổi mới, nhớ đến cái mốc 1938 với việc ấn hành những bài hát Việt Nam đầu tiên, tôi đã viết một tiểu luận: "Nửa thế kỷ âm nhạc - từ một cách nhìn". Có nhiều ý kiến cho rằng bài hát Việt Nam xuất hiện sớm hơn cái mốc này. Tôi nghĩ cũng có thể là như vậy. Nhưng điều kiện đủ để kết luận cái mốc son này thì không thể là nghe mà phải nhìn thấy "hai năm rõ mười" cái ấn phẩm ấy hiển hiện trước mắt. Độ tin cậy mới đủ thuyết phục được.

Trong bài viết, tôi nghĩ rằng đã kể được khá đầy đủ tên tuổi ấn tượng trong tân nhạc nửa thế kỷ. Song đó mới là tôi viết. Khi bài viết được đưa in ở tạp chí "Cửa Việt" Xuân 1992 và sau đó được trao tặng thưởng bài viết hay trong năm, nó đã được "biên tập" chút ít. Cuối Xuân 1994, là người phụ trách tuyên truyền cho cuộc trình diễn "Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam" của hội nhạc sĩ Việt Nam tổ chức, tôi viết bài "Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam" in trên báo Lao Động. Ở bài này, tôi còn được "biên tập" kỹ hơn nên nhiều đoạn bị cắt. Và thực tế là tôi đã nhận ngay được một lá thư của bạn đọc ở Huế mắng là "ngu" bởi vì nếu đã viết như thế thì làm sao có thể quên được những tên tuổi như thế này... như thế này... Tôi không tự ái nhưng buồn. Buồn bởi vì khi cùng với các anh em khác gánh vác chương trình này, chúng tôi tâm niệm tạo ra một sự thống nhất văn hóa âm nhạc giữa hai miền, giữa nhiều thời kỳ vào chung một một

tiêu chí thẩm mỹ như văn học đã làm với văn học tiền chiến, văn học trong vùng tạm chiếm từ 1946 đến 1954 và 1954 đến 30/4/1975. Nhưng ý nghĩ của chúng tôi đã không thể thực hiện được trọn vẹn bởi bao nhiêu những khó khăn hiện hữu mà xã hội chưa cho phép thực hiện. Dù đã cố gắng hết sức để thực hiện được phần nào tiêu chí trên, chúng tôi lại vấp ngay những tiếng dội trở lại về việc hát một số bàihát của các nhạc sị Việt Nam xa xứ. Không hát cũng có người chê trách, hát cũng có người chê trách. Vậy là chúng tôi buộc phải tồn tại "giữa hai làn đạn".

Sang năm mới 1995, năm năm của thời kỳ đổi mới thật sự cũng đã lù lại đằng sau, tôi muốn được nhắc nhở thêm về phần chưa vang lên trong chương trình "Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam" vừa qua, cái phần vẫn luôn luôn vang trong tôi, cũng như trong nhiều người yêu âm nhạc.

Với các tác giả thời tiền chiến (từ 1938-1945), phần chưa vang lên đầu tiên là "Hòn vọng phu III" của Lê Thương. Lẽ ra, chương trình định giới thiệu cả 3 "ngọn núi ngóng chồng" này. Nhưng sau một lời khuyên của một vị lãnh đạo, chúng tôi mới ở ra là mình quá ngây thơ, hóa ra là lòng người hẹp hơn mình tưởng và đành chấp nhận chỉ hát có 2 "Hòn vọng phu". Cũng vì quá hạn hẹp thời gian, bài "Kiếp hoa" của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tuyên - bài hát đầu tiên in trên báo *Ngày Nay* cũng chưa được vang lên như một kỷ niệm thứ nhất thời tân nhạc. Trong đặc san *Âm Nhạc* và "Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam", chúng tôi đã giới thiệu hồi ký "Những ngày đầu tân nhạc" của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tuyên ở những trang đầu tiên với niềm trân trọng chân thành. Rồi còn Võ Đức Thu, Nguyễn Hữu Ba v.v.. Ôi, giá có thời gian, giá như một lúc nào đó có thể tạo ra cuộc trình diễn toàn cảnh của những năm tháng tân nhạc đầu tiên này.

Với các tác giả thời chống Pháp, mặc dù đã đưa được Việt Lang xuất hiện sau bao năm lắng chìm, thì lại vì dàn dựng mà "Tiếng hát quay tơ" của Tử Phác không được vang lên. Tiếc. Hát được "Hè về" của Hùng Lân thì vui, song vẫn biết còn thiếu nhiều gương mặt các nhạc sĩ ở vùng tạm bị chiếm như Canh Thân, Chung Quân, Anh Việt, Ngọc Bích v.v... và cả "Tan tác" của Tu My nữa. Thời gian và tiền bạc. Nếu có hai cái đó, nhất định còn có dịp đi thật sâu, để nhận ra giá trị sâu sắc hơn nữa của khoảng thập niên này. Trong số họ, có nhiều nhạc sĩ đã từng tham gia đến nửa hoặc già nửa cuộc kháng chiến. Và xét cho cùng, họ vẫn có những lối riêng tìm đến vẻ đẹp của âm thanh.

Khoảng thời gian chống Mỹ dằng dặc hai thập niên là khoảng thời gian mà các tác giả bài hát còn phải được bàn định thêm nhiều nữa. Lần trình diễn này, chắc chắn chỉ là gợi mở, sự lựa chọn các bài hát nhằm vào các dòng chảy của các tác giả có bút pháp tiêu biểu. Cái khó khăn nhất vẫn là thời gian trình diễn quá eo hẹp. Cũng vì thế, dường như ta còn cảm thấy cần vang lên đâu đây một âm hưởng của Nhật Lai, của Phạm Đình Sáu, của Đức Minh v.v... Đó là phía các tác giả đứng trong cuộc chiến đấu. Ngay cả trường hợp Phan Thế, nếu có thể thì chọn một trong những sáng tác như "Khúc quân hành", "Trên đường thiên lý" v.v.v... vì việc nào đi việc ấy. Công tội rõ ràng. Nếu đã

là đóng góp thì không nên phủ nhận.

Cũng khoảng thời gian ấy, với các tác giả ở Sài Gòn và miền Nam, lẽ ra còn phải kể đến Phạm Đình Chương, và nên duy trì những tác giả như đã chọn lựa ban đầu. Song do những áp lực trước mắt, nhiều tác giả như Từ Công Phụng, Trúc Phương, Vũ Thành An, Tuấn Khanh, Đức Huy v.v... đã không được vang lên. và đặc biệt trong chuyện này là sự vắng thiếu của Phạm Duy. Tôi nghe đâu như ông Phạm Duy có tâm tình về nước là mình chẳng thích thú gì đứng cùng những nhạc sĩ khác trong cái gọi là "Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam". Song thực ra đó là việc của ông Phạm Duy. Còn việc của lịch sử âm nhạc thì là việc của lịch sử. Lịch sử rất công bằng. Và để xác lập vị trí đích thực của Phạm Duy trong lịch sử tân nhạc Việt Nam, chúng tôi đã mời ông Nguyễn Ngọc Oánh - nhạc sĩ nghiên cứu thuộc Vụ âm nhạc và múa viết về "Tám năm đầu trong cuộc đời sáng tác của Phạm Duy" khá dài và kỹ, mời thi sĩ Hoàng Cầm, người có khá nhiều kỷ niệm chống Pháp với Phạm Duy viết "Phạm Duy trong tôi". Rất may, chúng tôi còn nhận được ở ông Nguyễn Bắc - nguyên giám đốc sở Văn Hóa Hà Nội - vốn là cán bộ địch hậu và có gặp Phạm Duy tại Hà Nội hồi 1952. Anh Bắc đã viết: "Nhớ lại một lần gặp Phạm Duy" rất khách quan về cái ý tưởng định trở lại với kháng chiến sau một năm "vào thành" của người nhạc sĩ tài hoa này. Với chừng đó bài vở, chúng tôi tính sẽ hát trong chương trình "Về miền Trung" của Phạm Duy. Làm sao quên được: "Về miền Trung - Miền thùy dương bóng dừa ngàn thông - Thuyền ngược xuôi suốt một dòng sông dài - Ôi quê hương - Xứ dân gầy - Ôi bông lúa - Con sông xưa - Thành phố cũ..." Hát Phạm Duy vừa để khẳng định phần đóng góp của ông, cũng là để nhìn thấy vị trí của ông giữa toàn cảnh nửa thế kỷ âm nhạc. Cũng là để xóa đi một ngộ nhận của một số người cực đoan - một ngộ nhận mà chính Phạm Duy chắc cũng chẳng thích thú gì - rằng âm nhạc nước Việt Nam này chỉ có Văn Cao, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn. Dĩ nhiên đây là ba tác giả đáng trân trọng, nhưng còn biết bao tác giả khác nữa chứ. Song dù đã cố gắng đến thế, thì khi tấm màn nhung của cuộc trình diễn mở ra, "Về miền trung" vẫn không được vang lên!

Nhưng điều đáng buồn hơn cả là còn biết bao bài hát đáng lẽ sẽ được vang lên tại thành phố Hồ Chí Minh một cách thoải mái, vui vẻ thì đã không được vang lên trong năm 1994 vì những lý do đáng lẽ có thể khắc phục được. Đã không được vang lên "Lá cờ tháng 8" của Phan Thanh Nam, "Tiểu đoàn 307" của Nguyễn Hữu Trí (thơ Nguyễn Bính), "Tầm vu" của Đắc Nhẫn - Quốc Hương, "Niềm thương mến" của Phan Vân, "Tự túc" của Dương Minh Ninh, hợp xướng "Tiếng hát gửi người chiến sĩ biên thùy" của Tô Hải, hợp xướng "Tiếng hát giữa rừng Pác Pó" của Nguyễn Tài Tuệ, "Về đây với đường tàu" của Lưu Cầu, "Cô gái Sài Gòn đi tải đạn" của Nhất Vũ, "Vàm cỏ Đông, vàm cỏ Tây" của Trương Quang Lục (thơ Hoài Vũ), "Người mẹ bàn cờ" của Trần Long Ẩn, "Dậy mà đi" - bài hát của phong trào "Hát cho đồng bào tôi nghe", "Đất nước trọn niềm vui" của Hoàng Hà, "Tình biển" của Trần Quang Huy, "Trị An âm vang mùa Xuân" của Tôn Thất Lập...

Lại một năm qua đi. Thế là đã hai mươi năm tròn thống nhất đất nước. Nhưng thống nhất văn hóa trong đó có thống nhất âm nhạc thì dường như là một việc làm quá chậm trễ, chưa biết đến bao giờ mới xong. Nếu gạt bỏ những chật hẹp, trân trọng những vun bồi nho nhỏ nhưng trong sáng, chúng ta sẽ làm được cuộc tổng diễn hành của những bài hát Việt Nam, những tác phẩm khí nhạc Việt Nam có tầm cỡ không kém bất cứ ngành nghệ thuật nào. Dù ai, dù người nào đứng ra gánh vác, chắc chắn chúng ta không nỡ nào ngăn cản một việc làm tốt đẹp. Muốn vậy, cũng cần phải hiểu rất rõ mình, có bản lĩnh vượt qua mọi thông lệ đã quá cũ kỹ của những sắp xếp một thời. Chỉ có như thế, phần chưa vang lên kia sẽ sớm được vang lên trước khi tân nhạc Việt Nam bước vào tuổi 60, bước qua một vận hội.

NGUYỄN THỤY KHA
(Xuân 95)



NGUYỄN LƯƠNG VỊ

lạ lùng áo đỏ

Lạ lùng áo đỏ ven sông
Sắc mây năm cũ, tiếng cồng mùa xa
cảm thương những lũy tre già
Giấc mơ vườn tược quê nhà lặng thinh

Áo bay hay máu tượng hình
Mùa thơ hồng hạc, em sinh ta rồi
Sông đi, núi đứng núi ngồi
Ta đi, mang hết đất trời nhớ em

Lạ lùng để lạ lùng thêm
Thời gian chiếc nắng bên thềm ca dao
Em ơi, tiền kiếp xa nào
Người đi kẻ ở, muối trao lộn gừng

Bây giờ áo đỏ trưng rừng
Sắc mây vẫn vậy, ngập ngừng cầm tay
Tiếng cồng rờn rợp trăng bay
Lũy tre xưa, lũy tre nay tận tình

NGUYỄN LƯƠNG VỊ



TÔ HẢI

nhạc tiền chiến



Là một người có bài được gọi là "nhạc tiền chiến", sau một chuyến đi từ Nam ra Bắc để tìm bản thảo chính thức do chính tay tác giả viết và đề năm tháng đã hoàn chỉnh nó, tôi đã có dịp để trao đổi hàn huyên và ôn lại những ngày tháng, những địa danh, những con người đã tạo nên những tác phẩm mà chúng tôi tạm đặt tên là những-bài-hát-tình-yêu-trong-kháng-chiến(*). Chúng tôi cũng có dịp để xác định lại là: ngoài một số tác phẩm của anh Đặng Thế Phong, Lê Thương, Nguyễn Văn Thương, Hoàng Quý, Văn Cao, Thẩm Oánh... Những người này đã qua đời hoặc đã "thất thập cổ lai hy", chẳng ai trong chúng tôi viết tác phẩm nào trước 45 cả!

"Nhạc tiền chiến". Từ đâu ra cụm từ này? Cho tới nay, chưa hề có một tài liệu chính thức nào chia lịch sử âm nhạc Việt Nam ra làm "âm nhạc tiền chiến", "âm nhạc kháng chiến" và "âm nhạc hậu chiến" cả! Đơn giản là: không thể lấy mốc của chiến tranh mà chia những thời kỳ hình thành và phát triển của một loại hình nghệ thuật. Còn nói về nội dung và hình thức nhạc tiền chiến (nếu cho là có nhạc tiền chiến) thì một "Trương Chi", một "Thiên Thai" không thể sắp chung một dòng với "Tình Kỹ Nữ", "Bẽ Bàng" được. Chưa nói tới những bài hát yêu nước của Lưu Hữu Phước, Hoàng Quý... là những dòng âm nhạc đã mang hẳn nội dung và hình thức cách mạng tiến bộ rõ rệt. Rõ ràng là xếp đồng loạt nhạc tiền chiến "vào một bị" là một việc làm không khoa học, không có cơ sở lý luận về văn học nghệ thuật nói chung và âm nhạc nói riêng. Văn thơ đã phân chia ra khá rõ ràng. Tiếc thay, tới nay âm nhạc vẫn chẳng có được một bản "sơ thảo lịch sử" để cứ mãi mãi những cụm từ "âm nhạc tiền chiến", "âm nhạc trữ tình", "nhạc vàng", "nhạc xanh",

"nhạc đỏ"... cứ tồn tại một cách mù mờ, đưa tới những nhận thức hết sức sai lạc về những giai đoạn phát triển của nền âm nhạc Việt Nam.

Rõ ràng đây không còn là việc tranh luận về danh từ nữa, mà cần phải có sự thay đổi về nhận thức ngay từ cơ quan có trách nhiệm về âm nhạc của nước ta. Trước mắt cần thống kê lại những bài hát, những tác giả đã viết trước cách mạng tháng Tám. Khối lượng này không lớn lắm nên dễ phân loại ra những bài nào thực sự có giá trị nghệ thuật, những bài nào nên để cho thời gian và quần chúng xóa sổ (chẳng cần cấm đoán).

Trở lại những bài hát về tình yêu viết thời kỳ kháng chiến - chúng tôi - xin phép được nói lên những điều "ấm ức" sau đây.

1. Trong kháng chiến, ngoài những tác phẩm tất cả để chiến thắng, những bài ca ngợi quê hương, động viên quân dân chiến đấu và sản xuất, không một ai trong số nhạc sĩ với tuổi đời 18, 20 đi vào lò lửa chiến tranh lại không có những tác phẩm viết về mình, về tình yêu, về những mất mát, những hy sinh. Những tác phẩm đó đã từng được phổ biến ít hoặc nhiều trên các nẻo đường chiến tranh. Không có một ai, một chỉ thị nào cấm nhạc tình yêu trong kháng chiến. Trái lại, hầu hết các cuộc biểu diễn, nhạc sĩ chúng tôi lúc đó đều tự "xuất bản bằng mồm", để rồi những tác phẩm đó được phổ biến đi xa hay gần, cũng bằng mồm!... Một số, bằng cách này hay bằng cách khác đã lọt được vào các vùng tạm chiếm. Sau khi được thêm bớt đi dăm ba chữ, những bài hát đó đã được các bạn nhạc sĩ trong vùng tạm chiếm (theo tôi là có thiện ý) giới thiệu với cái tên lộn sòng là "nhạc tiền chiến"! Dưới"lá chắn" này, những "Dư Âm", "Tạ Từ", "Sơn Nữ Ca"... Thậm chí cả "Sông Lô", "Du Kích Sông Thao"... cũng lọt qua được sự kiểm duyệt của đài phát thanh Hà Nội và Sài Gòn lúc bấy giờ, và tồn tại trong lòng người yêu âm nhạc cho tới ngày nay, vì với phương tiện phổ biến âm nhạc những năm 46-54, ngoài vùng tự do không có điều kiện làm nổi, ngay với việc phổ biến các tác phẩm động viên kịp thời cuộc kháng chiến mau tới thắng lợi. Sáng kiến giới thiệu nhạc kháng chiến bằng nhạc tiền chiến của ai đó lúc bấy giờ được anh em chúng tôi ngả mũ bái phục. Tuy nhiên, nếu để sự "lộn sòng" đó tồn tại cho tới ngày hôm nay sẽ có nhiều điều bất lợi cho nhận thức và thực sự là thiếu khoa học.

Thiết nghĩ, với những cuộc hội thảo khoa học về vấn đề này, về những bài ca cách mạng, những bài tình ca Việt Nam... không phải là những việc không có khả năng làm của những nhà lý luận âm nhạc, của các nhạc sĩ trong cuộc hay sao mà lâu nay cứ im lặng?

2. Cuối cùng là mong mỏi một số nhạc sĩ chúng tôi được "ai đó" đi sâu vào bếp núc của từng người để hỏi cho ra ngọn ngành, xuất xứ của từng tác phẩm, tìm ra những bản thảo gốc chưa bị (vô tình hay hữu ý) xuyên tạc lời ca, giai điệu và thời điểm, hoàn cảnh ra đời của chúng, cũng như tìm hiểu những tác phẩm đang còn "nằm trong tủ lạnh" vì lý do này hay lý do khác, giới thiệu chúng với quần chúng cũng như ghi nhận nó vào sự đóng góp trong quá trình phát triển của âm nhạc Việt Nam sau này. Thế hệ tiền chiến đã ngoài 70, thế hệ kháng chiến chống Pháp đã ngoài 60. Họ sẽ ra đi bất cứ lúc nào, và mang

theo những sự thật mà đời sau sẽ phải đánh dấu hỏi: Tại sao lại có quá nhiều lỗ hổng, quá nhiều mâu thuẫn trong lịch sử âm nhạc Việt Nam đến như vậy?

Đã hơn một lần, trên báo chí, trên đài phát thanh, chúng tôi, những người có tác phẩm được gọi là "nhạc tiền chiến" đã bằng cách này hay cách khác khẳng định là "Anh Đến Thăm Em Một Chiều Mưa", "Sơn Nữ Ca", "Dư Âm", "Nụ Cười Sơn Cước" v.v.. không hề được viết trước khi có chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên cụm từ "nhạc tiền chiến" vẫn cứ tiếp tục được sử dụng, thậm chí trên những bài phê bình âm nhạc, những bài hát về tình yêu viết trong thời kháng chiến bị đánh đồng loạt là "nhạc tiền chiến". Một vài cuốn băng, một vài cuộc biểu diễn lại được khoác một cái tên rất chung chung (và sai nghĩa) là "nhạc trữ tình" (!?) để sắp xếp vào một mớ hỗn độn những nội dung và hình thức âm nhạc mà bối cảnh lịch sử của sự ra đời những tác phẩm đó hoàn toàn khác nhau.

TÔ HẢI

---

* Nhân việc biên tập "50 Năm Ca Khúc Trữ Tình Việt Nam", tôi đã được trực tiếp làm việc với 50 nhạc sĩ của nhiều thế hệ. Từ Lê Thương, Văn Cao... đến Tô Vũ, Đoàn Chuẩn, Hoàng Giác, Trần Hoàn, Nguyễn Đình Phúc... tất cả đều đã gửi những bản thảo chính thức có chữ ký và đề ngày tháng năm ra đời của tác phẩm, và khẳng định là: hầu hết những bài viết trong kháng chiến (kể cả trong vùng tạm chiếm lẫn vùng tự do). Tiếc thay, cho tới nay bảo thảo đã hoàn chỉnh và được Bộ Văn Hóa và Thông Tin (cũ) duyệt, đã lên makét và đưa tới Liksin, nhưng không ra mắt công chúng được vì lý do... thiếu kinh phí!



VŨ BẰNG

văn cao, một nghệ sĩ tài hoa



...

Muốn cho thực thành thực với lòng mình, với bạn đọc, tôi phải nói ngay rằng riêng tôi không có cảm tình nhiều với Văn Cao. Rất có thể đối với người khác, Văn Cao mã thượng, duyên dáng và đáng yêu thật. Nhưng theo tôi thì bè bạn giao du với nhau một phần lớn vì cái "duyên". Nói cho có vẻ "trẻ" một chút, ta gọi là "nhân điện", cái điện của người này hợp với người kia thì thân yêu, nhường nhịn nhau, còn nếu hai cái điện ấy không hợp nhau thì lạnh lẽo, lơ là, ghét bỏ. "Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng" là vì thế hay chăng?

Đối với Văn Cao, hai cái điện của chúng tôi không hợp nhau mấy chút. Bảo là thất cảm tình không đúng; nhưng bảo là có cảm tình là nói "bố vờ". Ngay lần đầu gặp Văn Cao, tôi đã dửng dưng với anh rồi. Tôi không nhớ đó là năm nào, tháng nào, nhưng đó là buổi sáng mùa thu, trời đất xám một màu bạc rỉ. Ở một tiện ăn ở Hàng Buồm ra, tối hôm trước chúng tôi gặp hai anh láng cháng đi lại phía trước chúng tôi. Trần Huyền Trân và Ngọc Giao giới thiệu tôi một anh là Văn Cao và một anh là Lan Sơn. Trò chuyện mấy câu, Văn Cao hứa sẽ lại chơi "tán chuyện" với chúng tôi ở 73 phố Hàng Bông, tức là trụ sở mấy tờ báo "Tiểu Thuyết Thứ Bảy", "Ích Hữu", "Phổ Thông Bán Nguyệt San", "Truyền Bá"...

Do đó, có cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa Văn Cao và tôi vào buổi sáng nói trên kia. Thực ra, tôi vẫn nghe thấy các văn hữu nói đến tên anh; thêm nữa tôi cũng đã từng chọn một số thơ của anh đăng lên "Tiểu Thuyết Thứ Bảy", nhưng thơ của Văn Cao không được ai nói tới lúc bấy giờ. Ngoài ra, Văn Cao

cũng có một vài truyện ngắn và kịch ngắn nhưng cũng như thơ, cách kết cấu, lối diễn đạt cũng như thuật trình bày ý tưởng không có gì đặc biệt.

Lâu ngày, tôi không nhớ, nhưng hình như Văn Cao có nói về việc viết một phóng sự tả về đời sống công nhân các nhà máy ở Hải Phòng. Tôi ngỏ ý tiếc vì "Tiểu Thuyết Thứ Bảy" không đăng phóng sự, mà có đăng phóng sự chăng nữa thì cũng không đăng những cái gì đen tối, nặng nề quá, vì "Tiểu Thuyết Thứ Bảy" là một tờ báo đẹp chuyên về tiểu thuyết, thơ, kịch để cho đàn bà, con gái đọc. Câu chuyện quanh đi quẩn lại có thế. Uống nước và hút thuốc "gẫu" với nhau. Lần ấy, tôi được nhìn mặt mũi và dáng điệu Văn Cao - Văn Cao trẻ tuổi, Văn Cao mười tám, đôi mươi - rất kỹ.

Anh bé nhỏ, ốm như Thâm Tâm và cũng cao hơn Thâm Tâm một chút, da hơi tai tái. Tóc anh xòa xuống trán như một cái lưỡi trai, bơ phờ rũ xuống gần đến cặp lông mày hơi rậm, mũi cao, tiếng nói rụt rè và nhỏ. Cổ anh nhỏ và điều làm cho người ta lưu ý nhất là anh lộ hầu và mắt cũng hơi lộ nữa. Bây giờ ngồi nhớ lại buổi đầu trò chuyện ấy, tôi thấy Văn Cao không có một cái gì nổi bật, cho nên sau đó tôi cũng quên đi... Cho tới một ngày kia, lúc Nhật đổ bộ vào Đông Dương, tôi mới lại nghe nói đến Văn Cao hai lần nữa. Đó là lần Nghiêm Xuân Huyến báo tin cho tôi biết con gái anh sắp lấy chồng, mà người chồng đó là Văn Cao, và một lần sau khi Việt Minh "át" cô Nga "giao du" với một sĩ quan Nhật bị bắn chết liền, ở Hải Phòng lại xảy ra vụ bắn Đỗ Đức Phin mà lúc đó ai cũng báo người bắn là Văn Cao.

Nghiêm Xuân Huyến, biệt hiệu là Voi Đen (vì anh ta to như một con voi và đen nhay nháy) nguyên là chủ tiệm chụp hình Artistic photo ở Hàng Đàn. Tiệm này chia làm hai gian, một giam làm hình, một gian làm đồ gỗ như bàn, tủ, ghế, bình phong... Tôi đi lại thường xuyên ở nhà Voi Đen vì anh có ra một tờ tuần báo mười hai trang - tờ "Rạng Đông". Sau này, lúc tôi làm "Vịt Đực" đêm nào anh cũng lại tòa báo "nói phét" và sau đó một thời gian, anh ra tờ tuần báo trào phúng tên là "Con Ong" do Tam Lang Vũ Đình Chí chủ biên, còn trợ bút thì có Thượng Sỹ Nguyễn Đức Long, Việt Quyên Trần Văn Lượng, Côn Sinh Đỗ Mộng Ngọc, Nguyễn Quốc Ấn, Nguyễn Đình Lạp... Xa nhau được ít lâu, tôi nghe thấy Nghiêm Xuân Huyến bị Nhật bắt và "xin âm dương" cho đến chết ở nhà lao. Anh em hồi đó bảo rằng anh bị Nhật giết vì nhà in của anh in truyền đơn cho Việt Minh. Cho đến bây giờ, tôi vẫn không biết cái vụ Nhật bắt và đánh đập tàn ác Huyến cho đến chết có liên quan gì đến vụ con gái Huyến lấy Văn Cao không, hay là Văn Cao có dính líu gì đến việc in truyền đơn đó hay không - nếu quả có in truyền đơn tại nhà in của Huyến. Chỉ biết sau đó Văn Cao im lìm, không ai biết hành tung ra sao hết cho đến lúc xảy ra vụ ám sát Đỗ Đức Phin trong một tiệm hút ở Hải Phòng.

Ngay sau đó vài ngày, ai cũng nói Văn Cao là người đã bắn chết Phin. Theo lời thuật của các anh em "tự nhận là biết rõ hết cả đầu đuôi chi tiết vụ này", Văn Cao, lúc đó hoạt động bí mật cho Việt Minh, vào tiệm hút của Phin từ lâu và đã nghiên cứu rất kỹ càng giờ giấc củng các thói quen của Đỗ Đức Phin như thế nào. Lúc đó Phin bị coi là là mật thám cho phát xít Nhật. Hôm

xảy ra vụ ám sát, Văn Cao nằm một cái giường ngay sát giường của Phin. Đợi Phin hút xong xuôi, nằm lơ mơ, Văn Cao gọi :"Phin ơi". Phin quay lại xem có gì xảy ra thì Văn Cao nói tiếp: "Phin ơi! Tao giết mày". Bắn xong Văn Cao đứng dậy đi ra nhảy lên một chiếc xe đạp đi thong thả một chút rồi ở trong tiệm người ta mới hô hoán Phin bị bắn.

Một vài người khác, cũng là dân hút và cũng ở Hải Phòng lúc đó, lại nói khác đi một chút. Theo họ, Văn Cao không nằm hút ở giường cạnh Phin. Người nằm ở sau Phin là L., con một ông thư ký bưu điện. Phin hút xong, ngồi dậy ăn cái bánh xong, nằm xuống thì từ cầu thang Văn Cao và một thanh niên nữa bước lên đứng chắn lối đi. L. đương nằm ngồi dậy chuẩn bị, đồng thời từ trên mái nhà có hai người nữa leo ống máng xuống đứng dự kiến và phòng ngừa những bất trắc xảy ra. Văn Cao rút túi lấy bản "cáo trạng" đọc cho Phin nghe, kể hết tội "Việt gian" của Phin. Xong xuôi, L. bắn hai phát, Phin chết liền tại chỗ.

Về cái chết của Phin, ngay hồi đó có hai giả thuyết như vậy về Văn Cao. Tuy nhiên, dù L. bắn hay Văn Cao bắn, ai cũng yên trí là Văn Cao đã thủ vai chính trong vụ này. Cái tên Văn Cao nổi bật lên từ hồi đó. Đối với anh em văn nghệ, và có một số anh em, nói cho đúng, đã lấy làm hãnh diện về điểm đó.

SAU NGÀY 19/8 TIẾNG CỦA VĂN CAO NỔI NHƯ CỒN

Đúng như thế. Một số anh em lấy làm hãnh diện về điểm đó không phải vì Văn Cao tham gia phong trào diệt phát xít, chống thực dân (vì bọn văn nghệ sĩ, nhất là nhóm "Tiểu Thuyết Thứ Bảy" hoạt động bí mật, tham gia phong trào bí mật rất đông và điều đó không có gì lạ hết), nhưng chính vì lúc ấy anh em chưa mấy ai thạo bắn mà có anh bắn hay như thế, ít ra cũng làm đẹp mày đẹp mặt cho bọn văn ghệ sĩ (lúc ấy vẫn còn mang lấy cái tiếng là chơi bời, nghiện hút, trói gà không chặt!)

Sau đó, im bặt, không ai nói đến Văn Cao nữa. Kẻ trước người sau, các văn nghệ sĩ đi dần ra chiến khu chiến đấu gian khổ cho đến 19/8 là ngày "khởi nghĩa" cả nước vùng lên mở hội, từ thôn quê đến thành thị, từ ngõ hẻm đến hang cùng, cuồn cuộn những làn sóng gớm ghê, đâu đâu cũng vang âm những tiếng hát "Tiến Quân Ca" và "Diệt Phát Xít".

"Diệt Phát Xít" của Nguyễn Đình Thi được hoan nghênh vào bậc nhì, chờ đến bài "Tiến Quân ca" của Văn Cao thì có thể nói là... vô địch. Suốt ngày, suốt đêm, từ ông già đến đứa trẻ tập tọng biết nói, hết thảy đều hát "Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc". Chỉ trong một ngày, danh tiếng của Văn Cao nổi lên như cồn. Nhà thi sĩ bé nhỏ ấy, từng bắn chết Việt gian Đỗ Đức Phin, bây giờ lại thành ra một nhạc sĩ chỉ mới đưa ra sơ sơ có một bản nhạc thôi mà đã làm cho cả Âu Á đều biết tiếng.

Thực ra, bản quốc ca "Tiến Quân Ca" của Văn Cao không phải là bản nhạc đầu tiên của anh. Trước đó, anh đã từng soạn nhiều bản nhạc lúc còn

làm anh thi sĩ lang thang trên vỉa hè ở thành phố Hải Phòng. Nhân bài "Tiến Quân Ca", những nhạc phẩm ấy cũng "lên" theo: trai gái trẻ già đâu đâu cũng hát "Trương Chi", "Thiên Thai", "Suối Mơ", "Bến Xuân", lời đã nên thơ mà nét nhạc lại mềm mại, uyển chuyển, đúng với tinh thần chuộng đẹp của người Việt Nam muôn thuở. Đài phát thanh lúc ấy hát các bản nhạc của Văn Cao suốt ngày, nghe cách mấy cũng không chán. Ở ngoài đường, ở trong nhà, ai cũng hát những bản nhạc "thần diệu của Văn Cao". Trong các bản đó hai bản ghi là cộng tác với Phạm Duy: "Bến Xuân" và "Suối Mơ". Nhưng ngôi sao của Văn Cao lúc ấy sáng chói quá, làm mờ hẳn Phạm Duy đi. Theo chỗ biết của tôi, Phạm Duy nói rằng cộng tác với Văn Cao, chứ thực ra hai bài ấy đều do Văn Cao tạo nên cả, Phạm Duy chỉ góp thêm ý kiến lúc đã soạn xong và đem hai bản ấy ra hát và phổ biến, và cái công của Phạm Duy đối với Văn Cao là khéo biết trình diễn quảng bá để tạo một ảnh hưởng rộng rãi và tốt đẹp.

Về sau này, bình phẩm nhạc Văn Cao, nhiều nhà chuyên môn nhận rằng anh còn vài điểm kém về nhạc lý, nhạc điệu (sau này Văn Cao có học thêm nhạc lý ở lớp nhạc Tạ Phước, chớ lúc đầu anh soạn nhạc là do anh tự học và bắt chước ngoại quốc), nhưng dù sao hết thảy đều nhận anh là một người đa tài không học mà cái gì cũng biết, thêm một điểm nữa là có sáng kiến dám làm và thành công ngay. Thế là sau văn thơ, sau tài bắn, Văn Cao không nhờ trường nào huấn luyện, không nhờ thầy nào giáo huấn lại nổi tiếng lẫm liệt nữa về âm nhạc.

Nhưng chưa hết. Nói theo các cụ ta ngày trước một người tài hoa là một người phải biết đủ cầm kỳ thi họa, thì ngày nay Văn Cao quả là một người tài hoa số một. Đến lúc Văn Cao nổi tiếng về nhạc và vụ ám sát Đỗ Đức Phin, người ta mới dở lại những bài thơ anh đăng tải trên "Tiểu Thuyết Thứ Bảy" và một hai tờ báo khác, và đến lúc ấy người ta mới thấy thơ Văn Cao cũng hay như nhạc của anh. Chẳng qua chỉ vì Văn Cao không quan niệm cái gì là quan trọng, không kéo bè kéo đảng để đưa nhau lên, suy tôn nhau là thi hào "lớn", văn sĩ "lớn", nên lúc bước vào làng văn nghệ anh không được quảng cáo nhiều, do đó thơ anh bị chìm. Nhưng văn hay thơ hay cũng như người đẹp: dù giặt lụa nơi thâm sơn cùng cốc, hay sống nghèo nàn chốn rừng núi thâm u, mà đẹp nghiêng nước nghiêng thành thì cũng có sứ thần của nhà vua đến triệu về để làm mẫu nghi thiên hạ; trái lại, vô tài vô sắc mà cố đút tiền cho kẻ gian thần, quảng cáo vào lỗ tai của nhà vua thì cũng chẳng ai "ngôn" tới. Thơ Văn Cao cũng như nhạc, sau thời cách mạng, được người ta đưa ra mổ xẻ, ca ngợi ầm lên, Văn Cao thành ra một thứ "sản phẩm trác tuyệt của những năm bốn mươi". Tuy nhiên, cái tài hoa của anh phát động trong mấy lãnh vực đó, hình như vẫn bị anh cho là chưa đủ. Uống rượu, phải uống cho hết cấn: Văn Cao còn đánh đàn, còn ngâm thơ, còn ca hát. Ba môn này Văn Cao chơi chỉ thường thôi, nhưng về họa thì Văn Cao tỏ ra một cái tài cũng đặc biệt lắm trong môn phái lập thể. Về điểm này, tôi là một anh mù, nhưng theo các họa sĩ lớp ấy như Lương Xuân Nhị, Tô Ngọc Vân, Tạ Ty, Nguyễn

Đỗ Cung thì Văn Cao, tuy chỉ học có hai năm ở trường Mỹ Thuật Hà Nội, với tư cách thính giả tự do, nhưng đã tỏ ra có một tài họa kỳ lạ, khó tả, hứa hẹn rất nhiều. Mấy bức họa mà anh trưng bày trong "cuộc triển lãm độc nhất" (Salon unique) hồi 1943 bây giờ vẫn còn được anh em nói tới, nhất là bức họa "Cuộc Vũ Của Những Người Tự Sát".

Riêng tôi, không dám phê bình gì cả. Chỉ biết rằng trong thời kháng chiến, có một lần gặp anh cùng đi với Nguyễn Hữu Đang đem tiền về chỉ dừng ở khu ba, anh có cho tôi một bức vẽ "Văn Cao vẽ Văn Cao". Thật là kỳ lạ.

Hoàn cảnh lịch sử không thuận lợi là một yếu tố hạn chế Văn Cao. Sự thành công sớm quá cũng làm cho Văn Cao bất lợi. Cái nghèo túng là yếu tố thứ ba làm cho Văn Cao không vượt lên được. Một người như anh mà có hoàn cảnh thuận lợi, có tư cách để học hỏi thêm, trau dồi thêm cái tài trời cho để đem áp dụng cái thông minh vào các ngành văn nghệ thì sự hứa hẹn còn to lớn không biết bao nhiêu, chớ đâu chỉ có qui vào có mấy tác phẩm như "Trường Ca Sông Lô", "Ngày Mùa"...

Đó là một sự thiệt thòi cho văn nghệ nước ta... Nhưng biết làm sao được? Cái đẹp nhiều khi nó nở lộng lẫy như hoa hồng chỉ một buổi sáng rồi tàn như thế đấy. Nhưng hãy thận trọng mà nghe, hỡi những người yêu hoa, vì có những loài hoa kỳ lạ lắm, nhiều khi chỉ vào những lúc sắp tàn, trở lại đẹp một cách ác liệt và tiết ra một mùi kỳ ảo mê ly hết sức.

Phải rồi... Biết đâu đấy, Văn Cao!

VŨ BẰNG

(Trích lược từ tạp chí Văn Học, *Sài Gòn 1970)*



PHẠM THẾ ĐỊNH

văn cao và phạm duy
hai con người một mối tình



Cùng sinh trong một quốc gia bị mất độc lập, cùng mang một tuổi tử vi Tây phương, tuổi Thiên Xứng (Balance), Phạm Duy sinh ngày 5/10/1921 tại phố Hàng Cót, Hà Nội. Văn Cao sinh ngày 4/10/1923 (tuổi khai sinh trên giấy tờ 15/11/1923) tại Lạch Trai, Hải Phòng.

Phạm Duy được coi là người nhạc sĩ được nói đến nhiều nhất của miền Nam Việt Nam, tác giả của hàng ngàn lời ca, nhiều bài trở thành bất hủ, từ tình ca đôi lứa, đến nhạc cách mạng kháng chiến, tình quê hương, thanh niên ca, tâm ca, nhạc tuyên truyền chiến đấu, đạo ca, lưu vong ca, ngục ca, thiền ca...

Văn Cao là nhạc sĩ được hưởng huy chương cao quý nhất của miền Bắc cùng với nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát. Ông là tác giả bản "Tiếng Quân Ca", bài quốc ca từ thời đảng Cộng Sản Việt Nam nắm quyền cho đến nay, và khoảng trên hai mươi bài hát nổi tiếng khác.

Vì ảnh hưởng của hai ông trên lãnh vực văn hóa quá lớn, vì cuộc sống của hai ông dính liền đến lịch sử hai miền vào một thời đoạn sôi bỏng, và vì cá tính của Phạm Duy và Văn Cao rất mạnh, có nhiều lúc người ta có cảm tưởng như hai bóng dáng đó đã là hai biểu tượng của hai thái độ, hai lối suy tưởng, của một số đông người trí thức Việt Nam ở hai miền vào giai đoạn Việt Nam chia hai, với con sông Bến Hải làm giới tuyến.

Con người Phạm Duy là hình ảnh rõ ràng của một người nghệ sĩ, lấy chữ tự do làm chính, lấy cá nhân làm căn bản. Trong một bài hát có tên *Cho Nhau*

năm 1957, ông viết:

Quê hương xin vẫn cho nhau như thường
Cho dứt tay chia đôi đường
Cho rồi, xin chẳng còn vương!

Có nghĩa là mặc tình quê hương của ông rất lớn, thật lớn, vì phải dùng chữ "vẫn" ở đây, và đã được đề cập đến nhiều lần trong những ca khúc đẹp nhất của Việt Nam như trong bài *Tình Ca* (1953):

Tôi yêu đất nước tôi, nằm phơi phới bên bờ biển xanh
Ruộng đồng vun sóng ra Thái Bình
Nhìn trùng dương hát câu no lành.

Thế mà, khi phải lựa chọn, khi phải "dứt tay" mà chia, dù chấp nhận dâng hiến cả cái sống, cái chết, cái sự nghiệp, cả Nàng Thơ, Phạm Duy không thể làm gì khác hơn là "chọn tự do":

Cho nhau tiếng khóc hay câu đùa
Cho chiếc nôi cho nấm mồ
Cho rồi xin lại tự do.

Tình yêu quê hương ấy, ở Văn Cao là bao trùm, là tuyệt đối. Ông chấp nhận hy sinh tất cả những gì cá nhân nhất, điển hình là sau khi đã cương quyết dấn thân hoạt động cho cách mạng vào năm 1944 (qua lời kêu gọi của Vũ Quý, một người đồng hương của ông), Văn Cao đã chấp nhận cống hiến đời ông cho Việt Minh, từ lời bản nhạc *Bến Xuân* phải đổi thành bài *Đàn Chim Việt*, đến chuyện làm "gián điệp" nội thành, chỉ huy các cuộc ám sát những người mà Việt Minh cho là nguy hiểm. Tạ Tỵ có viết vào khoảng năm 1944, bạn bè ông không ai biết tin tức gì về Văn Cao, chỉ sau khi Việt Minh cướp chính quyền, lúc ấy bạn bè ông mới biết ông đã là Trưởng Ban Ám Sát nội thành Hà Nội, và Tạ Tỵ cho rằng Văn Cao có một phần trách nhiệm những vụ bắn người với bản án để lại trên xác chết trước ngày cách mạng thành công. Trong một bài báo tôi đã làm thất lạc, Văn Cao có nói đến một trường hợp ông đã bắn chết một người, và sau khi Việt Minh tiếp thu Hà Nội, ông về thấy tình cảnh người vợ của nạn nhân, từ đó ông ít nói hơn trước.

Cả hai con người nghệ sĩ đó đều không bán thân vì danh lợi. Cũng như Văn Cao, Phạm Duy cũng lên đường phục vụ cho đất nước bằng chính thân xác của mình trong mặt trận Nam Bộ như một lính chiến vào thời 1945-46 và sau này như một chiến sĩ văn hóa tại các quân khu Việt Bắc, Quân khu 3, Quân khu 4 và cả mật khu Ba Lòng. Ông đã nhập trận với một tâm hồn dâng hiến:

Ngày bao hùng binh tiến lên
Bờ cõi vang lừng câu quyết chiến
Bước oai nghiêm theo tiếng súng đi tung hoành...
(Xuất Quân, 1946)

Và đã chứng kiến những cái chết âm thầm và thảm thiết của những chiến sĩ vô danh. Hình ảnh của chiến tranh trong nhạc kháng chiến của Phạm Duy là hình ảnh của những con người cá nhân, họ có thể là những người lính chiến:

Lắng tiếng nghe hình dáng
Của người anh hùng...
(Chiến Sĩ Vô Danh, 1945)

hay người vợ ở nhà may áo cho chồng:

Anh đi giết giặc ngoài xa
Em về may áo gửi ra chiến trường
(Mùa Đông Chiến Sĩ, 1947)

hay hình ảnh rất đậm nét của người mẹ:

Tay nâng nâng lên, rưng rức nước mắt đầy
Mẹ nhìn đầu con, tóc trắng phất phơ bay
Ta yêu con ta, môi thắm bết máu cờ...
(Bà Mẹ Do Linh, 1948)

Nơi Văn cao, con người cá nhân bị nhạt phai trong lý tưởng, trong những đoàn người, trong tập thể:

Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc
Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa...
Đoàn quân Việt Nam đi sao vàng phất phới
Dắt giống nòi quê hương qua nơi lầm than
(Tiến Quân Ca, 1944)

hay trong bài Bắc Sơn (1945):

Toán chiến sĩ bước về châu xưa xây đồn
Đoàn người Việt mới quyết hy sinh một lòng...

Trong chiến thắng tất cả là một, không còn anh, còn tôi, chỉ là toàn dân:

Trên dòng sông trở về đoàn người
Reo mừng vui trên sóng nước biếc
Trôi đầy sông bao đám xác thù
Dân hân hoan nghe sóng reo vi vu xa xa...
(Trường Ca Sông Lô, 1947)

Dĩ nhiên đó là những nét chính, còn thì trong Phạm Duy, nhiều khi cũng bị ảnh hưởng khí thế của toàn quốc kháng chiến mà quên đi con người cá nhân, nhất là trong giai đoạn ông ở Việt Bắc những ngày đầu kháng chiến:

Một đoàn người trai hiên ngang
Đeo trên vai nợ máu xương...
(Khởi Hành, 1947)

Trong làn sóng hồ hởi, Phạm Duy lúc ấy cũng nâng người lãnh tụ kháng chiến là Hồ Chí Minh:

Ôi quê hương, những con đường kháng chiến
Dân theo cụ Hồ đã phất cờ vùng lên...
(Ngọn Trào Quay Súng, 1947)

hay:

Ôi tưởng chừng nghe tiếng
Cha già vọng trời Đông
(Đường Về Quê, 1947)

Riêng Văn Cao cũng có bài *Ca Ngợi Hồ Chủ Tịch* năm 1949. Hồ Chủ Tịch trong bài này mang hình ảnh trang nghiêm của cha già dân tộc, lãnh tụ một đảng phái nhân dân với giai cấp công nhân tiền phong:

Bao công nhân tiền phong nhân dân vùng lên
Nhân dân theo từng bước cha già...

Điểm khác biệt là nơi Phạm Duy, hình ảnh cha già có vẻ lãng mạn, tình cảm cá nhân, trong khi nơi Văn Cao, đó là lòng thành kính, tin tưởng. Trong tình yêu quê hương vào thời chiến, Văn Cao luôn luôn dâng hiến tất cả để phục vụ một ngày thắng lợi của toàn dân, một ngày sáng rực nắng trời, ông chỉ muốn ngừng trong vinh quang:

Nước non Việt ta vững bền (Tiến Quân Ca, 1944)
Giặc chưa tan chiến đấu chưa thôi (Làng Tôi, 1947)

Còn phần Phạm Duy, ông chỉ muốn ngừng trong hòa bình, không màng vinh quang lắm:

Thu ơi Thu! Ta vỗ súng ca
Ca cho đời, cho Thu với ta

Nơi biên khu, mong nhớ khúc ca
Câu Thái Hòa cho muôn chúng ta.
(Thu Chiến Trường, 1946)

và coi đó là món nợ máu xương phải trả:

Người đi chiến đấu, xác rơi ngoài đồng
Nợ nằm máu xương, ai trả xong!
(Nợ Xương Máu, 1946)

Trong mối tình lớn đối với đất nước, phản ứng và đóng góp của Văn Cao và Phạm Duy đã có khác nhau, một cống hiến và hy sinh tất cả cho tập thể, một đề cao con người trước đã, cống hiến và hy sinh chỉ để vinh danh con người.

Nhưng điểm chung là cả hai đều vì Việt Nam, cho tự do và cho con người Việt Nam:

Ngày mai bao ấm no
Diệt xong quân Pháp kia
Cười vang ta hát câu tự do
(Phạm Duy - Nhạc Tuổi Xanh, 1947)

Còn Văn Cao ca ngợi Hồ Chủ Tịch chỉ để:
Đế quốc tan tành hết, vinh quang nhân Việt Nam
và cho chữ "người" mà Phạm Duy yêu cũng sẽ lên ngôi:

Từ đây người biết thương người
Từ đây người biết yêu người
(Văn Cao - Mùa Xuân Đầu Tiên, 1975)

Trong tình yêu quê hương, mẹ Việt Nam chắc hẳn sung sướng với hai người con lớn tài hoa như Văn Cao và Phạm Duy, tuy hình thức biểu lộ có khác, vì hoàn cảnh lúc đó quá ngang trái nhưng cùng một tấm lòng thành và một sự hy sinh rất đẹp.

Đó là biểu tượng cho tình ái quốc của người Việt Nam đang dần dần thoái khỏi vỏ ốc biên giới quốc gia cực đoan để đi đến một ý thức nhân bản đẹp hơn, sáng suốt hơn.

Tuy nhiên, mặc dầu đã yêu nước như thế, đã đóng góp như vậy, cả Phạm Duy và Văn Cao đều mang mối hận lòng, không được thấy ánh sáng chiêu dương trên bến Xuân nước Việt. Đến nay, nhạc sĩ Phạm Duy vẫn còn bị cấm hát tại Việt Nam. Còn Văn Cao, ông đã bặt sáng tác nhạc rất lâu rồi, ông mang một tâm sự u uẩn, dằn trong sự im lặng không cùng, dằng dặc cùng men rượu.

Những đòn phép chính trị đảng phái, những tranh chấp quyền lợi trong và ngoài Việt Nam đã đẩy cả hai con người tài danh Việt Nam ra bên lề quê hương họ.

Sau những bóng ác thần phong kiến, thực dân, đế quốc, giờ là chủ nghĩa, dollars, bè phái.

Nhưng làn sóng lịch sử đang ùa tới, rồi thì số phận các con người chính trị lợi dụng xương máu người Việt, hãm hiếp lòng tin con người cũng sẽ như những bình vôi mà Phan Khôi đã từng viết:

... Một đêm mùa hè, gió Nam như bão, sáng trăng mờ mờ, tôi rủ mấy thằng bạn lứa tuổi với tôi đi chơi dọc đường cái làng. Đi qua đình và chùa, bao nhiêu ông bình vôi thờ trên tường thành chúng tôi đều hất một loạt xuống đất cả. Sao lại làm như thế, không cần có lý luận...

Có lẽ ngày ấy, sẽ không như trong quá khứ, người ta sẽ làm một cách ôn hòa hơn, là đem dẹp mấy ông bình vôi cũ mà tuyển lựa mấy cái mới thay vào. Cái nào dính chặt quá, sẽ phải bứng đi để đặt vào đúng vị trí lịch sử của nó.

Vào ngày đó, những quyền lợi và tâm hồn cá nhân sẽ được tôn trọng trong một tinh thần tập thể biết tự trọng, có kỷ cương và có sức mạnh, đấy là lúc người Việt ba cõi sẽ cùng chia chung những tiếng hát tuyệt vời không bao giờ ngưng nghỉ từ Ải Bắc tới Đảo Nam của hai người bạn thiên tài. Và đấy là lúc đôi cánh chim giang hồ Văn Cao và Phạm Duy sẽ cùng về dưới một bến Xuân.

Cái cá nhân tự do của Phạm Duy đã kết hợp trong ý thức trách nhiệm tập thể của Văn Cao. Cái cán cân nằm ở chiều ngang của mức trung bình.

Còn 5 năm nữa là hết thế kỷ 20, tôi tin rằng cái ngày đẹp như vậy phải là sắp đến.

PHẠM THẾ ĐỊNH
(5/01/1995)

Tài liệu tham khảo:

Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc, 1956 (Cơ Sở Xuất Bản *SUDASIE*)

Thiên Thai, tuyển tập nhạc Văn Cao (Nhà xuất bản *Trẻ*, 1988)

Ngàn Lời Ca, Phạm Duy 1988-1989

Hồi Ký Phạm Duy 1 & 2 (Thời Thơ Ấu - Vào Đời, 1990 - *Thời Cách Mạng Kháng Chiến*, 1989)

Hồi Ký Tạ Ty, 1990 (Nhà xuất bản *Thằng Mõ*)

Câu Chuyện Văn Nghệ: *Về Ngày Sinh Của Văn Cao*, 1993 (Báo Việt Nam đang ở hải ngoại, khuyết danh)

Buồn Vui Một Thuở (Báo Lao Động)

Nhạc Sĩ Văn Cao Tròn 70 Tuổi, Lê Hà Vân (Báo *Phụ Nữ Ngày Nay* Victoria Úc đăng lại)



ĐINH HÙNG

từ "quán nghệ sĩ" đến núi rừng việt bắc



Buổi chiều muộn cuối thu Hà Nội năm đó hình như thấm lạnh nhiều hơn mọi năm. Một cái lạnh rùng rợn trên da thịt, khiến nhiều lúc dù trời không nổi gió, người ta cũng rùng mình, như khi sắp lên cơn sốt rét. Mùa thu năm 1946, một mùa thu lịch sử: mùa thu báo hiệu chiến tranh!

Thành phố đã lên đèn, cái ánh sáng diện vàng u uất, dù kết hợp bởi tất cả những phản quang xa hoa của tất cả trà đình, tửu điếm tráng lệ vùng trung tâm đô thị, cũng không đủ sưởi ấm lòng người nghệ sĩ lãng tử đang dạo quanh bờ liễu tiêu sơ của hồ Hoàn Kiếm.

...

Giữa những màu sắc, những hình thể nửa vời tàn tạ, còn lại một chút sinh khí mong manh, nhưng dù mong manh, lúc này cũng đáng kể là một cái gì ấm cúng, dấu hiệu của sự sống vẫn còn ấp ủ được chút hơi thở nhiệt tình. Xế góc hồ phía Bắc, nổi lên vùng ánh sáng của "Quán Nghệ Sĩ", một trà đình thường được mệnh danh là "câu lạc bộ văn nghệ", chỗ họp mặt của bọn người viết, vẽ hoặc đàn, hát... Sự thực quán bán những hàng xa xỉ quá mức thường, nên nghệ sĩ cũng ít khi lui tới. Khách hàng phần đông là người ngoại quốc.

Thoảng tiếng dương cầm dìu dặt. A! Tối nay "Quán nghệ sĩ" có ban nhạc trình diễn. Ở đây âm nhạc chỉ trình diễn bất thường và có dàn nhạc trình diễn lúc này, giữa những ngày Hà Nội đắm mình trong cơn sốt định kỳ trầm trọng

- những ngày báo hiệu chiến tranh - quả là một hiện tượng đáng kể, một hiện tượng cũng "xa xỉ" như những xa xỉ phẩm loại đắt tiền nhất của thời đại.

Ban nhạc "Quán nghệ sĩ" gồm có Giệp: hồ cầm (hiện đã qua đời), Hiếu: dương cầm, một tài tử trung hồ cầm (mà tôi không nhớ tên), và Nguyễn Xuân Khoát, với cây đại hồ cầm (contrebasse) mà anh em nghệ sĩ vẫn gọi đùa là "ngưu cầm" hoặc nôm na hơn:... "đàn bò".

Âm nhạc quyến rũ, nhưng không khí "Quán nghệ sĩ" vẫn tẻ lạnh. Lác đác một vài bóng tri âm... nhi đồng ngấp nghé ngoài cửa, không biết để nghe đàn hay để nhìn cái "đàn gì mà to như một cái gác-măng-đê" và cao lênh khênh vừa bằng anh Nguyễn Xuân Khoát đứng kiễng chân.

Các nhạc sĩ vừa dạo xong một cầm tấu khúc mở màn. Mọi người uể oải ngừng tay, ngồi quây chung quanh một chiếc bàn góc trong cùng lặng lẽ nhìn nhau. Hình như họ đều cảm thấy đêm nay chơi nhạc không có hứng thú chút nào.

*

Bỗng có tiếng giày lộp cộp gõ ngoài vỉa hè, tiếng cười vang vang, tiếng nói ồm ồm. Không cần phải có tai thẩm âm sành sỏi cũng nhận ngay tiếng giày ấy là tiếng giày săng đá của lính Tây, tiếng cười bổ bã, sặc sụa của những người say, và tiếng nói ồm ồm, với âm hưởng khá lạ tai, nhất định là tiếng nói của người ngoại quốc, nhưng không phải tiếng Pháp.

Tiếng giày đinh sền sệt tiến về phía quán. Lũ trẻ con đang đóng vai Tử Kỳ nghe trộm, bỏ chạy toán loạn như vừa trông thấy quỉ nhập tràng.

Đó là một toán bốn người lính lê dương, trong đoàn quân viễn chinh của tướng Morlière, có mặt tại Việt Nam từ sau cái Hiệp định sơ bộ 6/3/46. Họ ùa vào quán như một cơn gió lốc. Họ đã say sưa sẵn từ bao giờ. Bốn bộ mặt đỏ gay như bốn ông mặt trời xích đạo, bốn bộ mặt gà chọi bừng bừng sát khí đột ngột xuất hiện khiến cái "Quán nghệ sĩ" hiền lành bỗng dưng "thức dậy", như người vừa tỉnh giấc ngủ gà ngủ gật, đầu óc vẫn còn ngây ngất, bàng hoàng. Không khí đang tẻ lạnh cũng được hâm nóng bởi những hơi thở say nồng rượu "cô nhắc". Những hơi thở say tưởng chừng có thể bùng cháy ngùn ngụt nếu được châm mồi bằng một que diêm. Trong hơi thở ấy, và trong cơn gió cuốn theo vào phòng, người ta tưởng ngửi thấy cả mùi thuốc súng, cùng một thứ mùi gì hăng hắc nồng nàn, cái mùi "tứ chiếng" đặc biệt của xa khơi, phảng phất như có trộn lẫn cả mùi cỏ dại thảo nguyên, mùi gió lửa sa mạc.

Bốn ông khách viễn phương nghênh ngang, ngất ngưởng, và ngật ngưỡng tiến thẳng về phía quầy rượu, súng lục kè kè bên hông. Ba kẻ nhảy lên ba chiếc ghế cao cẳng ngồi tựa vào quầy với dáng điệu rất mã thượng, y như nhảy lên mình ngựa. Còn một kẻ nhảy tót hẳn lên quầy rượu, ngồi sừng sững trên mặt quầy, thản nhiên "cao ngự" trên đó, chẳng khác ngồi trên "đi-văng" ở nhà riêng.

Các nghệ sĩ trong quán e ngại nhìn bốn ông khách quí. Tuy không ai nói

một câu, nhưng tất cả đều tỏ vẻ không mấy hưởng ứng. Nhất là Nguyễn Xuân Khoát, ngoài tiếng "đàn bò", vốn không chịu những cái gì ồn ào quá, kể cả tiếng trống ả đào "sực tắc", mặc dầu Khoát xưa nay vẫn mê nghiên cứu về nghệ thuật hòa tấu của dàn nhạc ca trù. Bọn khách hàng võ biền, chiếu cố tới "Quán nghệ sĩ" với cái thế ồn ào của một đoàn quân đi chinh phục vừa đột nhập vào một đồn lẻ, hẳn không phải là để giải khát hay nghe nhạc, mà có lẽ chỉ để gây sự, để tạo nên đổ vỡ, phá phách, nghĩa là để thỏa mãn cái tính hiếu chiến, hiếu sát và hiếu thắng của những kẻ đang có sức mạnh của vũ khí.

...

Bốn ông lính Đức này xem chừng không có bản chất văn nghệ chút nào, tuy rằng, nếu sẵn ý tưởng lạc quan, rất có thể họ coi là hậu sinh của những Bach, Beethoven, Schumann, của những Schiller, Goethe...

Nhưng khi trời Hà Nội đang chìm trong cơn bệnh u uất, chẳng ai lạc quan được trong lúc này. Cho nên các nhạc sĩ, chỉ còn biết tặc lưỡi, lắc đầu khi thấy mấy ông "Tây say" đã say tới cái độ không biết mình say... mà còn gân mãi cổ lên gọi rượu mạnh!

Không đợi rượu mạnh mang tới, họ vồ lấy cả chai Whisky bày trong tủ hàng, và không đợi cốc đưa lại, họ mở nút, chuyền tay nhau chai rượu mà tu ừng ực. Cái lối uống rượu không văn nghệ như vậy khiến các nhạc sĩ trong quán bắt đầu lo ngại, khó chịu. Nguyễn dằn cốc xuống bàn, những ngón tay bứt rứt bỗng chạm vào dây đàn contrebasse, nảy lên một âm thanh u trầm, như một tiếng rên còn nghẹn trong cổ họng. Mấy ông khách quí đang vừa chuốc rượu lẫn nhau vừa hát - họ đồng ca một bài chắc là ngẫu hứng và có lẽ để tung hô tử thần Bacchus vì, chen vào những câu hỗn độn đủ các thứ nhịp, đủ các thứ điệu, luôn luôn thấy họ nhắc đi nhắc lại một điệp khúc Whisky! Whisky! Whisky vạn tuế... Bỗng họ quay cả đầu lại vì tiếng "ngưu cầm" rên rĩ.

Bốn cái miệng say đồng thanh kêu lên:

- Âm nhạc! A, âm nhạc! Chơi nhạc đi các ông nhạc sĩ!

Bốn cái mặt đỏ gay, tám con mắt nẩy lửa cùng hướng về các nhạc khí và nhạc công.

- Chơi nhạc đi! Chơi nhạc đi!

- Ô là là! Chơi nhạc đi! Các ông ngủ gật đấy à?

Các nhạc sĩ có ngủ gà ngủ gật thật sự cũng phải tỉnh ngủ từ lâu rồi. Nhưng chơi nhạc lúc này làm sao cho có hứng được? Chơi nhạc cho mấy cái tay "Tây say" kia nghe và chơi cho âm điệu lọt vào mấy cái tai ấy, nếu không phải là một cực hình, thì nhất định cũng không phải là một cái thú. Hiếu đưa mắt nhìn Giệp, Giệp đưa mắt nhìn Khoát, Khoát đưa mắt nhìn chiếc... "đàn bò", ngần ngại.

Bọn khách quí đổ xô tới vây quanh bàn nhạc sĩ y hệt như bao vây một cái đồn lẻ của địch quân ngoài trận tuyến. Một kẻ khiêng bổng cây đàn contrebasse lên đặt ngang vào hai tay Nguyễn, thét:

- Các ông nhạc sĩ! Chơi đàn đi! Hay muốn để đàn... chơi các ông đây?

Một kẻ mở ngay nắp chiếc dương cầm ra, xắn tay áo lên, hai cánh tay lông lá trổ hình hai con rắn quấn vòng quanh mà đầu rắn lại là đầu một người đàn bà man rợ. Đồng thời, hai bàn tay hộ pháp đập lia lịa trên phím ngà trắng xóa... Nhạc sĩ dương cầm thương xót nhìn chiếc đàn xấu số của mình đang gặp tai nạn...

Bỗng một kẻ khác, với hai cánh tay cũng lông lá không kém, nhấc bổng cả anh ta cùng chiếc ghế anh ngồi lên, bưng đến cạnh dương cầm, đặt anh xuống, và gào to như ra lệnh:

- Im lặng! Im lặng tất cả! dàn nhạc sắp sửa trình diễn! Các ngài hãy lắng tai: Đây là bản hợp tấu của im lặng! (Symphonie du Silence).

Đoạn, nhanh như chớp, kẻ vừa nói rút ngay khẩu súng lục bên hông, bắn luôn một tràng chỉ thiên lên trần. Căn phòng rung chuyển, ngọn đèn lớn treo giữa quán vỡ tung từng mảnh, tắt phụt.

Căn phòng vụt trở nên mơ hồ, ảm đạm, chỉ còn ánh đèn "néon" bàng bạc tím lẩn ven tường. Và căn phòng im lặng như nghẹt thở.

Tiếng cười điên rồ từ bốn cái cổ họng say liền vang lên, rờn rợn tưởng như không bao giờ ngừng.

Sau vài giây đồng hồ choáng váng, Nguyễn Xuân Khoát điềm nhiên mở tập nhạc chọn một bài, để lên giá đàn dương cầm, trước mặt Hiếu, và hất hàm làm hiệu cho Giệp, cùng người bạn sử dụng trung hồ cầm. Nhạc sĩ dương cầm lặng lẽ liếc nhìn bản nhạc, rồi những ngón tay, như có nam châm hút vào phím ngà, bắt đầu lướt trên cung bậc.

Những âm thanh dương cầm đầu tiên rung lên bị lấp ngay bởi tiếng cười chưa dứt. Cây hồ cầm hòa theo, vút như hơi gió. Tiếng trung cầm nhập điệu ngân nga. Nhịp điệu chầm chậm của chiếc contrebasse cũng bắt đầu ngập ngừng đồng vọng. Ảnh hưởng của bốn nhạc khí dần dần trộn lẫn, hợp thành một tiếng vang duy nhất, một tiếng vang kích động và lôi cuốn và chiêu dụ với một hấp lực kỳ lạ - một điện lực thì đúng hơn - một tiếng vươn cao, tỏa rộng, bao trùm, phút chốc xóa nhòa tất cả, khiến tất cả đều chìm đi - thực cảnh không còn nữa, chỉ còn một nguồn suối nhạc mênh mang đang dâng lên, dâng lên như một trùng dương thần thoại. Tiết điệu bản nhạc cũng như vóc dáng nổi thành âm hưởng run rẩy quệt vào nhau, dìu nhau lênh đênh trôi vào ánh sáng, hòa vào không gian những tiếng sắt tiếng đồng mê hoảng.

Căn phòng quán trà vụt im lặng. Đám quân nhân không cười nữa, ngồi xuống ghế.

Tiếng nhạc tiếp tục, ma quái. Không gian trở nên bát ngát, huyền hoặc.

Mỗi âm đàn như có một linh hồn đột ngột hiện lên hình thể, sắc màu, dồn dập, xô đẩy nhau, chuyển biến đến vô cùng. Mỗi âm đàn như một gương mặt quen thuộc, vừa gặp gỡ mà tưởng chừng đã xa vắng tự muôn đời - tất cả sáng lên rồi lại mờ đi trong một nguồn dạ quang hư ảo. Ánh sáng cũng hình như có thể chất, và, giữa vùng âm thanh bập bềnh sương khói, những "nốt" nhạc hiện hình múa nhảy, vạch nên những đường nét mê hoặc trong một vũ điệu

lân tinh. Ánh sáng len lỏi, thâm nhập vào cả những vật vô tri, khiến mọi vật như bừng tỉnh thức, và chuyển động bước đi theo những bước chân phù thủy.

Không biết bao nhiêu phút đồng hồ, tiếng nhạc lạ lùng như kéo dài thời gian đến hàng thế kỷ. Và suốt trong thời gian ấy, bọn khách hàng ngỗ ngược - những "kiêu binh của nửa đầu thế kỷ 20" - tự dưng trở nên hiền lành như những con chiên, yên lặng một cách sùng bái. Họ vẫn ngồi yên chỗ cũ, mắt mở to như không nhìn vào đâu hết, những cặp mắt giờ đây xanh biếc như chứa đựng cả một vùng trời nào huyền hoặc - có lẽ là vùng trời vô hình, vô ảnh của tâm linh, của siêu ý thức, của một vùng trời tím mê ngủ thiếp trong vòng "từ trường" của ma lực âm thanh. Họ, những người lính lê dương vong mệnh mang dòng máu Nhật Nhĩ Man hiếu chiến, giờ đây đã không còn say rượu, mà chỉ còn say một cái gì vô cùng huyền bí. Một cơn say gần như ma quái hay thần linh cũng thế. Họ có nét mặt của những kẻ đang bị thôi miên.

Bản nhạc bỗng hết đột nhiên. Sau đấy năm phút, tất cả mọi người đều im lặng. Rồi bốn người lính Đức từ tốn và trịnh trọng đứng lên, trịnh trọng giơ tay chào các nhạc sĩ kiểu nhà binh, đoạn rất lịch sự - lễ độ là khác - rút lui ra khỏi quán, sau khi thanh toán tiền hàng đầy đủ, không quên bồi thường chiếc bóng đèn điện vỡ rất chu đáo, và thưởng tiền cho bồi bàn rất trọng hậu.

Nguyễn thở phào một hơi dài khép bản nhạc vừa dạo lại: đó là bản "Danse macabre" của Saint Saens(1).

Câu chuyện Nguyễn Xuân Khoát và bản nhạc "Vũ Khúc Ma Quái" đã khiến tôi nhớ người bạn nghệ sĩ thân hình cao mảnh khảnh ấy thêm một chút. Hiện Khoát đang làm gì, tôi không được biết, nhưng bao giờ thì Nguyễn Xuân Khoát cũng chỉ là Nguyễn Xuân Khoát, tác giả nhiều nhạc phẩm quen thuộc từ giai đoạn "mở đường sạn đạo" của nền tân nhạc Việt Nam - những nhạc phẩm đậm đà dân tộc tính, hồn nhiên, chất phác và tế nhị, như "Trấn Thủ Lưu Đồn","Lơ Thơ", "Con Cò Mà Đi Ăn Đêm", "Con Mèo Trèo Cây Cau", "Con Vỏi Con Voi", "Thằng Bờm" v.v...(2).

Mà chính Nguyễn Xuân Khoát cũng giống như một "Thằng Bờm" ngây thơ nhưng hóm hỉnh. Ai đã được xem anh, giữa núi rừng Việt Bắc (hồi tản cư) tự trình bày bản nhạc "Thằng Bờm" sẽ thấy Thằng Bờm chính là hiện thân của anh, và có lẽ không ai trình bày bản nhạc đó "tuyệt" hơn anh! Anh không tốt giọng lắm, nhưng anh hát có hồn và có một cái duyên lạ lùng quyến rũ người nghe. Với bộ quần áo nâu cũ, với mái tóc kéo lên dựng đứng giữa trán như một cái bờm, anh nhe răng cười và cười "khì khì" sau câu hát cuối cùng "Phú Ông xin đổi nắm xôi Bờm cười"... thì ai cũng phải nhận rằng có lẽ anh giống Thằng Bờm hơn cả. Thằng Bờm thật sự.

Hình ảnh Nguyễn Xuân Khoát, nhạc sĩ của hàng ngũ tiền phong hiện đến tâm tưởng tôi, từ "Quán nghệ sĩ" đến núi rừng Việt Bắc, ở hình thức một Nguyễn Xuân Khoát ôm cây đàn contrebasse khổng lồ, hay qua vóc dáng một Thằng Bờm ngớ ngẩn, cũng chỉ là một Nguyễn Xuân Khoát mà thôi, một Nguyễn Xuân Khoát hồn nhiên, thủ thỉ, một Nguyuễn Xuân Khoát với thứ nghệ thuật thuần túy cảm người bằng trực giác, thứ nghệ thuật gây ấn tượng

trong lòng ngfười, thứ nghệ thuật của những âm đàn contrebasse, của những nét nhạc Dance Macabre, nếu không phải là thế, thì anh còn có thể là cái gì khác?

ĐINH HÙNG
(Trích trong tập "Đốt Lò Hương Cũ")

---

(1)Danse mMcabre (Vũ Khúc Ma Quái). Một thơ giao hưởng (Poème symphonique), gợi ấn tượng rùng rợn và quái đản với những bộ xương ma từ dưới mồ hiện lên nhảy múa và chạy lóc cóc. Nhạc phẩm nổi tiếng của saint Saens, nhạc sĩ Pháp (1835-1921).

(2) Tôi chỉ xin kể tới một số nhạc phẩm của Nguyễn Xuân Khoát lấy chất liệu ở ca dao hoặc những câu hát bình dân, những bản nhạc làm sống lại tiết điệu cổ sơ của dân tộc - và chưa kể tới những sáng tác có "thời đại tính" của Khoát như "Hồn Xuân", "Tiếng Chuông Nhà Thờ", "Uất Hận" v.v... Trong số các nhạc phẩm có tính cách dân ca kể trên, một vài nhạc sĩ khác cũng tìm đến một vài đề tài trùng hợp, xuất phát chung từ một nguồn gốc.



NGUYỄN NGỌC LAN

nhật ký



Thứ sáu 22.4.1994

Chương trình ca nhạc *Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam* đã khai mạc tại Hà Nội đêm 16.4.1994. Bốn buổi diễn với 80 bài hát của 79 nhạc sĩ. Nay mai sẽ có những buổi diễn tương tự tại tành phố Hồ Chí Minh.

Cũng có lời tán tụng như trên báo TN số ra này 17.4: đây là công trình khoa học nghệ thuật của giới nhạc sĩ VN. Có cả một bài phỏng vấn nhạc sĩ - Bộ trưởng bộ Văn Hóa Thông Tin Trần Hoàn. Nhưng nói chung báo chí thành phố đang lần lượt phản ánh dư luận bất bình là nhiều. Báo *Phụ Nữ* ra hôm nay đăng bài của Trần Nhật Vy: "Thực tế đang bị bóp méo". Trần Nhật Vy ghi nhận: "Theo nhạc sĩ Xuân Hồng, người ta đã (...) chỉ giao cho một người làm công việc chọn lựa. Chính vì thế, danh sách các tác giả, tác phẩm đã lộ ra rất nhiều thiếu sót đáng trách. Danh sách này không chỉ đụng chạm tự ái của nhiều tác giả, coi thường sự hiểu biết về âm nhạc của nhân dân và đẩy giới nhạc sĩ vào chỗ khó ăn khó nói".

Đằng sau những phê bình này nọ, thật ra có hai điểm chính. Điểm thứ nhất chỉ được nói ra cách gián tiếp: đã có sự bên trọng bênh khinh giữa Bắc Nam. Điểm thứ hai đáng kể hơn nữa nhưng chỉ được bày tỏ trong câu chuyện bên lề các tòa soạn: sự trù ếm đối với Phạm Duy. "Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam" mà vắng bóng Phạm Duy thì mới thật là *thực tế đang bị bóp méo*. Người ta không nại ra được cả cái cớ là vẫn còn "lệnh cấm vận" đối với những nhạc sĩ đã ra nước ngoài: chương trình vẫn có chỗ cho Cung Tiến, Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Ngô Thụy Miên, Lê Uyên Phương, Lam Phương (Trần Nhật

Vy nhắc đến cả Minh Kỳ, nhưng Minh Kỳ đã bị phải nói là "thảm sát" trong một trại cải tạo ở Long Thành hồi 75-76, cùng với bảy bạn tù khác).

Trước tầm vóc quá lớn của Phạm Duy, người ta không biết làm gì hơn là giữ mãi thái độ nhỏ nhen. Nhỏ nhen đến phi lý. Một anh bạn làm báo phẫn nộ nói với mình: phi công Mỹ đã từng dội bom xuống miền Bắc các ông còn tiếp đón về đây được, thế mà....

Ngay hồi năm 1975, 1976, ngồi tại tòa soạn báo *Đứng Dậy*, nhạc sỹ Nguyễn Văn Tý đã can đảm và thẳng thắn nhìn nhận: không ai hơn được Phạm Duy, cả ở miền Bắc lẫn ở miền Nam. Cũng như về giọng hát, vẫn theo anh, Thái Thanh là số một. Còn Phạm Duy khi nhìn lại quá trình âm nhạc của Việt Nam vẫn trân trọng nhắc nhớ từ Nguyễn Xuân Khoát, Văn Cao cho đến cả linh mục Nguyễn Văn Thích.

Chẳng còn có nổi *cô sơn nữ nào miệng cười khúc khích* để *ngắm, nhìn đăm đăm cái anh lữ khách* đã hết biết *nhìn trời xa xa* nữa rồi.

Thái Hằng về thăm Việt Nam đã được tờ báo nọ phỏng vấn. Được hỏi bà nghĩ gì về chương trình ca nhạc Nửa thế kỷ bài hát Việt Nam, bà trả lời đại khái: - Điều quan trọng không phải là chương trình ca nhạc "Nửa thế kỷ", thậm chí chính thời gian nửa thế kỷ, có những ai, những bài hát nào. Điều quan trọng là nửa thế kỷ nữa, một thế kỷ nữa, người ta sẽ còn nhắc tới ai, hát bài nào thôi.

Bài phỏng vấn kia xem ra không có mấy cơ may sẽ được đăng.

Chuyện Phạm Duy không chỉ là chuyện cá nhân: cả một chế độ chỉ mới mở cửa cho thị trường nước ngoài, mở cửa cả cho hàng lậu tràn ngập, nhưng chưa mở cửa thực sự cho chính người dân của mình hay người dân liên hệ với mình. Cả một tập đoàn cầm quyền vẫn chưa biết... *nhìn trời xa xa.*

NGUYỄN NGỌC LAN



LÊ UYÊN PHƯƠNG

âm thanh trong tiếng nói đôi dòng về tập tình ca thứ ba: uyên ương trong lồng



Ảo tưởng là chìa khoá mở vào thế giới của nghệ thuật hay một cách khác ảo tưởng là nguyên nhân và là kết quả của nghệ thuật, vì thế khi một tác giả tự thoát khỏi những ảo tưởng về đời sống, anh ta tự nhiên đã chấm dứt khả năng sáng tạo nghệ thuật của anh ta và một tiến trình khác khởi phát trong tâm thức của tác giả, đó là sự chuyển hóa từ trạng thái mơ mộng qua trạng thái tỉnh thức trước đời sống, đó là cuộc hành trình mà ở đó người lữ hành vừa rời bỏ những con đường mòn để đi vào một nơi mênh mông với mọi nẻo đều là những con đường.

Tác phẩm nghệ thuật của con người, thật ra không là gì khác hơn sự thể hiện những ảo giác của tác giả trong đời sống riêng của anh ta, tác giả đã vô tình tự lừa dối mình và lừa dối người khác trong trò chơi nghệ thuật, người làm nghệ thuật đánh động sự bình yên tự nhiên của trời đất bằng sự ồn ào hết sức lố bịch của họ, sự quấy động vô ích đó tạo nên những rối loạn phụ và đưa cuộc sống của chúng ta vào một thế giới không lối ra.

Đã gần 30 năm qua tôi ở trên con đường đó, có những lúc hai bên vệ đường là những cánh đồng hoa muôn màu rực rỡ, có những lúc hai bên vệ đường là

những đám sình lầy hôi hám, tôi vẫn cắm cúi đi và chờ đợi một phép lạ ở cuối chân trời.

Cuối cùng phép lạ đã đến. Đó là lúc tôi nhận thức được sự thật về những ảo tưởng với những tác động của chúng trong tiến trình của cái gọi là sự sáng tạo và đó cũng chính là lúc tôi ngừng lại không còn tiếp tục nữa cuộc hành trình dài nhất đó của cuộc đời tôi.

Những xúc cảm đến từ cuộc đời là nguyên tố tạo nên những ca khúc, những bài thơ, những xúc cảm đó đã được nuôi dưỡng, được vun xới bằng *ảo giác về cuộc đời và từ cuộc đời* qua đời sống của mỗi cá nhân; con người gắn liền với những ảo giác đó như gắn liền với quá khứ của mình và trở thành một tù nhân tự nguyện. Nhìn lại toàn bộ tác phẩm của tôi, tôi đọc được quá khứ của cuộc đời tôi và những *ảo giác đã khai sinh và đã được khai sinh từ quá khứ đó*. Tôi cất tiếng hát không phải để ca ngợi cuộc đời, để xưng tụng tình yêu mà ca khúc của tôi là hơi thở cuả một tù nhân trong nhà tù mênh mông là quả địa cầu; những tên cai ngục có những danh hiệu khác nhau, có lúc là tình yêu, có lúc là hôn nhân, có lúc là của cải, là chiến tranh, là màu cờ, là sắc áo..... là tất cả mọi thứ lỉnh kỉnh khác nhau đó của cuộc đời, nhưng tựu trung không là gì khác ngoài tham vọng trong mỗi một con người. Nếu có những âm thanh bức bách, nặng nề trong ca khúc của tôi thì đó cũng chỉ là một điều tất nhiên, bởi những ca khúc đó không nhằm cho mục đích của sự giải trí, chúng là những thông điệp đến từ những hố sâu của đời sống, chúng đến từ nhà tù của tham vọng con người, chúng là đời sống được dệt từ những ảo tưởng trong những tình huống khác nhau. Hoài niệm của người nghe không được vuốt ve, mơn trớn, những âm thanh quen thuộc, ưa thích của người nghe không có cơ hội hồi sinh, ngược lại chúng còn bị loại bỏ trong khả năng có thể có được của ca khúc tôi, điều nầy khiến cho ca khúc tôi trở thành xa lạ với những ai muốn tìm kiếm sự quen thuộc trong tiến trình thưởng ngoạn ca khúc. Sự khác biệt đó không thuộc về vấn đề kỹ thuật, chúng liên quan đến vấn đề đề tài, đến nội dung của ca khúc. Một bên là cái đã từng, một bên là cái chưa từng; một bên là sự lững lơ, mê muội với đôi mắt nhắm, một bên là từng bước đi qua cuộc đời với đôi mắt mở lớn nhìn thẳng vào khoảng không phía trước, một bên, thời gian là quá khứ để nuối tiếc, một bên, thời gian là những giới hạn của ảo tưởng và đánh thức những vấn đề trong đời sống.

Ngày âm thầm theo những cơn mưa
Thời gian rêu đã xanh bước xưa
Cùng ai ta đã quên tháng năm
Như hoa đã quên mùa ....
(Uyên ương trong lồng)

Người nữ trong ca khúc của tôi không phải chỉ là biểu tượng của sắc đẹp, của tình yêu mà còn là một thực thể trong một thực trạng của đời sống, nàng hiện hữu không phải chỉ để cho tình yêu mà còn phải phấn đấu như một con

người để tồn tại, vì thế tình yêu đôi lúc là nơi trú ẩn an toàn, đôi lúc là một gánh nặng cho nàng trên bước đường nhọc nhằn của miếng cơm, manh áo.

Em ngồi trước gương, tô vội vành môi
Mặt trời đã lên trên thành phố
Ôi một ngày mới bắt đầu
Một ngày của mồ hôi và nước mắt
(Mặt trời đã lên trên thành phố)

Người nam dù sống trong tình yêu, những ảo tưởng vẫn không ngừng lại sau khung cửa của mái ấm gia đình, những khát vọng về một khung trời mơ hồ nào đó vẫn là một thôi thúc không nguôi

Ôi em yêu quên trong đời
Bên hoa thơm em mời
Mây lênh đênh vẫn trôi.

Những ca khúc mà tôi vừa nhắc trên đây là những bài hát trong tập *" Uyên ương trong lồng "*, những bài hát mang âm hưởng như tiếng vang vọng lại từ những va chạm trong mối tương giao giữa người nam và người nữ tôi vừa đề cập đến ở trên. Tập ca khúc nầy là một bản trường ca về những hạnh phúc và những bất hạnh trong đời sống hôn nhân mà theo tôi mỗi thành viên trong đời sống đó đã phải đương đầu với những thách thức khó khăn nhất, gay cấn nhất trong tương quan nhân loại.

Tập *"Uyên ương trong lồng"* gồm 12 ca khúc, trong đó phần chính là một hợp khúc có tên *"Đã có nhau trong đời"*, gồm bốn ca khúc được trình bày như bốn phân đoạn trong một trường ca.

Phân đoạn thứ nhất : *"Một mình"* còn có tên là *"Bầu trời bao la"* là hình ảnh của một con chim tung bay giữa khung trời rộng mở, với những ảo tưởng của thuở thiếu thời, với những mộng mơ được hình thành từ thế giới của văn chương, nghệ thuật.

Như đôi cánh thiên thần
Như chim hót trong trời xanh
Như bao lá non trên cành
Ta trong Ta, ngợp trong đời Ta
(Một mình: Bầu trời bao la)

Đến phân đoạn thứ hai : *"Gặp nhau"* còn có tên *"Người đến cho Người"*, là một tấu khúc với những âm thanh nhẹ nhàng, đắm đuối của tình yêu. Như tiếng lá reo vui, như ánh sáng chói lòa, như những lời hứa hẹn đầy hy vọng, yêu thương.

Dang tay ôm người yêu
Trong tay người yêu
Trong tay người với tình yêu...
(Gặp nhau: Người đến cho Người)

Phân đoạn thứ ba : *"Với nhau": "Uyên ương trong lồng"* là những bước chân của thời gian và sự bào mòn của năm tháng trên sự đắm đuối trong tình yêu, những ảo tưởng của tình yêu không còn nữa, những thực tế của đời sống làm thu hẹp lại cái không gian mơ mộng của tình yêu, và sự thất vọng của tâm trí trong khoảng không gian nhỏ hẹp đó khiến cho hôn nhân trở thành tù ngục.

Bờ hiên dài che khuất mây qua
Vì Ta, ôi ước mơ đã xa
Vì Ta, Ta đã quên mất Ta
Vui theo ái ân buồn
Trong lồng yêu đương mê đắm
Thời gian phai môi thắm
Người yêu khô con tim đắm say
(Với nhau: Uyên ương trong lồng)

Phân đoạn thứ tư: *"Bên nhau"* còn có tên *"Yêu nhau trong phận người"* là một bản thỏa hiệp giữa tình yêu và thực trạng của đời sống, giữa thời gian và sự vĩnh cửu, giữa cái tương đối của cuộc đời và cái tuyệt đối của sự chết

Sống cho nhau dịu dàng
Dù đời làm ta khô khan
Sống cho nhau nụ cười
Vì ta yêu người, Vì ta yêu mãi người
Vì biết sẽ có ngày nhìn thấy nhau
Mắt môi lạnh mất rồi
Khóc thay người
(Bên nhau: Yêu nhau trong phận người)

Hợp khúc *"Đã có nhau trong đời"* theo tôi là hợp khúc đầu tiên trong lãnh vực ca khúc về hôn nhân, đó là một trường ca về những hạnh phúc và những bất hạnh trong mối tương giao khó khăn nhất và phổ cập nhất của nhân loại. Tôi muốn một lần rốt ráo nhìn thẳng vào đời sống hôn nhân, muốn một lần rốt ráo chạm mặt với đời sống đó mà không lệ thuộc vào bất cứ một định kiến nào. Hợp khúc *"Đã có nhau trong đời "* là kết quả của những suy nghĩ lâu dài, những cảm xúc chân thật, những thử thách thẳng thắn, trực tiếp với đời sống đó. Đây không phải là kết quả của sự tưởng tượng, là làm văn chương, nghệ thuật. Nó thể hiện sự phấn đấu của một con người giữa CÁI LÀ của đời sống

và CÁI PHẢI LÀ của trí não con người. Nó là trường hợp điển hình, là một thí dụ bao quát về sự tương giao giữa con người với con người trong đời sống nhân loại.

Hơn 70% những cuộc hôn nhân đổ vỡ, trong mọi tình cảnh, trong mọi tình huống khác nhau, hơn 70% những cặp tình nhân đã từng yêu nhau tha thiết, đã từng sống chết có nhau, đã cùng nhau sinh con đẻ cái, đã thề non hẹn biển, đã chia nhau thể xác, đã chia nhau cuộc đời, đã làm cho nhau tất cả những gì mà một con người có thể làm được cho một con người khác để tự nguyện gắn bó cùng nhau trong đời sống..... Những người đó, một sớm một chiều bỗng trở thành những kẻ thù nghịch, bỗng trở thành những bóng ma hung tợn trong đời sống của nhau..... Đó không phải là một đám mây đen trong tương quan nhân loại sao?

Tập *"Uyên ương trong lồng"* được viết ra từ những băn khoăn trong mối tương giao lạ lùng đó.

Nếu những tác phẩm nghệ thuật đã được hình thành như là đáp số của một bài toán mà ảo tưởng là những con số, và nếu cuộc đời của chúng ta một phần nào, nếu không muốn nói là tất cả, đã được hướng dẫn bởi những ảo giác thì trong mọi trò chơi của nhân loại không có sự thật, tương quan giữa con người với con người chỉ được đặt trên sự tương nhượng mà thôi, và cuộc sống hôn nhân là một cuộc tương nhượng điển hình, mỗi người có một bầu trời nhưng họ khó lòng nhường cho nhau một chút không gian trong chiếc lồng nhỏ bé, vì sao? Vì trong tình yêu thì ta thuộc về người khác nhưng trong một thỏa hiệp thì ta thuộc về quyền lợi của ta. Vì thế, tình yêu phải là chiếc dù của hôn nhân, không có tình yêu thì hôn nhân đổ vỡ, tiếc thay, tình yêu khi đã đươm hoa nở nhụy thì tàn héo theo thời gian mà hôn nhân là một hợp đồng cho một bảo đảm về thời gian, do đó mà có điều không ổn.

Trong mười tập ca khúc tôi đã viết, đây là tập tình ca thứ ba, một tập tình ca tôi hết sức nâng niu, yêu quí, bởi nó mang trong nó cơn sốt của cuộc đời tôi, nó gánh trong nó sức nặng của những thao thức riêng tôi, và nó là lời thú của tôi về một ảo giác kỳ diệu mà tôi đã từng ấp ủ trong một quãng đời dài.

LÊ UYÊN PHƯƠNG

Phân đoạn BA trong H/K D.C.N.T.D : VỚI NHAU

UYÊN ƯƠNG TRONG LỒNG

Lê Uyên Phương

MODERATO expressivo

Gmin Cmin D7 Gmin

Gmin E♭ D7 Gmin Cmin F
Ngày âm thầm theo những cơn mưa Thời gian rêu đã xanh bước

B♭ E♭ Cmin F B♭ E♭
xưa Cùng ai Ta đã quên tháng năm Như hoa đã

D7 D7 Gmin
quên mùa Tình yêu Ta đang còn bay

D7 Gmin D7 Gmin
mất Ta đang còn bay mất Khi đến cùng em Bên

D7 Gmin D7 Gmin D to CODA
em Quên em Yêu em Xa em Bên em Quên em Xa

Gmin D7 Gmin E♭ Cmin
em Mong em Bờ biển dài che khuất mây qua

D7 Cmin F B♭ E♭ Cmin F
Vì Ta Ta đã quên mất ta Vì Ta Ôi ước mơ đã

47 Bb Eb D7 D7 Gmin
xa Vui theo đi ân buồn Trong

54 D7 Cmin D7 Cmin
lòng yêu đương mê đắm Thời gian phai một thắm

58 D7 Cmin Eb D7 D7
Người yêu khô con tim đắm say
ritenuto

64
accelerando poco a poco

67 G C G C Amin D7
Còn hay không Bầu trời xưa còn xanh Còn nữa không

70 Amin D7 G Emin G D7
Ngày vui đến mong manh Ôi em yêu quên trong đời Bên hoa thơm em

73 G Emin Amin G Emin
mời Mây lênh đênh vẫn trôi Người ơi yêu Ta hay yêu

76 G Emin Cmin Gmin Cmin Gmin
Người lòng vu vơ Hay trong đời nhiều cơn mơ Đưa tâm hồn dần bơ vơ Hay mong

79 D7 D7 D7 D7 D7 D7
tìm ngày xa xưa Trên con đường về ai đưa Hay mơ tình đầu năm xưa

82 D7
D.C. al Fine
CODA
em mong em



HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

tuyệt tình cốc



Sau này khi gia đình tôi dọn nhà ra gần cửa Đông Ba, thì ngôi nhà cố cựu ở trong hẻm đường Âm Hồn được gọi theo tên truyện Kim Dung, là *Tuyệt Tình Cốc*. Đó là một ngôi nhà tranh nhỏ, thanh bạch như cuộc đời ba mẹ tôi, hoa cỏ tiêu sơ nhưng gió trăng đầy trời, gọi "cốc" là phải. Phan (em tôi) cùng với mấy người bạn y khoa đều là những "diều hâu" của phong trào sinh viên Huế, do mải mê xuống đường nên thi rớt, bèn rút lui vào cốc này ôn luyện bài vở để thi kỳ hai. Học thi như luyện võ công, các vị cố thủ trong ngôi nhà quạnh vắng, tuyệt giao với người đẹp, từ ấy có cái tên *Tuyệt Tình Cốc*. Thức khuya, đói bụng, các vị lẻn vào khu vườn u sầm bên kia đường hái trộm đào tiên về đỡ bụng. Bà cụ chủ vườn, lịch sự như Tây Vương Mẫu, bóng gió cảnh cáo bọn Tôn Ngộ Không bên kia mãi không được, bèn ra ngoài nhà mách với ba tôi. Từ đó chấm dứt cuộc tiệc bàn đào ở *Tuyệt Tình Cốc*. Có lần tôi vào nhà thấy các vị vừa ăn đào, vừa cặm cụi suốt đêm viết một bài diễn văn trường giang đại hải. Hỏi mới biết, ngày mai trong cuộc mít-tinh lớn ở Thương Bạc, Tôn Thất Kỷ (Tổng thư ký lực lượng tranh đấu) dự định đọc một bài diễn văn chống Mỹ nẩy lửa, mà theo sáng kiến của nhóm, "cần làm luôn một mạch bốn tiếng đồng hồ, giống như Fidel Castro.

Người đọc Kim Dung còn nhớ, nơi *Tuyệt Tình Cốc* có một cây hoa độc, gọi là Tình hoa. Ai bị gai Tình hoa đâm phải thì mắc bịnh nan y, mỗi lúc nhớ tưởng đến người tình tất phải rối loạn tâm thần, quằn quại thân xác. Góc sân

Tuyệt Tình Cốc có một cây dạ lý hương, cũng có gai nhọn, nên được gọi là Tình hoa, hoa rất nhiều và thơm nồng vào ban đêm, bay xa tận đầu ngõ. Đêm trăng tôi nằm ngoài hiên, có lúc mùi hương mộng mị của Tình hoa làm mất ngủ, tôi phải gọi tiểu đồng hái từng chậu thau mang đổ xuống hồ. Ấy thế mà hàng chục năm sau hồi nhớ lại, tôi vẫn nghe mùi hương Tình hoa quang quất trong tâm tưởng, như nỗi xao xuyến còn mãi của một-thời-tuổi-trẻ-không-yên nơi *Tuyệt Tình Cốc*.

Vô ra ngôi lều cỏ này, hầu hết là những bạn giang hồ của tôi đến từ phương xa; hoặc là nhóm những sinh viên "cánh tả" ở Huế và Đà Nẵng, vài người trong đó sống bằng tình trạng công dân hợp pháp chỉ được chính quyền tính cho hàng ngày. Thường xuyên sống ở *Tuyệt Tình Cốc* chỉ có Đinh Cường và tôi. Lâu nay Cường vẫn thuê phòng sống ở Huế, lúc này dời về *Tuyệt Tình Cốc* của tôi, dù ở đây chật hẹp, không có chỗ để Cường bày tranh. Lý do là, ở Cường vẫn tồn tại một con người lang bạt thuộc về những Modigliani, hoặc Levithan, thường vẽ ở gầm cầu thang và hầm rượu; lý do khác quyến rũ hơn, Cường luôn mang máng thấy mình đã bị gia Tình hoa đâm phải, cần về "dưỡng bệnh" ở *Tuyệt Tình Cốc*. Nhóm sinh viên của Phan dời sang gian bên kia; gian đầu hè này được bày biện lại theo "mốt Đinh Cường": phản gỗ hạ xuống sát mặt đất, bàn bày thấp, hoa huệ tây, chân dung sơn dầu của một vài cô gái, chao đèn bằng tre, và khi có bạn rượu đến chơi thì thắp nến.

Người đến và đi thường để lại những dòng chữ nguệch ngoạc trên vách *Tuyệt Tình Cốc*: thơ hiện sinh, thơ tranh đấu..., tùy thích, hoặc chỉ một chữ ký gọi là "tôi đã ghé qua đây". Ngô Kha để lại một bài thơ rất hay, bài thơ sau đó tuyệt tích cùng với cái chết đột ngột của thi sĩ. Tôi ghi lại một đoạn theo trí nhớ:

Lần hồi sinh trên con tàu lần cuối cùng
Chung quanh anh phù sa cát đỏ
Anh hỏi thầm về đời mình
- Gỗ đá có buồn không?
- Chim chóc có buồn không?

Thơ kháng chiến lúc này là thời thượng của sinh viên tranh đấu, trên vách có từng mảng *Lời Mẹ Dặn* của Phùng Quán, và *Tây Tiến* của Quang Dũng... Trần Quang Long khi ở tù về, viết lên vách một bài thơ của Hoàng Cầm, học được từ những người tù sống chung ở lao Thừa Phủ. Bài thơ này rất lạ, đến nỗi nhiều vị tinh thông văn học thời chống Pháp ở miền Bắc, cỡ như Phùng Quán, đều quả quyết với tôi rằng Hoàng Cầm chưa bao giờ làm bài thơ đó. Mãi sau này, khi gặp chính nhà thơ ở Hà Nội, tôi hỏi về bài thơ "Thánh Gióng", anh thản nhiên đáp: "Tôi không biết". Tôi bèn đọc lại nguyên bài thơ, Hoàng Cầm gật đầu nhẹ nhàng: "Thế thì đúng, bài thơ tôi viết cho báo tường hồi ở Quân khu 3". Tôi chép lại, đúng nguyên bản của nó đã được lưu

truyền ở *Tuyệt Tình Cốc* cách đây ba mươi năm:

Chuyện cũ kể rằng tan giặc Ân
Thánh Gióng vứt lại cả giáp trận
Chỉ cưỡi ngựa quý mà đằng vân
Thánh Gióng không cưỡi lên công trận
Không làm vua chúa cưỡi đầu dân
Nhưng khi đất nước gặp can qua
Trăm nghìn tháng Gióng lại xông ra
Yêu nước sá chi điều vụn vặt.

Những cuộc tao ngộ đầy không khí "thời đại" thường diễn ra ở *Tuyệt Tình Cốc.*

Một buổi tối mùa thu năm 1965, Huế đang rục rịch chuẩn bị cuộc đấu tranh chống lại chính quyền quân phiệt của hai tướng Thiệu-Kỳ vừa lên nắm quyền. Thế Uyên từ Sài Gòn ra chơi, có ý tìm hiểu xu thế chính trị của sinh viên Huế đối với quân viễn chinh Mỹ vừa đổ bộ vào miền Nam, và thuyết phục tôi không nên hướng mũi nhọn vào "người Mỹ" lúc này, như thế chỉ lợi cho Cộng Sản. Dũng - tức Thế Uyên - là bạn học của tôi thời Sư Phạm và Văn Khoa Sài Gòn, người dong dỏng cao, gương mặt sớm phong trần, và có số đào hoa như tất cả những nhà văn trẻ thời đó. Tôi thường đến căn gác lộn xộn của Dũng để đàm luận văn chương, và bút hiệu "Thế Uyên" có lẽ xuất hiện lần đầu dưới truyện ngắn "*Gió Ngoài Hành Lang*", chất lãng mạn pha chút tình dục rất mới. Có lần Dũng bảo tôi thử định nghĩa "Tình yêu là gì?". Tôi nói, đúng khẩu khí:

– Tình yêu là sự nối kết giữa hai người cùng chiến đấu chống lại cái chết.

Thế Uyên cười mũi:

– Con gái nó không mê mấy thằng cha Triết là phải. Hãy nói như Sagan: "Tình yêu là tất cả những gì xảy ra giữa hai người bên nhau".

Qua hai năm sôi động của phong trào đô thị sau cái chết của ông Diệm, quan điểm về cuộc chiến tranh Việt Nam giữa chúng tôi đã đối lập nhau, nhưng bạn vẫn cứ là bạn, và tôi rủ Thế Uyên ra Huế chơi. Chúng tôi vừa cãi nhau tưng bừng ở Tổng Hội Sinh Viên, xong cuộc tôi mời Thế Uyên tới chơi văn nghệ ở *Tuyệt Tình Cốc*, như "vẫn là bạn". Tối hôm ấy đủ mặt anh hào xứ Huế: Đinh Cường, Trịnh Công Sơn, chị Túy Hồng, Trần Vàng Sao, Trần Quang Long, Nguyễn Đắc Xuân, Trần Xuân Kiêm (Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Huế), Lê Thanh Xuân, Hoàng Phủ Ngọc Phan, và một vài người mới đến lần đầu, tôi không nhớ tên. Nói là "văn nghệ nhẹ nhàng" thôi, nhưng máu Huế vẫn chứng nào tật nấy, chỉ mươi phút sau là *hội thảo* ngay tức khắc. Có ba trường phái cùng tranh luận trong khói thuốc đặc quánh:

– *Phái Đồng minh*: Phải liên kết với Mỹ để tạo một "lá mộc" mạnh, từ đó những người quốc gia đủ thời giờ tiến hành một cuộc "cách-mạng-xã-hội-không-Cộng-sản" (từ này vừa xuất hiện ở miền Nam trên tạp chí *Hành Trình*,

ra đời ở Đà lạt cách đó mấy tháng).

– *Phái Trung lập*: Chống chiến tranh bất cứ từ đâu tới, hòa bình ngay bây giờ, để chấm dứt "trầm thống dân tộc". Quan điểm này được nhìn dưới mắt các vị "Đồng minh" là tiếp tay cho Cộng Sản.

– *Phái chống Mỹ*: Bất cứ quân đội ngoại bang nào kéo tới giầy xéo đất nước thì sử sách đều gọi là "quân xâm lược", dân tộc Việt Nam dù dưới triều đại nào cũng đứng lên đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc. Đó là triết học của người Việt. Còn chuyện nội bộ dân tộc sẽ hạ hồi phân giải giữa các chính khách, sinh viên không làm chính trị.

Đại thể về xu hướng là thế, còn nói năng thì tùy phong cách của từng người, từ cực hữu đến cực tả. Đặc biệt là phái chống Mỹ, thường gây mất trật tự, vì đông và hay nổi nóng. Tuy vậy không khí buổi tối vẫn diễn ra như một cuộc "tâm sự chính trị" giữa những người trẻ có chính kiến khác biệt nhau nghĩ về vận nước theo cách của mình, không tham vọng, không bè phái; kể cả Thế Uyên, tôi biết.

Chen vào giữa là thơ và nhạc, có *Mười Bài Tâm Ca* của Phạm Duy do chính tác giả hát từ chiếc máy ghi âm nhỏ xíu của Nguyễn Đắc Xuân. Tâm Ca lúc này đang chiếm lĩnh môi trường đại học, được giới trẻ thuộc "phái trầm thống" sùng bái như đạo ca; đồng thời cũng gặp phản ứng phê phán từ các nhóm cánh tả, rằng Tâm Ca là một thủ pháp tâm lý chiến nhằm xả xú báp đỡ đòn cho quân đội Mỹ. Thành thực nói là tôi không mê Tâm Ca lắm ngay từ đầu, trừ bài "Giọt Mưa Trên Lá"; dù chỉ hát bởi một người, bài hát này vẫn gợi trong tôi âm hưởng rộng lớn và trang nghiêm của một dàn đồng ca nhà thờ đêm Noel.

Trịnh Công Sơn hát một bài mới, bài *Vết Lăn Trầm. "Đá lăn vết lăn trầm. Từ cơn đau ấy lưu thân mỏi mòn. Ôi mắt thầm van xin lời thánh đêm. Bài ca dao trên cồn đá, trên ngai vàng quê nhà một thời ngủ yên tuổi xanh... Rồi một hôm..."*

Thế Uyên bị thu hút hoàn toàn bởi giai điệu buồn sang trọng và ý tưởng sâu thẳm của bài hát, hỏi tôi: "Trịnh Công Sơn là ai?". Tôi đáp: "Là người sẽ nổi tiếng nhất trong tất cả mọi người". Thế Uyên gật đầu: "Có lẽ Sơn gần với thế hệ tụi mình hơn là ông Phạm Duy". Tôi: "Phạm Duy là nghệ sĩ lãng mạn của muôn đời, nhưng sẽ là nhà cổ điển đối với Trịnh Công Sơn". Tôi dùng từ "cổ điển" với ý nghĩa "kính nhi" của lớp trẻ.

Tôi nghĩ rằng sau khi rời Huế trở về Sài Gòn, cái gì là "vấn đề" còn đọng lại trong Thế Uyên thì đấy chính là tiếng hát Trịnh Công Sơn. Khác với mấy bài trước (chưa nhiều lắm, hay nhất là *Biển Nhớ*) đều là những bài tình buồn, *Vết Lăn Trầm* bắt đầu tiếp cận nỗi bất hạnh của một tuổi trẻ bị cuốn hút vào cơn lốc của chinh chiến, và đấy là bài hát mở đầu nội dung phản chiến của nhạc Trịnh Công Sơn. Buổi tối kết thúc và chúng tôi kéo nhau đi cà phê Dung.

Mười năm sau chiến tranh, tôi nhận được một số báo *Đoàn Kết* của hội người Việt Nam ở Pháp, trong đó có in bài thơ *Đọc thơ T nhớ bạn xưa*, hoài

tưởng về đêm *Tuyệt Tình Cốc* năm xưa ấy, của một người mà hồi nãy tôi chưa nhắc đến. Bài thơ sau đây:

Năm xưa, lều cỏ, dăm thằng bạn
Góp lửa soi chung một quãng đường
Mà nay, lửa tắt, tình lây lất
Lỡ cố nhân và lỗi cố hương

Bài thơ ký tên Nam Chi, tức là nhà văn Đặng Tiến.

*

Sau những tháng huyên náo, *Tuyệt Tình Cốc* trở về trong yên tịch rất thảo lư của nó. Nguyên tắc "cấm lai vãng" đã mất hiệu lực một cách hồn nhiên, bây giờ lều cỏ thấp thoáng vào ra những bóng hồng. Đây là thời gian thơ mộng nhất của Cường và của tôi, của tình ái đam mê, của ngao du giang hồ, và những ngày lang thang trở về ngủ thiếp trong mùi hương liêu trai Tĩnh hoa.

Một chiều gió may cuối thu, trên sân rêu hiu quạnh tôi đang một mình đăm đăm trông nhạn về, thì nhận được thư của Anne. Thư vẫn thế, chữ đẹp, viết bằng giấy xanh mực tím. Nhưng bức thư mang đến đến cho tôi một tin kinh hoàng, qua đó tôi biết rằng Anne viết lúc sắp từ giã cõi đời, phong thư nhờ người phu xích lô thả ở bưu điện lúc quay về, với lời cầu "Xin mặt trời ngủ yên". Tôi bàng hoàng điện nhờ người bạn thân thông báo tình hình mới nhất, may biết Anne đã được cứu thoát. Tôi bay vào Sài Gòn an ủi cô, rồi quay về Huế ngay để lo cho một tờ báo sắp ra đời. Tôi không kịp trở lại với Anne như đã hẹn, vì sau đó cuộc đấu tranh đã nổ ra, và đến phút chót, tôi ra đi. Thật không ngờ ngày tái ngộ ở Sài Gòn tôi mới biết rằng Anne đã trở thành một Vici tóc dài, tù biệt giam Côn Đảo bảy năm, vừa trở về thành phố ngày giải phóng. Anne không hoạt động trong phong trào Huế, nhưng nỗi vui nỗi lo của cô dõi theo từng nỗi thăng trầm của *Tuyệt Tình Cốc*; tôi xem Anne như là sư muội của "môn phái"; với khả năng quyết liệt của những người mơ mộng.

Mùa xuân năm 1966, sinh thái của *Tuyệt Tình Cốc* chuyển sang nhịp động của phong trào ly khai của miền Trung bùng nổ tại Huế. tạp chí *Việt Nam Việt Nam* ra đời, với nhóm chủ biên gồm những người trí thức và sinh viên cấp tiến, một mình một thế giữa phong trào, thẳng thừng lên án cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Lần đầu tiên trên báo chí công khai ở miền Nam, VNVN đường hoàng nói trước quyền lực từ mọi phía, rằng người Mỹ không phải là *Đồng minh*, mà chính là kẻ *Xâm lược* tổ quốc. Riêng tôi, qua tờ báo này, tôi muốn minh bạch với Thế Uyên về chuyện "đồng minh" trong cuộc tranh luận nửa vời vào mùa Thu năm trước, cùng với bài viết của ông bạn tôi

trên báo Sài Gòn sau đó về nhóm *Tuyệt Tình Cốc*. Nhân đây, tôi muốn quay lại nói một điều với người bạn cũ. Luận điểm "đồng minh" cả tôi và Thế Uyên đều đã được học tập từ thời ông Diệm mới lên làm Tổng thống, cũng "dựa vào Mỹ", cũng thăng tiến cần lao, đồng tiến xã hội... Cuộc "cách mạng xã hội" đó, thời hoàng kim ông Diệm không làm nổi, thì đến thời cả Thế Uyên cũng phải ra trận, sao làm nổi? Thế Uyên chiến trận mòn trán lỏng gối cho tới cuối cuộc chiến; chỉ có mười ngày phép của người lính để làm cách-mạng-xã-hội thôi, thì giờ còn lại để đi đánh nhau. Vậy thì Thế Uyên "dựa vào Mỹ" để thực thi cuộc cách mạng hay là Mỹ "dựa vào" Thế Uyên để đánh nhau? Đó là ảo tưởng, hay là ngụy biện? *Dũng ạ, nhân đọc cuốn sách Dũng mới in ở Mỹ, có nhắc đến Tuyệt Tình Cốc, ta cũng nói lại cho vui; Dũng bảo ta có tạng "thích tranh luận" mà! Nhưng cả Dũng và ta bây giờ tóc cũng đã bạc, nói "tranh luận", chẳng qua là mấy bác ngư tiều ngồi uống rượu bên sông bàn câu chuyện cũ thời Tam Quốc, "Cổn cổn trường giang đông thệ thủy lãng ba đào tận anh hùng" đó thôi.*

Ngôi thảo lư bây giờ đã chấm dứt mùa đàn đúm, trở thành tòa soạn và "nhà in" của tạp chí. Ngày mãi bận đốc hồ đô huyện với phong trào, chúng tôi làm việc suốt đêm, giữ bí mật để tờ báo khỏi bị tịch thu trước khi nó được tung ra trước công chúng. Khi VNVN đưa đến tận Sài Gòn và các tỉnh miền Trung, toàn ban biên tập bị đặt trong thế "Không bảo đảm về an ninh tính mạng" trước chính quyền, thực ra là tổ chức an ninh quân đội của tướng Nguyễn Chánh Thi.

Một đêm khuya giữa những ngày sắp diễn ra cuộc hành quân đàn áp của chính quyền trung ương Sài Gòn, Tú đến *Tuyệt Tình Cốc* tìm gặp tôi. Tú gốc Nghệ An vượt tuyến sau 54, là học trò cũ của tôi thời tôi dạy ở trường Võ Trường Toản Sài Gòn, sau này thêm hai năm cuối trung học ở Quốc Học Huế; và giữa chúng tôi vẫn giữ những kỷ niệm thầy trò thực đằm thắm. Tôi tóm tắt câu chuyện giữa Tú và tôi đêm ấy:

– Thầy có gia nhập một tổ chức yêu nước phải không?

– Dĩ nhiên là có.

– Tổ chức nào? Thầy cho con biết được không?

– Tổng hội sinh viên Huế.

– Thế mà lâu nay con cứ nghĩ là thầy đang ở trong một tổ chức yêu nước có qyền lực nào đó. Con biết chính xác là tờ *Việt Nam Việt Nam* đang đặt thầy trước những nguy hiểm nghiêm trọng từ phía những lực lượng chống Cộng. Tổng hội sinh viên làm sao bảo vệ cho thầy khi ông Thiệu, ông Kỳ đưa quân ra Huế? Bây giờ con thấy con phải lo cho thầy.

Tú thông báo kế hoạch: Tú sẽ trao cho tôi một chiếc áo dòng để ngụy trang lúc cuộc càn quét bắt đầu ở Huế. Tú sẽ đưa tôi đến ẩn náu ở một nhà thờ xa thành phố, sau đó tôi sẽ thoát thân vào Sài Gòn, hoặc có phải ra tòa cũng không sao, chỉ cần tránh thời điểm tranh tối tranh sáng rất nguy hiểm. "Thưa thầy, con là một thằng Nghệ An, làm chi thì làm nhưng nó không bao giờ phản lại thầy của nó, một khi nó thực sự xem là thầy. Thầy hãy tin ở con,

đây là việc tối thiểu con phải làm để trả nghĩa thầy". Tôi nhận lời để Tú vui lòng. Dù nhiều bạn bè cười tôi là người ngây thơ chính trị, cho đến bây giờ tôi vẫn tin rằng người học trò cũ ấy quả thành thực lo cho số phận của tôi. Tôi có trực giác bén nhạy để tin vào một điều đơn giản hằng có nơi mỗi con người, là *tấm lòng*. Dĩ nhiên ở đây chỉ riêng trong quan hệ giữa Tú và tôi.

Còn sau này, qua tin tức hải ngoại, tôi được biết Tú hoặc là Kim, Nguyễn Văn Kim, đang tham gia nhiều tổ chức chống Cộng cực đoan, kích động thù hận dân tộc tới cùng. Tôi không ngờ đã có một người học trò dữ dằn đến như vậy. Sao lại thế? Quyền của Tú thôi, dĩ nhiên, nhưng đừng quên rằng dù sao, Tú cũng đã có một thời cắp sách đến trường.

*

Mười năm sau hết chiến tranh, tôi quay lại *Tuyệt Tình Cốc*. Ngôi lều cỏ không ai trông (ba mẹ tôi đã bị chính quyền bắt buộc rời Huế và dời vào Long Thành, Bà Rịa - lúc ấy vẫn chưa giải phóng), cũng không ai dám tới ở trong bao nhiêu năm; bây giờ nhà xiêu vách đổ, cỏ ống mọc lút cả chân thềm. Nhiều mùa lụt đã tràn qua đây, nước dâng ngập ngôi nhà vô chủ, và xóa đi hết những bài thơ bạn bè tôi ghi trên vách *Tuyệt Tình Cốc*. Chỉ còn lại nham nhở trên cao, nét chữ của Trần Quang Long với mấy câu thơ Hoàng Cầm: "*Thánh Gióng không cưỡi lên công trận - Không làm vua chúa cưỡi đầu dân*".

Trong góc sân, cây dạ hương vẫn còn, cao lớn hẳn lên giữa cỏ um, nở hoa một mình. Tôi đến gần cây hoa để đón nhận hương thơm lặng lẽ của nó. Như một cố nhân, Tình hoa vẫn ấp ủ giùm tôi trong hương phấn riêng, ôi những năm tháng sống say mê và âm ỉ mộng đầy trời...

HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG
(Huế, tiết Lập Đông 11/94))



BÙI CHÍ VINH

ngó lại tiền nhân

Với trí nhớ của Lê Quí Đôn
cái đầu của Cao Bá Quát
lại thêm Tú Xương chút mùi khinh bạc
ta đem thân ta đùa giỡn với công hầu

ta cấm "bể xanh hóa thành ruộng dâu"
cho người có muối và cho tằm có lá
ta cấm cửa những nhà thơ đon đả
Nguyễn Công Trứ làm quan chỉ thích được vì thần

ta cấm cửa những nhà thơ kể cả
Nguyễn Khuyến về già tan hết mộng chăn dân
"Trường Giang như kiếm lập thanh thiên"
ta thương Chu Thần phải tuốt gươm làm giặc
ta thương mặt trời bị chôn xuống đất
cho lũ hủ nho nhà Nguyễn mặc hoàng bào
ta thương mặt trăng gặp phải thời nguyệt thực
cho lũ nịnh thầm lấm tấm mọc như sao

Ta thương anh hùng ở "phố Hàng Nâu"
giả làm phổng sành mặt mày lơ láo
ta thương "Ngọa Long Cương" giả say bên chén rượu
không dám ngâm thơ sợ lộ cốt Rồng
ta thương bậc Tú Tài quân tử
mượn áo giang hồ đùa lũ Trạng tiểu nhân

Ta có lời xin lỗi Trần Tử Ngang
hà tất phải "Độc sảng nhiên nhi thế hạ"
"Niệm thiên địa chi du du...", bạn niệm một mình thì phí quá
ta chẻ đầu ta chia hết thảy mọi người
thế gian này những kẻ bình thiên hạ
có còn gan, dùmặt để rong chơi
có giống Quát khắc thơ vào vách đá
có như Xương nhét chữ xuống mông ngồi
và có dám như ta, đọc những lời khí phách
rồi rủ Hồ Xuân Hương chơi cờ tướng tay đôi!

BÙI CHÍ VINH



NGUYỄN MẠNH TRINH

mưa, ở một chỗ nào khác

dường như mưa ở một chỗ nào khác
không phải mặt đường vỡ toang những hình dạng riêng
trò tinh nghịch đuổi bắt hoài vệt đèn vàng lạnh
bước chân và những con còng
mơ hồ nối đuôi nhau thành mặt cát chao nghiêng

Hắn vạch thành luống bao nhiêu rễ toan tính
kẻ lạ mặt kia muốn nói điều gì
cơn lốc vỡ toang trong lồng ngực quá hẹp
màu nhựa đen lướt thướt
nhớ đến tuổi bốn mươi tám chợt nhói hồ nghi

lẫn lộn chuỗi chuỗi nối tiếp nhau nhịp thở
có mùi hương nào man mác bàng hoàng
ngón tay sơn đỏ chói trườn theo lưỡi rắn
xôn xao địa đàng đánh thức trái táo vết cắn
vệt son nhòe trên môi dấu tích vỡ tan.

Dường như mưa ướt bờ vai trần viền khuôn dáng núi
bầu ngực tròn dựng đứng dấu tay
lũng rất sâu cỏ cỏ hoang sơ lau lách
gọi hú thịt da tiếng khản đặc như
con đường vòng chạy lạc trong rừng bụi mất hướng
đông tây

Nước đập dập bỗng dưng sôi réo ầm ầm thịnh nộ
buổi sáng vỡ toang buổi chiều bốc ra hơi
chúng ta nồi nung nhiệt kế kim không còn chỗ đứng
trôi chảy dạt về đâu
tìm kiếm hoài mãi mãi đời không có chỗ ngồi.

Mưa, những điệp khúc nối tiếp những điệp khúc
nốt nhạc chát chúa của băng nhựa cũ mòn
tự hỏi, mưa có phải ở một chỗ nào khác
thí dụ, trên trái đất hình vuông
để không phí công như Galilée cố nắn cho tròn.

NGUYỄN MẠNH TRINH
(1/1995)



DU TỬ LÊ

riêng: biệt ly... quá đỗi



"mọi thứ cũng thường thôi
riêng: biệt ly...quá đỗi."
thơ dtl.

Con đường Cherry. Cỏ ngửa mặt đón bụi phấn nước, búng đi từ những ngón tay sương sớm. Những cọng cúc dại cũng lí lắt duỗn mình, đón nhận hơi thở núi. Khu chung cư hai tầng, đỏm dáng với cột và, nẹp gỗ nâu còn ướt, khươn giấc ngủ nướng. Toàn cảnh: xộc xệch mệt mỏi, trễ nải, chảy xệ như vẻ đẹp ửng chiều của một thiếu phụ nhan sắc, lúc chiếc xe người đàn ông, dừng lại. Lần này, anh tuồng thuộc, thạo hơn. Không thuộc, thạo sao được khi tối qua, anh mới đưa người con gái về. Trí nhớ anh còn bập bềnh môi hôn. Những nụ hôn khát, rực. Những nụ hôn làm người con gái tối tăm mặt mũi. Người con gái không kịp có phản ứng nào khác hơn (cỏ ngửa cổ, hoa duỗn mình) khứng nhận. Những ngón tay người đàn ông, như được hướng dẫn bởi những đêm mưa xa/ ngày gió cũ/ biển sau lưng/ rừng khuất mặt/ gối chăn trơ/ ngậm ngùi gió/ vắng xa điên/ ghen tuông trắng/...

Những ngón tay người đàn ông chạy trên thân thể người con gái. Những ngón tay cuồng nhiệt giận hờn ngừng trên ngực /vai / bụng nàng. Những ngón tay đuối trong mùi hương/ hồi sinh sức ghì xiết. Không thuộc, thạo sao được, khi thấy lại nhau (nơi cả hai người) là, thấy lại điều tưởng mất. Khi hít thở được mùi nhau (nơi cả hai người,) là, hít thở được mùi bên thịt da bên kia bức tường bẵn bặt. Lồng ngực căng phồng/ trái tim nở nang/ chiều cao tăng trưởng/ gấp bội. Tựa mỗi đứa đã thành một người khổng lồ, lênh khênh, vượt bỏ đám đông, nhân loại nhúc, nhúc dưới chân. Không thuộc, thạo sao được,

khi chia tay, buổi tối, là, chia tay mở ra cửa khác (dù người đàn ông ngồi trong xe nhìn theo dáng người con gái tỏa niềm vui nhún nhẩy, khuất giữa những hàng rào cây thấp,) ngay khi cánh cửa trên tầng lầu khép lại, xoá tắt vạt đèn. Cửa khác đã mở ngay từ môi hôn chia tay/ hẹn hò thấy trước/ thịt da hấp nóng suốt khoảng cách thời gian giữa hai buổi hẹn.

Cỏ ngửa mặt đón bụi phấn nước búng đi từ những ngón tay sương sớm. Người đàn ông ngửa mặt đón mùi hương/ người con gái/ xuất hiện từ con đường nhỏ, dẫn ra cửa chính chung cư. Nàng, như con sóc hớn hở trên đôi chân thơ ngây, làm sớm mai tưởng cũng hớn hở theo. Qua khung cửa xe, người con gái (lí lắt) trao người đàn ông bông cúc dại. Hoa: vàng ngọt. Nàng: trắng thơm. Mùi con nít. Người đàn ông không chờ được, dù biết nàng sợ chung cư/ nhỏ bạn/ chồng bạn/ chòm xóm... Chàng ôm lấy: khối bông gòn, nõn, sớm mai. Chàng dúi mặt vào cổ nàng (như con nít) tìm hơi mẹ. Chàng tìm thấy, mùi tóc ngắn/ *shampoo*/ son/ phấn/ nước hoa. Chàng tìm thấy, mùi đêm thao thức, chảy nóng thịt da/ những cồn cào, muốn điên, điện thoại/ những tháng ngày cầm bằng, để mất. Nàng ôm chàng. Dường nàng không thể chống trả sức hút của cơn bão (?) (Hay xa vắng bần bặt đã dậy bảo nàng về những phỉnh gạt đốn mạt đương nhiên của ngày mai? Thứ ngày mai, không có trong cuộc tình hai người?) Môi tìm nhau. Môi muốn khóc.

Người con gái nói: *"Đi đi anh."* Tiếng nói chĩu nặng những lượng máu rần rật chạy trên khuôn mặt đỏ gắt. *"Có những đêm ta tưởng không cách gì qua được."* Người đàn ông nói. *"Em cũng vậy. Ngâu không chịu ngủ phòng mình. Em mong tiếng đập cửa. Mang em đi."* *"Và đồng thời, sợ hãi?"* Người con gái nghiêng đầu: *"Điều gì?"* *"Tiếng gõ."* *"Em đã quen."* *"Thất vọng?"* *"Anh nghĩ chúng ta cũng có thể có được một khuôn mặt khác?"* Người con gái hỏi. Người đàn ông nhả tiếng thở dài theo hơi thuốc lá. Niềm vui của họ, cũng hiếm hoi, như những gặp gỡ. *"Thảm kịch được gọi bằng nhiều tên. Do con người bịa đặt. Nhưng rốt ráo, vẫn chỉ một khuôn mặt,"* người con gái nói tiếp. *"Và, chúng ta chỉ có thể có được cho mình, chia lìa làm điểm hẹn?" Xe rời khu chung cư. Nhập lộ chính. Những bông hoa magnolia héo, rủ, giống những chiếc ly xữ làm bằng giấy cạc tông trắng, méo xẹo, úp ngược. Người con gái cầm tay người đàn ông, dịu dàng đặt lên ngực nàng: "Tội nghiệp em.* " Trái tim (hay ngón tay người đàn ông) đập, đập. Tiếng gõ buồn trên một khuôn cửa tò vò kín bưng, không khe hở nhỏ. Tiếng gõ mất hút. Chẳng âm vang. Tựa bên kia khung cửa là khoảng không hút, hút. Xe chạy chậm, đuối sức. Người con gái đăm đắm với, sớm mai hừng chân trời. Giọng nàng đều, như tiếng máy nổ rù rì, hay tiếng lâm râm đọc kinh cầu nguyện mỗi tối. Những hồi kinh "*lậy Cha,*" kinh "*kính mừng.*" Những hồi kinh đêm, ngày của ngoại, không đủ sức nâng, giất tâm hồn xa thấp (u mê?) của đứa cháu bất hạnh, trên ba mươi năm làm người, tuỳ tiện. Đứa cháu chỉ ước được sống một ngày bình yên. Một ngày cho những mơ mộng, khát khao có từ thời mới lớn. Những hồi kinh không đủ sức chuộc lại trái tim người đứa cháu gái thoát, lìa tâm bão cuộc tình tay ba;, rời, trốn vùng quỷ ám.

Người con gái tả hình ảnh bà ngoại, ngồi trên giường, đứa cháu ngồi dưới chân. Cụ không ngừng lần chuỗi. Điểm xuyết giữa câu chuyện của cháu là, điệp khúc "*ối giời đất ơi,*" tựa những dấu chấm bắt buộc một đoạn văn hoặc, nhịp ngắt cần thiết trong một bản nhạc, cho người ca sĩ lấy hơi. chuyện kể, người con gái yêu một người đàn ông có gia đình. Người đàn ông mà, người con gái gần, xa cho bà ngoại ngầm hiểu đó là, một tình yêu lớn lao (bất trắc/ nguy nàn?) Là, kiếm tìm, chờ đợi ba mươi năm của nàng. Là, định mệnh (như hồi chuông báo tử?) thử thách nàng. Là, địa ngục, nàng quyết định, bước tới. Chuyện kể, nàng bị người đàn bà hiện chung sống với người đàn ông, làm nhục. Chuyện kể, nàng khổ sở, nhục nhã, nhưng không vì thế, bớt yêu. Cũng không vì thế, nàng muốn quăng bỏ, như quăng bỏ một món đồ cũ kỹ, cồng kềnh, hại nát... Ngược lại, đằng khác.

Ngọn lửa tình yêu /đôi khi/ được thắp bởi chất hơi đốt tự ái nên, đạt được, cũng chỉ là thất vọng.

Câu chuyện, trước sau, được kể bằng giọng đều, đều (như tiếng máy xe rù rì chạy hết nổi) nhưng có lúc, ngoại nàng không thể (nhãng quên?) lập lại "điệp khúc," "*ối giời đất ơi,*" mà, bỗng dưng bưng bộ ngực lép. (có lần nàng vén áo cụ lên, ngạc nhiên thấy ngực cụ có phần "tươi tốt" hơn xưa, nàng chọc: *"Ấy chết! chuyện gì bất thường gì đây?"* Cụ thản nhiên (giả bộ?) mặc đứa cháu gái vân vê hai đầu ti nhăn nheo, như vân vê hai núm cao su; chép miệng, vênh mặt: *"Lậy Chúa. Có gì đâu. Hễ khi béo ra thì nó cũng to theo ấy mà."* Nàng kể, ông ngoại đi kháng chiến, không tin tức, khi cụ còn rất trẻ. Cụ ở vậy, nuôi bốn đứa con. Niềm hãnh diện của cụ, không là sự nên người của con cái. Thực phẩm nuôi sống cụ là, tấm lòng thuỷ chung và, niềm tin được vào Nước Chúa. Đứa cháu gái xinh xắn, lớn lên trong tàng rợp hắt hiu của ngoại cùng, tình thương yêu cay xé của cha, nên, ở quê người, nó nhìn ngoại, như đôi vai êm ả, tin cậy nhất để ngả đầu. Nó không muốn dấu (hay cần phải nói vì không có ai để nói?) một chuyện gì.

Nàng kể: *"Ngoại bảo, ngoại không muốn em gặp anh. Ngoại không muốn thấy em đọa địa ngục. Dù em biết, sẽ chẳng có một nơi chốn nào khác, cho em, ngoài nơi chốn kia, sau cảnh đời này,"* người con gái kết luận. *"Em phải trốn đấy. Em nói dối ngoại, lên đây thăm Ngâu. Ngâu sắp lấy chồng. Nó cần em. Em phải gặp nó, một lần, trước khi nó thuộc về kẻ khác. Dù sự có mặt của em, biết đâu chừng, lại chả giống con quạ đen, loan báo điềm dữ..."*

Người đàn ông bật cười trước ví von thậm xưng, tự nhận. Chàng không thể không hôn (cắn) đôi môi lúc nào cũng cong cớn, như bông loa kèn, chỉ nở một cánh. "*Ngày nào, tới phiên em. Ngâu cũng cần gặp em, trước khi em thuộc về kẻ khác. Và, khi đó sự có mặt của ngâu, giống con... gà, báo điềm lúc nhúc...?*" Người con gái không cười. Mặt nàng không ánh chút niềm vui, như người đàn ông đinh ninh. Nàng xụ ra. Búp loa kèn cúi xuống. Cánh nở, chẳng nhờ vậy, mà, khép được đôi chút. *"Ngâu biết em đã thuộc về kẻ khác. Nó biết liền. Ngay khi em loan tin, gặp anh. Nó bảo, mi sẽ khổ. Giờ đền tội điểm rồi, con ạ." "Và, em tin?" "Không,"* người con gái trả lời, qủa quyết. *"Như anh*

không tin, em cần, em tha thiết, em khát khao hơn anh, những nào...Như ngoại không tin em lên đây, chỉ vì Ngâu. Và, ngoại cũng chẳng biết phải làm gì khác hơn, cầu nguyện cho em, gươm về địa ngục..."

Sương tiếp tục búng những hạt bụi nước lên mặt cỏ. Cúc dại, như những chấm sơn vàng vấy trên nền vải xanh, dệt bằng sợi bố.

Con đường Pointsettia. Không một dấu vết cho thấy hai bên đường hẹp, trước đây, từng có sự hiện diện của những cây nguyệt quế. Một bên, sâu trong, con dốc thoải, dẫn ngược lên ngọn đồi cao. Dăm cây xuân đàng, sừng sững, chằng chịt gân gỗ nổi vồng, tựa những cánh tay bằng xi măng, đắp thêm, chứ không liên hệ gì với gốc. Một bên, ruộng dâu tàn, đã cầy xới, đánh luống, cho mùa gieo hạt đậu phọng(?) Hai nhân vật dừng chân, ngồi xuống gốc cây gạo. Gai nhọn tua tủa chĩa ra, tuồng toàn thể thân cây được quấn bởi một miếng da thuộc, màu ngà voi, ghim sẵn hàng đinh sắt. Họ e dè, ngồi xuống. Nhân vật một: "Anh thường lui tới chỗ này?"

Nhân vật hai: "Rất họa hiếm."

Nhân vật một: "Nghĩa là có."

Nhân vật hai: "Ừ."

Nhân vật một: "Với ai?"

Nhân vật hai: "Chết rồi."

Nhân vật một: "Như em một ngày nào?"

Nhân vật hai: "Ai nói?"

Nhân vật một: "Đâu nhất thiết phải uống hết nước, mới biết biển mặn."

Nhân vật hai ngó lơ ngọn đồi. Nơi những cây xuân đàng đứng bóng. Gió lay, giựt như nhắc nhở những chiếc lá to bản lì lợm chưa chịu rời cành.

Nhân vật một bứt, bứt một cách khó khăn những ngọn cỏ ngắn: "Trong anh, dường chỉ có chỗ cho những người vắng mặt?"

Nhân vật hai: "Với người chết, không ai làm được điều gì khác hơn thinh lặng."

Nhân vật một: "Cả những cái chết làm sạch trong môi trường ta thở?"

Nhân vật hai: "Thử nghĩ, không có cái chết, đời sống sẽ ra sao? Thú vật hay con người, chỉ khác cách sống."

Nhân vật một: "Gọi được là đời sống chăng (?), một người sống đời-sống-chết?" Nhân vật hai: "Còn tuỳ..."

Nhân vật một: "Thí dụ em?"

Nắng liu điu dưới cánh bầy ngỗng trời, trôi lặng lẽ như đám bông gòn, nếu không có đôi ba tiếng kêu lơ đễnh, thất thần, rớt xuống.

Nhân vật hai quay lại, tuồng muốn tìm hình ảnh mình trong đôi mắt như hai hạt nước nâu, sẫm: "Em chuẩn bị xa anh?"

Nhân vật một: "Không. Trái lại."

Nhân vật hai: "Như thế nào?"

Nhân vật một: "Mang em đi."

Nhân vật hai: "Lúc này?"

Nhân vật một: "Vâng. Ngay lúc này."

Nhân vật hai: "Đi đâu?" Nhân vật một: "Nơi của anh."

Những tấm *nylon* kẻ từng ô lớn trong ruộng dâu, hắt xuôi dòng nước sáng (ảo giác) vào cạnh kia luống đất; trong lúc những cây xuân đàng ôm rịt chiếc bóng sao cho khỏi tuột lăn đáy dốc.

Để tăng thêm sức đẩy, trọng lượng cho quan điểm của mình, nhân vật một tiếp: "Không phải lúc nào em cũng có được sự liều lĩnh."

Gió giữ khoảng cách, tốc độ một cách khá chính xác trong nỗ lực rao truyền tiếng hú, rên của những cánh rừng khuất mặt đâu đó (thay cho câu trả lời?)

Nhân vật một: "Không lẽ anh là người xô em xuống vực thẳm?"

Nhân vật hai, chậm dãi, từng tiếng: "Em quên, kẻ đầu tiên đào huyệt chôn ta, chính là những người ta thương nhất?"

Nhân vật một: "Trong khi ta lại chẳng thể biết trước điều gì, đời mình?"

Nhân vật hai gật đầu.

Nhân vật một: "Và, ta đang cùng đường?"

Nhân vật hai:"Trước mặt hay sau lưng, hiểu cách nào, vẫn là đường gạch thẳng."

Nhân vật một: "Đường thẳng là đường nối liền hai điểm..."

Nhân vật hai: "Đúng vậy. Cảm ơn em."

Nhân vật một: "Tội nghiệp em..."

Nhân vật hai tránh, không nhìn lâu đôi mắt đứng tròng, giọng bất lực: "Thế nào, cũng có một ngày..."

Nhân vật một, lập lại: " Tội nghiệp em."

Nhân vật hai, lạnh tanh: "Anh chờ. Vẫn chờ. Từ lâu."

Nhân vật một: "Anh."

Nhân vật hai, cố gắng làm ra vẻ dịu dàng bưng mặt người con gái; giữa lúc những giọt lệ bật, lăn khỏi đôi mắt đứng tròng, vẫn mở.

Nhân vật hai: "Đừng khóc."

Nhân vật một: "Phải anh đã quyết định?"

Nhân vật hai: "Không."

Nhân vật một: "Lúc này?"

Nhân vật hai: "Luôn lúc này."

Nhân vật một: "Anh dối lòng?"

Nhân vật hai: "Thiệt."

Nhân vật một: "Chắc thiệt nha."

Nhân vật hai: "Ừ. Đứa nào láo..."

Nhân vật một nhỏm dậy: "Em tin rồi." Cười toe. Nụ cười của đứa con nít, quen vòi vĩnh, "ta về đi."

Nhân vật hai: "Về đâu?"

Nhân vật một: "Nhà mình."

Nhân vật hai: "Nhà mình?"

Nhân vật một: "Bộ không phải?"

Nhân vật hai: "Phải chứ. Tại sao không?"
Họ về nơi chốn mà, cả hai cùng muốn gọi đó là "nhà mình."

Căn phòng. Gió rít qua những khe cửa sổ trên cao, gần sát mái. Ý niệm thời gian mất tiêu, như cố gắng không thành trong nỗ lực hình dung cuộc gặp gỡ người con gái đã không cá tính/ dung nhan, còn kệch cỡm với những câu nói vô duyên, trật búa của cô, tôi chẳng thể xác định điều gì làm tôi bật dậy? Tiếng sói tru/ bóng tối nhám/ ác mộng mịn/ mưa trịch thượng/ tay giận dữ (ai đó) gõ, đập xầm xầm, cửa chính? Tôi quờ quạng. Quyển sách. Chiếc gạt tàn. Bao thuốc lá. Quần áo. Bật lửa. Ly nước. Tô mì gói (ăn dở?)... Mỗi vật chạm tới, là, mỗi đánh thức cơn mệt mỏi mãn nguyện, niềm rã rượi êm ả, trong tôi. Làm như mỗi vật được nhận biết bởi những ngón tay, đều cùng lúc nhắc nhở tôi, về Kim. Tôi không thể qủa quyết Kim rời khỏi (?) Kim đã đi (bằng cách nào?) Kim còn đây(?) Có thể. Nhà tắm. Phòng khách. Sân sau. Lối xóm. Ý niệm không gian, với tôi lúc này, cũng mơ hồ như ý niệm về những nơi chốn chưa hề (hay rất quen) trong ký ức. Cách gì Kim vẫn đâu đây thôi. Đâu đây thôi. Thiệt mà. Chẳng phải Kim mới ngồi đó sao?

Chẳng phải Kim vừa kể tôi nghe, những ngày ngồi thiền trong một tu viện trên đồi gió? Định tâm chay trường, đã bước vào năm thứ hai. Những lời tán tỉnh xa xôi (không kém phần quyết liệt,) của ông Thầy trẻ tuổi. Nhận xét, phát biểu của Duyên về đám bạn trẻ quanh Kim, ở thành phố Blue Bonnette: Xưởng tranh của Trí. Ca đoàn của Phương. Sàn nhà của Bình. Những ngọn nến đỏ của Thuý. Tầng lầu thứ nhất, ngôi nhà giữa trang trại của An. Buổi sáng sương muối. Hàng rào kẽm gai. Con ngựa ốm, bơ vơ (như tầu ngựa.) Tiếng hát của Thanh-Giang và, chiếc lá mang về từ đảo Ga Lăng (lễ vật đính hôn ngày đám hỏi của họ.) Chiếc bánh sinh nhật của Lan. Hàm răng niềng chắc/ biểu lộ say đắm, dữ dội, bất cần/ những giọt lệ sốc nổi của Oanh, giữa chia tay phi trường/... Gì nữa? Gì nữa nhỉ? Đúng rồi. Còn con sông chở buổi chiều ghen tuông, trôi dưới cây cầu bắc ngang bầu trời nhấp nhô những cột khói xám, và, ý thức rất buồn bã của Kim:"*Em hiểu, em phải chia xẻ niềm vui cho người khác.*"

Chẳng phải chúng tôi vừa nghe lại, đọc cùng nhau một bài thơ cũ? Bài thơ nói về những tháng, ngày bắt đầu của tuổi ba mươi. Bài thơ, như một cánh cửa oan nghiệt, mở ra trong Kim một vùng (những vùng) nắng gió lãng mạn ướp muối, khi Kim mới đặt bước chân dậy thì, lên bậc cấp thứ nhất. Bài thơ/ Kim/ mười lăm tuổi giữa nội trú. Giữa tháng, ngày bắt đầu của những khám phá (mặc cảm, tự tin) nơi một thân thể, biến đổi; chuyển động từ sâu trong, tới những rung động, tưởng tượng, khát khao người khác phái. Một người nam không mặt mũi. Mà, mỗi nhớ tới, là mỗi run rẩy, thổn thức, muốn khóc.

Chẳng phải tôi vừa lắng nghe Kim nói về những cuốn sách "*mê lắm,*" "*yêu lắm*" của Kim? Những bản nhạc Kim thích. Những tiếng hát hợp và không. Nhận xét, phân tích từ Kim, nghe thôi, đủ thấy tận cùng cái hay hoặc, quá

chừng cái ẹ. Có thể tấm lòng thiết tha, trân trọng tới kính cẩn/ trái tim mẫn cảm/ khả năng thẩm định, đánh giá thiên bẩm/ giọng nói ngọt (pha lẫn nũng, ngọng, dăm ba chữ đớt) của Kim; hoặc tất cả, cộng chung, đã mang sinh động, linh hồn, sức sống thôi thúc vào những ghi nhận ấy?

Chẳng phải Kim vừa lập lại (không biết lần thứ bao nhiêu,) *"Kim mê chị A., chị ấy đẹp ghê chưa. Đẹp tới liêu trai đấy." "Kim cũng đẹp vậy." Không có đâu. Kim đâu bằng chị A. Anh mê chị ấy lắm phải không?" "Sao Kim hỏi vậy?" "Trước khi gặp anh, Kim nghe không biết bao nhiêu chuyện về chuyện anh và chị A." "Người ta nói gì?" Người ta... người ta bảo anh và chị ấy bị...bệnh." "Bị bệnh?" "Vâng." "Sa-đích phải không?" "Vâng. Kim xin lỗi. Ấy là Kim nghe người ta nói." "Có sao. Chính anh cũng nghe kia mà." "Nhưng Kim không tin. Kim chả tin tí nào." "Khờ vậy? Phải tin chớ." "Không. Một khi Kim không tin thì, chả ai bắt Kim tin được đâu." "Luôn anh?" "Dạ, vâng. Luôn anh nữa... Nhưng..." "Gì Kim?" "Anh còn yêu chị A.?" "Thắc mắc hay tò mò?" "Kim muốn biết vậy thôi." "..." "Kim hỏi, anh giận Kim không?" "Không đâu. Làm sao giận con gấu đỏ?" "Vậy Kim hỏi nữa đấy." "Ừ." "Có phải anh nhớ cái đêm..., không, tối đúng hơn. Tối nào đó. Tối chị A. bảo anh nhắm mắt lại đấy." "Nhắm lại?" "Vâng ạ. Nhắm lại." "Nhớ. Anh nhớ tại sao. Nhớ vì lý do gì A. bảo nhắm mắt..." "Bộ anh không thích hả? Mà, phải nói thật đấy. Rất thật?" "Bộ anh ưa nói dối lắm sao? Để coi. Xem nào. Phải rồi. Có thể anh bị bất ngờ. Có thể anh không chờ đợi, lúc A. bảo, 'mở mắt ra, quay lại,' A. đã khỏa thân. Có thể A. sợ bụng A có vết. Ô, thân hình A. đẹp. Đẹp hơn tưởng tượng của anh (mà anh có tưởng tưởng không kìa? Dường như không.) Không. Đúng rồi. Chưa bao giờ anh có một tưởng tượng nào về thân thể A. Sau đó ư? Sau đó thì có. Có chút. Nhưng này, muốn nghe tiếp không? Có hả. O.K. Vậy cấm không được hỏi nữa. Đừng cắt ngang chưa. Cắt ngang làm sao nhớ kể tới đâu. Phải rồi. Sao? Bắt đầu lại, hả. Ờ hớ. Thì bắt đầu lại. Bắt đầu, từ buổi chiều, mùa thu đấy. Trời tối sớm. Mưa nữa. Hay mưa lắm. Anh cũng chẳng hiểu tại sao năm đó lại mưa nhiều thế. A. kêu đói. Đòi ăn mì. Mì. Đúng rồi. Mì ở quán đàng hoàng. Không phải mì gói hay mì ly đâu. Sau này, cấm cười, A. kể, ra khỏi nhà chưa bao lâu, thình lình anh đặt tay qua vai A. rồi ngực A. A. sợ qúa. A. run rẩy. Anh cứ. Rồi sao hả? Lại ngắt lời nữa. Thì sau đó, lấy tay về. Thì sau đó, hai đứa cùng ngượng. Cùng giả lơ. Vào quán, đèn sáng, rõ từng hạt mụn cám. Ngồi đối diện, không thể không nhìn nhau, còn ngượng bạo. Anh xin lỗi không hả? Dường như không. Không nhớ. Nhiều phần không...A. nói gì hả? Không. Chẳng nói gì..." "Thì cũng giống trường hợp Kim. Anh nhớ, anh đặt tay sâu nơi ngực Kim. Kim sợ toát mồ hôi. Kim giữ tay anh mà, ngu ghê đi. Giữ đó thôi, cũng cả phút. Lậy Chúa, lúc hoàn hồn mới nhớ lấy tay anh ra... Và, anh cũng có xin lỗi gì đâu. Anh chỉ thở dài. Hườm. Làm như anh buồn bã, chán nản lắm đấy." "Có vậy sao?" "Chứ anh không nhớ tị gì hả?" "Không. Anh chỉ nhớ buổi tối, lúc hai đứa tìm nhà cụ Chi, anh ôm Kim dưới chân cầu thang. Lần đầu tiên Kim hôn anh trước. Lần đầu tiên Kim cho anh chiếc lưỡi lí lắt, chiếc lưỡi nhọn hoắt của Kim." "Ơ... Kim không thích anh nói vậy đâu."*

Chẳng phải tôi kể Kim nghe, lòng tôi sạch trơn(?), khi trả lời câu hỏi của A., "*thân hình A. đẹp lắm.*" Tôi ngắm nhìn A. rất lâu, lúc A. ra khỏi vệt bóng tối do bóng tôi và bóng ghế kẻ xuống. Tôi kể, tôi bảo A. "*Mặc quần áo vào. Đau đấy.*" A. nằm nghiêng trên chiếc giường nhỏ kê sát vách. Ngó ra. Khóc. Tôi kể, tôi không thể đoan chắc ý nghĩa nằm trong hoặc, sau giọt lệ kia. Nhớ A. bảo, A. mừng rỡ, thấy tôi không chụp, vồ A., như những người đàn ông khác. Những người đàn ông vừa thấy A. thôi, đã muốn ăn tươi, nuốt sống nàng. "*Rồi... rồi bao lâu sau, hai người mới thực sự?*" Kim hỏi, mắt long lanh. Giọng nói nhanh ríu, tuồng xúm xít niềm vui thật. "*Không. Có dễ không lâu lắm.*" "*Lúc nào đấy?*"

Chẳng phải Kim vừa hỏi tôi, "*anh thích không?*" khi Kim khoe ngực nàng? Đôi nhũ hoa căng nở. Từ núm vú son tươi, vùng màu hồng tỏa rộng. Hình tròn to, ăn lệch phía dưới. Tôi nâng niu. Tôi vuốt ve. Tôi hôn, xong, bỏ áo Kim xuống. (Tôi muốn Kim hiểu, đã chẳng có một khác biệt đối xử nào, giữa Kim và A., dù, tôi chỉ muốn khác, khác.) Kim hãnh diện và xấu hổ. Kim hân hoan và hồi hộp. Kim tự tin và lo lắng. Kim có và không. Tìm đến và chạy trốn. Kim, ra sao, thế nào, có thể chính Kim, chẳng biết. Phần tôi, sau đấy, rất rõ, tôi thấy rừng cháy. Con sói buồn bã, hú khan một vầng trăng lạnh.

Chẳng phải chúng tôi vừa ôm nhau đó sao? Chẳng phải Kim ấm, nồng? Chẳng phải Kim nhiệt tình trân trọng? Chẳng phải Kim hỏi: "*Có người sao anh?*" Tôi nói: "*Không đâu.*" Tôi nói: "*Đừng sợ.*" Tôi nói. Tôi nói. Tôi nói. Nói. Nói. Nói.

Gió rít qua những khe cửa sổ trên cao, gần sát mái. Không một ý niệm không gian, thời gian, nhưng tôi lại biết, thật (tới sờ mó được) rằng, đã chẳng hề có bàn tay giận giữ nào gõ cửa. Đã chẳng có cơn ác mộng mịn (nhám) nào. Cũng chẳng có một sinh vật (hồn ma) nào, lẩn quất nơi đây. Rừng đã tro, than. Sói đã quay lưng, thôi tru đòi trăng, lạnh. Chỉ riêng mỗi biệt ly. Mà, biệt ly ơi, sao biệt ly qúa đỗi?

DU TỬ LÊ.
(Jan., 95)



NGUYỄN QUYẾN

ngôi sao và những ngón tay

Những đứa trẻ dùng những ngôi sao đếm những ngón tay
Tôi bất chợt thấy mình trên bàn tay bầy trẻ
Kìa con cá kia hót lên đi chứ
Những đứa trẻ dùng tôi đếm những ngôi sao

Da thịt tôi nở tung những đàn bướm trắng
Mỗi bướm bay mang một sắc màu
Mang một đứa trẻ một vì sao vừa tắt
Mang một tôi trở lại với tôi

Tôi xếp những đứa trẻ thành căn nhà màu đỏ
Bướm trắng bay như sóng biển không cùng
Những đứa trẻ khát thèm những cơn mơ trắng
Tôi khát thèm sống lại những vì sao

Những đứa trẻ dùng ngôi sao đo những ngón tay
Tôi dùng bầy trẻ đo thời kỷ niệm
Những ngôi sao dùng tôi đo cơn khát của con người

khuôn mặt đồng hành

Người đàn ông mù với chiếc rìu mù nhảy múa bên những khúc cây
Ông đóng những chiếc giường cho tháng năm mỏi mệt
Ông tin vào đôi chân và chiếc rìu nên mọi vật
Trên mặt đất này đều có hai chân

Và những chiếc giường hai chân sinh ra trong tuyệt vọng
Đôi chân già nua tự dối lừa mình
Người đàn ông nghi ngờ chiếc rìu vô tội
Những khúc cây dựng lên sắp ngã xuống đời

Và cuối cùng hiện ra chính cuộc đời ông
Bức tượng gỗ đứng trên hàng ngàn con mắt gỗ
Và ông chủ tôi — chiếc rìu ôm cặp mắt mù kể lể
Nhìn đất đai bằng góc của bàn tay

NGUYỄN QUYẾN



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN

hạnh phúc đắng

Đêm vẫn không yên tĩnh như từ bao giờ
không anh
mưa vẫn rơi hiu hắt
thành phố
ngôi nhà
vẫn buồn như thuở vắng chân qua

Em vẫn là người đàn bà cô đơn
ngửa cổ cười trên quạnh quẽ
tình yêu không phải trò đùa
buộc lòng ta nhớ quên

Vẫn nấc thang cuối cùng
ta nhắm mắt đi qua
nghe tiếng rơi hạnh phúc
ngọt một thời
đắng một thời
thênh thang không giữ nổi niềm vui

Vẫn chập chững bước đầu tiên
một hành trình vòng quanh
chẳng bao giờ kết thúc
em cứ đi hoài
thấp thoáng sau anh...

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN



PHẠM THỊ HOÀI

second hand



Em ơi si đa, anh chỉ vào một phút là ra, liều một pha cho dã cuộc đời tàn.

Tôi vẫn nhìn một mắt qua kẽ hở giữa thân và tay mấy cái áo lửng ra đường. Hà Nội tháng mười. Đã thấy vài cô non non bay trên đờ rim với dải măng tô phần phật như cờ, váy xòe vung vãi. Các cô xin heo may về đêm tân hôn ít mồ hôi để cưới. Tôi thì lấy vía nàng Bân xin thêm một suất rét. Rét sẽ cần hen.

Em ơi khẩn trương lên nào tàu nhanh.

Tôi bảo từ từ để là dăm chiếc măng tô treo đã. Anh tưởng chở kiện hàng về cho tôi đặt đít ngồi lên là đòi thưởng sộp. Đây xin lỗi nhé. Không anh thì thằng đồng cô trên Lê Văn Hưu, thiên hạ thiếu đếch gì đứa thính hơi như chó cớm. Này cầm bao thuốc rồi xin mời lượn. Mồ hôi anh như mùi hố xí hai ngăn, tôi không đòi ai thơm như Việt kiều, nhưng si đa nhà này là si đa cao cấp sạch sẽ giặt là, vớ vẩn thò vào tôi đánh gãy tay đưa ngay đi Xanh Pôn. Đầu Nguyễn Thái Học có nhà tắm nước nóng mậu dịch mỗi suất một sô giang mai, ba mươi Tết năm ngoái anh lăn ra hè cho tẩm quất đểu nó đấm rồi vào tắm. Tôi kinh lắm. Tôi mặc đầm, phun thuốc trừ muỗi, bôi đỏ ớt lên môi là thành đài các sao chẳng gặp được người thanh lịch? Bọn thanh lịch ở tuốt trong phim, trước khi yêu đương chúng thong thả tán tỉnh gần hết tập. Trúng quả măng tô đợt này tôi tính tậu cái vi đê ô ngó bọn thanh lịch. Anh làm như báo động như nước sôi. Đời dài dằng dặc cho đi chẳng được, tốc hành xong khoản ấy

tô đợt này tôi tính tậu cái vi dê ô ngó bọn thanh lịch. Anh làm như báo động như nước sôi. Đời dài dằng dặc cho đi chẳng được, tốc hành xong khoản ấy thì dạng háng ra chờ nửa thế kỷ lê suông đi à? Năm mươi mùa đông si đa.

Em ơi một phát thôi. Không vừa rút ra ngay sòng phẳng Lương Sơn Bạc.

Tôi phải bật cười. Mỗi năm tắm một lần ba mươi Tết mà thuộc truyện Tàu ra phết. Cũng văn chương đàng hoàng. Bây giờ thì anh châm thuốc, huýt sáo điệu "Đông phương hồng mặt trời lên", bao giờ dùng chiếc bật lửa Trung Quốc có bông hoa lụa bé xíu bơi trong ga cũng huýt sáo một điệu ấy như tâm thần. Ở đây khách hỏi hàng Tàu à tôi thường cho ngay một bài học rằng Nhật đấy ạ Hồng Kông Đài Loan của người ta, bét cũng Kô rê a. Tư bản nó mới thừa lòng tốt đổ vào Căm phu chia, quân ta vét lại, mẹ kiếp bên này cũng được vài năm diệt chủng như bên ấy thì mấy vạn kiện hàng đỡ đi đường vòng. Toàn hàng mùa đông. Chắc mùa hè dân Cao Miên ở truồng cho mát. Anh xông pha phân phối lại viện trợ cỡ bang giao quốc tế, tôi bám chốt nơi lỗ miệng tôi, bao nhiêu thẩm mỹ xứ người thải ra tắm qua nước bọt đây cũng thành cực mô đơ cực sang trọng. Hai ta ngang ngửa, nào thì nói như truyện Tàu trai anh hùng gái thuyền quyên. Ta cho Hà Nội năm ngoái mặc áo lửng vai bồng năm nay dài quá gối, sang năm quyết xui cả thành phố từ cột cờ trở xuống thất nơ. Cột cờ Hà Nội thất nơ thì quý tộc hết sảy. Hai ta ngang ngửa anh dịch vụ tôi tôi sòng phẳng anh tuốt tiền mặt, rút ra cho vào cái đếch gì. Lỗ mãng bỏ mẹ.

Anh xin em anh đéo biết nịnh đầm.

•

Thì xê ra chỗ khác cho người ta bán hàng, kìa kìa hai chị cứng tuổi đang vào, dép tôi đâu rồi, tôi chui vội qua giàn áo ế năm ngoái ra đón khách. Hai chị có vẻ cán bộ đi sắm rét, có vẻ không biết mình nên mặc kiểu gì, có vẻ sợ nhất mua hớ. Tôi nhẹ hướng hai chị vào giàn áo ế, nhẹ như vào cõi mơ, về đến nhà các chị tỉnh lại là vừa. Tôi biết trong túi hai chị gộp vào có trên dưới hai trăm ngàn, gạt lại năm chục đi chợ, anh cứ ngồi đấy huýt sáo đông phương hồng mà xem tôi bắt hai chị nôn ra trăm rưởi. Dạ thưa cũ người mới ta, tư bản nó xài mười năm, rồi các chị dùng cả đời đảm bảo vẫn chất lượng. Ngày xưa chuộng tư bản Pháp xa xôi lắm, bây giờ không gì bằng châu Á cũng thấp bé như mình mà lại văn minh. Thưa coóc xê xì líp sơ mi quần cả hai chị cộng lại

thối. Vâng sê cần hen, của tôi xài tã ra rồi còn giá trị hơn đứa khác nội địa a na mít nguyên tem, thằng thuế mỗi lần đến đây ra vẻ liêm khiết không biết uống bia tôi cho phong bì, ba mươi tháng tư mồng hai tháng chín với Tết tây phụ cấp năm phút nhòm chay từ dưới lên, tôi cứ váy rộng đứng chênh vênh trên ghế treo hàng là hồn vía thằng cha sà xuống cống. Mẹ kiếp thuế má. Dâm ô đéo chịu được.

Anh đếch biết thằng nào bóc tem em thằng nào hớt em nước đầu, anh đây xin nước hai có mầu, đây cũng hiện đại cóc quan tâm đến quá khứ.

Tôi phải mỉm cười. Thuộc toàn truyện Tàu cũ rích mà triết lý mô đần ra phết. Hiện sinh đàng hoàng. Quá khứ của tôi tương lai của tôi đổi chỗ cho nhau cũng thế mà thôi, trừ tuốt cả hai đi tôi vẫn chả mất gì, hiện sinh tôi là hiện sinh xịn. Bên trái có thằng hàng xóm khinh hàng thùng, đi giày da Y phải chăm sóc nhiều hơn da các em xinh tươi mà đùn ra một câu là một câu đã dùng bạc phếch, thỉnh thoảng tôi chổng mông, hồn cu cậu lập tức dông lên nóc khách sạn mười một tầng cao nhất Hà Nội. Mẹ cha phường tiểu nhân phong lưu rởm. Tôi diện áo dài, gội đầu bồ kết, mềm lưỡi nhả vài lời đoan trang là thành tiểu thư, sao chẳng gặp được người quân tử? Bao nhiêu quân tử ở vùi trong sách, đọc mãi đọc mãi chữ thì vón cục, quân tử cũng chập chờn như ma. Tôi kinh lắm. Tôi cũng kinh anh ngồi đấy ngáp chảy nước mắt ngơ ngẩn nhìn ngón tay trỏ màu xám vừa ngoáy mũi một lúc kha khá rồi quệt xuống bàn. Ở đây mười lăm phút nạo vét tai mũi họng một lần là hợp vệ sinh nhưng bố khỉ sao mà thô lậu thế. Anh cứ ngồi đấy mà chọc mà ngoáy các lỗ tự phục vụ, đây xin lỗi nhé, muốn triết tôi gọi thằng hàng xóm bên trái cho một liều tư tưởng sê cần hen vặt ở viện trợ cho bọn đầu óc trắng xóa ngu đời đời.

Nương nương ơi cho thì bảo không cho thì cũng bảo, đừng im lặng thế đứt dây thần kinh của nhau.

Hà Nội tháng mười nắng ngọt, lời tôi chua cay không xực được mời anh xéo ra đường nhảy lên cúp nhổ bên này nhổ bên kia một bãi nước bọt chán mứa thời đại, thời đại si đa, mẹ kiếp ngồi đây mà so dây thần kinh! Của tôi đây cũng một nhúm chắp nối linh tinh, đầu dây nào táp vào đầu dây nào mặc xác chúng nó. Miễn là tâm hồn nguyên đai nguyên kiện, đéo chơi cái đoạn đi giày da Y mà tâm hồn sứt như vỉa hè. Anh chẳng hiểu được đâu, một ngày của anh hăm bốn tiếng ăn ngủ đụ ị chạy mối và chán mứa đời, còn chỗ nào cho nghĩ thầm. Thôi thôi đừng sấn vào như bọn ăn xin đây không có tiền lẻ. Kìa

kìa lại hai cô tân thời đủng đỉnh, toàn khách nữ đi tầm si đa. Đêm qua tôi mơ hoa hậu 94 trong bộ đồ tự chọn hàng thùng, ngồi cách vô tuyến mấy mét vẫn ngửi ra mùi quần áo cũ. Sau bộ đồ tự chọn nàng thoát y vũ. Sau thoát y vũ nàng ha ri ki ri đúng kiểu Nhật Bổn xịn cho xem bên trong cũng hoàn hảo như bên ngoài. Cảm động lắm. Sáng dậy mắt còn rưng rưng. Mỗi ngày khóc một ít thì mắt trong như bảy úp. Anh mỗi năm tắm một lần mơ một lần. Mơ được mẩu nào gói ngay vào số đề quẳng ra cửa sổ như gói cứt. Xoắn dây thần kinh của anh vào nhau đi cho chắc mà xem tôi chém hai em tân thời. Áo ế chị không mời, hai em ơi đã ăn chơi thì xài hàng mỹ mãn cực độc. Các em sùng sục tìm gương. Tôi bảo nhà có ai đâu. Vô tư đi. Anh đừng có đánh rắm và chịu khó tắt thở là dí mũi vào Thiên Thai, vú chúng nó như bánh dầy đùi như giò lụa. Tiên loại I. Tôi quyết gắn cho mỗi em một bộ cánh như mây bềnh bồng. Ừ mây mùa đông, mây hàng thùng. Xe bãi rác tủ lạnh máy giặt bãi rác áo quần thì si đa, tiên chư Phật cũng cà sa sê cần hen, ô uế giặt nước máy Hà Nội một lần là vi trùng ta thắng vi trùng ngoại quốc. Nào tính tiền đi rồi tung cánh. Tôi tiễn hai em tân thời lên trời, mùa này mỗi suất bay trăm tám. Còn anh ngơ ngẩn đi tìm sau cái gương.

Em ơi chết anh rồi thương anh.

Thà tôi thương cái loa phóng thanh của ông bán báo. Ngày nào nó cũng ra rả chính giấc ngủ trưa những chết là chết. Có hôm cả nhà cùng chết. Ông ấy mặt lặng như phu mộ tải thây người đi dọc phố. Cũng đếch có thây xịn, báo Công An nước đầu, báo Tiền Phong nước hai, xào đi xào lại đến báo Đại Đoàn Kết thì chết qua tay mấy lần. Tiên sư đời. Mùi áo si đa của tôi hôi rình còn thơm gấp vạn mấy cái xác sê cần hen. Ông bán báo ở đầu phố đi lên gặp ông bán kem cuối phố đi xuống là ngay sát hàng tôi có xác ướp lạnh hợp vệ sinh. Anh ra mà đú. Ngày nào chẳng có đàn bà tự tử. Tôi không rủa. Những chết là chết ru vào giấc ngủ thì nghe quen cũng thân tình. Hợp với cái mặt anh vừa bi vừa hài linh tinh, mắt hụp đến đâu mồm xếch lên đến đấy. Mũi như ống bô xe máy. Tôi xin thương tôi ngoài ba sọi chưa biết thế nào là cười tình với một cái mặt đẹp. Bọn trai đẹp sống trong cổ tích. Thuở bé mỗi đêm tôi chọn một chàng, có lẽ các chàng chỉ chơi những bé gái. Này anh tôi tranh thủ nhỏ lại, có cô hàng bún móng giò ế khách bên phải anh sang mà rách tình. Cô ấy là người hay xin. Sang đây thấy cái gì hay là chị ơi cho em nhé. Không cho thì giận, nguẩy về bắc chảo bắn tung hành mỡ sang áo sống bên này. Mẹ kiếp tồn tại ở đây quá tồn tại trong lòng địch. Anh sang mà xin nó. Để con bé biết cho ai cái gì có sướng không. Đi đi. Tôi tạt về ngày xửa ngày xưa. Ôm cái Sọ Dừa.

Em ơi không thích cực mạnh thì anh tươi mát nhè nhẹ. Kiểu gì cũng chiều.

Chiều cái con tiều. Anh chuyển gam như điếu tắc. Khai mù. Cũng là hạ pha mà thằng cha tổ dân phố vào êm như rắn. Y có đại học. Mỗi lần y dắt học thức đi tuần các hộ kinh doanh là một lần các vị tam tổ tứ mẫu nhị Phật ở khu này có sinh nhật. Y hạch mấy cái tay áo hàng tôi chờm ra xâm lược hè đường. Ở đây mỗi mét vuông que rươi, phân nào thò ra là một phân xót xa, lớp da trên người tôi tổng cộng mười lăm ngàn phân vuông bóc nhẵn cũng đếch bù vào được. Da tôi cầm chắc loại I. Nhưng y không có thời giờ ô tê ka. Y hạ pha nhắc tôi nên có cái thành tâm tín ngưỡng. Ngày xưa tín ngưỡng trộm, lòng thành nơm nớp như mót ị sợ bị bắt quả tang bỉnh ra quần. Bây giờ đéo mót người ta cũng đến tận nhà bắt rặn. Tôi bỏ cả thành tâm vào phong bì. Xin các vị thiêng liêng thêm tuổi thêm phù hộ độ trì cho tôi hầu chuyện bậc trí giả chân chính. Trí giả ở phương nao? Tôi tậu kính trắng, chùi phấn son, nhíu nhíu lông mày là thành có học sao chẳng gặp trí giả? Thỉnh thoảng có một chị trí thức ra mua hàng cực kỳ khó tính. Vải phải cốt tông, kiểu phải muôn thuở, màu trang nhã, giá tối thiểu. Gu trí thức là sợ phiêu lưu, sợ lố bịch, sợ lẫn vào thời trang bản xứ. Tế nhị nhưng hèn. Anh liều lĩnh có thừa, quần áo xanh rờn dây dợ chằng chịt như rừng nhiệt đới. Tôi khiếp cái gu thổ phỉ. Sao chị trí thức không sang cho anh một ít tế nhị? Sao anh không kính biếu chị ấy chút giang hồ? Giời ơi giời không cho ai vẹn toàn? Tôi xin chiều tôi nghĩ lang thang về người lý tưởng. Người lý tưởng thanh lịch, xinh trai, quân tử, hiểu biết, tâm hồn còn nguyên và sức khỏe tốt. Năm chục ký xương vụn của anh đứng lên ngồi xuống kêu cọt kẹt, phổi đen sì thuốc lào, chân như ruộng nấm. Tôi kinh lắm. Kia kìa ông ép pờ lát tích bên cạnh, anh sang mà dán giấy bóng lên khắp người rồi muốn sờ ai thì sờ cho cách ly vi trùng. Này đừng có khùng. Tôi hô một tiếng là đàn em xông vào răng anh liệu mà trộn với lợi. Đây gái thời đại muốn tồn tại cũng điều binh khiển tướng văn võ song toàn.

Anh thương em, anh thương em thật lòng.

Ôi dào nghe như phim lồng tiếng rởm. Đây tắc tuyến nước mắt từ bé, bao nhiêu cảm động nhét vào sổ tiết kiệm gửi âm phủ cả rồi không moi được giọt dần dề nào đâu đừng có giàu trí tưởng bở. Khiếp mấy anh đầm đìa như liếm lờ. Tôi tự hào nhất cái khô ráo. Tai nhũn ra một chút là lời các anh như mật rót vào tim chảy nước nẫu một đời. Tôi chỉ ngập lụt với lời tôi. Có những ngày lời tủi dâng như nạn hồng thủy. Hà Nội còn một mình tôi với anh trôi trên áo hàng thùng. Một mình tôi với anh. Một mình tôi với anh. Nhìn chung quanh là cánh đồng chết. Nhìn nhau chán như bà già gặp kẻ cắp. Anh huýt sáo đông phương hồng, anh cười khùng khục. Tôi chơi với bóng tôi trong nước tồng ngồng. Anh vào ra đếch xin phép, mẹ kiếp như việc xã hội. Tôi đẻ trăm cái trứng hết nhiệm vụ làm tổ tiên. Sau này hậu thế thắp hương tôi cấm khói anh lẫn vào khói tôi, đừng có tranh thủ thời loạn mà béo tình. Anh lượn đi cho tôi

nhờ, dắt con bờ nhà anh sang tiệm bánh ngọt, lời tôi chua cay không sực dược...

Em ơi hay là chúng mình lấy quách nhau.

Tôi bảo từ từ để đóng cửa dọn hàng. Một đám cưới diễu qua đường, một đám nữa trong tôi. Một cô dâu tháng mười cười trắng lốp trong xe hồng bạch ngoài kia, cô ấy đã qua ông bán kem và sắp chạm ông bán báo, nhưng hai ông lúc này không có vai trò. Lúc này cả xóm trầm trồ, thằng thuế, thằng đi giầy da Y và thằng dân phố tán thưởng rất chân thành. Cô bún móng giò cũng thôi hành mỡ. Vâng một lần trong đời, ai nỡ. Một lần trong đời như phim, như sách, như cổ tích. Sẽ giường đệm với hai chiếc gối chưa ai dùng. Những tờ bạc mừng chưa qua tay, khăn bông nguyên lông, nụ cười là nụ cười, mâm thau tròn, ngưỡng cửa chân anh qua đầu tiên, tình em là cốm Vòng bọc lá sen chưa ai bóc. Tất cả đều mới cứng. Bai nhé, sê cần hen, bai nhé si đa bai nhé hàng thùng. Ngoài kia một cô dâu tháng mười, trong này cũng tấp tểnh một cô dâu. Chú rể ơi chú rể ở nơi đâu? Tôi đốt pháo đùng, thả thiếp mời như truyền đơn cách mạng, mở nhạc sếch mà chẳng thấy cái bản mặt chú rể. Ngoài ba sọi tôi sắp trở thành gái ế. Người ta mỗi đêm một chồng. Kiếp má hồng kẻ thừa chẳng vứt cho kẻ không. Ngoài miệng thì chị chị em em, tấm bánh thì chia, tấm chồng giấu như mèo giấu cứt. Nẫng trộm của chị nào một cái hôn gió là có tiêu chuẩn vào Xanh Pôn, chị ấy dạy bài đạo đức bằng a xít nên tòa cho hưởng án treo sáu tháng. Áo quần mặc chán thì bỏ, có ai một bộ suốt đời? Chồng thì mãi chẳng thải ra. Xài viện trợ cả đời mà cóc có tinh thần giúp đỡ nội bộ. Đây cực vô tư đếch quan tâm đến đoạn dùng rồi miễn đảm bảo chất lượng. Một đêm người lý tưởng sê cần hen nằm kề còn hơn thằng ngốc vỗ về nửa thế kỷ. Nhưng đàn ông có bao giờ mòn. Đàn bà chỉ dùng một phút thành đồ cũ. Tôi đố anh đi cả phố tăm được con nào nguyên hộp. Thời này là thời si đa, thời đàn bà. Vâng tôi là cái áo đã qua bao nhiêu dặm mốt đã nhớp các kiểu mồ hôi trên đời, mẹ kiếp chỉ thiếu cái mồ hôi hố xí hai ngăn nhà anh là toàn diện. Anh biết thế. Trại anh hùng gái thuyền quyên cỡ áp phe quốc tế lừa nhau vào tròng. Lấy thì lấy tôi ngán gì xe hồng bạch. Xe hồng bạch ở giữa, tứ phía dờ rim, đi mít tinh tiệc tùng dừng ở khách sạn mười một tầng cao nhất Hà Nội. Ở trên đó anh tha hồ nhổ nước bọt. Tôi chơi với hình tôi gái thời đại có chứng nhận hát i vê âm tính trên nền trời. Nhảy xếch bài bèo dạt hoa trôi.

Xong béng nào, anh nói chuyện nghiêm chỉnh.

Xong rồi. Chị em ơi mùa đông này trời cắt suất rét viện trợ. Tôi đóng cửa dọn hàng đi lấy chồng.

PHẠM THỊ HOÀI

(Hà Nội tháng Mười âm lịch, 1994)



TRIỀU HOA ĐẠI

đoạn đành

gửi:h.x.Sơn

đêm một mình rất muộn
bóng, đèn. Ta soi chung
rót. Thêm một ly cạn
sóng sánh lệ rơi cùng
*
hát bài ca đã cũ
từng nốt đời bay nhanh
về nơi đâu? Muôn lối
Giang, sông nước đoạn đành

sáng nay

Đêm dài lên giấc mộng
cửa hồn ta sáng nay
xoa, vỗ dùm kỷ niệm
mắt căng ứ vơi đầy

Sâu khoảm vào da thịt
ngăn ngắt nỗi niềm xa
ngóng chiều ôi đã mỏi
chẳng thấy ai trở về

Một mình ta với núi
chìm khuất bàn tay thôi
chờ, trông ai vẫy gọi
sóng, xô lấp ngậm ngùi

Bàn tay, bàn tay với
níu kéo được đời sao
trái tim. Ngồi xa vắng
tựa sông nước dạt dào

TRIỀU HOA ĐẠI

NGUYỄN VĨNH LONG

niềm tin

Lòng cuốn trọn bao niềm ước vọng
Anh trải đời ra không một góc yên bình

Kẻ mộng du có chờ đợi bình minh
Khi ánh sáng phủi sạch đi đời sống thật?

Cánh bướm cũng hút nhụy hoa
nhưng không làm ra mật
Con ong châm chính thịt da người
lại tạo bao mật ngọt cho đời trên những cành khô

Có thể anh sinh ra đời là để người ngưỡng mộ
Còn em sinh ra đời để ngưỡng mộ anh

Bầu trời xanh không phải lúc nào cũng đẹp
Mây xám, mây đen và cơn mưa vần vũ
Thành lạch, thành sông
Có thác, có ghềnh
Có giòng suối mơ

Lá dâu tươi cho tằm làm kén nhả tơ
Dây trầu bà leo quanh cửa sổ
cũng làm vui một khoảng nắng
Giấc mơ như một giòng sông xa vắng
Cây đàn ngân vang những âm thanh
Người con gái ngân nga tiếng hát
Nhà tu hành lâm râm tràng hạt
Xác người nằm yên lặng tím xanh

Đừng tin lũ người cứ mở miệng nhân danh
Những ước vọng, niềm tin của người khác
Ngôn ngữ như lưỡi dao vô hình bén sắc
Chia cách em và anh...

Durham, N.C.
NGUYỄN VĨNH LONG



NGUYÊN HỮU LIÊM

bên ngôi mộ của ông nội



Qua khung mây trắng, tôi vươn xuống theo cánh máy bay để gặp gỡ xứ Thần Kinh, đáp chuyến xe đò già vạn lữ, qua sông Thạch Hãn để về bên nấm mồ của ông. Từ nơi xứ sở của mỗi thứ và mọi thứ, tôi vượt qua ngàn trùng để tìm về mọi thứ trong tậm gốc rễ của chính mình. Bờ ruộng cũ vẫn xanh non như ngày nào; hàng tre xanh vẫn ướt át mưa phùn, gió bấc của cơn đại hàn cuối tháng Chạp. Và nấm mồ của ông như là sự thể của cái còn trên quê hương - xứ Bích La Thượng - nơi tôi đã sinh ra, và bây giờ, trở về.

Niềm nhớ quê như ngọn đèn lu giúp tôi đọc lại dòng văn giữa đêm đông giá buốt nơi miền Trung thật gần này. Người bạn ấu thơ nay là chủ tịch xã; ngọn đèn dầu yếu ớt ngày nao nay là đèn điện sáng trong bắt về từ đường dây cao thế nằm bên kia Ái Tử; nhạc karaoke chập chờn theo gió ngộ nghĩnh. Tôi lên đò qua sông, nhìn thấy quê hương đã bước sang một thời kỳ không còn bóng tối: mỗi mái nhà đã lợp ngói. Thời gian rồi cũng chuyển được màu tro của từng mái tranh sang màu đỏ của ngói tươi, như trong mỗi ước mơ của từng con người. Những nhánh cây đậu phụng nằm trải thân mình trên đất trộn cát từ những cơn lụt bỗng vắng bóng suốt cả hai năm qua.

Trong vườn cũ, hố bom vẫn còn, ngày tháng và bao nhiêu mùa thời tiết chưa lấp được, nó hằn lên nương vườn như một vết sẹo trên thân xác, khó thể xóa mờ, quên đi, như tên gọi của quê hương. Cái còn của quá khứ không ngăn được bước tiến của tương lai, của cái mới ngay trong thế hệ hôm nay. Tôi cố gìm lại giọt nước mắt bi thảm cho chiều sâu của hố bom trước mặt. Bao nhiêu cát từ sông Thạch vẫn chưa xóa được nó sao?

Tôi nhớ đến Ông năm xưa. Gần ba mươi năm rồi! Ông đi chích lể cho một con bệnh về té xuống ao sâu. Tôi nghe tiếng la của Ông, chạy ra. Ông cháu níu nhau lên đường, và tôi cõng ông về. Từ đó, Ông bị què chân, mỗi khi khi

đi đâu tôi cũng phải cõng Ông cả. Nhưng cái nặng thân xác của Ông năm xưa trên lưng thằng cháu mười tuổi làm sao có thể so với cái nặng tâm hồn đối với vườn nhà và mộ Ông ngày hôm nay? Đời người ta mang hai lần gánh nặng: của thân xác ấu thơ muốn ra đi và nỗi niềm của kẻ lữ muốn trở về.

Nấm mộ Ông nằm bên bao nấm mộ khác có bà con, làng xóm chăm sóc. Đã bao nhiêu năm tôi không về chạp mộ, để vác cuốc đi theo đoàn trai trong buổi sáng lạnh nghe vang tiếng chuông trống thôi thúc, với mùi thịt heo, xôi nếp thơm. Cái lạ của nấm mồ là cái gì không còn cứ níu chặt lấy chân kẻ ra đi. Nó ôm trọn cái gì mà tình cảm con người đã hoàn tất từ mùi đất quê nhà. Tôi đã ra đi trong bom đạn, nay trở về trong bình yên và đầy đủ. Nhưng lòng tôi xao động về "cái gì là mình" hơn là tiếng nổ của ngày xưa. Như con cá salmon của vùng ôn đới cứ vươn thân xác trở về nguồn sông để tiếp tục chính mình qua biểu tượng của cái chết: ý chí hiện thân cuối cùng của Cuộc Mệnh là nấm mộ ở quê nhà. Từ đó, mộ của Ông ôm cái quê nhà để cho tôi còn được ra đi. Ngay cả trong cái chết, Ông vẫn còn thương tôi như thế!

Khi đứng dậy, bên cạnh bờ mộ Ông, tôi níu được hai bờ của hư không và thực tại, của cái đã qua mà vẫn là, đang là và đang trở nên cho làng, cho xóm, cho bà con, cho tôi. Hiện tại là nơi trở về cho quá khứ và tương lai, là bến giã từ cho chính mình: cái mà tôi biết đến tôi, vẫn chỉ là của những năm sống với Ông ngắn dài vô hạn. Nén hương tôi đốt cho Ông là ngọn lửa từ những cọng tóc của ruộng đồng và cả hương sắc của khái niệm từ trời Tây. Tôi mần răng núm chắt cái của ông còn lại trong thân xác và cảm xúc này. Tôi không biết. Nên chỉ tôi xin lạy Ông và hẹn một Tết khác. Tôi sẽ còn trở về.

NGUYỄN HỮU LIÊM

(Quảng Trị, Tết Ất Hợi, 1995)

NGÔ TỊNH YÊN

hài hòa

kiếp xưa của
nắng là mưa
cho nên nắng phải ngủ mơ trong chiều

kiếp xưa của
sáng là chiều
cho nên nắng phải ít nhiều mưa sa

kiếp xưa của
mình là ta
mưa chiều - nắng sớm, hài hòa có đôi

NGÔ TỊNH YÊN



TRẦN SA

thân xác

Thân xác, mi mỏng như một chiếc lá
Dễ vỡ như quả trứng chim
Mi như một cô gái nhẹ dạ
Một người đàn bà số phận bị định sẵn
Một tên kép hát được ngưỡng mộ
Nhưng chẳng được thật lòng thương

Thân xác, mi quá yếu đuối trước mọi cám dỗ
dễ dàng bị lừa mị
Sự hủy phá mang quá nhiều mặt nạ:
Niềm ủi an, cuộc vui chốc lát
Sự cống hiến, hy sinh, nỗi bất mãn...
Mi mù lòa chạy theo sự rỉ rê
Và khinh thường kẻ bảo vệ mi – lý trí
Ôi thân xác, mi ương ngạnh như một đứa bé
Không hạnh phúc và bất trị

Thân xác, mi đáng thương
Mi là trái ngọt hoa thơm
Mục tiêu tấn công của sâu bọ
Mi là trò chơi của Hóa công
Mi sát hại để sinh tồn
Những sự sống khác cần giết mi để sống
Đã bị chọn tham gia
Mi khó lòng trốn khỏi

Rồi mi cũng sẽ nằm giữa những vòng hoa
Sẽ được điểm trang cho một lần cuối
Tệ hơn thì cũng được quấn một manh chiếu
Được thả xuống một chiếc hố
Mi sẽ hoàn toàn tự do
Không còn đớn đau buộc ràng mệt mỏi

Còn ta, linh hồn mi
Sẽ chở tình yêu, đam mê, những giấc mơ mi
Bay mãi vào vũ trụ
Nơi không ai đếm nổi những vì sao
Sau khi ta cúi xuống hôn mi
Cái hôn âu yếm cuối cùng

TRẦN SA



DIỄM CHÂU

phía nam

Tôi không nhìn thấy em nhưng nghe tiếng ríu rít
Sơn ca
Ở mãi trên cao ấy
Phía Nam của tâm hồn tôi

Bóng mỹ nhân thấp thoáng trên cánh đồng lúa chín

DIỄM CHÂU



HUY TƯỞNG

tang khúc chiều

Đăm đăm nắng tắt
lá như thuyền chìm đắm vịnh đêm
Mối tóc rỉ màu chì bạc phếch
Và hồn ai mắc cạn, hồi chuông
Reo tím vì sao nhỏ...

Quẩy chiều lên vai
Sóng sánh bước hoàng hôn rượu mận
Người đi rớt bóng không hay. Đêm biệt dạng...

Lữ hành gió
Lữ hàng mây
Lữ hành hư không reo tím vì sao nhỏ
Đêm xô Anh mắc cạn hồi chuông...

Đêm xô Tôi mắc cạn lời anh
Smells like Teen Spirits
Đăm đăm nắng tắt
Con đường im vỡ đá xanh
Tan vách chiều lục diệp...

HUY TƯỞNG
(Sàigòn 10/4/1994)



HỒ ĐÌNH NGHIÊM

tạm trú



- Nghĩ lại thấy tức cười. Năm ấy Hồng chỉ có mười bảy. Với số tuổi đó anh thì răng?

- Không nhớ rõ lắm. Nhưng chắc cũng có cùng những suy nghĩ dễ thương như Hồng vậy.

- Dễ thương? Thôi đi, dễ thương mà để cho quên mất tiêu. Dại khờ thì đúng hơn.

- Ừ. Lúc đó tôi dại khờ lắm. Gặp con gái thì đỏ mặt lên như người uống rượu vậy. Và cho tới bây giờ cũng chưa rõ là mình đã khôn lanh chưa?

- Anh thử kể những chuyện còn có thể nhớ đi.

- Toàn cả chuyện buồn cả. Hình như những chuyện vui thường dễ bị quên đi?

- Nói như rứa đủ chứng minh anh khôn hay dại rồi.

- Hồng kể chưa xong mà. Người đó đâu rồi?

- Còn ở bên nhà. Không biết dạo ni ra răng? Thiệt uổng. Trước khi vượt biển hai đứa tới chùa cúng trời đất và mang tất cả thư từ nhật ký đem ra đốt hết. Làm rứa là điềm xấu hay răng mà hai đứa bị thất lạc ở bãi bốc. Ra biển, ngồi trên ghe bà con mới phát giác thiếu mặt bốn năm người.

- Không phải uổng. Nên nói là đáng buồn cho số phận người ấy.

- Hồng nói uổng là tiếc cho cuốn nhật ký và những lá thư kia kìa. Bạn Hồng viết văn hay lắm, dư sức đăng trên báo Hope.

Hồng cúi đầu, cô vén tóc rồi đứng lên rời khỏi băng ghế đá. Gió biển mơn man thổi vào, mang đầy trong không khí một mùi hương lạ. Hình như ở mỗi bến bờ, ở mỗi vùng đất khác nhau thảy đều giữ cho nó riêng biệt một mùi thơm khác thường. Ở Thuận-an không giống như cảng Văn-xương của Trung-quốc hôm nào ghe ghé vào tránh bão. Và Văn-xương ngộp mùi muối

bể chẳng thể so sánh vùng đất tạm trú Cửu-long. Cái mũi kỳ cục của anh khi không chiều nay hít lấy khí trời no say để bắt đầu óc nhiều chuyện loay hoay tạm đặt một cái tên: Hương thơm tự do.

Anh bước lại bên Hồng, nắm tay vào thanh sắt để nhìn xuống mặt biển gợn sóng phía dưới. Cái độ cao từ chỗ đứng làm anh chóng mặt giây lâu.

- Mau ghê. Mới đó mà nhà cửa bên Hồng-kông đều đã sáng đèn rồi.

- Ừ. Mau thật... Để thử nhớ xem tụi mình làm bạn đã bao lâu rồi.

- Sáu tháng. Sau này có người nào biểu anh kể chuyện thì anh còn nhớ tới những buổi như chiều nay không?

- Sao Hồng lại hỏi câu này?

- Để biết anh xếp nó vào chuyện buồn hay vui.

- Hồng thấy cái đám mây nhiều màu đang tụ trên núi kia không? Hãy thử nhìn xem nó trôi vào đất liền hay ra biển cả.

- Nó sẽ đứng ở đó mãi và rồi mỏng tan đi.

- Thử đặt một câu hỏi lộn xộn nghe. Một mai, Hồng nghe tin người viết văn hay kia đã lập gia đình và cùng vợ đi tới được xứ này, khi đó chuyện gì sẽ xẩy ra?

- Chuyện xẩy ra là Hồng sẽ nắm tay anh đi tới tận giường họ để chúc mừng họ lập lại cuộc đời mới.

- Thật sao?

- Còn tùy ở anh thôi.

- Hồng đủ can đảm?

- Không biết. Hồng cũng thử nói một cách lộn xộn như anh rứa mà. Chuyện đó chẳng bao giờ xẩy tới mô.

Anh nhắm mắt một khoảnh khắc, như dằn lòng cố không nói ra. Thực sự thì có biết bao điều đã hiển hiện quanh ta mà chẳng ai ngờ nổi. Chữ huyền nhiệm, chữ định mệnh nhờ vậy mới sống còn trong ngôn ngữ đó Hồng. Vai chạm vai. Hồng mặc áo thun màu tím, cái thứ tím Huế buồn da diết. Tím cô đơn, tím nghiệt ngã, tím hiu hắt. Anh ngó cánh tay trần tròn trịa có nhiều lông măng của cô hồi lâu và cố chuyển ánh mắt xuống cổ tay. Anh không đọc ra giờ trên cái đồng hồ đeo ở đó. Cũng chẳng cần thiết. Ngày mai thứ Hai, biết nhiêu đó đủ thấy mệt mề rồi. Nên tiêu cho thật hoang phí những giờ khắc cuối cùng của ngày nghĩ. Anh tính vuốt nhẹ làn da gần gũi kia rồi sẽ nắm lấy bàn tay mềm mại của Hồng, nhưng ngần ngại. Anh mong được khoác vai Hồng, bấu thật chặt và than gió chiều có hơi lạnh, nhưng lòng phân vân.

- Hồng thấy đói chưa? Mình đi ăn.

- Mới sáu giờ thôi. Hãy hít thở cho no lồng ngực trước khi trở về trong trại chật hẹp tù túng.

- Sáu giờ?

- Thì đó. Anh thử nhìn lên cái bảng quảng cáo đồng hồ Rolex kia kià.

Anh nhìn theo tay chỉ của Hồng, chỉ mù mờ những vệt sáng. Như đám mây ngũ sắc hồi nãy đã vừa trôi ngang, khuất che. Như một người cận thị đã lỡ đánh rơi cặp mắt kính xuống vực biển. Lòng anh rối bời và tự nhiên mắt

anh như mù lòa. Anh quay người để dựa lưng vô cái lan can bằng sắt bắt đầu thấm hơi lạnh. Anh nghĩ tới hôm khám sức khỏe vừa rồi, những ống máu được rút ra từ gân tay cắm đứng trong gía nhựa có cả thảy mười hai lỗ trống. Cô y tá xổ một tràng tiếng Quảng-đông khi thấy anh nhắm trít hai mắt trước cái ống kim lớn qúa khổ. Chê bai? Dỗ dành? Kết qủa là sức khỏe anh chẳng có gì đáng để phàn nàn, có thể mang thân mà qua xứ Ca-lã-tài chịu rét được. Gío biển Hồng-kông không lạnh bây giờ, nhưng anh cảm nhận chút bất an nào vừa hiện tới như có ai rút thêm từ cơ thể anh một chục ống máu.

- Anh đói thiệt à?

- Chưa. Chỉ hơi buồn miệng.

Anh tìm gói thuốc lá. Lấy ra một điếu và cắn chặt cái đầu lọc luôn run rẩy. Gió còn làm khó anh hơn, vụng về hồi lâu không tạo được đốm lửa. Hồng đứng sát vào người anh, dường như có ý bao bọc, giúp đỡ, ngăng che. Tóc cô rối đâm vào da thịt anh. Quanh thân cô tràn đầy cả hơi ấm làm bồi hồi khi được tiếp cận. Nhịp thở lên xuống ở triền ngực đầy. Những đường nét của chiếc áo mặc trong thấy hằn lên sau làn vải bó ngoài. Gần qúa. Nhìn rõ mấy cái nốt ruồi nhỏ mọc phía dưới cổ. Và rồi gío phải chào thua, không xen vào được khoảng hở giữa hai đứa. Điếu thuốc cháy, hơi khói thơm tho như chưa từng, như không hề có lần khác ngon hơn.

- Đứng ở chỗ ni làm Hồng nhớ lại hôm đầu tiên vượt biển tới đây. Trước khi chở tới xà-lan, tàu tuần Cảnh-sát Hồng-kông nổi hứng đèo cho đi một vòng ngoạn cảnh. Khi ấy khoảng chín giờ tối, ở ngoài biển trông vào Hồng-kông rực rỡ nhấp nháy như có gắn triệu triệu viên kim cương. Anh thì răng?

-Đến buổi trưa. Không gặp được một tên a-xề nào tử tế như trường hợp của Hồng. Muốn hút thuốc xực-dín a lị? Sang bên tàu ngộ mà chùi rửa. Muốn uống coca-cola hả? Làm sạch cái bong tàu ấy đi. Lại tái diễn cảnh sắp hàng, chen lấn và giành dật. Lại nhắc tới cái chữ không có trong sách vở: Ô-kê xa-lem.

Điếu thuốc thu ngắn rất mau trên tay anh. Anh cũng mơ hồ thấy rằng những ngày vui bên Hồng nó trải dài bằng một đốm lửa được đốt lên, để cháy tới những gì không còn khả năng mà cháy. Tàn bay đi, khói tản mác giữa gío, điếu thuốc mòn hao và tàn lụi chóng vánh.

- Hồng biết Lưỡng không?

- Có phải cái anh tóc dài làm báo Hope ở trại Sham-sui-po ?

- Ừ. Hắn có cô bồ được phái đoàn Mỹ thu nhận. Hắn coi đó là chuyện buồn vì hắn thì sẽ đi Canada. Bất ngờ mới đây Canada từ chối vì đợt tái khám họ tình nghi buồng phổi hắn có vấn đề. Lưỡng nó hút thuốc khiếp lắm.

- Xui không. Anh liệu mà ném điếu thuốc đi cho lẹ.

- Bây giờ thì hồ sơ của Lưỡng đã chuyển sang tay ông Mỹ rồi và không chừng hắn sẽ có tên trong chuyến bay cùng lần với người yêu. Miệng hắn luôn hô khẩu hiệu: Thuốc Winston vạn tuế.

Hồng cười:

- Lạ đời thiệt. Anh có cái gì để hô vạn tuế không?

Mặt trời đi thấp phía sau núi, buông thứ ánh sáng yếu ớt xuống chỗ đứng hai đứa, vậy nhưng nó vẫn tạo nên một đường viền sáng rỡ bọc lấy khuôn mặt nhìn nghiêng của Hồng. Thứ đường nét rất đẹp, tròn đầy. Tựa như khi anh đứng ở trong góc lầy lội nước chùi rửa những cái khuôn bánh, bất chợt ngẩng đầu ngó tới bàn dài có Hồng cúi mặt xuống chăm chỉ nặn kem. Trong tiệm bánh Maxim cày ngày tám tiếng, tuần sáu ngày; những lúc nhìn lên đó là những giây phút "giải lao" hiệu nghiệm nhất. Khuôn mặt của Hồng đã chuyên chở giùm anh từng cụm mơ mộng, vực anh trồi lên nỗi mệt mề ngộp thở ở hãng, thoát ra khỏi thứ tiếng động lùng bùng, những mùi bơ đường trứng sữa ngọt ớn luôn vây khổn. Ánh sáng của hai nơi tuy khác biệt nhưng hoàn toàn vẫn chừng đó sự quyến rũ chẳng suy suyễn. Đứng ở ngoài trời chạng vạng giờ đây, nhìn Hồng, anh muốn nhắm mắt kéo lại sự mơ mộng về trong vòng tay. Muốn ghì chặt. Muốn hôn hơi sâu. Muốn cám ơn sự có mặt của em giữa tháng ngày lạ mặt này. Cám ơn những ly cà-phê đầu ngày em mua để sẵn trước chỗ làm, cám ơn những lần mắt nhắm mắt mở ba chân bốn cẳng hộc tốc chạy tới hãng đã có bàn tay em bấm thẻ giùm cho kịp đúng giờ trên cái đồng hồ có vẻ như luôn muốn ăn gian với riêng tôi...

- Khó trả lời hả?
- Xực phàn vạn tuế.

Vừa nói anh vừa để mắt theo dõi đường bay của một cánh chim lẻ loi đang đập lướt qua. Nó lạc đường, và nó có tìm ra tổ ấm trước khi bóng đêm đổ đầy xuống? Anh nghĩ thầm, đồng thời đón nhận một va chạm nhẹ nhàng ở vai. Bàn tay anh được Hồng nắm giữ, kéo lôi bất ngờ để vỡ ra tiếng cười trong trẻo. Anh để yên những ngón chai cứng trong tay Hồng, không phản ứng. Sự hồn nhiên của Hồng tạo những đường nhăn trên trán anh. Đầu óc anh nhiều toan tính qúa, anh yếu đuối không biết phải làm gì để mong Hồng còn giữ mãi giọng cười ấy. Ngày mai, ngày mốt, ba bốn hôm sau??? Ở trong chỗ làm, có khi nỗi bực dọc từ đâu uà tới khiến anh đã từng cộc cằn ném mạnh cái khuôn bánh rơi xuống đất móp méo. Lần đó anh thầm trách mình và buổi chiều tan việc nghe áy náy lời Hồng nói trên xe buýt: Hồng rất sợ bất kỳ một đổ vỡ nào..

Anh búng mạnh tay. Mẩu thuốc cụt bị gió cản không cho rớt xuống biển. Như con diều đứt giây, nó dạt bay lui sau, để cho bóng chiều sẫm tối nhận chìm nó mất hút dấu tích. Có nhiều sự việc xẩy ra ngoài ý muốn. Anh nghĩ tới Lưỡng. Anh nghĩ tới tờ báo Hope in ba thứ tiếng Anh-Việt-Tàu mà cơ quan Caritas Hồng-kông chịu bỏ tiền đài thọ để làm món ăn tinh thần phát không cho thuyền nhân ở rãi rác trong bốn năm trại tỵ nạn quanh đây. Anh nghĩ tới một cái đoản văn cố viết cho được để đăng lên báo đó. Như nỗi lòng muốn phân trần với riêng Hồng. Là món qùa lạ lùng duy nhất hay thứ lễ vật tạ từ vô âm?

- Anh thích ăn cơm hay ăn mì hoành thánh?
- Món nào cũng vậy thôi. Đều dùng tay mà chỉ chỏ. Tùy ở Hồng, Hồng giỏi tiếng Quảng hơn.

Đi loanh quanh ở khu Kim-sao-chổi một hồi, hai đứa trở ra đường Nathan. Khu thị tứ này hình như cấm đoán chuyện mở một dãy quán ăn lộ thiên như thường thấy trong truyền hình. Những tấm ny-lông căng trên đầu, những ngọn đèn vàng treo đong đưa ngay trước mặt. Bàn ghế xếp, những chảo dầu phực lửa, những nồi nước khói bốc làm mù lòa ông ba Tàu bụng bự đứng loay hoay ở đằng sau. Những thùng nhựa ngâm chén bát. Những ông Quan Công mặt đỏ đứng vây quanh chiếc xe bán Sâm-bổ-lượng. Người ngồi chen vai thích cánh ăn nói tạp nhạp và con đường nhựa dưới chân trơn láng lầy lội dầu mỡ. Không có. Thử đi xa một đỗi nữa xem. Ngang chợ trời chuyên trị vòng ngọc xanh và mã nảo đỏ anh mỏi chân lừng khừng đứng ngó. Khuôn mặt Hồng rực rỡ, trong mắt cô lung linh đầy sao do nơi hàng bóng điện sáng lòa treo mắc cửi tưởng lạc vào hội hoa đăng. Một nửa con người lắm chuyện trong anh nổi lên xúi dục để thắng thế. Lần này thì anh đan ngón tay Hồng mà trì kéo lại. Anh hỏi người bán hàng có bịt răng vàng đang chăm chú ngồi xỉa răng:

- Kỷ tố xịn?

Tiếng Quảng anh nói dở và cái vòng mà anh cho là đẹp làm hai người dường như ngạc nhiên. Cây tăm tre vất xuống đất, bà già lấy tay úp bên vành tai chờ nghe lập lại trong khi Hồng thì lựa một chiếc khác.

- Sáu trăm rưỡi.

Hồng thử ướm vào cổ tay, săm soi rồi chê đắt.

- Thử trả gía đi.

Anh nhẩm tính một vài con số. Đứng nghĩ lan man

- Hoặc là Hồng lựa mua hai chiếc vòng cùng lần xem thử có rẻ hơn được chút nào không?

- Con trai ai lại đeo ba cái vòng ni. Lựa cho anh một chiếc nhẫn nghe?

Hồng nâng bàn tay anh lên, nhặt một chiếc nhẫn thử đút vào từng ngón. Bỏ vào, rút ra... Chị có bằng lòng lấy anh ấy chăng? Dạ bằng lòng. Anh có chịu cưới chị kia làm vợ không đó? Nhất trí. Rồi. Trao nhẫn cho nhau. Đẹp lắm. Rồi. Hôn nhau đi chứ...

- Hai cái năm trăm tám chục. Bà ni nói thách dễ sợ. Không biết mắc hay rẻ, giả hay thiệt?

Anh moi bọc lấy tiền để nhận cái túi gấm màu đỏ thêu long phụng bằng chỉ vàng ngó công phu.

- Chắc đồ thiệt. Nhìn cái túi không thôi cũng đủ thấy gía trị.

Hồng bóp mạnh tay anh:

- Mô có đơn giản như anh nói. Bây chừ anh thử đeo nhẫn vào ngón tay là anh liền trở thành ông chủ một gia đình hay răng?

Anh lúng túng mở hạt nút bấm, lấy cả vòng lẫn nhẫn tròng vào cánh tay không đeo đồng hồ của Hồng. Anh nắm cẩn trọng những ngón thuôn dài giây lâu:

- Để nhớ sáu tháng quen nhau.

- Cám ơn anh. Hồng cúi đầu xuống, giọng nhỏ nhẹ:

- Đừng nói tới những con số trong lúc ni. Là điềm xấu đó.

Anh thở ra một hơi dài. Giữa mọi thứ tiếng động có đầy trên phố thị, tưởng rằng nó sẽ bị nuốt chìm đi, vậy mà Hồng vẫn đón nghe ra. Vừa khởi sự đi có mấy bước, Hồng dừng chân lại.

- Tự nhiên sao chiều ni anh có vẻ không được vui?

Chỗ Hồng đứng vô tình là một trạm đợi xe buýt, phía trên cột sắt có gắn tấm bảng ghi số 2A. Anh quay lui, nhìn Hồng. Thấp thoáng thấy cuối con đường xuất hiện dáng cao lồng ngồng của chiếc xe hai tầng màu đỏ.

- Buýt tới rồi, mình về trại đi nghe.

Anh chuẩn bị lấy tiền lẻ ra đếm trước, chia một nửa vào tay Hồng.

- Xin lỗi, lần sau nhé.

- Về chuyện chi?

- Có lẻ sẽ thiếu tiền nếu mình đi ăn tiệm.

- Hồng xin lỗi mới đúng. Gửi cho Mạ hết mà quên đem theo. Lần khác Hồng dành phần mời anh.

Lần khác, lần sau. Những chữ đó đeo nặng trong đầu anh. Lòng xe chật cứng người, kể cả tầng trên. Anh len lỏi hồi lâu để tìm được cho Hồng một ghế trống ở đằng sau. Đèn nê-ông sáng xanh bắt dọc theo chiều dài trần xe, anh níu lấy sợi giây da to bản nhìn xuống thấy da mặt Hồng nhợt nhạt.

- Mệt không?

- Không. Anh đói bụng chưa?

- Chưa.

- Đừng xạo. Mai đi làm Hồng mua xôi mang theo cho anh ăn hỉ?

Anh cười, không nói. Nhớ lại câu chuyện Hồng kể hồi chiều về mối tình đầu ở vào tuổi mười bảy. Ngày mồng Một Tết, Hồng lì-xì cho bạn trai một nắm hạt dưa đã cúp cắn hết vỏ. Hồng làm công việc ấy mất gần trọn ngày cuối năm. Lãng mạn hết chỗ nói. Anh nghe kể, hình dung đến đôi môi mọng đỏ của Hồng hôm đầu năm đầy thiêng liêng. Mường tượng ra niềm hạnh phúc của anh chàng nào đó sẽ nhâm nhi ăn dè xẻn trong ba ngày Tết những hạt dưa màu trắng ngà ngọt bùi ướp sẵn hương vị nước miếng người yêu. Hoặc hắn sẽ trút ra dĩa mà ăn bằng mắt? Sợ tiếc uổng, cất lại trong bao ny-lông, làm đứa ngồi trên giếng mà khát nước còn hơn...

- Xe quẹo ra hướng Kwun-tong rồi đó. Anh chuẩn bị tiến tới gần cửa là vừa.

Hồng thật tài, đoạn đường này chẳng có một dấu hiệu nào đặc biệt để khả dĩ lấy đó mà phân biệt trạm ngừng nào mình phải xuống xe. Đã nhiều lần, đi làm ca chiều ở xưởng khoan bản lề đón xe buýt về một mình trong đêm, anh thường lội bộ trở ngược một đoạn khá xa mới tới cổng trại. Anh đổ lỗi vào cái đầu óc luôn dật dờ của anh để bận sau chú ý ngồi quan sát, đếm thầm những trạm dừng trên lộ trình. Trật lất. Anh ngó những lầu cao phơi đầy cả áo quần ngoài bao lơn, nhìn mấy cây xăng sáng đèn, để ý cây cầu xi-măng bắt ngang trên khúc đường uốn cong nằm gần trại. Lại chẳng hiệu nghiệm một đôi khi. Định bụng sẽ hỏi Hồng nhưng rồi do nhiều nguyên cớ làm anh khuấy

quên.

- Đã thấy ngọn đèn chớp đỏ bên phía phi trường rồi, anh bấm chuông kẻo không kịp.

- Phải chi hai đứa ở chung một trại cũng đỡ khổ. Cứ bị đi lạc hoài. Hay là đưa Hồng về trước rồi hẵn tính sau.

- Thôi, về tắm rửa mà nghĩ cho khoẻ. Ngủ ngon, hẹn gặp anh vào ngày mai.

Anh lập lại những chữ cuối để gửi lại Hồng. Trong thoáng chốc, anh hiểu cái cụm chữ chúc tụng và hẹn hò đơn giản đó sẽ có ngày rơi rụng ngắn dần, còn duy một chữ bai chẳng hạn. Hoặc có khi không còn được thấy nhau, hay cả hai đều thầm lặng người cúi đầu kẻ câm nín lách người như chạy xuống xe.

Anh bấm chuông làm hiệu. Len lỏi, chen lấn và lảo đảo. Ùm cối lị... Ùm cối... Một vài tiếng cằn nhằn. Cảo xồ a lị. Xin lỗi trước mà vẫn bị gán là lộn xộn. Có bàn tay nào xô đẩy anh chúi người ra khỏi cửa khi xe dừng. Tiểu lị lụ mụ. Anh nghe thoáng tiếng chửi thề thô tục gửi xuống trước khi ngửi lấy mùi nồng của đám bụi xe vừa vất lại. Thực ra mình có đáng bị chửi rủa như vậy không khi sơ ý dẫm nhẹ lên chân người khác? Mặt mũi anh dễ đồng hóa trong đám đông, có điều xuống xe ở đây thì cầm bằng như hắn là đứa tỵ nạn duyt-nàm-dành. Cái bọn ấy từ phương nào tới mà tranh giành công ăn việc làm với chúng tao. Đang làm reo chê bai ba chục đồng là ít nếu dùng nó trả lương công nhật, thì đùng một cái thứ mức lương "bóc lột sức lao động" kia có ưa cắn răng chịu đựng cũng hết tìm ra. Cái Ong cái Kiến cần cù chẳng biết nói tiếng Quảng-đông đã tha đi mất rồi! Than ôi, đời đáng chán hay không đáng chán?

Anh trình thẻ ra vào trại cho một cảnh sát viên ngồi khuất mặt trong chòi gát. Tiếng gầm của chiếc phản lực cơ đang chuẩn bị cất cánh từ phi trường Kai-tak xé gió gửi qua nghe buốt óc. Ngày chủ nhật, văn phòng Liên hiệp quốc nghĩ việc nên nơi bảng thông cáo có thắp sáng ngọn đèn chẳng thấy ma nào xớ rớ rỗi rãnh đứng hất mặt đọc tên những kẻ may mắn đã bay từ khuya yết trên tờ giấy ố vàng bấy lâu chưa được dán chồng loạt danh sách người đi mới. Lưỡng xuất hiện ở đó, hắn chống nạnh trước khi dong cả hai tay lên trời như kiểu tả oán. Ánh đèn rọi sau lưng làm bóng đen của hắn dát mỏng trải dài ra sân cát. Anh dẫm chân trên hình hài hắn nghe hắn than:

- Sướng dữ không? Giờ này mới chịu dẫn xác về bắt tao chờ cả ngày.

Anh mời hắn điếu thuốc. Cả hai phun khói bay một đám mù mờ nơi vũng sáng có bầy thiêu thân quần đảo rối rắm.

- Vất vả lắm nghe ông nội. Bún cháo gì thì trả công lẹ đi.

Anh kéo hắn lui sau hàng phở của bà Chín béo nằm sát kho tập thể A-lO. Cuốn sổ nợ cong góc thấm đầy mở sẽ được giở ra, nhoè nhoẹt ghi thêm một khoảng tiền nơi trang giấy có đóng khung cái tên anh. Và anh sẽ lập lại câu, tuần tới lãnh lương là thanh toán sạch sẽ nợ đời đó nghe chị. Bà ấy sẽ không làm gì khác hơn là mở miệng cười với anh, rồi nói một câu không giống như

trong phim chưởng thường chiếu mỗi đêm trên T.V. Có sao đâu, quân tử tam tứ ngôn.

- Phải hạ mình với tên Qùy thông dịch viên rát cả cổ mới được đó. Nếu ưa thì bận sau tao biểu nó mang theo Polaroid nhá một cái ảnh cho ông xem đỡ nhớ.

- Qùy nó nói gì nhiều không?

- Bả ốm lắm. Vừa rời xà-lan vô Hắc-xón làm căn cước tạm đã được ba hôm.

- Còn gì nữa không?

- Đòi hỏi qúa vậy. Những bước đi sau thì không nói ông cũng biết. Thuốc khử trùng. Chia chỗ nằm, lãnh đồ dụng cụ vệ sinh cá nhân, nhớ nằm lòng mỗi người một con số định mệnh. Ừ, thuyền nhân và tù nhân ngó vậy mà giống nhau.

- Tên họ con người có bao giờ trùng lẫn nhau một cách kỳ quái không?

- Mẹ, ông cứ lập lại mãi câu này. Ông mới là thằng quái đản. Nè, giấy trắng mực đen thủng thẳng mà đọc cho mãn nhãn.

Lương lấy từ túi áo ra tờ giấy gấp tư. Nhìn thoáng, anh nhận ngay được đó là tờ giấy viết thư mà hội Hồng-thập-tự Hồng-kông tế nhị phát đều cho mỗi thuyền nhân vừa đặt chân lên được đất liền. Anh ngồi xuống ghế đẩu bên gánh phở lu câm ánh đèn, chúi mũi chúi lái vào đôi tay run. "Cám ơn Trời Phật độ trì để cuối cùng tụi mình được đoàn tụ. Chuyến đi vất vả lắm làm em cứ tưởng e suốt đời không còn được nhìn thấy anh. Bằng cấp của hai đứa mà em cố gắng mang theo bên mình đều vô phước chìm trôi giữa biển, may mà lanh tay vớt được tờ giấy đăng ký kết hôn bọc nhựa kỷ lưỡng. Biết anh tìm được việc làm ở hãng bánh ngọt khiến em an tâm khỏi ngỡ ngàng chật vật khi ngày đầu tới xứ lạ quê người. Nhận giấy này rồi anh sớm đánh về một cái điện tín cho bên nhà khỏi trông mong nhan khói khấn nguyện. Người vợ may mắn của anh".

Anh nhắm mắt. Giờ này chắc Hồng đã vào trại cô ấy rồi. Rửa mặt rửa chân rửa mình rửa mấy lên giường nằm trằn trọc nhìn ngắm chiếc vòng có những đường vân ẩn hiện? Đầu óc anh Jởn vởn tới một cái truyện ngắn với đoạn kết có nước mắt buồn thảm. Thở dài. Bần thần. Người trống trải nhẹ hẫng như một con bệnh. Lương gọi giúp anh: Hai tô phở đặc biệt. Bà Chín béo biết ý thân chủ, mắt nhìn anh sau nồi nước bốc hơi:

- Một đặc biệt thôi. Còn anh thì vẫn nạm gầu như thường lệ đấy phỏng?

Anh ném điếu thuốc hút dở xuống đất:

- Lần này phá lệ. Cho xin một bát phở tái tê.

Anh nghe Lương cười. Cười rồi ho khan.

- Cái gì mà tái tê. Mừng hết lớn còn gỉa bộ...

Hắn đánh tay vào vai anh đau điếng, sững sốt. Phải lập ngôn như vầy nè, mới phải đạo: Tình vợ chồng vạn tuế.

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

NGU YÊN

phế binh

Sầu thương đen đúa
Bóng ốm nhom
Anh về
Bước bước theo môi cười lạnh lùng không răng
Một tay co rút
Những ngón tay xưa đàn
Tiếng vẫn vang trong tình những lần thương đau
tàn cơn binh lửa
Héo trái tim sọ người
Sống vẫn trơn qua đời mặc kệ hồn ai
*
Vợ anh tươi rói
Sắc vẫn hương mặn mà
Ghét những đêm xuân tình mặt mày lên lông
Mùa xuân cây chết
Gốc vẫn sâu không cành
Gió vẫn lay thêm nặng nề lòng cỏ khô
*
Tôi quạnh hiu Anh quạnh hiu
Dù không chung Thượng Đế
Hát giùm nhau tiếc giùm nhau
lạnh tới Thiên Đàng
*
Nhiều khi đang hát
Tắt tiếng ngang lưng chừng
Lấy ngón chân anh vào nhịp đàn năm xưa
Nhiều khi anh khóc
Mắt lạnh băng không lệ
Đã ướt ly rượu nồng màu thê lương
Đột nhiên
Anh viết trước cầu tiêu
một dòng:
"Ở chốn đây anh hùng cũng là người ta"
*
Một hôm anh đến hỏi tôi
Sửng sờ
"Có rảnh không đêm này ngủ giùm vợ tao?"

NGU YÊN



LÂM CHƯƠNG

nhức đầu sau khi đọc thơ tối nghĩa

Những bộ mặt cũ
gặp hoài
chán ngấy

Những bộ mặt
như những bóng đen
làm nhòe trang giấy.

Họ hô hào
đổi mới
tư duy
treo ngược đầu
suy nghĩ

Họ bị tẩu hỏa nhập ma
lảm nhảm hoài
những câu tối nghĩa

Họ sinh đẻ
những quái thai
những dị tướng
tật nguyền
gọi đó là thơ.

Họ truyền nhiễm
một phường
núp bóng
dựa hơi
thành mẫu số chung
để khen tặng
tâng bốc nhau

Cá nhân họ
phần tử số
một cõi tối tăm riêng
có cõi tối tăm nào
nhìn rõ được cõi tối tăm kia
qua những bài thơ
như bài thần chú?

Nếu không lập dị
họ không thành thi sĩ!

LÂM CHƯƠNG



PHAN NHẬT NAM

buổi sáng, ngày cuối năm.



1960. Căn gác gỗ được xử dụng làm một nhà kho chứa những đồ dùng đã hư hỏng , cũ kỹ của một giòng họ, thay vì vất đi như quá khứ suy tàn, đã được giữ lại để làm chứng tích về một thời phú quý. Những đồ đạc tồi tàn phải miễn cưỡng coi trọng, vừa xem thường tội nghiệp... Sự tàn tạ suy sụp không thể che dấu nơi chiếc bàn thờ long chân mất cánh cửa tủ, khung xe kéo bánh gỗ nẹp vành cao su, lớp sơn then màu đen tróc những miếng loang lổ trông như da người già trổ đồi mồi, bộ ghế trường kỷ phải dựa vào hai cây cột chính... Và cây cột cũng chỉ là khối tròn mỏng manh yếu ớt, lớp sơn son bên ngoài đã bị mối ăn suốt từng mảng lớn, thớ gỗ nứt dòn lốp xốp nếu bị đụng chạm, khẽ bóp hay dùng ngón tay, vật cứng ấn mạnh vào. Lõng chõng trong đống đồ vật hỗn độn có hình khối vừa kể là những bộ phận không biết xuất phát từ những chủng loại, vật chất gì. Vài hộp gỗ sơn son thiếp vàng, khung của một chiếc lọng hay tán dù, những chân đèn, giá gỗ... Bao áo gối vải sa-tanh hay một loại gấm đoạn bị rách tung toé, lỗ chỗ bông gòn vàng xỉn đen xám bày ra ngổn ngang... Và từng gói đồ dùng của những người từ lâu vắng mặt hay đã chết. Những người đã bỏ nơi nầy ra đi từ hằng hai, ba chục năm nay. Từ trong bộ ghế mây, đống đồ vật tối tăm chết chóc, dưới chân bàn thờ, trong chiếc quan tài để dành cho một người sắp chết luôn luôn có tiếng rì rì, kĩu kịt âm âm của loài mối, dán.

Âm động của thời gian, quá khứ đang lụi tàn. Căn phòng luôn mờ mờ như có bó hương lớn đang cháy đỏ tỏa khói, do chỉ được nguồn ánh sáng chiếu qua những khe cửa lá sách và lớp kính từ bao lâu bụi đóng dầy.

Có con người nằm im trên nắp chiếc quan tài. Gã thiêm thiếp ngủ cùng căn phòng yên lặng như khối nhà mồ. Gã nằm như thế từ bao lâu không chuyển mình, bàn tay vói qua ghế tràng kỷ lên cuốn sách lật ngửa, nửa phần sách bật khỏi mặt ghế thỏng xuống sàn gác... Ý hẳn gã đã giữ cuốn sách ở vị trí lưng chừng này suốt giấc ngủ. Không nghe tiếng thở của người, chỉ âm ỉ rì rào của lũ mối tham lam thâm hiểm. Căn phòng tối rất nhanh theo bóng râm từ ngoài hàng hiên đậm lại với buổi chiều. Người ngủ vẫn giữ nguyên vị thế nằm sấp bực bội, khó chịu, hai chân gấp lại chổng lên. Hóa ra gã đã thức tự bao giờ.

Con người ngồi dậy. Đấy là gã tuổi trẻ chưa đến hai mươi, tóc bồng lên phía trước rũ xuống trán, phía sau dài quá gáy lấp lên cổ áo lạnh. Và dù chiếc áo được may bởi hai lớp nỉ dày cũng không che đậy được cái gầy gò của cơ thể tuy đang ở độ tuổi phát triển; vẻ gầy yếu do suy dinh dưỡng, không hoạt động cơ bắp nơi khoáng đạt, với chiếc cổ cao khẳng khiu lộ liễu... Tất cả làm nét khốn khổ điêu tàn càng đậm phần thảm hại. Tuy nhiên gã vẫn duy trì được vẻ láu lỉnh đùa cợt do nụ cười bất chợt trẻ thơ. Cách thế, phản ứng của loại người không muốn bị nhận chìm bởi hoàn cảnh.

Gã đi rón rén đến dãy cửa kính ngăn căn gác và lan can mặt tiền. Bước chân dù nhẹ cũng đủ làm sàn gác rung rinh, răng rắc chuyển động. Gã dò bàn chân cẩn thận tránh những lỗ nứt lộ liễu do mối ăn thủng, hai tay choàng chiếc chăn vàng nâu sát quanh thân người, đi đến khung cửa, tì trán vào ô kính nhìn xuống lòng đường. Hơi nhích đầu lui, gã dùng ngón tay di di bụi trên mặt kính, kéo một góc chăn chùi phần trán, xong áp mặt vào lớp kính sát hơn. Cặp mắt nâu đen nhìn chăm chăm xuống lòng đường loáng nước như thể gã đang tìm kiếm một điều gì tuy quen thuộc nhưng luôn mới mẻ. Mưa xứ Huế gây gây ẩm, khí lạnh thấm qua lớp kính mờ bụi căm căm.

Người thanh niên nhìn từ cực phải con đường, phía đầu con hẻm trải đá lồi lõm luôn đầy rác bẩn do những gia đình từ trong sâu đem ra đổ , nơi này là mặt sau của ngôi nhà lớn, hướng cửa chính mở ra phía đường Gia Hội. Mình lại lẩn thẩn rồi, phải gọi là đường Chi Lăng chứ. Thì lúc ấy còn bé nên quen gọi thế, mười năm hơn chứ ít gì. Chuông Lộc Lợi, phanh Rồng Vàng, cái giàn Năm Châu... Lúc đó mình đâu đã được mười tuổi, còn nhỏ chút xíu. Gã lẩm bẩm về những điều chợt nghĩ ra, cũng như muốn bào chữa khuyết điểm đã không nhớ chính xác về một điều gì có giá trị của quá khứ mà hiện tại tồi tàn này như một cách xúc phạm. Hắn ta tiếp tục dõi mắt từ chân đống rác đến nóc nhà. Trước khi mở tiệm xe đạp Rồng Vàng, nhà này là cơ sở gì? Hẳn phải giàu lắm mới xây nhà lớn thế kia. Khi nghĩ đến chữ " giàu", gã xoay mặt nhìn lui căn gác. Quái thật! Có tiền sắm những thứ quỷ này làm gì nhỉ? Khối tiền đấy chẳng chơi. Gã xoay hẳn người lại đưa chân lên mép tay dựa chiếc ghế trường kỷ, đạp lay lay. Coi chừng đấy ông ạ, sập lầu hết chỗ ngũ bây giờ.

Gã nhìn quanh đống đồ cũ khinh miệt diễu cợt. Thế mà ông cũng nhờ nó mà qua mùa đông đấy, đừng dở trò bạc. Gã lại đưa mắt nhìn lên nóc ngôi nhà

lớn. Khoảng tường tam giác dưới đầu hồi. Hình con cò với hàng chữ số màu đen 1922. Như thế căn nhà này có cùng năm mẹ mình sinh. Tại sao lại vẽ hình con cò? Phải hình con chó mới đúng với năm ấy. Mà cũng phải thôi, ai lại đi vẽ hình con chó trên nóc nhà bao giờ! Hình vẽ cũng đẹp đấy chứ, gần bốn mươi năm nét còn sắc. À còn chuyện này nữa, không hiểu tại sao mẹ lại hay tự trào con cò mà đi ăn đêm? Có thể lúc trẻ bà cũng đã nhìn hình vẽ này và thắc mắc như mình chăng? Không phải thế đâu, thuở còn nhỏ mẹ mình đâu ở xóm này, nhà ông ngoại đâu trên Nam giao cơ mà. Cũng không hẳn như vậy, anh không nhớ bà hay kể chuyện con ma cây khế sao? Con ma cây khế ngồi ru con. Như thế nhà phải ở đâu đầu vườn bông, nơi con hẻm nhỏ. Vậy là có ma thật sao? Mẹ mình đâu phải người lắm lời nhiều chuyện, có thấy mẹ lớn tiếng và cải cọ cùng ai đâu?

Hình ảnh con cò, những kỹ niệm ngày nhỏ gây lòng vui vui, gã có cảm giác như đang chứng kiến, nghe đối thoại giữa hai mẹ con, sinh hoạt đầm ấm gã từng sống cùng. Nay mất đi, xa xôi như nỗi bất hạnh bất ngờ phải nhận ra nơi căn gác tồi tàn lạnh lẽo này. Có mẹ ở cùng vẫn hơn. Không biết gã đã nói nên lời hay chỉ thoáng nghĩ. Chỉ biết gã lại rơi vào cảnh thực tế hiu quạnh buồn thiu. Mẹ mình bây giờ ở đâu nhỉ? Chỗ làm việc lại đuổi mẹ, họ không chịu cho mẹ làm nhân viên, dù nhân viên phù động công nhật vì lý lịch chính trị. Như trường hợp ở ty X Nha Trang vậy. Mấy hôm nay mẹ cứ lang thang suốt ngày trong sở thú, chẳng lẽ cứ ở hoài trong nhà người ta. Ngồi ở chỗ chuồng khỉ nhìn mẹ con khỉ đùa giỡn với nhau mà tủi thân. Gần bốn mươi tuổi vẫn không kiếm được miếng ăn nuôi các con, bỏ hai con ngoài ấy thật đau lòng cho mẹ lắm. Mẹ biết làm sao bây giờ? Ai mua máu mình mẹ cũng bán ngay, làm sao cho hai con được bữa ăn qua ngày. Mẹ nói như thế là nói thật. Mẹ đã đi đến chỗ mua máu, nhưng người ta không nhận. Họ thấy mẹ quá gầy yếu, sợ lấy máu xong mẹ chịu không nổi, ngất đi tại chỗ thì phiền cho họ. Gã không nghĩ tiếp nữa, có cái gì nghèn nghẹn ở cổ. Gã thở hắt ra từng hơi mạnh như muốn đẩy ra cục, khối vướng vít cay cay kia. Gã chặt chặt lưỡi như thể đang bị đứt tay hoặc phải chứng kiến cảnh tượng một người già đang đứng nép bên đường bị gã đi xe đạp bất cẩn tông phải. Sỡ dĩ gã nghĩ đến cảnh tượng kia vì dưới đường đang có hai, ba người đàn bà gánh gồng chạy lướt thướt. Thân người lấp kín dưới đôi quang gánh và tấm ni-lông, chỉ thấy dạng chiếc nón trắng đục trong màn mưa chiều tối. Hóa ra, ngày nhỏ mình thường thấy khó khăn nôn nao khi nhìn những người đàn bà gánh hàng chạy trong mưa chỉ là do biết trước cảnh của chính mẹ mình. Nhưng, những người kia chỉ một lát nữa, họ sẽ về đến nhà, vặn to ngọn đèn dầu, đi xuống bếp, ngồi bên lò lửa với những đứa con quanh quẩn. Mẹ bây giờ ở đâu?

Gã liếc về phía trái, lên trên tàng cây xanh đậm của hàng bông gòn, tượng Đức Bà in sậm trên nền trời và sau lưng, trên cao là Thánh Giá. Gã chỉ nghĩ thế thôi, chứ thật ra không thể thấy hình tượng thập giá được. Phải cúi người xuống, nhìn chếch lên từ mép hiên nhà. Nhưng cũng phải vào buổi ban ngày, lúc trời nắng. Bây giờ, giữa cảnh mờ xám đất trời, với nỗi u uẩn trong lòng

gã đã thấy Thánh Giá như một cách cầu viện. Thật sự gã cũng không thấy được tượng Đức Bà. Gã chỉ biết có một nỗi buồn đau. Người Mẹ nào cũng đau khổ. Người Mẹ nào cũng thấm đau. Chẳng biết mẹ mình bây giờ ở đâu?

Người đi xe đạp với chiếc cặp da vắt ở thanh ngang đằng trước dừng lại ở ngay mái hiên dưới đường, ông nhìn lướt qua từ nhà số 3 đến nhà số 7. Gã thanh niên mở nhanh khung cửa, bước ra hiên lầu. Đây, đây... nhà số 5 có thư phải không? Khi người phát thư tỏ ý xác nhận thì gã đã leo qua thành lan can gỗ, hơi ngần ngại một thoáng ngắn trước khi đu thẳng người xuống đất.

- Có ai tên là Thái, Nguyễn Văn Thái?

Người đưa thư kéo tờ giấy màu xanh nhạt nơi cuốn sổ, để ra xa tầm mắt, đọc chậm rãi.

- Nguyễn Thái à? Làm gì có ai tên ấy ở đây. Bác đưa thư cho em bao nhiêu lần, không nhớ tên em sao?

- Bởi thế mới hỏi, tên này lạ quá. Cậu tên Hải chứ gì. Đoàn... gì Hải phải không?

-Vâng, Đoàn Trọng Hải. Đó, tôi nhớ đâu sai. Tại sao lại gởi cho ai tên Thái ở nhà này?

- Bác xem người gởi là ai, ở đâu...

- Không ghi địa chỉ người gửi, chỉ đề bệnh viện Nha Trang, người gởi tên... Nguyễn Văn Hai.

Ông đưa thư kiểm chứng từ cuốn sổ cái.

- Em đâu quen ai ở bệnh viện Nha Trang, cũng không biết người nào tên như thế.

Gã thanh niên trả lời nhanh tỏ ý không muốn nhận tờ điện tín. Có đe dọa ghê ghê đâu từ trong tờ giấy nhỏ màu xanh này.

- Hay là cậu cứ ký nhận đi, xong mở ra xem trong đó có gì. Nếu đúng là cuả mình thì nhận, không thì trả lại.

- Có bao giờ bưu điện chuyển tin sai không?

Gã tuổi trẻ cố nài nỉ, tránh xa.

- Sai sao được, ghi-sê khi nhận đã kiểm soát một lần, người đánh điện tín coi lại lần thứ hai, sai là cả tổng đài chịu trách nhiệm. Có gì người ta mới gửi điện tín, tụi tui phải đi phát ngay, mưa gió gì cũng phải đến tay người nhận. Cậu ký đi, tôi chịu trách nhiệm mà.

Người thanh niên đưa tay nhận tờ điện tín như gánh chịu một phận cũng đành.

Bây giờ quả thật không thể chịu đựng nổi nữa. Gã đã ngồi bẹp xuống bậc thềm hồi nào không hay, tay vò vò tờ giấy, mắt di chuyển vô tình từ rặng cây, cột điện, đến dưới mái ngôi nhà lớn, chỗ hình vẽ con cò. Có phải vậy không?

Tại sao lại như thế? Hình như gã đang lẩm bẩm những câu vô nghĩa, hoặc một nội dung mơ hồ, không nắm vững đến cả cách phát âm. Gã xoay người vào trong, bò lê trên mặt đất, mồm ngậm tờ giấy. Gã bò đến cửa, thân hình lắc lư, run rẩy như con chó bị trấn nước. Gã cố đưa bàn tay qua ô cửa kính vỡ để kéo cây móc bên trong, nhưng bàn tay không còn điều khiển được cứ lần mò trên những ô mắt cáo. Giữ vị thế qùy, đầu tì vào khung cửa, gã dùng bàn tay trái đỡ cùi chỏ cánh tay mặt, nâng lên từ từ. Nhưng ngón tay vẫn rờ rẩm bạc nhược, không thể nào tìm ra ô thủng lỗ. Cuối cùng, gã phải bám cả hai tay, chậm chạp đứng lên, xoay xoay chiếc tay cầm, lay lay cánh cửa. Tiếng khô nỏ chiếc thanh ngang rơi xuống, gã túm cái áo ở bụng như đang bị chấn thương mạnh, cong người lại, đi vào phòng, ngã xuống chiếc đi-văng gỗ, nằm cong queo như con tôm khô luộc. Nó đã thấy hình dạng, đã cảm được, nhận ra ngây ngây hơi lạnh Sự Chết ở đây, trên chiếc đi-văng gỗ này. Thằng Q. em mình nằm chết như thế này... Mười năm trước.

Lạnh! Cái lạnh từ trong cơ thể, nơi đường ruột rung rung sôi, nơi hoành cách mô bị ép cứng, trong dạ dày bị khuấy trộn, bàng quang muốn nứt đôi như đang đầy ứ nước tiểu. Mình có ăn uống gì đâu mà đau bụng và muốn tiểu thế này. Gã chỉ loáng thoáng nghĩ được câu ngắn ngủi, xong trở lại đối phó với cái lạnh kỳ quái càng ngày càng tăng. Ở đâu có tấm chăn, cái đắp? Tấm chăn màu đỏ quấn tròn xác đứa bé, thò chiếc đầu lơ thơ những sợi tóc nâu nhạt... Gã liếc xuống nền nhà, trước bàn thờ có chiếc chiếu dùng cho người ngồi lạy trong dịp cúng giỗ. Gã hơi ngần ngại vì bản tánh sạch sẽ, nhưng phản ứng này không kéo dài được lâu. Cơn giá lạnh chụp riết, thấm sâu. Gã đánh bò cạp, rên hừ hừ, bò xuống đất đến chỗ tấm chiếu. Khi đã đắp được thân hình, gã mới nhận ra được điều nghịch lý. Chiếc đầu nóng sôi như đang bị hắc ín chảy nhão rót theo hai giây thần kinh từ đỉnh đầu nối xuống gáy. Gã nằm mê mê, tờ giấy điện tín đắp lên mặt.

Sóng người đẩy dạt gã từ phòng đợi ra sân ga, ở đây đang đầy ắp những người mặc y phục quê xứ Bắc. Y phục của ngày di cư năm 1954, vào Đà nẵng. Tất cả đều ở vị thế nằm với những bao bị lớn màu cứt ngựa. Cho dù vùng vằng chống cự, gã cũng phải bước qua đống hành lý hỗn độn và khối đông với cảm giác e dè. Có những gai, đinh lẫn trong bao gói ngổn ngang kia. Những người đàn bà thoạt tiên nhìn anh với ý chế diễu, sau buông lời chưởi mắng, mỗi lúc một tồi tệ. Gã cố chạy trốn nhưng chân dính cứng xuống sàn xi- măng bởi một loại dầu nhớt đen... Lạ thật, dầu chỉ có nơi bãi để các vài cầu sắt đường Nguyễn Hoàng, sao bây giờ dầu lại chảy đến tận đây? Thôi gắng ra phía cửa phụ để thoát khỏi cảnh khó khăn này. Gã cố nhủ thầm nhắc nhở. Nhưng dự định này cũng không thể thực hiện được bởi đám phụ nữ nằm la liệt kia cứ bám lấy cổ chân, thêm lượng dầu trên nền xi-măng cứ lênh láng, dày thêm và ứ cao lên. Gã thử rút một chân. Đôi giày há mõm trơ những cái đinh sắt (vừa bực bội vừa buồn cười như tình cảnh của phim Charlot coi ngày nhỏ).

Nhưng bây giờ gã không thể há miệng cười được vì trong mồm đang đầy những hạt trơn, tròn trắng nhạt nhạt. Những hạt này đóng ở vòm miệng,

thành lưỡi nhưng không thể nuốt xuống hoặc nhổ đi bởi nùi bông gòn chật cứng khô khan đầy miệng. Dầu dính chặt chân, đế giày thủng, những đinh gai, những bàn tay bấu víu, cào cấu trên cổ chân, tia nhìn khinh miệt, lời xỉ nhục. Tất cả trạng thái, tình cảnh kỳ cục khó khăn này hình như kéo dài bất tận. Mặc cho lời chưởi mắng, ta hãy cứ gắng đến cửa phụ lên được tàu đi Nha Trang với mẹ là xong. Gã tự nhủ khi lách người qua khe hàng rào gồm những cây cột màu trắng bê-tông cốt sắt, nhưng chỉ lọt được cánh tay, thân kẹt lại vẫy vùng lúng túng. Làm sao bây giờ?. Tàu đã đến kia rồi. Tiếng người cải cọ, giọng Quảng Nam khắc khoải, đau đớn, tuyệt vọng... Những người đàn bà Bắc đồng loạt đứng lên.

Tất cả chạy vào hẽm núi đá đen, những bàn chân trần xô đẩy, đạp lên nhau, ngàn vạn tròng mắt hốt hoảng trợn trừng. Cảnh tượng càng trở nên hỗn loạn khi đoàn tàu rầm rập tới, còi hú dài rền vang. Tàu tiến vào sân ga, không một bóng hành khách, các toa dài thậm thượt chỉ chất đầy vòng cườm tang và than đá đen. Gã thanh niên bứt được qua khe hàng rào, chạy theo đám đông đàn bà, hướng mũi tên đỏ trên tấm bảng mầu trắng "Đi Hà Nội". Thế là không đi Nha Trang, phải ra Hà Nội, không tìm được mẹ. Làm thế nào bây giờ? Gã thanh niên bị đám đông kéo theo vào hẻm núi tương tự như lần đầu bị kéo ra khỏi phòng đợi. Và lần này cũng không phải cảnh khó khăn như khi bước qua đám đàn bà nằm, mà đã là một tình trạng thực khốn khổ với những gai nhọn đâm lút bàn chân và đầu ngập đến gối. Ô kìa, mẹ đang đứng trên núi cao, đỉnh núi đen thẩm, tay mẹ cầm cuốn sách lớn bìa màu đỏ. Sách lớn như thế mẹ mang có nổi không. Gã cảm thương mẹ xót xa và liên tưởng đến những cuốn "Livre de poche" mà mẹ thường mua và đọc với âm "Li"... Li... de poche. Mẹ đưa con cầm hộ. Gã muốn kêu lớn, nhưng không thể nào phát âm dù đã vùng vẫy, cào cấu, thử đến lần thứ hai, thứ ba. Gã cuống cuồng trèo lên sườn núi, cũng là cách thoát thân bởi hai sườn núi đang dần siết chặt lại. Từ vị thế chông chênh trên sườn núi gã nhìn lui. Đám đàn bà đang trong cơn cuồng khấu tuyệt vọng, đạp lên đầu nhau tìm đường thoát thân. Người mẹ vẫn lặng yên nhìn gã xót thương, ánh mắt buồn thảm đau đớn và người nâng cao dần với vị thế bất động. Bà đưa cho gã cuốn sách. Nhưng khi gã chạm đến bìa thì cuốn sách biến thành cái khung vàng, từ trong rơi ra những hạt cườm như những hạt trơn trơn gã đang ngậm phải. Người thanh niên cố gắng trèo nhanh, tay bám vùn vụt lên những lằn đá núi. Đá cắt tay gã những đường máu đỏ tươi. Hốt hoảng, gã di động tay qua những phiến đá khác. Chết rồi! Gã kêu lớn... Mẹ ơi... Nhưng người mẹ đã lẫn vào trong mây và tay gã ướt đẫm máu những vết cắt mới. Máu chảy đỏ trên sườn đá thành dòng .... Gã dẫy dụa, cào cấu, lăn lộn trên sườn núi loang loáng máu. Tỉnh giấc. Nước mắt đầy tròng, chảy tràn xuống cổ, sau vành tai. Chưa bao giờ trong đời gã khóc dữ dội đến như thế. Anh Rô... Anh Rô... Sao Rô khóc dữ rứa? Giọng đứa em sũng ướt lo âu. Nỗi tội nghiệp của con chó nhỏ sắp bị

bán, cho đi hoặc bị giết. Con bé cầm tờ điện tín e dè. Nó đọc những dòng chữ mã hoá khó khăn. Nước mắt dần chảy dài, tờ giấy hóa ẩm ẩm ươn ướt.

Gã sống trong tình trạng tuyệt vọng của giấc mơ, hiện thực nơi toa tầu bẩn thỉu, ẩm ướt nhớp nháp và đứa em ngồi co ro bên cạnh. Con bé ngồi im phần vì lạnh, phần lo sợ chuyến đi bất chợt hiểm nghèo. Gió lùa mưa rây rây bay vào toa qua cửa sổ, đám hành khách nhốn nháo lên xuống, những gánh quà rong chao đảo đi lại ồn ào. Cảnh tượng ngoài trời nhòa nhạt trong vùng hơi nước xám đục, qua màn khói tàu kéo lướt thướt từ từ kết đọng trước khi tan. Gã trẻ tuổi chỉ phân biệt được loạt âm động đều đều nhịp bánh xe, tiếng máy tàu hừng hực, va chạm ngúc ngắt từ những tấm kim loại nối kết hai đầu của mỗi toa, hệ thống thắng siết, nhã dưới lường tàu... Chen trong chuỗi âm thanh xao xác, tiếng khóc rấm rức, nấc nấc tội nghiệp của đứa em. Hai anh em đến ga Nha Trang vào nửa đêm. Trên lối đi chìm bóng tối dẫn đến bệnh viện, người thanh niên có lúc nhận ra. Biển đang gầm gừ chuyển động ở một nơi nào đó rất gần. Gần như sát bên cạnh, trong thân. Cơn lạnh từ chiều hôm qua hình như càng lúc càng siết chặt. Gã choàng tay ôm em. Hai chiếc bóng xao động chập chờn trên mặt dường theo tàng lá cây bị gió quật ngã nghiêng.

Người mẹ nằm sát mặt nệm như cành cây mục bị lấp xuống đất đã lâu. Dấu hiệu sự sống chỉ còn nơi tròng mắt, nhưng ánh mắt cũng đã lạc thần, thỉnh thoảng lóe lên tia nhìn kinh hãi van xin.

Mẹ em bị cancer vert, ung thư gan. Chúng tôi không thể làm gì hơn được. Đây là triệu chứng của giai đoạn cuối cùng. Tiếc rằng không phát hiện từ trước và nền y tế nước ta không có phương tiện.

Người bác sĩ diễn đạt, tóm tắt bệnh lý với cách thức khác thường lệ, vượt qua khỏi lạnh lùng khách quan nghề nghiệp. Dạ... Hai anh em con cám ơn bác sĩ, cám ơn các chú, các cô y-tá ở đây. Chúng cháu chỉ hai anh em, không biết gì hơn, không có gì cả. Hai anh em thôi à? Một người nào đấy hỏi nhỏ. Vâng, cháu mười bảy và em cháu mười hai. Người bác sĩ và đám y tá bước ra, ông nói khẽ với nhân viên phụ trách trực tiếp giường bệnh. C'est trop tard. Plus de morphine pour ell. Ông cố làm vẻ dửng dưng sau khi vỗ nhẹ nhẹ vai gã thanh niên.

Sự chết đã hiện cụ thể từ ngón chân lên đầu gối. Hai ống chân, đúng hơn hai ống xương chân phủ lớp da khô tái lạnh tanh, xuôi im tê liệt bất động. Tất cả phần thịt từ đùi bụng đã hoàn toàn teo khô, tiêu biến. Ánh mắt xiêu lệch, leo lét, trống vốc. Lâu lâu người mẹ đảo tròng mắt qua lại như tìm tòi, cố nhớ một điều gì hoặc lẩn trốn một sợ hãi đe dọa. Hình như bà muốn đưa tay lên nắm, sờ con, nhưng cơn đau đớn từ trong cơ thể lôi kéo, đẩy bàn tay vào một chuyển động rời rạc lẫn lộn. Những ngón tay run run đưa trước mặt, đẩy khe khẽ như muốn hất bỏ, tách ra lớp da thịt, bộ phận nào trong cơ thể đang bị lở loét, nhức nhối, đau đớn. Những ngón tay bất chợt thả lỏng xuống, bấu vào mép chăn, sờ sò lên ngực, gạt nhè nhẹ ở bụng. Động tác tuy yếu ớt nhưng tia

nhìn bỗng loé lên ánh quyết liệt. Lần quyết định cuối cùng để bứt thoát khỏi nỗi đau quá sức chịu đựng.

Mạ... mạ... đau... quá... - Chiếc lưỡi cử động khó khăn - Mỏi chân lắm... Mạ bỏ hai đứa... Tội lắm. Người mẹ không nói được hết câu, đưa hai cánh tay lên che mắt. Con chim heo bay qua kêu thét tiếng ngắn. Âm rờn rợn ác độc xẻ bóng tối chập chùng, đêm mùa đông sũng ướt, miền biển lộng gió chướng.

Người thanh niên gỡ cánh tay bà mẹ xuống, mở mí mắt sụp cứng, nhìn vào tròng mắt đứng sững. Mẹ chết thật rồi em ạ. Gã nói tiếng nhỏ. Thật sự chỉ mấp máy môi. Đứa em cắn chặt những ngón tay giữa kẻ răng. Nó vùng vằng đầu tóc ngắn. Em không biết... Em không biết. Bên ngoài, phía biển hình như gió thổi mạnh hơn. Người tuổi trẻ đột nhiên nghe tiếng sóng dập dồn mạnh mẽ rồi bất chợt lặng thinh. Ngày chưa đến, bóng tối nhờ nhờ qua khung cửa sổ dưới tàng cây đục màu chì.

Gã nhìn xuống ngôi mộ vừa mới đắp, mưa nhỏ rây ướt thấm mềm lớp đất nâu đỏ như cặn máu. Vậy là kết thúc đời của mẹ. Một đời người. Gã đã đến đây từ Huế, người mẹ đi ra từ Sài gòn. Hai mẹ con gặp nhau ở đây, một nơi chốn không hề định trước.

Trên sườn núi lưng đèo Rù Rì, gã trẻ tuổi nhìn theo con đường nhựa đen, quốc lộ I chạy thấp thoáng uốn lượn, lẫn khuất giữa đá núi, đồng ruộng và bờ biển. Quay lại hướng thành phố Nha Trang, những khối nhà hỗn độn, cầu xóm Bóng, hàng dừa xanh màu lục đậm cùng màu mặt biển nằm im. Đèo Rù Rì, tên nghe lạ quá. Mẹ chưa tới bốn mươi. Mẹ chưa hề trọn một ngày vui vợ chồng, hạnh phúc gia đình đầm ấm. Động tác thoải mái, nét mặt thư thả, bình yên nhất là những khi mẹ đã chùi xong nền nhà, ngồi chống tay trên mép giường, nhìn chiếc sàn loang loáng nước. Nắng hanh chiều cuối năm dọi vàng ô chữ nhật đổ chéo từ ngoài hiên hắt bóng vào. Những giờ khắc quá ngắn như màu nắng chiều cuối năm hiu hắt. Niềm vui của mẹ, cũng mau chóng thoáng qua như buổi giao hòa đất-trời, cũ-mới của ngày tận cùng, đêm trừ tịch. Mẹ thắp hương, nhỏ bé mong manh đứng trước bàn thờ, nét mặt phảng phất khói nhang, đôi ngươi loáng sáng ánh nến. Và mẹ hình như mỉm cười. Đang hoan lạc lung linh. Mẹ mình chỉ có những phút vui quá ngắn và không thật. Và từ một tế bào nào đó tận sâu trong cơ thể đã gây nên một cơn đau có thật làm run cánh môi, làm ánh mắt lo sợ lạc thần, đẩy đẩy những ngón tay tuyệt vọng co quắp. Và có thật sự mất mát tưởng như không thật nà. Nơi nấm mộ nằm im không kẻ nứt, giữa núi đá trùng trùng vây kín và biển im lặng ngoài xa.

Đột nhiên, gã nhớ ra sáng hôm nay, ngày ba mươi âm lịch, chiều nay, chiều cuối năm và sẽ là đêm Giao Thừa. Như thế, Tết nầy Mẹ không ở với mình... Mẹ sẽ mãi không có.

PHAN NHẬT NAM



CHÂN PHƯƠNG

american dream

chưa có nhà cửa tủ giường
chỉ thấy xương rải rác
với cơn đói hung tợn
thực phẩm chẳng là bao
nước không khí ánh trăng
ăn hoài phát ớn
xương nôn ọe mở trang mọt gặm

Chương tiếp kể chuyện dạ dày
hành trình
từ thực quản đến ruột già
qua mọi địa lý hoang vu
đuổi theo còi hụ bệnh viện cấp cứu

gió lật mấy bìa sách vấy máu
nhật ký hải đồ vùi trong đống phế thải cuối tuần
bãi đậu xe công cộng: nơi kha luân bố đắm tàu
ngư nữ già ngái ngủ trên nệm băng sau

máy ghi giờ
nuốt bạc cắc
triển hạn đời mắc cạn

bi khúc

tháng chín tháng mười
lần lượt bại trận
vó thời gian
vó thời gian
bầy ngựa chiến hung hăng truy nã
lũ tàn binh mây xám lang thang
nằm im vờ chết giữa mớ nhánh khô
úp mặt vào xác lá mục
tôi thọ giáo cây già

làm thế nào tồn tại
khi địa cầu là nấm mồ băng giá?



NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG

tôi là thi sĩ

Tôi là thi sĩ
Tôi thích bẻ que chọc đít lính mĩ

Tôi quất tím mông thằng nô lệ trắng
Tôi đái mồm ông nghị sĩ khổ dâm

Tôi ớn thơ tự vỗ ngực đỉnh mũi
Tôi muốn nằm võng gãi đùi ăn chuối

Tôi cũng muốn ăn kẹo cao su
Tôi cũng muốn trở thành đại tỉ phú

Tôi có đủ ngũ quan
Tôi có đủ lục phủ

Tôi có đủ thất tình
Tôi có đủ tứ khoái

Tôi dị thường như tất cả mọi người
Tôi bình thường như bất cứ một ai

Tôi làm thơ lúc còn trong bụng mẹ
Tôi sẽ tiếp tục khi vào lòng đất

Tôi đã cạo bỏ cái râu mép thiên tài
Tôi là một thiên tai chưa cần vĩ đại

Tôi là thi sĩ
Tôi mắt bệnh trĩ

NGUYỄN ĐĂNG THƯỜNG



LƯU THỊ LƯƠNG

chuyện đời xưa



"Ngày xưa, hồi mà khúc sông này còn nhỏ như một cái rạch, nhỏ đến độ bên này bên kia giặt áo rửa rau, người ta có thể nói chuyện với nhau được. Ở cù lao có một chàng trai con nhà giàu, đẹp trai, hiền lành. Một đêm, như lệ thường, chàng qua sông lên chợ chơi. Mải vui, khuya về hết đò đưa. Chàng loay hoay mãi, không sao về nhà được. Vì trên bến có một người con gái ngồi mãi không chịu đi. Mà muốn lội qua sông thì áo quần phải đội lên đầu cho khỏi ướt. Chàng đành lại gần nói chuyện, chờ chuyến đò sớm. Thì ra, cô gái không phải là người vùng này, tứ cố vô thân. Nghe nói bên cù lao có nhiều nhà giàu, cô định qua đó làm mướn nuôi thân. Chàng trai tốt bụng bèn đem cô gái về nhà. Nàng làm lụng siêng năng, giỏi giắn. Và giữa hai người dần dà nảy sinh tình cảm. Nhưng phận tôi đòi đâu dễ trèo cao. Một hôm, vào mùa nước đổ, nàng ra sông vớt củi rồi rớt xuống dòng nước xiết, mất xác. Không biết vì tủi thân tự tử hay vì muốn vừa lòng nhà chủ mà liều mạng. Ít lâu sau, khúc sông có nàng bị chết chìm ấy nổi lên một dải cát. Rồi càng ngày càng lan sang hai bên bờ. Càng ngày càng rộng, trải dài tới ngã ba sông. Đó chính là cái cồn cát mà chúng ta vừa ngồi chơi đó".

Con thuyền hư máy lắc lư giữa dòng sông, hoàn toàn im lặng. Ngay cả tiếng lắc cắc sửa chữa cũng ngưng tự lúc nào. Trăng mười ba nhạt dần. Có tiếng khoăng nước lách tách, rồi một giọng con gái:

- Chuyện cổ tích gì mà buồn hiu.

Một giọng con gái khác:

- Nghe sợ ma thấy mồ. Thử tưởng tượng nảy giờ mình ăn chè, rồi hát hò ngay chỗ có người chết đuối. Ý ẹ!

- Ghê khỉ mốc! Chuyện mấy trăm năm rồi. Mà biết có thiệt vậy không?

Có tiếng gõ khe khẽ trên nắp nồi chè:

- Cho có ý kiến nghe. Năm nay tôi hai mươi tuổi tây, hăm mốt tuổi ta. Sống ở đây từ hồi mới đẻ tới giờ, hôm nay tôi mới được nghe sự tích về cái cồn cát như vầy. Lạ thiệt! Mà cô Quý thì mới ở xứ này hơn năm thôi. Sao cô biết?

Người vừa hỏi là một chàng trai da trắng, môi đỏ, đúng điệu công tử miệt vườn. Cậu ta nhỏ nhẹ và chấm dứt câu hỏi bằng một cái cười mủm mỉm. Nụ cười của những người nhút nhát, thiếu tự tin, luôn đánh mất tự nhiên trước mặt người khác.

Quý ngồi đối diện với chàng ta. Ở giữa họ là nồi chè đã cạn. Mình đã từng nhìn ngó thẳng mặt Nguyện biết bao nhiêu lần, ngang nhiên, giấu lén, mà lần nào cũng rập rờn xúc động. Cậu ta đơn giản và mong manh làm sao, lại có vẻ nhà quê, thơ dại thế nào ấy. Cái con người nhiều trôi dạt của mình thấy cậu ta sống sung sướng quá chừng. Hoàn toàn yên ổn. Bình an vô sự. Yên tâm công tác gì gì đó... Như dòng sông này lặng lờ trôi hết ngày này tháng khác, như con đò chăm chỉ chở khách qua cù lao, như bến chờ tụ tập ồn ào. Ngày nào cũng vậy. Sơn đã cười. Cái cười độ lượng "cô lãng mạn quá đà rồi nghe" khi nghe mình đem so sánh những điều ấy với Nguyện. Ôi, Sơn nhìn Nguyện bằng con mắt của người đàn ông có vợ mà! Dưới mắt Sơn, Nguyện chỉ là một thằng đàn ông trẻ con đang tập tành hút thuốc, uống rượu, rất thèm muốn để râu mà đợi mãi chẳng mọc được cọng nào.

Ở một đầu mũi thuyền, nơi có khoảng rộng, không vướng víu máy móc, dây nhợ, Sơn nằm gối đầu lên hai bàn tay đan vào nhau, nhìn trời. Điếu thuốc rực đỏ lập lòe không ngừng. Sơn đằng hắng:

- Ê, có thầy địa lý ở đây nghe. Bà Quý "chế tạo" chuyện này hồi nào vậy?

Quý lắc lắc người như tất cả các cô gái khi làm điệu. Con thuyền chòng chành. Mấy tiếng la ré. Quý cười hắc hắc:

- Quên mất cả ông Sơn chớ. Nhưng kể sự tích cù lao theo kiểu bù đắp, bào mòn, xâm thực trong sách giáo khoa của anh thì đâu còn mê ly hấp dẫn nữa. Quý ngửa mặt nhìn trời rồi cúi xuống nói tiếp, tóc xõa lòa xòa:

- Đâu còn thơ mộng gì nữa...

Nguyện hỏi, rụt rè:

- Cô Quý. Bộ chuyện này cô tưởng tượng ra hoàn toàn từ đầu tới cuối thiệt hả?

Quý cười không thành tiếng, miệng mở rộng. Đằng kia, Sơn ngồi nhổm dậy rồi lại nằm xuống, vừa nhả khói thuốc vừa nói:

- Thiệt đó. xXo một trăm phần trăm. Sự hình thành của thiên nhiên có căn cứ khoa học rỏ ràng. Mai tôi lấy sách cho coi. Nhưng mà chuyện cũng hay. Gạt được nhiều người. Tôi chỉ thắc mắc cái gì gây cho cô bịa ra, à, hkông phải, nghĩ ra cái chuyện thơ mộng, thơ thẩn ấy thôi.

Quý xoay mặt về phía Sơn, tưởng chừng như con thuyền đầy những nam thanh nữ tú đang mắc nạn giữa dòng sông này chỉ có hai người (như họ thường nói chuyện mỗi tối, mỗi trưa trong căn nhà chòi hóng mát giữa sân

hay trên bàn ăn mà mỗi người riêng một nồi cơm nhỏ, góp lại những thức ăn hẩm hiu, cho đỡ buồn, ở cái nơi cô quạnh này). Ngay cả Nguyện tươi tắn, đẹp trai đang ngồi gần như thế, thấy được cả cái thở dài kín đáo nãy giờ, cũng như tan biến mất. Quý nói nhỏ:

- Tại cái điều kỳ diệu bí ẩn của nó. Cái cồn cát khi nổi khi chìm giữa sông ấy. Nó không có tên như cô gái vô danh kia. Nước chảy hoài hoài mà nó không trôi đi mất, lại còn ngày càng nở rộng ra nữa - Khoan khoan để tôi nói hết đã - Hay là cô gái luyến tiếc chàng công tử vườn kia? Rồi nó lại sinh sôi nẩy nở ra mấy con hến nhỏ nhỏ bằng mấy ngón tay... Hỏi mấy người chớ đàn ông có sinh nở được không? Tôi nghĩ, chắc là cô gái muốn bày tỏ cảm tình chi đây. Nên cái cồn cát có mấy con hến mà bắt năm này sang năm khác không sao cạn hết được. Có thể là đền ơn. Có thể là tặng gửi. Phụ nữ coi vậy chớ hào phóng lắm nghe bà con.

Sơn ậm ừ:

- Ờ. Nghe cũng tàm tạm. Rất dễ bị lừa nếu mất tỉnh táo.

Mọi người bật cười. Quý cao giọng:

- Tôi nói thêm chút nữa thôi. Tôi không biết bơi. Bởi vậy khi đứng ngồi, chạy nhảy, ăn uống trên cồn cát còn bốn bên là sông nước, tôi thấy lạ lùng sao đâu. Vừa yên ổn vừa lo sợ. Bởi vậy tôi hết sức cảm kích. Tôi chẳng có cái đầu tỉnh táo của ông Sơn, nên cứ nghĩ biết đâu ngày xưa có một người con gái long đong, một tình yêu trắc trở, một... Thôi, hết!

Quý dậm khẽ bàn chân trên sàn thuyền. Bên kia, Nguyện vừa giữ thăng bằng vừa nói:

- Nghe cũng ngồ ngộ. Giống như tuồng cải lương của gánh "Sống Giang" hay là phim "Bãi chiếu không một bóng người xem"...

Lần này thì cả con thuyền lắc lư. Mọi người cười vì câu đùa cợt thường ngày được nói đúng lúc. Sơn cười giả bộ:

- Cho đáng đời. Trao thân nhầm tướng cướp.

Lại một trận cười nữa. Những người có mặt đều rất ham vui và dễ tính. Tám giờ tối, kéo nhau xuống thuyền vòng qua ngã ba sông, tấp lên cồn cát nói chuyện chơi, ca hát lung tung. Chè hết, nắp nồi chè méo mó vì được dùng thay bộ gõ, ngáp dài ngáp ngắn lục tục về lại bến chợ. Đến ngã ba sông thì thuyền chết máy. Trăng nhạt dần. Trời nhập nhòa tối sáng. Sửa một hồi, ống dẫn dầu vào máy văng luôn xuống dòng sông đen thui. May mà nhớ đem theo cái neo. Nếu không thì giờ này chẳng biết trôi đến nơi nào nữa. Một người chép miệng:

- Mẹ ơi. Hai giờ rồi.

- Biết vậy hồi chiều qua B.H. coi ca nhạc. Giờ này kẹt lại ở đây. Cho mày lội qua lội lại dưới sông tới sáng luôn.

Nguyện liếc về phía có tiếng nói, miệng cười tươi như vẫn hằng cười:

- Xí. Làm như tôi không có... Mà đừng nói xui, ông ơi. Lỡ gặp giống như chuyện đời xưa của cô Quý, khó xử lắm nghe. Đời bây giờ... Trúng thứ dữ, nó cho ăn mấy cục kẹo me. Toi mạng!

Cười rổn rảng, rúc rích, mỗi người góp một câu bàn tán về chuyện kể lúc nãy. Bên nam thừa dịp nói lăng nhăng. Bên nữ vừa quở... vừa nạt, vừa cười. Bỗng có tiếng hô:

- Chạy được rồi!

Ai nấy thở ra sung sướng, ngáp to ngáp nhỏ, khoan khoái tỏ bày sự tuyệt trần đời của giường ấm gối êm không giấu giếm. Máy nổ xình xình. Thuyền trôi êm ả:

- Nè. Có ai cầm cái chai này đặng dẫn dầu cho nó chạy. Tụi qua mỏi tay nãy giờ rồi.

Nguyện đứng lên:

- Đưa tôi cầm cho. Lẹ lẹ đặng về.

Sóng gió đã qua. Yên ổn. Tự dưng ai cũng thấy buồn ngủ. Con thuyền im lặng dềnh dàng hướng về bên bờ có ánh đèn quán khuya lập lòe. Gió thổi mát lạnh.

Thuyền ghé mũi vào chân cầu thang dẫn lên bến. Mọi người nhừa nhựa giọng ngủ chào nhau rồi tản ra mọi ngả. Tiếng chó sủa lắc rắc khắp các ngả đường. Nguyện không lên bờ.

- Lộc ơi. Mày làm ơn tạt qua cù lao cho tao về. Công tao cầm cái chai tê tay nãy giờ.

- Không thích gặp cái cô trong truyện đời xưa hả?

- Không. Không ham.

Quý vẫy với Nguyện rồi mới chạy lên những bậc thang đuổi theo Sơn. Hai người đi dọc bên hông nhà lồng chợ, quẹo trái để về khu tập thể trên đồi.

- Nè. Hồi nãy cô nói chưa hết. Mấy con hếm xám xì đó ở cái cồn cát nọ chưa đủ sức mạnh làm ra cái chuyện ly kỳ ấy đâu.

Quý cười một tiếng:

- Rất cám ơn ông đã không nói ra lúc nãy. Còn chứ. Nhưng làm sao tôi nói ra được. Cái nhà cổ xưa của Nguyện đó. Bữa ông dắt tôi qua lấy lương hồi nghỉ hè. Mới nhìn là tôi bị...

- Nói theo lối hiện đại là bị *sốc*.

- Phải. Tôi ngơ ngẩn cả người. Cái cổng nhỏ hẹp có mấy bông hoa còi cọc nở. Hồi nhỏ tôi ở tỉnh, hoa ấy lớn hơn. Cánh hoa trắng như sữa, nhụy cũng đỏ tươi như ở đây. Mỗi ngày đi học qua bưu điện, tôi hay thèm thuồng nhìn ngó. Hai chậu hoa lớn đặt ngay cổng ra vào, lúc nào cũng có người. Nhà bên cạnh cũng chưng ngay cửa, nhưng cách một quãng sân dài, ở cổng còn treo bảng vẽ cái đầu chó lè lưỡi. Thứ hoa này chẳng biết có quí hay không, có điều ít thấy nơi trồng. Tới bây giờ, tôi vẫn chưa được tận tay hái một cái nào. Cái cổng nhà Nguyện đã nhắc tôi về một ao ước chưa đạt được. Rồi tôi chợt nhớ ra rằng tôi đã vội vã cất tiếng khóc chào đời trước Nguyện.

Sơn thở dài bằng miệng:

- Hà. Coi như xong cái cổng!

- Bữa đó, tôi chờ ngoài sân. Cái sân đất láng như tráng xi măng, bỏ dép ra, bàn chân mát lạnh. Từng bụi cây kiểng màu xanh màu tím trồng cặp theo

mấy hàng gạch găm xéo xéo xuống đất, làm thành lối đi. Ở hàng ba có một cái ghế mây lắc lư. Và cả ngôi nhà nằm trong vườn bưởi. Những cây bưởi chẻ nhánh ngay từ mặt đất hay người ta đã trồng vào một chỗ cùng lúc ba bốn cây? Trái bưởi dính chùm là sà sát mặt đất. Tôi bỗng bùng lên mong ước. Phải chi tôi được trưa trưa hong tóc ở cái ghế đó, và con cái của tôi sẽ chạy chơi trên mảnh sân kia. Yên ổn. Thanh bình. Thơm nồng hương bưởi.

- Hèn chi. Cô cho cô gái vô danh kia chết trôi. Đồ "tưởng tượng gia" tào lao. Lại bày đặt tặng cho này nọ. Thứ tình đơn độc một chiều thiệt là...

Quý vươn hai tay lên trời:

- Buồn!

Họ về đến nơi. Cổng phụ chẳng bao giờ đóng, cả ngày lẫn đêm. Quý phẩy phẩy tay:

- Ông ngủ trước. Tôi ngồi chơi ngoài chòi. Chờ chút xíu đón hàng sớm, mua cà chua trưa nay trộn đá đường ăn cho... đỡ buồn.

- Được đó. Nhớ kèm phần của tôi nữa.

Rồi Sơn vừa đi về phía dãy nhà đàn ông vừa kêu to:

- Trời ơi! Ước gì bây giờ sông chảy ngang đây, trời hả!

LƯU THỊ LƯƠNG



LƯU NGUYỄN

những viên sỏi

Những viên sỏi phơi mình trên nền cát xám
mặt hồ phẳng lặng mờ sương
cánh buồm mỏng chập chờn ẩn hiện
tự chân mây nhân ảnh trùng trùng

Ném viên sỏi khua tan tĩnh lặng
những vòng đồng tâm gợn sóng lan nhanh
trên mặt hồ xanh mướt màu bích ngọc
viên sỏi đã chọc trời khuấy nước
trời chao nghiêng nhân ảnh trùng trùng

Dưới đế giày viên sỏi ngoan ngoãn nằm khép nép
quằn quại theo từng bước chân
ôi những bước chân phũ phàng
viên sỏi vẫn trân mình chịu đựng
câm nín và nhẫn nhục
có phải
vì sỏi chẳng biết đau?

LƯU NGUYỄN



HUỲNH HỮU ỦY

đôi mắt
và những đường gân xanh

Gửi Nguyễn

Ngày và đêm trôi qua trong tiếng ì ầm
hỗn loạn
ô nhiễm
những vầng trăng đã chết
chỉ còn lại mặt trời bạo lực
nhưng đôi chim sẻ nhỏ vẫn đùa bỡn ríu rít
cọng rơm vàng dưới mái hiên nhà
bên dòng xe mệt mỏi rũ rượi
thỉnh thoảng gầm rú dữ dội
nhưng đôi mắt ấy vẫn trong veo nghịch ngợm
và hai bàn tay gầy vẫn những đường gân xanh ấy rất xanh
thập giá hạnh phúc
hóa giải
và cứu chuộc.

Cơn dông bão dữ dội rồi sẽ qua đi
dông bão dữ dội
động đất dữ dội
băng giá gầm réo
cùng với trái tim rạn nứt
trí tuệ tan vỡ hung hãn trên vầng trán cao bị cày nát
và đoàn xe ầm ì đi qua nối liền những nhà mồ lạnh lẽo
bảng tổng kết của những con số tàn phá hư hại đổ nát hoang mang
còn lại gì còn lại gì
cũng may
sẽ còn lại chút ánh sáng lạ lấp lánh trong đôi mắt hồn nhiên

Những ống khói nhà máy mù mịt khói
vẻ di động của nỗi chết câm nín buồn thảm

cũng may đã xuất hiện một vệt sáng lạ
đang rạng chiếu trên những đường gân xanh ấy

Những căn nhà im ỉm đóng kín
những khuôn mặt dị dạng che dấu sau khu vườn xanh um
nuôi bằng hóa chất độc dược
cảnh giác và lạnh lẽo
không phải là bí ẩn
của bóng tối ẩn mật
mà chỉ là hung hiểm khép kín
băng giá tối tăm
cũng may
đôi mắt ấy vẫn còn trong veo nghịch ngợm
những đường gân xanh ấy vẫn còn rất xanh
trên đôi bàn tay hoa hồng rạng rỡ

HUỲNH HỮU ỦY



HÀ DŨNG NHÂN

nhạc cảm

tặng Q.

Gam mi thứ tan vào tim
vào phố
vào đêm.
Nhòa nghiêng bóng ướt.
Mưa lạnh đêm đông.

Cô đơn người
cô đơn phố Phái.
Xám nhà rêu.
Xiêu vẹo kiếp người.
Cả cuộc đời
đi tìm hạnh phúc

HÀ DŨNG NHÂN



THẾ UYÊN

cô cháu mai sa



1.

Anh ngồi thoải mái trong xe, nhìn ngắm cảnh vật bên ngoài. Dù đến Mỹ đã được hai năm, anh vẫn chưa hết chán ngó người cũng như ngó nhà cửa, đồi núi nơi xứ này. Không gian ở đây thật nhiều khoảng trống, chẳng bù với khung cảnh chật chội, người và xe xúm xít lại cạnh nhau của Sài Gòn. Sự dư thừa không gian này quyến rũ anh hoài, tháo gỡ cho anh những ràng buộc xưa cũ, từng nút thắt, từng vòng siết gò bó.

Nhưng nói như thế không có nghĩa là anh không tìm thấy những lúc thoải mái, vui tươi trong quá khứ Việt Nam Cộng Sản. Anh đã hiểu từ lâu hạnh phúc của con người chỉ là những khoảng khắc, những điều tương đối. Do đó trong hoàn cảnh nào, dù khốn cùng đến đâu, anh cũng tìm ra được những niềm vui, dù khiêm tốn. Khi còn ở mặt trận, bảy ngày liền không được tắm, bộ đồ trận khô cứng mồ hôi và bùn đất, mùi hôi nồng mặc, anh chịu đựng dễ dàng, bởi vì biết rằng khi rút về đồn, anh sẽ được hưởng cái thú xối nước giếng mát lạnh từ đầu xuống đến chân. Để rồi sau đó thay bộ đồ mới giặt còn thơm mùi nắng, anh ra khỏi đồn đến ngôi chợ quê ngồi uống cà phê túi mà thấy ngon hơn cả café Thái Chi hay La Pagode. Về tình yêu cũng vậy. Cuộc sống của một đơn vị tác chiến làm anh nhớ vợ vô cùng nhưng chịu đựng được bởi vì mỗi khi được trở về gần gũi nhau, anh được thưởng cái thú khám phá lại thân xác nhau từ đầu, để nỗi niềm kích thích đưa cả hai đến những lối hôn cực điểm mà bình thường các đôi vợ chồng thường xuyên sống bên nhau sẽ quên đi.

Vợ anh và các con đều chia xẻ quan niệm hạnh phúc là tương đối ấy nên

gia đình anh đã làm cho cả những người Mỹ lẫn người Việt ở vùng định cư ngạc nhiên. Khi thầy cô Mỹ trong đại học hỏi gia đình anh có bằng lòng với cuộc sống mới không, câu trả lời có đã làm cho các giáo chức đó ngỡ ngàng. Họ bảo từ trước đến giờ khi hỏi các sinh viên Việt câu ấy, đa số đều trả lời không. Nào là xưa kia ở Việt Nam giàu có quan to chức lớn nay mất hết, nào là sống tha hương có gì là vui, nào là phải làm việc tối ngày mới có ăn, nào là cứ nghĩ đến đảng Cộng Sản còn thống trị nơi quê nhà là ăn không ngon ngủ không được...

"Tại sao anh chị và các cháu tìm thấy hạnh phúc ở Mỹ?", các thầy cô Mỹ hỏi thêm. Anh chưa kịp tìm ra chữ để diễn tả quan niệm hạnh phúc chỉ là tương đối, thì một đứa con đã trả lời thay: "Tại nước Mỹ nói chung mang lại cho chúng tôi nhiều thứ hơn là chúng tôi từng mong chờ...". Anh không nói thêm vì đứa con cũng có lý. Mọi ngày nào cả nhà lao động không phải tám tiếng mà mười hai tiếng thế nhưng lắm bữa không có gạo thổi ăn cho no, gặp người ngoài phải nói năng giữ gìn, gặp công an khu vực phải ráng cười tươi lấy lòng. Nay thì được ở nhà tiện nghi (dù là nhà thuê), đi thì đi xe hơi (dù xe hơi cũ), đến bữa thịt cá ê hề ăn không hết phải đổ đi, phát ngôn tha hồ lung tung, không vui sao được.

Bởi thế anh đã thật thích thú khi đứa con lái xe vào khu vực phi trường quốc tế. Cảnh trí đầy những hình ảnh kỳ hà của khoa học không gian theo vòng xoáy chôn ốc của nhà để xe cao mười một từng - ba chiếc vòng xoắn trong tai anh đã móc vào nhau không còn khít như hồi còn trẻ, làm anh khó chịu với chiều cao, với các đường vòng vèo như thế này. Nhưng anh biết chấp nhận sự suy yếu ấy của thể xác đang về già, biết chấp nhận mắt mình bây giờ phải đeo kính thường xuyên. Bởi thế anh hết khó chịu ngay lập tức khi cùng đứa con đẩy cái xe đựng hành lý băng qua cần dẫn vào khối nhà chính. Đang mùa hè nóng rực bên ngoài, không khí bên trong thật mát mẻ.

Đức con hỏi:

- Bố có cần con đưa bố đến gate không?

Anh biết nó cần phải trở về cho kịp buổi học chính ở trường nên trả lời:

- Đến đây được rồi.

- Bố có chắc là bố không lạc không?

Anh mỉm cười, gật đầu tự tin:

- Đến phi trường Dulles đã có chị Mai Sa đón sẵn mà. Không lạc đâu.

Nhưng anh đã lạc ngay ở phi trường này sau khi đứa con giã từ. Anh đến nơi này cách đây đã hai năm và đi theo tuyến đường dành cho khách quốc tế và di dân tị nạn. Bây giờ anh đi theo đường quốc nội, theo hướng khác. Anh đã đi lầm tàu con thoi, anh đi lộn gate hoài, hỏi lung tung cho đến khi học được cách đọc mọi ghi chú trong vé, mọi loan báo đi đến trên màn ảnh computer để rải rác. Và sau gần một giờ loanh quanh, khi đã tìm đến được đúng cửa hai mươi phút trước giờ bay, anh lại lạc lần nữa. Anh để hành lý xách tay

ngay đầu hàng ghế đợi, phóng vô restroom đi tiểu. Khi trở ra, anh không định hướng được, đi lối ra khác nên không thấy hành lý mình đâu. Nếu không tin chắc là không thể có ai ăn cắp đồ ở cái phi cảng này, chắc anh đã kiếm an ninh mà trình báo. Anh phải áp dụng nguyên tắc đã học khi còn là hướng đạo sinh: khi lạc, cứ từ điểm đầu tiên đi vòng mở rộng ra hoài. Và anh đã tìm ra hành lý kịp để làm người khách cuối cùng đi vào đường ống dẫn lên tàu.

Nỗi bực dọc đi lạc như con nít ấy trôi qua liền khi anh đã ngồi yên vị trên ghế, nhìn qua cửa sổ coi phi cơ cất cánh. Bữa ăn trưa thật ngon lành, các món đều nấu nhừ, hợp với hàm răng đã quá lão của anh. Chỉ có một điều buồn phiền mới là sau ly cà phê bốc khói, anh không được hút thuốc lá. Bởi thế khi đáp xuống Denver, được biết phi cơ sẽ cất cánh trễ một giờ vì một thùng hóa chất bị nổ trong khoang tàu, cần phải quét dọn thật kỹ, anh không hề bực bội. Anh tà tà theo luồng người ra khỏi gate, kiếm điện thoại báo tin phi cơ đến trễ cho cô cháu Mai Sa biết. Anh sờ túi chỉ thấy có ba đồng quarter nên định gọi collect call, loay hoay hoài không xong. Từ hồi đến định cư xứ này, anh chỉ lo học, mặc vợ con lo mọi chuyện, kể cả những vụ điện thoại rắc rối như thế này. Một phụ nữ Mỹ đứng tuổi tiến lại gần, dịu dàng gọi giùm anh. Và tiếng Mai Sa đã vang lên:

- Chú Độ đấy hả? Chú đang ở đâu đấy?

- Denver. Phi cơ sẽ đến trễ một tiếng nên gọi cho cháu.

- Khôg sao đâu chú. Cháu cũng mới có một cái hẹn. Đến phi trường Dulles mà không thấy cháu, chú cứ vào quán nào gần gate ngồi đợi cháu nghe. Đừng có đi đâu khác, cháu kiếm không ra.

Anh tươi cười cảm ơn người đàn bà Mỹ, xách cái túi vào một quán gần đó. Sau khi cẩn thận ngó kỹ để ngồi đúng khu hút thuốc, anh mua một ly cà phê nóng hổi. Cà phê Mỹ thật là tồi, nhưng anh quen rồi. Vả lại ngồi đây ngắm người qua lại, đủ màu da quốc tịch, anh thấy thú vị.

Anh chán nhìn hai đứa trẻ chơi giỡn với nhau trên sàn thoải mái như ở nhà, lại ngắm các phụ nữ, để rồi đến một lúc nào đó thấy rõ chiếc quần jean thật hợp với phụ nữ xứ này. Phần dưới của họ căng lên như chuối chín mọng trong lớp vỏ dày nhám. Rồi anh vẩn vơ nghĩ tới Mai Sa, cô gái thường mặc quần jean từ nhỏ.

Mai Sa không phải là cháu ruột của anh, mà chỉ là con của một cặp vợ chồng hàng xóm cũ ở Sài Gòn. Mẹ Mai Sa, là cô gái hàng xóm tên Minh, hồi ấy là một "bà chị" vì hơn anh tới năm tuổi. Đối với cậu học sinh mới lớn là anh. Minh đúng là thần tượng của nữ tính đang mãn khai: nhan sắc rực rỡ như một bông hồng và thân hình nẩy nở. Cặp mắt ngưỡng mộ của anh đã làm cho cô gái cảm tình, chơi với anh như một người em. Đôi khi phải đi chợ mua nhiều đồ, Minh vẫn "gia ơn" gọi "chú em" hàng xóm đi cùng xách đồ giùm. Những lúc đó, chỉ cần ngắm Minh đi tới đi lui trong chợ, mặc cả ráo riết, cong người xuống chọn gà chọn thịt chọn rau là anh vui rồi. Chỉ có điều anh luôn thận trọng đứng cách một khoảng vì Minh có lối trả giá rất dễ sợ: bà hàng đòi một trăm thì Minh trả tiếng đầu là năm đồng. Anh sợ bà bán hàng rủa

mắng quá, dù điều này chưa lần nào xảy ra khi đi với Minh. Rồi dĩ nhiên là anh không ngần ngại gì không nhìn qua lỗ thủng của vách gỗ ngăn sân giữa của hai nhà. Minh có thói quen khi cần đi đâu vội, nàng đóng cửa ngăn nhà trên rồi thay quần áo ngay giữa sân. và đã có lần nàng thay cả quần lót để anh nhìn thấy chiếc rốn sâu trên làn da bụng phẳng tận cùng bằng một bình nguyên đen thẫm. Và có một lần, do bản năng con gái, Minh bất chợt ngẩng lên nhìn thấy mắt anh lấp ló bên kia vách. nàng đưa tay úp lên lỗ thủng, cười nói:

- Này Độ, đừng có coi cọp chỗ đó của đàn bà. Hôn mê ám chướng hết học luôn đó nghe.

Anh vẫn tưởng Minh sẽ giận dữ về truyện đó, nhưng không. Sáng hôm sau nàng vẫn gọi từ bên kia sân rủ anh đi chợ cùng. Minh cười nói như không có chuyện gì xảy ra, nhưng sau đó mỗi lần thay quần áo ngoài sân, nàng bao giờ cũng vắt chiếc áo lên lỗ thủng. Và anh, ngượng vì bà chị bắt gặp mình coi cọp, không tìm cách tạo ra một lỗ thủng khác. Vì tình thân cứ kéo dài như thế nên khi Minh có bồ, có người yêu rồi lấy chồng, anh đã quen luôn cả ông chồng tên là Hạ.

Khi trở lại phi cơ, anh bỗng khám phá ra một điều thú vị: đã đổi phi hành đoàn, và trong toán tiếp viên phi hành mới có một cô gái thật xinh trong bộ đồng phục xanh nước biển với một chiếc nơ đỏ duyên dáng trên cổ. Tóc cô vàng óng, mắt xanh lơ và giọng nói thật dễ nghe. Anh đã thật bằng lòng khi được cô phục vụ bữa ăn kế tiếp, ngay thẳng ngắm nghía và thưởng thức nhan sắc ấy. Anh thích nhìn những phụ nữ đẹp da trắng, dù họ là vũ công sexy vừa nhảy trên sàn đầy màu sắc và âm thanh vừa cổi đến tận cùng, hay kín mít trong quần áo như cô tiếp viên tóc vàng này. Anh thích ngắm họ. Vậy thôi. Không thèm muốn và do đó chưa bao giờ đặt vấn đề phải giao hợp cho biết với bất kể một phụ nữ da trắng nào.

Sau bữa ăn, lần này ăn ít hơn, dù đã uống cạn ly cà phê, anh vẫn hơi buồn ngủ. Có lẽ tại không được hút thuốc chăng. Anh cho ghế ngả ra phía sau, tắt dèn trên cao, mơ màng tự hỏi bây giờ Hạ và Minh đã biến đổi ra sao. Đã quá lâu không gặp lại rồi. Anh nghĩ tới Hạ và vẫn thoáng khâm phục con người này. Khi lấy vợ, Hạ còn là một công chức khiêm tốn đang luôm luôn cố gắng vươn lên, một cách ngay thẳng, bằng sức của mình. Anh khoái Hạ về đức tính ấy một phần, một phần khác vì anh có thể bàn cãi với Hạ về đề tài tình dục, về đàn bà cùng những khoái lạc hai bên có thể mang lại cho nhau. Anh thân thuộc với Minh và Hạ đến độ có một đêm nóng nực đứng hóng mát ngoài vỉa hè, khi nghe hai vợ chồng cùng than là giá bây giờ có tiền đi ăn bánh cuốn Phan Đình Phùng thì là nhất, anh đã phóng đến nhà bạn vay ba mươi đồng để rủ Minh Hạ đi ăn khuya. Với số tiền đó, chỉ đủ gọi ba đĩa bánh cuốn và một tô miến lươn nhỏ - dĩ nhiên tô đó dành cho Minh. Và anh với Hạ cùng thích thú nhìn Minh, càng lấy chồng lâu càng rực rỡ, nở bùng tình ái trên từng đường nét, vừa húp vừa suýt soa tô miến lươn nóng hổi cay xè.

Chính trong thời gian Hạ gửi rể này Mai Sa đã ra đời. Anh đã vào bệnh

viện thăm và bồng Mai Sa còn đỏ hỏm hôi mùi cơ thể mẹ. Và sau đó không ngày nào anh không sang nhà Minh bế cháu ít nhất một lần. Anh đã bao lần giúp minh tắm cho Mai Sa, và có đêm cô bé đau đòi bế suốt đêm, hai giờ sáng anh còn mở cửa ra đường bế đỡ vài tiếng cho H đi ngủ lấy sức đi làm hôm sau. Sau này đến lượt anh lấy vợ, anh đã bồng con rất khéo, biết săn sóc đứa nhỏ, là do kinh nghiệm với cô cháu Mai Sa này.

Hạ có lòng kiên nhẫn và một cố gắng vô bờ bến, Hạ đã nhờ anh kèm cho học thi tú tài II. Sau đó Hạ vào Đại học, học đâu đỗ đó để rồi lấy được bằng cử nhân giáo khoa Anh văn, gia nhập ngành ngoại giao. Với thời gian, mỗi lần gia đình Hạ đổi nhà mới, anh lại đến chơi để thấy nhà lại sang hơn, nhiều đồ đạc hơn. Anh thán phục óc nghệ thuật cũng như tấm lòng chăm chút cửa nhà của Hạ cũng như chăm chút áo quần cho Minh. Anh có thể ngồi cả giờ để nghe Hạ tả cách vẽ kiểu cho bộ bàn ghế trong phòng khách trong khi bản thân anh cả đời trầm mình trong sách vở và chữ nghĩa, ít quan tâm tới bàn với ghế nhà với cửa. Nhưng được chứng kiến sự đam mê chân thành của kẻ khác, dù đam mê với một lý tưởng, một tôn giái hay chỉ là những vật dụng hàng ngày như Hạ, anh vẫn thấy một thú vị nào đó.

Nhưng anh cũng được đền bù vào thời kỳ Hạ đam mê chụp hình và phóng hình. Hạ chỉ thích chụp hình người, và người mẫu dương nhiên là Minh. Hạ chụp vợ khỏa thân ở đủ các tư thế khác nhau và chụp khá đẹp. Không biết Minh có kể cho chồng nghe rằng anh đã từng là "chú em" chuyên môn coi cọp "bà chị" trước kia không, nhưng Hạ mang những tấm hình khỏa than ấy ra cho anh coi, thoải mái bàn về ánh sáng, đường nét, độ đen trắng, say sưa như khi bàn về vẽ kiểu bàn ghế vậy. Có lần Hạ cao hứng dùng kỹ thuật ngăn chặn để phóng thật lớn một cơ phận của vợ, hoặc là phần tam giác phía trước, bộ mông phía sau, hay một bên ngực. Nhìn những hình ấy anh thấy bà chị hàng xóm năm xưa dù đã sinh đến ba con, vẫn giữ được một thân hình đẹp. Vào khoảng thời gian này Mai Sa đã biết tắm một mình và vẫn hay trần truồng phóng thẳng từ buồng tắm vào nhà trên, gặp anh ngồi nói chuyện với mẹ, vẫn thản nhiên "chào chú".

Mai Sa chỉ thôi biểu diễn khỏa thận với anh khi theo bố mẹ chấm dứt nhiệm kỳ từ Phi Luật Tân trở về. Học trường Mỹ bên xứ ấy, Mai sa từ ăn mặc đến cử chỉ dáng điệu có vẻ là một cô gái Mỹ nhiều hơn là Việt Nam. Khi anh hỏi tại sao có thân hình mảnh dẻ cứng cáp như vậy thì Sa giơ hai tay lên ra hiệu: "Cháu chơi base-ball cho đội của trường. Cháu cũng là vận động viên điền kinh luôn. Lấy hai coupe rồi đó!" Sa nói những câu đó bằng tiếng Việt nhưng đệm rất nhiều tiếng Anh.

Khi Mai Sa theo bố mẹ chấm dứt nhiệm kỳ ở Tokyo trở về thì anh ra đón ở sân bay. Lần này Mai Sa đã cao gần bằng anh và đẹp hẳn hoi, thẳng thắn và thân hữu ôm lấy anh hôn nhẹ lên má, với dáng điệu hoàn toàn Mỹ vì đã tiếp tục học trung học Mỹ bên đất Nhật. Vợ chồng anh đón gia đình Hạ Minh về ở chung trong khi chờ đợi hoàn tất trang trí nội thất căn nhà Hạ đã mua sẵn từ khi còn ở nước ngoài. Bây giờ đã dậy thì, Mai Sa không trần truồng

thoải mái như xưa nữa, nhưng không ngần ngại, một buổi tối, mang những bộ bikini ra thử từng bộ cho vợ chồng anh thưởng thức, nhờ chọn giùm ba bộ để nàng mang theo tới Vũng Tàu trên chiếc xe DS mới tinh ông bố Hạ đã đặt mua bên Pháp, tàu chở đã cập bến Sài Gòn, giao xe vào ngày hôm sau.

Mai sa cao hơn mẹ, mặt thanh tú nhưng không đẹp bằng mẹ. Thân hình mảnh, lưng dài eo thon và chân dài, giống như một người mẫu quốc tế hơn là một phụ nữ châu Á. Mỗi lần Sa thay một bộ bikini mới, anh đều bắt Sa quay đủ mặt trước mặt sau để thưởng thức cặn kẽ từng đường nét màu sắc. và dĩ nhiên anh khen không tiếc lời để ngắm cô cháu mặt đỏ hồng lên.

2.

Sau khi phi cơ đã vào bến đậu, anh một tay xách va li nhỏ một vai đeo túi xách đi qua gate vào phi cảng. Nhớ lời Mai Sa dặn, anh không đi theo đoàn người, tìm một quán gần nhất. Anh chọn một bàn có ghế ngồi tiện nghi, gọi một ly bia và bắt đầu nhấm nháp với những điếu thuốc liên tục hút bù thời gian bị cấm trên phi cơ. Anh tự hỏi bây giờ Mai Sa ra sao? Hình ảnh chót anh nhận được là do Minh gửi từ Mỹ về, chụp Mai Sa mặc đồ cô dâu cổ truyền, áo dài đỏ với khăn vành dây vàng kim tuyến. Năm đó Sa mười chín tuổi và từ ấy đến nay cũng thật nhiều năm tháng đã trôi qua. Anh ở Việt Nam đủ lâu để biết Mai Sa đã li dị, không có con nên đã đi học lại. Bức hình chót anh nhận được do chính Mai Sa gửi tặng khi gia đình anh mới tới Mỹ, chụp nàng mặc mũ áo tốt nghiệp MA về tài chính ngân hàng ở một đại học danh tiếng miền Đông. Cô gái hầu như không thay đổi, vẫn mảnh mai với đôi mắt lấp lánh nghịch ngợm, với nụ cười láu lỉnh của một đứa bé được cưng chiều.

Anh đã uống cạn ly bia thứ hai và hút hết nửa bao thuốc mới thấy một bàn tay êm mát từ phía sau áp lên má mình. Lần này anh đứng dậy ôm lấy cô cháu và hôn lên má - chứ không để nàng ôm và hôn mình trước như những ngày xa xưa. Sau khi ngắm nghía Mai Sa gọn ghẽ trẻ trung trong chiếc T-shirt màu trắng nhét vào trong quần jean xanh, anh mới nói:

- Bao nhiêu năm rồi, vậy mà Sa vẫn trẻ như ngày xưa. Bộ cháu không chịu lớn sao?

Mai Sa đáp lễ liền với nụ cười thật tươi:

- Còn chú thì lớn nhanh quá đi. Cháu đi qua đi lại mấy quán mới kiếm ra chú. Nhờ cháu nhớ là chú thích uống bia và hút thuốc mới kiếm ra đó. Ai dè chú biến thành ông già châu Á đầu bạc lẹ thế...

- A, cháu biết đó. Chiến tranh, tù đày, lao động vất vả, ăn uống thiếu thốn làm con người già nhanh lắm. Nhất là chú lại ở phe thua trận nữa, có gì nâng đỡ đâu. Đâu có được như cháu, bao năm sống nước ngoài được cưng chiều và hạnh phúc.

- Hạnh phúc thì không đâu chú.

Anh ngửng đầu nhìn thẳng vào Mai Sa. Cô gái tỏ ra thành thực, nhận định

thản nhiên như bảo một hòn bi là tròn. Anh uống cạn ly bia, đeo túi lên vai. Anh còn cả tuần để sống với Mai Sa, với vợ chồng Hạ. Không có gì phải vội vã. Một lần nữa anh lại thú vị ngồi trên xe ngắm cảnh bên ngoài. Mai Sa nói luôn miệng, hướng dẫn những địa điểm đáng chú ý trên con đường xe chạy qua. Một lần nữa anh lại ngạc nhiên. Anh cứ tưởng thủ đô nước Mỹ là nhà cửa sang sát, đầy nhà chọc trời liền nhau như Sài Gòn hay New York. Anh đâu ngờ cái thành phố thủ đô lại nhiều khoảng trống, nhiều cây xanh đến như vậy. Và khi xe chạy dọc theo dòng sông Potomac anh ngạc nhiên khi thấy hai bên còn để nguyên bờ đất với bãi lầy đầy cây cỏ hoang sơ như những ngày chưa có người da trắng nào đặt chân đến phần đất này.

- Chắc mẹ cháu ở nhà chuẩn bị làm món ăn đãi chú phải không?

- Cháu quên không báo chú là bố mẹ cháu chiều mai mới về. Phút chót bố cháu muốn đi thăm miền Provence, ngó mấy cái trại. Bố cháu mê nước Pháp lắm, cứ nói hoài là đến tuổi về hưu, không về Việt Nam được thì mua một cái trại miền Provence dưỡng già. Bố mẹ cháu dặn cháu tiếp chú trong khi đợi bố mẹ về.

Anh chợt khám phá ra điều lạ: cô bé này bây giờ nói tiếng Việt giỏi hơn xưa nhiều. Anh đưa nhận xét ra lời nói. Cô gái cười, hạ tốc độ cho xe chạy vào một khu biệt thự nhìn thoáng cũng biết của giới thượng lưu địa phương:

- Bố cháu cứ nói Việt Nam Việt Nam tối ngày nên rốt cục cháu học lại tiếng Việt để sau này có dịp sẽ đi làm ở Việt Nam.

- Ý kiến hay đó. Làm ở Việt Nam, ăn lương Mỹ là lý tưởng nhất rồi. Sao khu này đẹp và nhiều nhà đẹp quá!

- Quận Fairfax mà chú. Một trong ba quận giàu nhất nước Mỹ. Nhà ở đây đắt lắm. Rồi chú thấy, nhà bố mẹ cháu cũng thường thôi mà mới định giá đã lên tới triệu rồi.

- Thế cháu có nhà riêng chưa?

- Cháu mua chung với thằng em, nhưng vừa mới bán đi. Lời dễ dàng hơn trăm ngàn, hai đứa cưa đôi liền. Bây giờ cháu về nhà sống với bố mẹ. Cũng chẳng còn ai. Các em cháu học xong là bay đi hết rồi.

Mai Sa dùng chữ bay đi làm anh nhớ lại những bài giảng mới học về hiện tượng *empty nest*, tổ trống, xảy ra cho hầu hết các bậc cha mẹ Mỹ khi về già. Căn nhà rộng lớn xưa kia đầy trẻ con nô đùa chạy ra chạy vào, đến một lúc nào đó chỉ còn hai ông bà già ra vào với nhau. Anh thở dài nhẹ nhàng, châm một điếu thuốc. Không ngờ tuổi già đã đến với vợ chồng Hạ, Minh nhanh đến thế sao. Và bây giờ thì anh hiểu tại sao Hạ lang thang vùng Provence nước Pháp tìm kiếm một cái trại nhỏ cho tuổi già. Vùng thủ đô nước Mỹ này mùa đông tuyết quá dày đặc, quá lạnh.

Căn nhà rộng ba tầng với một tầng hầm của Hạ và Minh đúng là một tổ trống. Cả tầng dưới chỉ dùng để làm phòng khách và phòng ăn với trang bị một lần nữa biểu lộ khiếu nghệ thuật và lòng chăm chút của Hạ. Anh đi chậm rãi một vòng ngắm những bộ bàn ghế hài hòa, màu sắc tươi và thanh nhã của các nệm gối. Anh ngừng lại trước dương cầm ngắm bức tranh khỏa thân của

Nguyễn Trung với màu xanh lá chuối non nổi danh bao quanh những khoảng đen của mái tóc và âm mao, tự hỏi không biết Hạ mua từ bao giờ. Anh mở khung cửa kính tiến ra sàn gỗ ngoài hiên đầy những chậu hoa tím đang nở dưới nắng chiều. Không khí nóng ào bổ vây làm anh bước xuống cỏ, tiến đến hồ nước quanh bờ lát đá tảng và trồng cỏ nước lá dài. Tiếng Mai Sa gọi lớn từ trên lầu:

- Chú cho cá ăn giùm cháu. Sáng nay cháu bận quá, quên mất. Hộp đồ ăn cho cá để ở bàn gần bụi trúc đó chú.

Anh làm theo lời cô cháu, thích thú nhìn đàn cá vàng phóng lên giành thức ăn, những cái quẫy mạnh tung nước vào những lá và hoa súng. Anh ngồi đó, cho cá ăn, êm đềm thưởng thức khu vườn rộng ấm áp trong buổi chiều hè. Đầu óc rỗng không, dễ chịu. Sau cùng anh đứng dậy đến gần bụi trúc, tự hỏi không biết Hạ đã làm thế nào tạo ra lùm cây này trên thủ đô nước Mỹ. Anh chỉ thấy bày bán vài chậu trúc nhỏ ở khu phố tàu San Francisco - dám Hạ nhờ mua từ bên đó lắm. Mai Sa tiến ra đưa anh một lon bia lấy từ tủ lạnh.

- Chú có cần ngủ một chút không? Cháu vào đi tắm cái đã.

Anh không trả lời câu hỏi của Mai Sa mặt bắt đầu hồng lên vì sức nóng bên ngoài. Anh hỏi câu khác:

- Trưa nay Sa cho chú uống bia đợi dài người ra vì cháu còn phải mải làm tình với bồ phải không?

Mai Sa cười gật đầu. Giữa nàng và anh câu chuyện bây giờ thoải mái hơn những ngày ở Sài Gòn nhiều. Sự thoải mái này làm anh nhớ tới một truyện của Somerset Maugham đọc đã lâu, trong đó tác giả tả khi bốn mươi tuổi gặp một cô gái mười tám tuổi con bà bạn ở Mỹ thì đúng là chú với cháu phân biệt hẳn hoi. Chỉ cần đúng mười năm sau gặp lại ở Paris cô cháu này đã lấy chồng và hai con, thì tương quan thay đổi hẳn. Giữa một người đàn ông năm mươi và một thiếu phụ hai mươi tám thì mọi sự trở thành ngang hàng. Như anh và Mai Sa bây giờ. Anh hỏi tiếp, bằng tiếng Anh, giọng châm chọc:

- Sa sướng được mấy cái?

Cô gái cũng trả lời bằng tiếng Anh:

- Một thôi chú. Cái thằng John này khả năng về sex chỉ có vậy.

Nàng chuyển sang nói tiếng Việt trở lại:

- Thôi cháu phải vô tắm. Hồi chiều sợ chú đợi lâu nên cháu đã kịp tắm rửa chi đâu.

Anh lên lầu, ngần ngừ một chút, sau cùng chỉ thay một bộ quần áo khác rồi xuống nhà. Anh chọn một ghế bành cạnh đàn dương cầm, gác chân lên ghế đẩu tròn, nghỉ ngơi trong tiếng rì rầm của máy điều hòa không khí. Anh không bật đèn nên góc này tối nhất nhưng ánh sáng cũng đủ để nhìn rõ bức tranh sơn dầu vẽ Minh mặc chiếc robe đỏ cổ xẻ sâu xuống phía dưới, lộ hẳn đường cong của một bên vú. Bức họa khá đẹp, nhưng anh lười biếng không muốn đứng dậy coi xem của họa sĩ nào. Không gian êm mát làm anh mơ màng thiếp ngủ.

Anh chỉ thức tỉnh khi nghe tiếng mở ngăn tủ và mắt anh ghi nhận ngay

thân hình trần truồng nâu mịn còn lấm tấm nước của Sa đang loay hoay kiếm một vật gì trong tủ kê sát vách tường. Khi cô gái cúi xuống, bộ mông tròn chắc cong ra phía sau với cái khe thẩm màu. Anh chẳng nói gì cả và cũng không nhúc nhích, thưởng thức từng đường nét và cử động của cô gái. Nhưng khi đã kiếm ra vật muốn tìm, quay người lại để trở vào phòng tắm thì Sa nhận ra sự hiện diện của anh. Phản ứng tự nhiên đầu tiên của cô gái là đưa một tay xuống che phần dưới. Anh cười, nói:

- Sa che làm gì. Chú nhìn thấy phần đó của Sa ít ra cũng vài chục lần hồi xưa rồi. Chắc cháu mắc công tỉa cắt ghê lắm mới gọn ghẽ như vậy phải không?

Cô gái buông tay ra, cúi xuống nhìn rồi cười:

- Đàn bà Mỹ ai cũng mắc công tỉa xén chỗ đó. Tại mốt áo tắm bây giờ nó đòi hỏi như vậy.

- Sao thân thể Sa chỗ nào cũng nâu vậy?

- Cháu tắm nắng khỏa thân hoài mà chú. Cái mốt để lại hai khoảng da trắng trên ngực và phần dưới đã qua rồi chú. Chú thay quần áo sẵn rồi hả, tốt lắm. Đợi cháu tắm xong là đi ăn.

Sa quay đi tiến vào phòng tắm.

- Tối nay chú thích ăn cơm gì? Mỹ, Pháp, Xì hay Tàu, Việt? Cháu làm bếp dở lắm, không như mẹ cháu đâu.

Anh nhìn theo phía sau, thích thú từng cử động của thân hình Sa, trả lời lơ đãng:

- Tùy cháu. Sa thích ăn gì chú ăn cái đó.

Sa đã đưa anh đến một quán nằm lơ lửng giữa một cao ốc, từ đó nhìn xuống thấy dòng sông Potomac đang mờ dần trong bóng tối. Sa nói:

- Chú trhích quán này không?

- Thích lắm. Món ăn cũng được lắm.

- Tiệc cưới của cháu đã làm tại đây, chú. Lâu lắm rồi.

Giọng Sa có vẻ buồn nên anh đổi đề tài:

- Cháu gọi cho chú ly vang trắng đi. Món cá hấp này không hợp với bia.

- Để cháu gọi một carafe nghe. Cháu cũng muốn uống một chút.

Sau khi đã cạn ly rượu, mặt Sa hồng hẳn lên, mắt long lanh, bắt đầu nói nhiều hơn nhưng không quên ăn. Sa ăn rất ngon và nhiều.

- Sao cháu ăn khỏe thế mà lại không mập như mấy bà Mỹ?

- Cháu chơi thể thao nhiều lắm chú. Tập aerobic hai ngày một lần, đi trượt nước, đi leo núi cắm trại nữa.

- Chắc các boy-friend của cháu là dân da trắng hết?

- Đúng vậy chú. Cháu không còn chịu nổi con trai da vàng nữa. Một lần đủ tởn đến già luôn.

Dù anh không hỏi thêm, Sa vẫn tiếp:

- Hồi đó cháu mới mười chín, ngây thơ lãng mạn lắm chú. Anh Tri là con một ông lớn ở Việt Nam ngày xưa, bạn khá thân với bố cháu. Anh theo đuổi cháu dễ dàng vì cả hai nhà đồng ý. Thực ra lúc đó cháu không yêu anh ấy

mấy. Có người đưa đi chơi đi nhảy tặng hoa này nọ thì cũng thích vậy thôi. Nhưng anh ấy yêu cháu lắm, cứ đòi cưới hoài. Cháu thì tính để học xong Đại học cái đã, nhưng anh ấy không chịu. Chú có biết cháu nhận lời lấy anh ấy trong hoàn cảnh nào không?

Anh tì một tay lên bàn, nhìn Sa chú ý nghe. Cô gái cũng nghiêng về phía anh, một vạt áo trễ xuống và chỉ cần nghiêng đầu một chút là đủ cho anh nhìn thấy đầy đủ một bên vú. Không biết có phải vì rượu vang hay vì một lý do nào khác, anh có cảm tưởng vú đó đang nở to và cong lên.

- Tối đó bọn cháu đi dự party nhà một con bạn Mỹ. Bọn cháu nhảy với nhau đến khuya và anh ấy bảo cháu nếu không chịu lấy thì anh ấy sẽ tự tử liền. Anh rút một con dao dài nhọn ra cho cháu coi và bảo anh sẵn sàng đâm vào tim ngay lập tức. Hồi ấy cháu trẻ quá, cứ tưởng anh dám làm thật, bởi thế cháu đã nhận lời. Đám cưới cử hành ở đây cho hai họ, đầy nhóc những ông bà già chẳng biết ai vào với ai. Đi chào mệt nghỉ luôn... Đi chưa chú, ngồi đây đủ rồi. Bây giờ cháu đưa chú đi chơi một vòng ở Gheorgetown nghe.

Khu thành phố cổ này mùa hè đông nghẹt người, nhất là lớp trẻ. Từng đám trai gái tụ họp trước các quán có khiêu vũ, quần áo mùa hè nhiều màu sắc để hở nhiều da thịt. Thỉnh thoảng một vài thanh niên đen đi qua ồn ào, cổ và tay đeo những vòng lớn có phát ra ánh sáng. Sa kéo anh len lách vào đám đông đang tụ họp trong một khoảng đất trống. Một ban nhạc da đen tài tử đang chơi những bản nhạc đầy sức sống. Sa chen lên vòng đầu bỏ một đồng vào một chiếc hộp để sẵn. Sau mỗi bản, nhiều người khác cũng thưởng tiền. Ban nhạc chơi hăng hái hơn, một ca sĩ vừa hát vừa nhào lộn trên sàn xi măng, đám đông ồn ào vỗ nhịp theo. Nhưng bầu khí đang vui thì bị cắt ngang với ba cảnh sát xuất hiện, yêu cầu ban nhạc ngưng chơi và đám đông giải tán. Một người Mỹ đứng tuổi nói lớn:

- Đừng bắt ban nhạc tội nghiệp. Họ chơi hay lắm.

Một cô gái khác lên tiếng phụ họa. Một viên cảnh binh cất cao tiếng:

- Chúng tôi không bắt và cũng không phạt ban nhạc đâu. Họ chơi nhạc ở đây gây cản trở lưu thông, chúng tôi yêu cầu giải tán. Có vậy thôi. Xin bà con đi cho.

Sa kéo tay anh trở lại đường phố chính rồi quẹo vào một con đường bên, chỉ cho anh coi những bậc thềm nhà cũ kỹ, những mặt tiền cổ kính:

- Chú biết không, cả khu này bị xếp vào loại cổ tích hết. Chủ nhân cứ việc ở, tha hồ thay đổi bên trong, nhưng mặt tiền thì cấm. Một cánh cửa, một hàng rào hư phải xin phép thành phố mới được sửa, và sửa sao cho đúng như cũ. Hồi còn học ở vùng này bọn cháu thích lang thang ở khu này lắm. Khi nào mỏi cẳng thì để thằng bạn nào mình thích nhất đưa ra bờ sông hôn. Hôn một lúc là thấy khỏe lại, lại đi chơi tiếp cho tới thật khuya.

Anh đã thấy mỏi cẳng và khi ra đến bờ sông nhỏ, thì anh ngỏ ý muốn về vì mệt. Mai Sa có đó trong tầm tay, nhưng anh chỉ thích cô gái như thế, vui tươi, đầy sức sống, chuyển động nhịp nhàng bên cạnh anh, vạt chiếc robe bay nhẹ nhàng theo từng bước chân. Vậy thôi. Anh thấy yên tĩnh tâm hồn, yên

tĩnh trên cơ thể. Về đến nhà, anh vào bếp mở tủ lạnh lấy một chai bia Canada, ngồi ngay bàn bếp uống một hơi dài. Khi anh bắt đầu uống đến chai bia thứ hai thì Sa từ trên lầu xuống, áo ngủ trắng có những sợi nơ màu hồng nhạt thả dài xuống phía dưới. Sa ngồi xuống ghế bên kia bàn:

- Cháu không buồn ngủ và cũng chẳng muốn làm gì lúc này.

Anh cũng vậy. Và anh hỏi tiếp Mai Sa về cuộc sống trước đây. Giọng cô gái khi càng trở lại quá khứ càng có vẻ buồn.

- Khi lấy anh ấy, cháu đâu có biết là anh đã bắt đầu nghiện ma túy. Anh cứ lấy tiền mọi người mừng cháu hôm đám cưới ra mua *drug*. Cháu đâu có để ý, cho đến hôm cháu không còn đồng nào nữa, thì anh bắt cháu đưa nhẫn cưới kim cương cho anh. Cháu không chịu, anh tát cháu một cái. Đó là lần đầu tiên cháu bị đánh trong đời.

- Thế cháu có đưa không?

- Đưa ngay lập tức chứ chú. Hồi ấy cháu sợ chết khiếp luôn. Mua *drug* hết tiền bán nhẫn, anh bắt đầu ăn trộm tiền của bố mẹ anh. Rồi khi bố mẹ đã đề phòng kỹ, thì anh bắt cháu về nhà xin tiền bố mẹ cháu.

- Về sex, anh chàng đó có khá không?

- Về vụ đó thì được lắm, nhất là trong năm đầu. Nhưng dù có vụ đó, đâu có bù được. Mỗi lần lên xe bus về nhà xin tiền, cháu khóc sướt mướt đến sưng cả mắt luôn. Nhưng rồi đến một lúc nào đó, bố mẹ cháu không chịu cho nữa. Chú biết đấy, hồi đó mẹ cháu còn phải đi làm để phụ thêm mua cái nhà này. Mẹ cháu thương cháu, vẫn cố gắng dấm dúi cho cháu chút đỉnh. Bố khám phá ra, bắt mẹ cháu gửi paycheck thẳng vào trương mục của bố luôn. Vậy mà anh đâu có chịu, cứ bắt cháu phải về hoài, không về là anh đánh, mỗi lần đánh còn đau hơn.

Anh đẩy chai bia về phía Mai Sa:

- Sa uống một chút cho đỡ khát. Thế rồi sao nữa? Sao Sa không kể cho bố mẹ nghe là cháu bị đánh. Chắc chắn bố cháu phải can thiệp chứ?

- Anh ấy dọa cháu là nếu kể cho bất cứ ai thì anh đâm nát người cháu ra. Cháu cứ phải một hai tuần lủi thủi lên xe bus về nhà, và có lần khi trở về không có một đồng, phải xin hai quarter ở bến xe, xấu hổ muốn chết luôn. Cháu năn nỉ xin mẹ cháu cho cháu trở về nhà sống như cũ, mẹ cháu không chịu. Mẹ cháu cổ lắm, chú biết đấy. Mẹ khăng khăng con gái đã đi lấy chồng là thuộc về nhà chồng. Cứ cơm tối xong là mẹ cháu bắt đứa em đưa cháu ra bến xe.

Mai Sa đứng dậy ra tủ lạnh, lấy cho mình riêng một lon Heineken:

- Nhưng rồi cháu lại bị đánh và cứ phải về. Có lần về vào buổi sáng, cả nhà đi vắng, cháu phải leo qua cửa sổ vào.

Sa đưa lon bia lên uống một hơi dài:

- Cháu mở tủ lạnh ra có gì ăn đó rồi ngồi vào chỗ chú ngồi chiều nay ấy. Rồi dù cháu không muốn khóc, nước mắt cứ chảy ra hoài. Đến trưa mẹ cháu về ăn trưa, cháu ngồi núp sau tấm màn. Nghe tiếng mẹ cháu đi lại trong nhà, cháu lại khóc nữa nhưng không dám để thốt ra tiếng. Sợ mẹ cháu biết thì lại

bị tống về nhà chồng liền. Đến chiều thì đứa em dấu cháu trong phòng nó, mang bánh mì mang *chip* lên cho cháu ăn. Nhưng đến ngày hôm sau là thứ bảy thì cháu hết trốn đâu được. Tối hôm ấy đứa em đưa cháu ra bến xe bus và tặng cháu hai mươi đồng, cháu thấy tủi thân kinh khủng. Cháu cứ ngồi lì trên xe bus, kệ tới đâu thì tới. Đến khuya cũng phải trở về nhà thôi. Anh Tri phóng đi ngay dùng tiền mua *drug* và lần này anh ép cháu dùng chung.

- Thế cháu có dùng thử không?

- Chẳng thử cũng chẳng được với anh. Vừa hít xong là cháu bay bổng liền, chả biết thân hình mình ở chỗ nào trên thế gian nữa. Chắc là hai đứa làm tình tối đa vì sáng hôm sau tỉnh dậy, cháu thấy chỗ nào cũng có sperm. Cháu vén màn cửa nhìn sang dãy nhà tồi tàn, vách tường loang lổ bên kia đường và bỗng dưng cháu hiểu.

- Sa hiểu sao?

- Cháu hiểu là cứ tiếp tục kiểu này thì sau cùng chắc cháu phải đi làm điếm quá. Không, điều gì cháu cũng có thể chịu được, làm điếm thì không. Chẳng gì cháu cũng cheerleader duy nhất da vàng và lại còn valedictorian của trường nữa... Cháu đâu dám tắm rửa, sợ anh ấy tỉnh dậy sẽ cản lại, cháu phóng về trường cũ cầu cứu. Bà hiệu trưởng tức giận kinh khủng - chẳng gì cháu cũng là trò cưng của trường mà. Bà làm tới nơi tới chốn.

- Bà ấy làm ra sao?

- Bà gửi thẳng cháu tới một shelter, bảo cứ ở yên đó tĩnh dưỡng, để trường lo hết cho. Ồn cả lên. Cả bố mẹ cháu cũng bị họ cằn nhằn nữa. Sau cùng mọi sự đâu vào đấy, cháu được ly dị và bố mẹ cháu được đón cháu về nhà.

- Bố cháu có nói gì không?

- Lúc mang xe đến đón, bố cháu chỉ nói tại sao không chịu kể cho bố biết mọi chuyện. Bố bảo bố mà biết, chắc chắn bố sẽ can thiệp ngay từ đầu, đâu có để cháu khổ lâu như thế.

- Chú cũng vậy. Phải chi hồi đó chú đã ở bên này, thì chú đón cháu về nuôi ngay từ khi cháu bị đánh lần đầu. Thế rồi sao nữa?

- Cháu không biết trả lời bố cháu ra sao, chỉ ôm lấy bố khóc thôi. Bố bảo thôi, quên quá khứ bất hạnh đi, về làm con gái bố trở lại, bố sẽ nuôi cho học khi nào hết muốn học thì thôi.

Sa đưa lon bia lên uống cạn:

- Chính Đại học đã cứu cháu, mang lại quân bằng dần dần cho cháu. Đại học vui lắm, chú hẳn biết đấy. Xong BA về business cháu đi làm một thời gian rồi nuốn tiến xa hơn, cháu ghi danh học MA luôn.

Cô gái đứng dậy:

- Chú cứ uống tiếp đi. Cháu đi ngủ trước vì mai còn nhiều việc lắm.

- Thế anh chàng chồng cũ của cháu về sau ra sao?

- Nghe nói anh dọn lên Atlantic City, cai *drug*, sống cũng được lắm. Lấy một cô vợ mới người Xì hay gì gì đó, cháu cũng chẳng biết.

Ngồi lại một mình, anh tiếp tục uống bia và hút thuốc. Khi đã ngà ngà say, anh có lúc nhìn sang phòng khách sang trọng trong ánh sáng căn thật khéo

cho mọi sự ấm cúng, an toàn và dịu dàng, để rồi thấy cuộc đời lắm lúc chẳng ra sao hết. Ai có thể ngờ tại không gian này có một cô gái như Mai Sa đã phải trốn sau một bức màn mà khóc đến hết nước mắt.

3.

Đúng như cô gái đã nói với anh khuya hôm trước, ngày hôm sau quả thực là một ngày bận rộn. Trong bữa ăn sáng, Sa cho biết đã kiếm được job mới trả 50,000 một năm bên San Francisco: "Cháu muốn đi xa vì gần mẹ, mẹ vẫn kiểm soát kỹ, đi đâu ban đêm phải xin phép, làm như cháu còn bé lắm không bằng...". Cô gái muốn mang chiếc BMW mới mua sang bên kia đại lục nên trưa nay sẽ đưa anh ra phi trường sớm hai tiếng để nàng có thể đón người bạn trai. Anh đã bắt tay gã thanh niên da trắng cao lớn vạm vỡ có nụ cười rất hiền lành, tên là Larry hay Bob chi đó. Anh đã tiễn đôi trẻ đến cầu thang đưa hai người lên tòa nhà để xe. Anh đã đưa hai tay ôm lấy khuôn mặt rạng rỡ của Mai Sa, hôn nhẹ lên má rồi chạm khẽ lên môi, rồi đáng lẽ nói tiếng Anh, anh đã dùng một lời chúc xưa cũ của Việt Nam: "Thượng lộ bình an nghe, Mai Sa".

Anh đã đứng đó nhìn thang chạy đưa dần đôi trẻ lên cao rồi mất hút. Anh kiếm gate của chuyến phi cơ sắp từ Paris tới, anh mua một ly cà phê mang ra hàng ghế nhìn thẳng vô cửa, đợi vợ chồng Hạ Minh xuất hiện. Để rồi bốn năm sau mới có dịp gặp lại Mai Sa.

Cô gái đã lái xe băng lục địa Mỹ trong năm ngày với người bạn trai chia tay nhau vĩnh viễn khi tới San Francisco một tuần. Rồi cô gái có một bồ trai mới dẫn cô vào thú lặn dưới biển ấm của Mexico, rồi một bồ khác dẫn cô leo núi Rainier ở tiểu bang Washington mùa thu và những núi khác ở Alaska mùa hè. Rồi sau cùng Mai Sa cũng làm điều đã nói với anh ở quận Fairfax nhiều năm về trước: nàng nhận làm chuyên viên tài chính cho một tổ hợp ngân hàng mới mở chi nhánh tại Sài Gòn với số lương 75,000 một năm. Qua điện thoại viễn liên, Minh đã kể cho anh nghe, sau cùng Mai Sa cũng đã đến làm việc ở Sài Gòn và đã yêu - "lần này có vẻ serious đó nghe..." - một anh chàng Mỹ đứng tuổi lương cao gấp ba cũng đang làm việc ở Đông Nam Á.

Khi anh được cử về Sài Gòn cùng với một phái đoàn chuyên viên Mỹ, chính Mai Sa đã đứng ra thuê khách sạn trước cho anh ở đường Đồng Khởi. Viên quản lý trịnh trọng trao cho anh một thư ngắn trong đó Mai Sa xin lỗi là quá bận nên không ra đón anh ở phi trường và cũng không gặp được ngày hôm nay. Cô gái hẹn anh ngày mai ra trường đua Phú Thọ đón nàng đi ăn sáng lúc tám giờ.

Anh đi xích lô đến trường đua sớm hơn giờ hẹn vì đổi ngày thành đêm, anh không ngủ được. Anh vào trường đua, đi con đường quen thuộc dẫn đến khán đài chính, lựa một ghế sạch sẽ ngồi xuống, châm thuốc hút. Anh nhìn ra xa và nhận thấy một cô gái đang phóng ngựa về phía khán đài và không

cần phải lên kính nhìn cho rõ, anh cũng biết đó chỉ có thể là cô cháu Mai Sa của anh.

Cô gái chẳng già đi một chút nào, nhảy xuống ngựa ôm lấy anh trước khi nói guọng bỡn cợt như những ngày đã qua. Ôm sa trong tay, anh ngửi thấy vừa hương của cỏ đẫm sương bị dẫm nát, vừa vị ngai ngái của một thứ nước hoa nào đó quen thuộc.

- Trông chú khá hơn hồi mới tới Mỹ nhiều. Còn có đường lắm.

- Mỹ nuôi thì phải khá hơn đảng Cộng Sản nuôi chứ. Cháu lấy ngựa đâu ra vậy?

- Fiancé của cháu mua hai con. Con này là của cháu. Bây giờ cháu khoái cưỡi ngựa lắm.

Anh nói đùa một câu bằng tiếng Anh:

- Chắc fiancé của cháu là một con ngựa giống. Mẹ cháu bảo cháu mê anh ta gần chết.

Mai Sa khua tròn tay như một cô cheerleader ngày nào, cười:

- Mẹ cháu khoái cháu lấy chồng lắm. Chiều nay anh ấy ở Quảng Châu về tới Sài Gòn. Chú tới Majestic ăn cơm tối với hai đứa nghe. Anh ấy biết bố cháu không thích cháu lấy chồng da trắng nên mong gặp chú... Anh sẽ tán chú gãy lưỡi để nhờ chú thuyết phục bố cháu.

- Để rồi coi. Bây giờ cho chú đi ăn sáng đã. Chú đói rồi.

Người tài xế trịnh trọng bỏ mũ chào anh rồi lễ độ mở cửa xe. Khi đã ngồi yên chỗ, anh chế nhạo:

- Cái cô cheerleader da vàng này sao bây giờ hách thế?

- Công ty cháu đòi hỏi chứ bộ. Họ bảo Á châu là Á châu. Còn cháu ấy à, cháu mua riêng một xe Honda 125 để sểnh một cái là cháu phóng đi ăn quà liền. Quà Việt Nam ngon quá chú ơi, cháu ăn hoài không chán.

Ngồi trong tiệm phở Tàu Bay đường Lý Thái Tổ, anh vẫn chỉ gọi một tô nhỏ như ở Mỹ. Còn Mai Sa, vẫn như bốn năm về trước, vừa kể chuyện linh tinh Sài Gòn, vừa khua đũa khua muỗng ăn vèo một cái hết tô xe lửa, không quên trút vô tô luôn cả chén nước béo. Và một lần nữa anh lại ngạc nhiên tại sao ăn như thế mà Mai Sa vẫn không mập. Đây là lần đầu tiên sau bao nhiêu năm anh mới trở lại ăn phở nơi này, và vẫn thấy ngon. Anh thật bằng lòng nên khi ra khỏi quán, đã kéo Mai Sa vào một quán cà phê túi ngay gốc cây lớn ven hẻm bên cạnh.

Rồi anh để Mai Sa về trước bởi vì nàng còn phải làm việc. Sa thản nhiên cúi xuống hôn lên má anh, tự nhiên như ở chỗ không người. Cô gái dặn lại anh lần nữa:

- Hai đứa bọn cháu đợi chú lúc tám giờ tối trên sân thượng Majestic nghe chú.

Khi xe đã đi khuất, anh với tay định lấy hộp tăm ở đầu bàn thì một thanh niên gầy gò quần áo cũ rách đã lấy lại giùm. Anh nói cám ơn, và khi rút bao Pall Mall, anh đã đưa mời một điếu. Anh ta trịnh trọng cám ơn rồi cài điếu thuốc lên tai. Anh liền mời điếu thuốc thứ hai. Lần này anh ta hút liền.

Nhìn người trẻ tuổi nghèo khổ này hút điếu thuốc Mỹ, anh bỗng dưng có một ý nghĩ tầm thường, thật tầm thường rằng ít nhất trong khoảng khắc này cũng có ba người đang hạnh phúc, dù là những hạnh phúc nhỏ nhoi. Mai Sa với nỗi nôn nóng sắp được gặp lại người tình trong vài giờ nữa, anh với tô phở ngon trong thành phố cũ và người thanh niên nghèo khổ đang hút thật sâu làn khói từ điếu thuốc được tặng một cách tình cờ, trong buổi sáng mùa hè này.

THẾ UYÊN



TRỊNH CUNG

pho tượng

Anh ngồi đây như tượng
như tượng già trăm năm
cuộc đời nào khéo tạc
người sống thành tượng câm

Tượng anh bằng ba thịt
mà như đá như đồng
tượng câm trừ đôi mắt
bừng cháy tậm thu không

buổi chiều đi qua bảo tàng rodin

Còn có công viên nào không có tượng
anh xin mời em đến đó làm "nụ hôn"
nếu em từ chối
anh sẽ buồn
và sẽ trở thành "kẻ suy tư"

TRỊNG CUNG

NGUYỄN NHƯ MÂY

Thai vai

(Car je EST un autre - Rimbaud)

Tôi chào tôi ở trong gương
hàng ngày gặp mặt nên thường chào nhau

Tôi chào tôi ở trên cầu
bóng ai dưới nước nhìn sao giống mình?

Tôi chào tôi suốt ngày đêm
cả trong giấc ngủ cũng nhìn thấy tôi!

Làm sao quên được con người
đóng hai vai suốt một đời nhân sinh?

Bao giờ tôi hết gặp mình?
tôi không biết!... Kìa, lại nhìn thấu nhau!
(28.7.91)

trăng

Trăng ở bên kia sông
đêm đêm còn một nửa
nửa kia vàng thương nhớ
ai gửi nước xuôi dòng...

Trăng ở bên này sông
đêm đêm mòn nước chảy
ai có về bên ấy
cho gửi nỗi chờ mong...

Trăng hai bên dòng sông
đêm đầy rồi đêm khuyết
nỗi niềm nào ai biết
chỉ thấy trăng mãi còn...

NGUYỄN NHƯ MÂY
(Phan Thiết)



AN PHÚ VANG

cha

Khi cha lớn lên ruộng đất nơi này chưa giăng mìn bẫy
đồn phòng ngự chiều nhìn trâu lững thững về chuồng
anh dân vệ ngày vui ruộng nương cái cày cái cuốc
quận lỵ vườn mình ôm trọn dòng sông quê hương

Khi con lớn lên theo xe chiều Thuận An về ngang chợ Nọ
tuổi nhỏ xôn xao bay nhảy theo những đường chim
màu cờ vàng theo gió vươn cao nơi đồn phòng ngự
những hàng rào kẽm gai những con mắt dõi tìm

Cha có trong trí nhớ miền xa chân cầu Tràng Tiền hồi còn đủ nhịp
ngày lặn lội theo chân người chiều đánh dáo gốc cây
Cha bỏ đi đâu ngày nội kẹt lại bên kia đất nước
Về Nam ngó Hải Vân nhớ Phú Vang mây bay
Về Nam cách Hải Vân nhớ xóm làng Dương Nổ
Ruộng đất nghèo hạ chí cằn khô
Có bao lần về quê hương đói khổ
rồi cha lại đi mà bỏ không đành

Khi con lớn lên lý lịch khai gì - cha tử trận
màu cờ vàng phủ quan tài lòng xe Dogde nhà binh
Ai biết cha về Phú Vang tuổi nhỏ
Ai biết mẹ buồn hàng nến thắp lung linh

Mười mấy năm sau lớn lên con cũng là lính trận
Chạy mút chỉ đường tà giờ không biết về đâu.

mưa

Những bước chân mỗi ngày mỗi xa
Đêm em ạ thêm lần không ngủ được
Đi giữa bão tháng giêng có người tìm chút nắng
Mưa dâng nước bên trời em lẳng lặng về xa
Châm điếu thuốc nhìn đêm qua, xa lạ
Mưa khuya về hay lệ khóc tình ta.
AN PHÚ VANG
(19/1/95)



PHAN HUYỀN THƯ

chuyện của "chíp".



Có tiếng chuông điện thoại. Tôi liếc nhìn đồng hồ treo tường. Mười một giờ mười lăm. Mẹ tôi ngồi dậy hỏi đứa nào. Tôi bảo cái Hạnh đang đợi con ở Qeenbee. Mẹ tôi bảo "ở nhà". Tôi chui đầu vào chăn. Mẹ tôi hỏi "Mày tính với thằng Cường thế nào?". "Con sẽ lấy nó". "Bao giờ?". "Bao giờ cảm thấy OK". "Thế thằng Quang?". "Con thích nó". "Mày định lằng nhằng đến bao giờ?". "Con không biết". "Nhỡ thằng Cường biết thì sao?". "Có lẽ biết rồi. Cùng lắm là out...". "Tao cấm...". "Mẹ ơi nghĩ làm gì cho mệt. Những chuyện mong manh ấy mình con giải quyết được rồi". "Không biết kiếp trước tao nợ nần gì mày..."

Chống chân xuống đường, Hạnh bảo "Thay đồ". "Chờ cơm cạn tao hấp nốt cơm nguội rồi đi". "75". "Được hả?". "Ừ! Hôm qua có đứa sui tao con 76. May mà không đánh". "Bây giờ đi đâu?". "Ngồi yên rồi biết".

"Nếu bố mày biết mày vào bar với tao thì sao?". "Tao không biết". "Sao còn đi?". "Cùng lắm thì đòn. Tao không sợ đòn, chỉ sợ mẹ tao rên". "Giống tao quá. Mẹ mày có bảo kiếp trước nợ mày không?"

Tôi và Hạnh. Hia đứa chúng tôi là hai "chứng nhân lịch sử" về sự suy đồi đạo đức. Đạo đức có chuẩn mực không hay là nó thay đổi theo thời cuộc. Ông tôi bảo "Ngày xưa vì yêu bà mà tao bị khai trừ khỏi Đảng. Tao với bà mày hủ hóa ra bố mày"... Rồi ông quay sang duyệt tiếp tâm lý Mỹ, thể loại 24/24 có tác dụng như keo Con Voi dính chặt ông vào ghế dưỡng già. Bố tôi đáp "Thì con bị kỷ luật trước toàn trường với một tuần quét nhà vệ sinh, vì tội nhìn mẹ cái Nhi trong giờ sinh hoạt Đoàn của Khoa chứ đâu". Nói rồi bố tôi liếc đồng hồ gọi điện thoại cho lái xe đến đón. (26/30 ngày họp tại nhà hàng). Mẹ tôi bảo: "Mày sướng quá hóa rồ. Mày không đọc báo à. Yêu đương nhăng nhít

mất mạng như chơi. Gặp phải thằng liều thì phí cơm tao nuôi mày". Tôi bần lần đáp: "Con chẳng yêu thằng nào. Đàn ông bây giờ thằng làm ra mười nghìn tiêu trăm nghìn. Thằng làm ra tiền triệu thì tiêu từng nghìn. Thằng chẳng làm ra đồng nào thì trốn vào sách vở học hành. Toàn ngáp vặt với cãi nhau những vấn đề ngay cả Bill Clinton cũng không dám nghĩ". Bố tôi bảo: "Thế con Nhi nó si thằng nào quá, vác hết của nải giao cho giai bà có chịu không?". Mẹ tôi đay: "Việc gì phải mượn nó, của nả nhà này cũng có người đang khuân dần khuân dần đi hộ rồi". Bố tôi dàn hòa: "Mấy con mẹ phệ hôm nay không rủ bà đến Câu Lạc Bộ Khiêu Vũ Cổ Điển à?"

Hạnh bảo tôi: "Tao định đi Úc". "Du học à?". "Mày đi với tao đi". "Sao?" Chán à?". "Ừ, mỏi quá. Hai cụ nhà tao muốn tao weding". "Thằng nào thế?". "À! Một thằng mới về bộ ngoại giao. Theo tao đoán có lẽ nó... gác cổng. Hôm qua nó đến nhà gặp tao: "Hê-nô - Hao-a-diu". Tao bảo: Canh thiu. Nó trợn mắt không hiểu, tao nhắc lại: Canh thiu - Canh rau ngót"*. Mặt nó đỏ gay. Tôi thắc mắc: "Nhân tài nước Nam nhiều như lá mùa thu - rụng đâu hết?". "À! thằng này có họ với sếp khá lắm. Nghe đâu mới học hết lớp bốn trường làng, đi Nga về, luyện tiếng Anh cấp tốc tại trung tâm... Thế mày có định đi Úc với tao không?". "Tao chưa biết. dạo này tao có dễ thở hơn tí chút... Mày biết con Nga không?". Hạnh nghĩ ngợi: "Con Nga nào nhỉ?". "Con Nga điệu chứ con nào". "À! tấm gương sáng về đạo đức thẩm mỹ đó hả?". "Thằng cha giám đốc - bồ nó - có vợ hai con ở Sàigòn. Nó vác bụng rồi mà không cưới được..."

Mẹ tôi luôn mồm bảo: "Nhìn con Nga mà thèm. Nết na là thế. Giản dị, sạch sẽ. Nó không nhiều bằng cấp như các cô mà nó đi làm công ty, lương một vé...". Tôi đáp: "Mẹ ơi bây giờ đừng tin vào hình thức. Bọn giản dị, sạch sẽ sơ mi cắm thùng, tết tóc đuôi sam, ra vào viện C như đi chợ. Thư ký thì hôn nhau choét mồm với giám đốc. Lỗi tại không có kiến thức cả thôi. Xử lý thông tin lại chậm..." Mẹ tôi bảo: "Mày ra trước gương xem nào. Đầu tóc rối bù, áo quần vá chỗ này thêu chỗ nọ. Không rách cũng cố cào ra cho rách. Tao có để mày thiếu gì đâu mà mày ăn mặc như bêu rếu tao. Yêu đương thì chẳng rõ ràng gì sất". Tôi bảo: "Mẹ đừng bắt con phải giống ai. Đặc biệt là con Nga. Con sợ mẹ lại ân hận".

Khi chuyện con Nga vỡ lở. Tôi có một tuần an dưỡng, không phải nghe mẹ tôi ca ngợi nó. Nhưng một tuần sau mẹ tôi lại bảo: "Mày phải chọn lựa cẩn thận không lại giống cái Nga..." Tôi van vỉ: "Mẹ ơi, mẹ thương con. Một mình con đánh vật với cuộc sống của con đã phờ người rồi. Ngày nào mẹ cũng khuấy tung lên với hàng vốc lời khuyên, với những chuyện không đâu... con chắc điên mất". "Kệ xác mày! Không biết kiếp trước tao nợ gì mày..." Tôi chống cằm: "Mẹ ơi! Thế yêu mà không lấy có phải kiếp này nợ nhau không?". Mẹ tôi bảo: "Có lẽ đúng". Chết cha! Chẳng lẽ kiếp sau Quang lại là con tôi

à?.

Cơm nước xong. Mẹ tôi bày lễ bảo tất dài rồi bắt đầu tụng kinh. Tôi thay quần áo ra ngoài. Cường đã đợi sẵn. Chúng tôi đi vào Thảo Cầm Viên. Đèn tối mò. Căng mắt mới nhìn thấy lối đi. Gọi là "viên" mà lại giống chuồng ngựa. Một dãy san sát toàn ô ngăn gỗ. Đi qua nghe lục đục... Cường gọi: "Hai cam vắt". Tôi đòi về. Cường bảo: "Trả lời anh câu này rồi anh cho về". "Câu gì?". "Lấy anh không?" Tôi gật đầu. Cường bảo: "Tốt. Về thôi".

Tôi về đến nhà thì bắt đầu Ô-sin. Nếu gặp cái Hạnh thế nào nó cũng bảo "Mày học tập con Nga về trước chín giờ đấy à?" cho mà xem. Nhưng tôi không gặp nó mà là Quang. Trông Quang có vẻ mệt mỏi. Quang hỏi tôi: "Người kia cũng yêu Nhi hả?" Tôi gật đầu. Quang lại hỏi: "Thế Nhi có yêu anh không?". Tôi hỏi: "Quan trọng lắm không?" Quang bảo: "Nhi không trả lời à?". Tôi lí nhí: "Nhi thích anh lắm. Muốn gặp hàng ngày". Quang thở phào hỏi: "Thế Nhi có đồng ý là vợ anh không?" Tôi gật đầu. Quang bất ngờ "thơm" vào má tôi thầm thì: "Anh yêu Nhi phát điên". Tim tôi đập thình thịch.

Nằm nghe nhạc mãi không ngủ được. Mẹ tôi về từ Câu Lạc Bộ Khiêu Vũ Cổ Điển. Nhìn mẹ tôi biết ngay vừa nhảy điệu pasô bài "Chú Ếch Xanh" (bài kết truyền thống thuộc quyền sở hữu của Câu Lạc Bộ). Tôi kể chuyện buổi tối, mẹ tôi giẩy nẩy: "Sao mày dám...". Tôi trấn an: "Mẹ ơi, bọn đàn ông bây giờ nói chuyện cưới xin như không ấy mà. Nó hứa suông với con gái mẹ thế để con gái mẹ cứ cum cúp mà chờ đợi. Nó đã cưới ngay đâu mà lo. Yêu bây giờ mà không nhắc chuyện cưới thì có vẻ như không đứng đắn. Nhưng mà lấy nhau xong cặp bồ nhòe nhoẹt thì lại là mốt". Bố tôi vừa về đến nhà tưởng tôi đuộng chạm gì, hỏi: "Nhi, mày vừa nói gì?". Tôi toe toét: "Oh! No, dady. How are you?"

Tôi không biết cuộc sống của tôi bằng cách nào mà trôi đi nhanh thế. Mở mắt ra: "Hôm nay đã là một ngày mới". Nếu tính trung bình tuổi thọ là sáu mươi thì tôi chỉ còn có 13.505 lần thức dậy vào buổi sáng như hôm may. Hôm nay. Một buổi sáng cuối thu. Mây xám. Mưa phùn. Gió. Nhìn qua khung cửa sổ những cành cây thưa lá líu ríu dụi vào nhau. Dưới đường người đi thưa thớt co ro trong những tấm áo mưa kín mít. Trễ nải không muốn ăn sáng, tôi thay đồ lao xuống đường chờ xe buýt đi học (tất nhiên là không mặc áo mưa). Ngày hôm nay sẽ là ngày cũ. Ngày mai mới là một ngày mới. Tôi quyết định sẽ gặp Cường và Quang đính chính lại sự thật, để kết thúc vở kịch "Cầu hôn". Ngày mai là ngày mới! Tôi, Hạnh và các bạn nữa, còn bao nhiêu việc để làm, để sống. Nếu không, tôi sẽ không còn nhiều cơ hội nghe câu: "Không biết kiếp trước tao nợ nần gì mày" vào những lúc mẹ bất lực trước cái ngang ngạnh dở hơi của tôi (không khéo tôi lại dùng đúng câu ấy với con tôi sau

này). Không! Phải khác đi. Phải thay đổi nhanh chóng lên. năm 2000 sắp đến rồi. Thế kỷ 21, ta đợi ngươi!.

Có tiếng chuông đồng hồ báo thức. Tôi chồm dậy. Hóa ra tôi vừa lảm nhảm những điều trên là ở trong mơ. Ngoài trời sáng trong veo chẳng mưa cũng chẳng mây xám. Nhưng mà tôi vẫn nghĩ như thế. Ai thấy không ổn cứ việc hỏi: "Chẳng biết kiếp trước tao có nợ nần gì mày không?

PHAN HUYỀN THƯ

PHAN NHIÊN HẠO

 ngày muốn nổi lên trên đá nóng

tặng Bằng

Trong tiếng kêu lớn của những con sò
là sự im lặng không chịu nổi
tôi là một vật thể u buồn
và hôm nay tôi muốn sự giận dữ kéo tôi lên
đơn giản vì tôi thiếu dưỡng khí
trong sự vỗ về yên ả của những giấc mơ
những giấc mơ đáy tối
hãy ném xuống cọng rơm
tôi muốn chết khô trên đá nóng
mặt trời là một con rùa bằng lửa đói ăn
nuốt chậm chạp những sinh vật rời bỏ nước
tôi không còn quê hương để giã từ
tôi không nghe gì ngoài những tiếng động hôm nay
trong chiếc thùng rỗng gõ liên hồi lên cố gắng
cố gắng chảy máu tai
ngay cả những kẻ vô công rồi nghề đi dọc biển
cũng chẳng buồn cúi nhặt tôi lên
một co sò vỡ họng
hãy ném xuống đợi chờ
cầm máu sự nghi ngờ và bội phản
tôi là một vật thể bi quan
hãy vùi tôi xuống cát
vì sau cùng chỉ có những thủy thủ đắm tàu
mới có thể nghe tiếng kêu tôi

PHAN NHIÊN HẠO



NGUYỄN ĐẠT

mặt trời đêm

Ở một ngày có quá ít tử tế
Anh bước qua khung cửa
Đi vào ngả đường đêm giá rét cao nguyên
Những trái thông già héo và có thể
Những trái thông xanh hư rữa
Rơi xuống cùng sương núi
Anh giữ ấm nụ cười
Khi tất cả những mặt trời người ta đã từng
nhận biết và ca ngợi lụi tắt
Khi chính cơn gió không còn tha thiết mang theo
mùi thơm của nhựa thông
Khi bóng tối xác nhận sự lạnh lùng hiểm độc hiển nhiên

Ở một ngày có quá ít tử tế
Anh bước qua khung cửa
Có thể hạnh phúc có thể khổ đau
Có thể hao hụt tràn ứa
Cùng bước trên đường niềm an ủi không dừng
Như bất luận ai mong mỏi đồng hành
Về phía mặt trời sẽ mọc

Ở một ngày có quá ít có quá nhiều
những mặt trời người ta đã từng
nhận biết và ca ngợi
Chúng luân phiên và liên tục cháy
rực hệ thái dương
Duy một mặt trời anh lưu giữ trên đường
chưa một lần chiếu sáng
Một lần cảm thông đích thực
giữa các bạn đồng hành

NGUYỄN ĐẠT



HUỲNH VĂN DỤNG

khi đến tuổi bốn mươi

Không có thời gian dọn cỏ dại khu vườn
không còn nến hồng thắp tiếp đêm xanh
đôi mắt lặn sau màn khói thuốc
con suối mùa xuân là lối nhỏ buồn chân

Những sớm mai thức dậy theo tiếng còi tàu
nghe vó ngựa lóc cóc đưa hoa về chợ
hơi thở ấm, sương mù bay phía trước
đôi vai buồn cõng dĩ vãng sau lưng

Còn lại đó chút nỗi niềm ủ lửa
hơ bàn tay vừa lạ vừa buồn
chén rượu nhạt nâng giấc mộng cũ
có bông hoa nở muộn trong hồn

Bây giờ nên nhớ hay nên quên
từng ấy năm có một người đứng hát

HUỲNH VĂN DỤNG



HỒ LỆ TRẠCH

nửa có, nửa không

Gọi ai giữa lúc hoàng hôn
Mà nghe buốt giá một hồn đã xa
Gọi ai giữa lúc trăng tà
Nửa như có với nửa là như không

HỒ LỆ TRẠCH



THUẬN ÁNH

dạ khúc số ba



Nhiều năm sau này tôi vẫn còn nhớ chuyện của một người không ngủ một đêm thứ năm một nghìn chín trăm tám mươi mốt.

Chương Một

Mùa thu. Đêm tân hôn. Ba nhân vật: Tôi, Em, Thiên thần.

Tôi tắt đi ánh sáng của ngọn đèn duy nhất trong phòng, quà tặng của bố mẹ Em trước đêm tân hôn. Tôi còn lại trong bóng đêm và bắt đầu cởi quần áo, nhẹ nhàng, không một tiếng động. Cửa sổ bị đóng. Tôi ở trong một thế giới mười hai mét vuông, một thế giới riêng biệt. Căn phòng không có đồ đạt. Chỉ có một cái giường ở chính giữa. Trần truồng, tôi bắt đầu tìm kiếm giường ngủ. Tôi bước đi chậm chạp, ba mét chiều dài và bốn mét chiều rộng, hai lần như thế, vậy là mười bốn mét. Tôi trở lại điểm xuất phát ban đầu.

Tôi đi tìm Em. Phải rời khỏi những bức tường. Tôi đi được hai mét. Chỉ có cái giường. Không có Em. Tôi đi một vòng quanh giường. Chẳng có một ai.

Tôi quay lại tường. Chắc là Em ở đó. Tôi sờ vào những bức tường sẽ dẫn tôi đi xa hơn, ở mười bốn mét kể từ điểm xuất phát. Tôi đã thực hiện một cuộc dạo chơi vòng quanh thế giới và một lần nữa trở lại điểm xuất phát ban đầu.

Tôi vẫn trần truồng trong mười hai mét vuông của tôi. Đêm ấy, trời không lạnh.

Chương Hai

Mùa thu. Đêm tân hôn. Ba nhân vật: Tôi, Anh, Thiên thần.

Tôi nhìn cái giường, đồ vật duy nhất thu hút sự chú ý của tôi. Đó là gia tài thừa hưởng từ cha mẹ Anh. Đèn tắt. Tất cả chỉ còn lại bóng đêm. Từ hai mươi năm nay, từ ngày mới lọt lòng, tôi đã chờ đợi giây phút này, giây phút mà tôi sẽ rời bỏ nổi e ấp con gái để trở thành đàn bà. Trong đêm tối, tôi run rẩy cởi quần áo, có thể vì sợ, có thể vì lạnh. Để rơi cái váy cưới, bước một bước, tôi không dám đi thêm nữa. Đột nhiên, tôi cảm thấy cô độc trong sự trần truồng. Nỗi sơ, nỗi buồn, và cả nỗi cô đơn dâng lên trong tôi. Tôi cần Anh. Tôi đi tìm Anh.

Tôi tiến về phía trái. Ba bước. Có một vật. Đó là cái giường mà cha mẹ Anh đã để lại nhắc nhở rằng Anh, thế hệ thứ ba, đã được sinh ra trên chính nơi này, rằng bà nội Anh, mẹ Anh cũng đã từng đến đây để nhận lấy sự sống của mình. Cái giường trống không. Anh không có ở đấy.

Tôi đi ba bước về phía phải. Trở lại chỗ của tôi. Rồi bước thẳng. Năm bước. Tôi sợ. Tôi lạc khỏi cái giường, lạc khỏi những bức tường và đi không phương hướng, vừa đi vừa rờ rẫm.

Tôi vẫn trần truồng và vẫn ở trong một diện tích chắc khoảng mười hai mét vuông. Đêm nay, trời lạnh.

Chương Ba

Mùa thu. Đêm tân hôn. Ba nhân vật: Tôi, Anh, Em.

Tôi ở đó, với hai người, trong phòng tân hôn mười hai mét vuông tràn ngập hoa hồng trắng. Căn phòng trắng tinh, kể cả đèn và giường cưới, những đồ vật duy nhất ở đây. Không thấy cửa ra vào chỉ thấy hai cửa sổ vuông mở ra ngoài trời đen sẫm không một vì sao, hai nguyên cớ của sự chia lìa đêm nay.

Đèn tắt, hai người mà tôi sẽ gọi là Anh và Em đứng ở hai đầu giường và bắt đầu cởi quần áo. Khi cả hai bộ quần áo cưới lần lượt thay nhau rơi xuống, Anh đi về phía cửa sổ vuông bên phải, Em đi về phía cửa sổ vuông bên trái. Họ bước đi khó nhọc, chân dẫm phải hàng ngàn gai hoa hồng nhọn hoắt. Không có một tiếng than. Giường cưới bị bỏ rơi. Vẫn hoàn toàn trong im lặng và trong bóng tối, từ hai hướng khác nhau hai sinh vật lạc loài này ngước nhìn bầu trời đêm mùa thu. Chẳng còn hoa hồng. Chẳng còn hương thơm. Không giường cưới. Không đèn cưới. Chỉ có màu đen. Màu đen trên thân thể họ trần truồng. Màu đen trong mắt họ thăm thẳm. Màu đen của bầu trời đêm mùa thu. Màu đen của những con người sinh ra nhầm những ngôi sao buồn và cô đơn.

Có tiếng khóc từ phía cửa sổ vuông bên trái. Mới đầu của Em và sau đó có thêm hai người đàn bà nữa. Cửa sổ vuông bên kia bất động. Tiếng khóc bị

ngăn lại bởi bốn mét khoảng cách giữa hai cửa sổ và bởi màu đen của căn phòng, của bóng đêm, của thân thể và của mắt họ. Khi chẳng còn nghe thấy tiếng khóc nữa, tôi thấy mắt Anh đẫm nước. Những giọt nước này cũng có màu đen như đêm nay. Anh khóc, chỉ có điều là chẳng ai có thể nghe thấy tiếng khóc của đàn ông.

THUẬN ÁNH
(1.1994)



HUỲNH LIỄU NGẠN

muôn trùng

cũng hoài hủy mọc nửa vầng trăng xế
nên ngàn thu bóng mẹ lại muôn trùng
anh nghe lạnh cả phương trời viễn xứ
bởi dặm trường hoài gót mỏi mông lung

vẫn tà dương chết bên bờ liễu rủ
thôi mộng đầu ngây dại đến muôn sau
lòng héo úa như đêm rằm trở ngọn
người ven trời còn cách trở sông sâu

đưa em qua một cuộc đời dâu bể
rồi long đong như chuyện cũ của lòng
rồi mười năm con nước ròng chảy xiết
rồi hồn anh hoang phế thuở chờ mong

từ ước hẹn có ai về ray rức
vàng hoa dâu thời buổi của vô cùng
đếm ngọn cỏ nghe mười phương hướng vọng
cách một trời xa biệt đến lao lung

chữ tan thương đã lụy phiền trăm ngã
nắng quê người dọi xuống nỗi hờn căm
anh về gục bên bờ trăng cũ kỹ
gợn mây mù lang bạt chốn xa xăm

HUỲNH LIỄU NGẠN



ĐỖ KH.

thơ làm, không ở trại giam

Tôi không làm thơ ở trại tù
Với mẩu bút chì viết vào góc giấy báo
Tôi không làm thơ bằng máu
Phết lên tường xà lim
Hai tay còng
Tôi không tìm nhịp
Bằng cổ gật gù gông

Ở tù tôi chưa có dịp
Và tôi sợ lắm

Tôi làm thơ rất chậm
Với máy vi tính loại bỏ cặp
Intel 386 /16 một triệu RAM
(Giờ tôi đang muốn sắm
486 /25 và RAM thì bốn triệu trở lên
Với đĩa cứng một trăm bảy chục để chứa được nhiều mềm)
Đánh bằng hai ngón tay
Phải đợi mãi chữ mới bò lên mặt máy

Tôi không làm thơ nhai thạch sùng
(Eo ơi)
Tôi làm thơ uống Margerita
Trong bồn tắm lục xục bọt và bốc hơi nước nóng

Suối Máu hay Đầm Đùn
Tôi làm thơ uống Pina Colada
Cuba Libre pha với Classic Coke
Ở quầy bar khách sạn Astoria Budapest
Nhìn vũ công phụ nữ với mông rời rạc chổng
Uể oải xin chào Atlila Joszéf
Ở quầy bar khách sạn Europejski Warszawa
Trước đàn bà giang hồ quần đùi bụng thõng
Chào Curzio Malaparte

(Ở Warszawa tìm gái trong khách sạn
nên sang Victoria Inter Continental
Chào cái ông gì nhà văn Kito người Nhật bản)

Nhưng đi ngang một công viên có cầu tuột
Trước một cửa hàng đồ chơi trên công trường Václav
(Ở Praha chào Nazim Hikmet
Hai mươi năm nữa sẽ hẹn ông
Tại Bá Linh khách sạn Néva 115, Invalidienstrsse)

Tôi vẫn nhớ các con tôi như thường
Đứa lớn đứa bé
Tuy sáng chiều chúng đều qua điện thoại
Allo papa *nhè nhẹ*
Tôi vẫn nhớ các con tôi vô cùng
Lần sau đi đâu tôi sẽ mang theo cái máy chuyển được hình
Gắn ngay vào cả đường dây Côn Sơn trong chuồng cọp

ĐỖ KH.



HOÀNG LỘC

câu đêm ở an bàng

Trường giang ơi trường giang
Tài tử ta không đường
Chiếc thuyền con mặc dòng nước chảy
Ngó bến nào rồi cũng cứ mù sương

Gã thất tình xưa trở thành ngư phủ
Nối sợi chỉ dài ngỡ nước sông sâu
Em có khác chi loài cá nhỏ
Mà thuở nào chưa chịu cắn câu

Đừng gọi đùa ta là lã vọng
Đêm sâu chỉ lớn nặng tay cần
Đời có văn vương đâu mà làm lã vọng
Ta nón cời riêng đội bóng trăng

HOÀNG LỘC



NGUYỄN Ý THUẦN

không một lối về



David đưa tôi ra phi trường San Francisco. Trời nắng nhẹ khi những cơn gió thật mạnh. Cái lạnh gây gây của thành phố này thật giống Đà Lạt. Nơi chốn tôi sắp đến. Sắp trở về.

Chúng tôi ngồi tại phòng đợi. Từ dãy ghế dành cho khách, qua khung cửa kính, dưới ánh điện nhạt, phần đầu của chiếc phi cơ trong như đầu một con cá mập khổng lồ. Tôi nói điều này với David. Chàng gật đầu khi choàng tay ôm tôi.

- Lát nữa con cá mập này sẽ nuốt em để mình xa nhau gần một tháng.

- Rồi sẽ nhả ra để em về với gia đình. Cũng chỉ là thời gian ngắn.

- Ngắn nhưng vẫn xa.

Người chồng khác chủng tộc lãng mạn như một thanh niên vừa lớn. Tôi quay sang chàng. Khuôn mặt đàn ông đang về chiều thật sát. Một nụ hôn thật tự nhiên được làm. Và chấm dứt trong nỗi xót xa của tôi. David chỉ còn các nụ hôn. Đời sống vợ chồng chỉ còn các nụ hôn. Các nụ hôn trong phòng ngủ và giữa chốn đông người.

Tôi không còn sự xấu hổ pha với chút hãnh diện khi đi cạnh David. Gần hai mươi năm chung sống với người đàn ông này những dị biệt đã được xóa bỏ rất nhiều. Từ mặt nệm trong căn phòng riêng đến các nơi chốn đông người. Ngay cả khi vào các khu thương mại của người Việt tị nạn hoặc tham dự vào các sinh hoạt cộng đồng của người Mỹ, chúng tôi đã loại bỏ được những bỡ ngỡ, ngại ngùng ban đầu. Tôi đã biết cái ngon của hambuger cũng như David đã biết nếm mùi nước mắm khi ăn phở. Cuộc sống vợ chồng biến

hai sự cách biệt thành thông thường. David đã mang một số nét na ná như tôi. Và ngược lại.

Sự xấu hổ vì lấy chồng khác chủng tộc trộn với chút hãnh diện đầy tự ti của một thứ người nhược tiểu đang muốn khoe vỏ hội nhập trước mọi người đã biến mất. Tôi nhìn David như một người Việt Nam da vàng mũi tẹt khi nhìn thấy cuộc sống vợ chồng ít nhất cũng đem lại cho mình hạnh phúc. Dù lớn hay nhỏ cũng là hạnh phúc. Đứa con gái xấu xí, còm cõi và xấu số nhất nhà có mong gì hơn nếu còn ở lại nhà? Đã bao lần tôi lăn lộn một mình trong căn phòng vắng tanh, bằng thân thể nóng rực trong cơn mơ, để tỉnh lại với sự tiếc nuối. Tôi tưởng tượng. Tôi thèm khát. Tôi mơ ước. Cuối cùng tôi cũng biến thành đàn bà dưới cái bụng phệ của một người đáng tuổi cha mình trong cảm giác nhờm tởm nhưng chớm mùi khoái lạc thì những gì có với David vẫn hơn. Ít nhất tôi cũng có cái tôi của tôi khi nằm cạnh người đàn ông khác chủng tộc. Thêm nữa, cái nhan sắc - nếu gọi là nhan sắc - khiêm nhường đến độ không dám soi gương của mình đã không còn làm tôi bối rối lúc ngủ dậy buổi sáng, trước mặt David. Tôi đã nói:

- Em không có gì đẹp.
- Anh thấy em khác hẳn.
- Em không hiểu.
- Nhan sắc của em không phải là thứ nhan sắc anh thường thấy.
- Nghĩa là sao?
- Đàn ông thường thích những gì mới và lạ.

Người Mỹ đa số rất thành thực, nói thẳng những điều mình suy nghĩ. Tôi đã âu lo vì mình chỉ là một thứ "nhan sắc lạ" đối với David. Sẽ có một ngày chàng thay đổi.

- Rồi mai mốt thì sao?

Tôi hỏi. David cười.

- Tương lai thì không biết nhưng bây giờ anh biết anh yêu em. Và thêm một điều, cái lạ và mới xảy ra trong cuộc sống rất nhiều nhưng cái lạ và mới xảy ra trong tình yêu thì rất hiếm.

- Em không đẹp.

Tôi nhắc lại. David vẫn cười.

- Anh thấy em đẹp.

Câu chuyện dứt tại đó và đã lâu lắm rồi không nhắc lại. Tôi biết khoảng với tay chật chội của mình nên không nói. Sự hãnh diện về cái gọi là "Lady first" dành cho giống cái ở xứ xở này không có trong tôi. Tôi chờ đợi điều bất hạnh đến với mình. Nhưng sự chờ đợi cũng mòn dần vì David chỉ yêu cái lạ chứ không thay cái mới nên chúng tôi vẫn sống với nhau gần hai mươi năm. Và oái ăm thay, người thay đổi lại là tôi. Nhưng làm sao bây giờ? Tôi phải sống vì người đàn bà gần bốn mươi trong thân thể đang thức giấc giữa mùa xuân thứ nhì. Mãnh liệt. Cuồng nhiệt hơn ngày vừa lớn. Tôi không thể dừng được. Người chồng lớn hơn tôi gần hai mươi tuổi cũng nhìn thấy điều này. Khoảng cách thời gian giữa hai người đã làm thành sự bất xứng trong đời

sống. Chúng tôi im lặng khi một người đàn ông Việt Nam chen vào cuộc sống.

Sự trở về. Đã có người nói với tôi điều này và tôi cũng thấy một số lớn những cuộc hôn nhân dị chủng đã xảy ra. Nghĩa là sau một thời gian chung sống, người đàn bà thường đến với một người đàn ông khác cùng chủng tộc với mình. Tôi nhìn lại tôi. Ngoài sự thèm muốn của thân thể thì thứ hạnh phúc của tôi hình như chưa trọn. rất mỏng, rất nhỏ nhưng luôn có. Trong sự ngây ngô, dễ thương của David khi cầm đũa ăn phở tôi vẫn thèm một người cùng ăn để nhắc lại thú ăn phở xe năm nào. Hay trong một khu thương mại rộng rãi với những cửa tiệm sang trọng và sự chọn lựa thì tha hồ tôi vẫn mong được nói với ai đó về các gian hàng lụp xụp của chợ Hoà Bình. Hoặc giữa sự hỗn độn của trí nhớ, dù đã thành thói quen, khi dùng mớ ngôn ngữ xa lạ lúc nói chuyện tôi vẫn nhớ những câu chửi tục tằn, bẩn thỉu nhưng quen thuộc từ cửa miệng của những người sống bên lề đường Việt Nam... Tôi thèm. Tôi muốn. Tôi mong. Để việc người đàn ông Việt Nam đến với mình thật tự nhiên. Tự nhiên như đời sống đang xảy ra.

Tôi thở dài khi David nhìn đồng hồ.

- Còn nửa tiếng nữa. Mình đến đây hơi sớm.
- Em thích cảnh đưa đón ở phi trường.
- Chỉ có người được đưa là thích còn người đưa đi thì buồn.

Tôi nắm tay David.

- Chỉ vài tuần... Anh không muốn em về thăm mẹ hay sao?
- Muốn chứ. Nhưng đây là lần đầu chúng ta rời nhau sau khoảng thời gian chung sống. Anh yêu em.
- Em cũng yêu anh.

Tôi nói lại một cách máy móc câu nói thường tình của người Mỹ. "Me too". Em cũng thế. Nhưng em đã có những lần rời anh để đến với người khác. Để tìm lại những gì anh không thể có. Sự cách biệt tưởng lấp được nhưng trong đáy sâu vẫn có khoảng ngăn thật lớn. Cọng rau muống của tô bún riêu rất xa lạ với miếng bánh hambuger. Và lần trở về này không mang nghĩa "Visit" như anh đã hiểu.

Tôi đứng dậy. Khoác túi xách lên vai khi tiếng loa gọi hành khách lên máy bay. Chúng tôi hôn nhau. Nụ hôn thật thắm từ David.

Nhà có năm đứa con. Ba đứa trai là khoảng cách ngăn giữa hai đứa con gái. Khoảng cách về thời gian vô tình thành khoảng cách làm nên sự cách biệt giữa Thu và tôi. Một sự cách biệt khó hình dung của gia đình. Như hai món đồ hoàn toàn khác nhau được đúc ra trong cùng một cái khuôn.

Là chị cả, Thu như được hưởng tất cả mọi sự tốt đẹp của gia đình. Từ nhan sắc đến cuộc sống. Từ bé, Thu đã được tiếng là đẹp và thông minh. Mười bốn

tuổi, Thu bắt đầu làm quen với những lá thư tình. Chung quanh Thu lúc nào cũng có cả tá đàn ông và những lời ca tụng. Thu như một đóa hoa rực rỡ trong nắng mới. Đùa giỡn, bay lượn trên các vòng tròn tình cảm. Quên và nhớ như chẳng có gì đáng trọng. Đến và đi như chưa để vào trí. Thu sống thật đẹp với cuộc đời mở trước mắt trong khi tôi, đứa con út của gia đình như chịu tất cả các điều thiệt thòi.

Hình như có bao nhiêu điều tốt đẹp bố mẹ đều dành cho Thu nên cái còn lại cho tôi thật kỳ cục. Hãy tưởng tượng một thiếu nữ mười sáu trong thân thể một đứa trẻ mười hai, khuôn mặt choắt lại của cái sọ yếu đuối lúc nào cũng đội mớ tóc thưa thớt nhưng cứng ngắt. Nhan sắc, hai chữ này rất xa lạ với tôi. Tôi đã soi gương với tấm ảnh của Thu đặt bên cạnh nhiều lần để luôn luôn nhìn thấy mình tấm tức khóc. Tôi thua. Thua cả việc học hành. Độ thông minh khiêm nhường của tôi chỉ ngừng lại các số điểm vừa phải. Tôi đã nhìn các gói phần thưởng, các bảng danh dự của Thu đem về mà thèm thuồng. Ao ước được một ngày nào có một - chỉ cần một - tấm bảng danh dự để treo lên miếng vách trước bàn học của mình. Nhưng không, miếng vách vẫn trống dù tôi đã cố gắng rất nhiều. Trống như trái tim chưa biết đau nhói lần nào của một đứa con gái chỉ biết đọc ké những lá thư tình của người chị cả.

Tôi ghen với Thu. Và đã đôi lần đem lòng oán hận bố mẹ. Tại sao Thu có tất cả mà tôi lại là một con số không thật lớn? Điều công bằng duy nhất của bố mẹ dành cho giữa hai đứa chỉ là cái tên. Bố mẹ chẳng cần chọn lựa nhiều, Thu đẻ vào tháng tám đặt tên là Thu,; tôi tháng hai là Xuân. Công bằng như sự hiển nhiên là hai đứa đều là con gái có nghĩa không phải là con trai. Nhưng điều công bằng này có nghĩa gì khi tôi cũng bắt đầu biết nghĩ đến một người đàn ông nào đó - tất nhiên không cần lý tưởng như các ông bà nhà văn nặn ra - cúi xuống hôn mình. Tôi im lặng bên lề cuộc sống và dần quen với những gì mình đang có trong khi Thu đã bước vào đời từ lâu. Một cuộc đời có nắng, có hoa, có gió và cả bão.

Thu lấy chồng khi chưa xong đại học. Hai mươi hai tuổi, giữa những biến chuyển lớn của đất nước đám cưới của Thu diễn ra như một màn kịch hào nhoáng, choáng ngợp nhưng lạc lõng. Đà Lạt năm bảy tư đã bàn tán, xôn xao vì cái đám cưới "vĩ đại" này. Chú rể là con một ông lớn của chế độ vừa xong tiến sĩ ở nước ngoài. Cô dâu là người nổi tiếng xinh đẹp từ ngày mới vào trường trung học. Không môn đăng hộ đối giữa hai gia đình vì bố tôi chỉ là một công chức của ty bưu điện. Nhưng giữa hai nhân vật chính thì thật xứng đôi vừa lứa. Tôi đã nép mình trong chiếc áo dài mới nhìn đoàn xe sang trọng kéo thành cái đuôi dài ngoẵng để đưa chị tôi vào đời. Và mơ ước đến ngày nào đó của mình. Nhưng lẫn trong tiếng pháo nổ rộn rã, tôi nghe rõ tiếng thở dài của tôi. Tiếng thở dài quá quen thuộc của đứa con gái mười bảy tuổi vẫn chỉ biết đọc những lá thư tình mang tên người khác. Tôi nép mình thật sát vào góc tường nhìn Thu rực rỡ bước lên xe. Nép mình như hòa vào bức tường vừa được quét vôi lại. Thật sát như ép trái tim tội nghiệp nằm dưới lồng ngực không chịu căng lên như các người con gái khác.

Rồi khóc trong đêm đó với mơ ước cuộc sống sẽ được lồng vào trong một câu chuyện cổ tích nào đó. Tôi sẽ đi. Tôi cũng đi. Giấc ngủ trong đêm đầu tiên nằm một mình giữa căn phòng thiếu bóng Thu đầy mộng mị. Tôi thấy tôi lạ lùng trong một thân thể nào đó. Hừng hực. Nóng bỏng. Những chớm mồ hôi rịn ra trên từng kẽ nhăn của da thịt. Tôi thấy tôi trong một căn phòng với bóng dáng đàn ông xa lạ. Không thấy mặt. Không rõ tên. Một thân thể đàn ông lạ nhưng quen như đã từng gặp trong các câu chuyện. Và tôi nhận. Và tôi cho. Để cuối cùng là cái rùng mình lạnh ngắt. Tôi choàng tỉnh. Thân thể dâm dấp mồ trên từng khe thịt với cơn khoái cảm như còn đâu đó trên phần dưới đang ướt đẫm. Tôi mang cơn mộng như thế vào những giấc ngủ. Từ đêm đó.

Tôi ở lại Sài Gòn bốn ngày. Hai chị em sau gần hai mươi gặp lại chỉ có thoáng bỡ ngỡ ban đầu thật ngắn. Tất cả đều nhờ Thu. Vẫn cách sống mạnh, lôi cuốn người trước mặt cùng vào cách sống của mình. Chị tôi phá vỡ khoảng cách thời gian bằng tính lạc quan và cởi mở. Tôi lại biến thành con bé thiệt thòi như tấm bé.

- Đáng lẽ chỗ mày là của tao và ngược lại.

Tôi im lặng sau câu mở đầu của buổi tối đầu tiên gặp lại.

- Đúng không?

Thu lại hỏi nhưng không có chút gì ác ý. Chỉ hỏi để hỏi như đã làm từ bao lâu. Tôi không trả lời mà hỏi về người đàn ông đang sống với chị.

- Anh ấy đi làm, chiều tối mới về. Nghĩ cũng cực nhưng biết làm sao giữa thời buổi này. Phải sống cái đã.

Người đàn bà quá bốn mươi ngồi trước mặt tôi vẫn đẹp. Vẫn quyến rũ. Nét tinh ba ngày xưa dù đã mất ít nhiều nhưng khuôn mặt vẫn mang nhiều nét đẹp hơn những người cùng tuổi. Nhất là vẻ lạc quan. Thu nhắc đến thứ nghề nghiệp thấp kém - trong sự suy nghĩ của những người tại đây - một cách bình thường. Không mặc cảm. Chỉ có tình thương dành cho người đang sống chung.

- Bố mẹ ban đầu chửi quá trời. Nhưng biết sao. Mỗi người phải có sự chọn lựa riêng của mình.

- Nghề nào chả là nghề. Miễn là đừng làm gì bậy.

- Tao đâu nói đến cái nghề đạp xe ba gác của anh ấy. Ý tao là lúc đầu sống chung với Thái Ông bà già từ tao hẳn... Vậy mà đã gần chục năm. Không biết trên thiên đàng bố còn giận tao không.

Tôi nghĩ đến người đàn ông khác chủng tộc đang sống với mình tại một căn nhà của thành phố xa xôi. Nếu bố mẹ biết cái tên Thành chỉ là cái tên của một con người không thật thì sao? Đứa con gái út thiệt thòi nhất gia đình chưa chắc đã đem lại những phép lạ như vẫn có trong các lá thư đi kèm với

những thùng qùa gửi về.

- Chú Thành thế nào? Sao không về cùng?

Rất tình cờ, Thu hỏi đến cái tên vừa thoáng qua trong trí tôi.

- Nhà em bận đi làm, không được phép cùng lúc... Có lẽ dịp sau.

Tôi nói dối trơn tru như đã cầm bút viết những điều không có gần hai mươi năm nay. Một ông Thành bác sĩ, làm tại bệnh viện chứ không mở phòng mạch tư trong cộng đồng Việt Nam đủ để những người thân quen về thăm nhà không đủ sức biết. Họ chỉ biết trong trí như tôi đã biết trong trí. Ngay cả Thu. Cả bố mẹ.

- Anh Thái chừng nào về chị?

Tôi lãng sang chuyện khác. Thu bỏ câu chuyện dở dang và nói về người đàn ông tên Thái. Tôi đọc thấy trong mắt chị nét mê say. Ngoài bốn mươi, thân thể tràn sinh lực vì không một lần sanh đẻ. Tuổi xuân chị sống lại mãnh liệt. Và đang hạnh phúc. Tôi hiểu thế và thèm thuồng nhìn nét lạc quan trên mặt chị lúc nói chuyện. Người đàn ông chưa gặp, tên Thái nào đó chợt như thân quen lắm với tôi. Hình như đã sống bên cạnh tôi từ ngày Thu đi lấy chồng. Cảm giác nong nóng trong người chợt có. Tôi nghĩ đến bóng dáng đàn ông đã cùng tôi sống một thời gian dài trong những giấc ngủ. Tôi chỉ có một thời gian ngắn của những ngày đầu tiên làm đàn bà. Rồi hết với cuộc sống quay cuồng trên xứ người. David. Cái tên người đàn ông sao chợt xa lạ hơn cái tên Thái dù đó là người đàn ông đã cùng tôi chia một phần lớn cuộc sống.

- Anh ấy cũng lạ lắm. Sao cũng được, miễn là đi về có nhau. Đáng lẽ hôm nay ra đón mày nhưng ông ấy phải đi chở mối. Thật tội. Cứ nhắc mày mãi về sự giúp đỡ.

- Chị nói làm gì.

- Là thế... Chưa biết nhau bao giờ có phải như Vũ đâu...

Thu nhắc đến người đàn ông đã đưa chị vào đời lần đầu tiên một cách bình thản. Trên khuôn mặt không thoáng cảm xúc nào như đang nhắc đến một món đồ đã cũ. Đến và đi với chị vẫn như hai mươi năm về trước. Chị vẫn sống như chị như tôi vẫn sống như tôi với người đàn ông trong từng cơn mộng. Tôi vẫn thiệt thòi và thua kém.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ khi Thu bật điện. Ánh đèn vàng vọt của chiếc bóng tròn làm căn nhà đã chật càng chật hơn. Cái truyền hình đặt ở góc nhà do tôi gửi về cho đang chiếu mặt chương trình cải lương. Đó là vật có giá nhất trong căn nhà này.

- Cải lương đến mấy giờ thì hết hả chị.

- Chừng mười giờ hơn hay mười một giờ gì đó, tùy theo bữa...

- Ngày nào cũng thế sao?

- Đâu có. Chỉ có thứ bảy là có diễn tuồng, còn lại các ngày khác chỉ kéo dài đến hơn mười giờ là hết... Anh Thái hay xem kênh chín hơn kênh bảy.

- Hả?

Tôi ngạc nhiên vì câu nói khó hiểu. Thu bật cười.

- Tao quen xài chữ bây giờ... Đài số chín và đài số bảy. Anh ấy hay xem

đài này vì có nhiều tin tức còn đài số bảy thì quảng cáo nhiều hơn. Cả thành phố chỉ có hai đài, thỉnh thoảng mới tiếp vận từ Hà Nội. Xem mãi cũng chán, nhưng không có gì giải trí... Bên đó thế nào? Chắc nhiều kênh lắm phải không.

Tôi bật cười gật đầu và nói về các tiện nghi của xứ Mỹ khi vẫn nhìn vào mặt truyền hình. Những hình ảnh chớp tắt là căn nhà lập lòe ánh sánng đủ màu pha với ánh điện yếu ớt. Độ nhấp nháy không đủ làm hai chị em nhìn rõ mặt nhau khi tôi quay lại phía Thu. Trong mắt tôi, các nét đẹp không còn rõ chỉ còn hình ảnh một người đàn bà đang căng tròn thân thể dưới lớp vải rẻ tiền. Tôi cúi xuống nhìn mình. Vùng ngực bơm giả tạo như thiếu hơi thở vẫn nằm dưới chiếc áo đắt tiền.

- Nóng quá chị hả?

Thu đứng dậy mở rộng cánh cửa sổ. Tôi nhìn theo chị khi thoáng gió nhẹ bên ngoài hắt vào. Ngõ hẻm chạy hun hút trước mắt tôi với những căn nhà tồi tàn nằm xiêu vẹo hai bên. Đưa ra, thụt vào những mái hiên không đều làm tầm mắt bị rối. Mức sống của chị tôi đã xuống thấp một bước qúa xa. Tôi nhớ lại chiếc xe lộng lẫy năm nào đã đón Thu khi mình nép mình vào bức vách nhìn theo. Ngõ hẻm hút sâu này sẽ đưa chị tôi về đâu? Ý nghĩ thoáng trong trí làm tôi chợt xót xa. Tôi đứng lên, đến cạnh chị. Gió nhẹ nhưng đủ cho cảm giác thoải mái.

- Chị ở đây tiện không?

- Có gì đâu? Mà không chịu cũng biết sao? Mày giúp nhé...

Chị phá ra cười sau câu đùa. Nét mặt thật vui khi hai gò ngực căng rung rung sau lớp vải. Tôi lại nhìn xuống phần ngực mình. Hơi thở vẫn nhẹ tênh, như không có, dưới lớp silicon. Và chợt nỗi xót xa lại dành cho chính mình.

Tôi đến Mỹ như cơn mộng và lâm vào tâm trạng hoang mang của một đứa bé thình lình bị bức ra khỏi gia đình. Bơ vơ giữa xứ lạ với mớ ngoại ngữ què quặt của những năm trung học, tôi rời khỏi gia đình bác Triệu - người bạn của bố tôi đã dắt xuống tàu - với vết thương con gái. Tôi biến thành đàn bà dưới lớp mỡ bụng của người đàn ông đáng tuổi cha mình. Không một xúc cảm. Không một tiếc nuối. Chỉ là sự khám phá với cơn đau xé thịt. Thân thể gầy gò như bị bẹp dúm dưới sức nặng của ông Triệu. Tôi không chống đỡ cũng không đón nhận. Chỉ nhìn lên trần nhà bằng đôi mắt ráo hoảnh của loài rắn. Lạ với chính mình cho đến tận bây giờ và chẳng có ý gì oán hận người đàn ông đó. Về sau, tôi xem như một lần trả ơn ông dẫn tôi đến xứ lạ. Tôi đã thản nhiên từ năm đó, năm mười chín tuổi.

Nếu gọi là cái số thì cái số tôi là thế. Tôi chấp nhận như đã quen chấp nhận từ tấm bé. Bởi thay vì vào một trường nào đó sau khi xong trung học tại Đà Lạt, tôi lại được bố gửi về Sài Gòn để tập làm thư ký cho bác Triệu. Vài

tháng sau, với cơn bão chung của đất nước, tôi đến đây để biến thành đàn bà trong căn phòng thiếu ánh sáng mặt trời hắt vào vì các khung cửa sổ bị kéo kín màn. Để bỏ đi khi vừa bén hơi và biết cảm xúc da thịt. Tôi rời khỏi bác Triệu với chút luyến tiếc da thịt và sự hoang mang. Nhưng phải đi bởi tôi không thể chịu được những vệt mồ hôi bẩn thỉu của người đàn ông tưới lên thân thể mình khi cái thở hắt ra vừa dứt. Luôn luôn cảm giác lợm mửa đến với tôi ngay khi da thịt chưa hết cảm xúc. Tôi sợ hãi nhưng luyến tiếc vì biết cái gọi là nhan sắc của mình. Rồi sẽ trở lại với cơn mộng và choàng tỉnh đầy thèm muốn hay sao? Dù sao có bác ấy vẫn là hơn... Đứa con gái lăng loàn trong tôi đả cản bước khi nghĩ đến chuyện ra đi trong thời gian đầu. Nhưng rồi cũng đến ngày đó. Ngày David đến.

Mãi về sau, tôi kể lại cho David nghe hết mọi chuyện. Người đàn ông khác chủng tộc nghe như nghe một câu chuyện nào đó không liên quan đến mình. Chỉ an ủi tôi lúc dứt chuyện. Rồi quên. Chẳng bao giờ nhắc lại. Chuyện quan trọng nhất với David là việc học của tôi. Khuyến khích, khuyên nhủ như một người cha dạy con. Nhưng hỡi ơi! Cái đầu với trí thông minh tội nghiệp của tôi không thể làm hài lòng chàng được. Sau gần hai năm học tại một trường đại học cộng đồng tôi bỏ cuộc để học nghề làm móng tay. David cũng thấy điều này có lẽ tốt đẹp hơn là mong tôi tốt nghiệp đại học. Tôi hoàn tất cái chứng chỉ hành nghề thật dễ dàng. Như dùng bàn tay để lột vỏ khoai vẫn dễ hơn là nghĩ cách nào để gây một giống khoai mới.

Và ông bác sĩ Thành xuất hiện trong thời gian này. Việc dựng nên một người đàn ông trí thức, biết thương yêu mình lại ở xứ xa không cần đòi hỏi đến trí thông minh như Thu. Tôi dư sức làm được, bởi kèm theo các lá thư là những thùng quà do "hai vợ chồng gửi biếu bố mẹ". Ông bác sĩ Thành bắt đầu thành một con người tốt trong gia đình tôi. Ít nhất, ông cũng biết thương con bé xấu xí và thiệt thòi nhất nhà. Còn người đàn ông khác chủng tộc đã đưa tay ra giúp tôi lúc bơ vơ, vẫn sống cạnh tôi trong cùng một căn nhà, lúc nào cũng lo toan cho tương lai thì hoàn toàn không có trên trái đất. Cuộc sống tị nạn đã đẩy tôi vào màn kịch do chính mình dựng lên. Tôi phải lột xác. Tôi phải bằng Thu để bố mẹ được an tâm, hãnh diện. Phép lạ có thể không xảy ra trên mặt đất nhưng phép lạ vẫn có trên chữ nghĩa một cách dễ dàng.

- Thật là vô phúc! Cái thứ "voi dày ngựa xé" làm bố mày chết không nhắm mắt. Được như con thì...

- Thôi mẹ...

Anh Dũng, người anh kế tôi chưa lập gia đình vẫn còn ở chung với mẹ, cắt lời mẹ. Tôi cười gượng nhìn ảnh bố tôi trên bàn thờ. Không phải một đâu mẹ ơi mà cả hai đứa con gái đều không làm bố nhắm mắt được. Nhưng biết sao, tụi con cũng cần có đời sống riêng của mình. Như bố và mẹ cũng cần có đời

sống đầy hãnh diện bởi đứa con gái út "đầy phép lạ" đã tạo ra một ông con rể bác sĩ chưa hề có trên mặt đất. Không chừng bố đang giận con nhiều hơn là chị Thu. Người ở nước thiên đàng biết nhiều chuyện hơn người đang sống trên mặt đất.

Tôi lại nhìn ảnh bố tôi. Qua làn khói hương vừa thắp. Ánh mắt ông như có nụ cười. Chắc bố biết hết rồi. Tôi quay sang anh Dũng.

- Sao anh không chịu rước chị nào về?

- Rước ai bây giờ? Cái số tao chắc vậy. Sao chú Thành không về?

Anh Dũng lảng chuyện và hỏi như Thu đã hỏi. Tôi lại trả lời như đã làm. Nghĩa là vẫn dối trá về một con người mang tên Thành. Nhưng mẹ tôi có vẻ quan tâm. Nét thích thú hiện trên mặt khi theo dõi từng câu nói của tôi.

- Chắc chuyến sau cả hai đứa con cùng về.

Tôi kết câu chuyện như đã kết với chị Thu và đứng dậy.

- Em muốn đi lăng quăng một tí, anh đi không?

Dũng gật đầu, đứng lên theo tôi. Nắng bên ngoài dịu như nắng ở phi trường lúc ngồi cùng David. Và con dốc dẫn xuống khu Hòa Bình đang nhập nhòe trước buổi chiều đang xuống.

Tôi kéo cao cổ áo.

- Bắt đầu thấy lạnh hả?

Anh Dũng hỏi.

- Vâng.

- Bên đó thế nào?

Tôi nói đến tên một thành phố nhỏ tại Mỹ có nắng nhiều hơn mưa. Dũng nghe và hỏi rất nhiều. Lần này tôi không nói dối. Thiên nhiên không cần thay đổi để giúp đỡ phép lạ. Tôi dứt câu chuyện về thành phố đã sống gần hai mươi năm khi hai anh em đến hồ Xuân Hương. Khu chợ Hoà Bình với nước vôi quét bị loang lổ vì thời gian nhưng vẫn mang dạng cũ. Điểm thay đổi duy nhất chỉ là chiếc bảng treo trước chợ là mới. Nền bảng sơn đỏ rực, chữ "CHỢ" viết hoa, sơn trắng nằm trên hai chữ "ĐÀ LẠT" vàng đậm. Dũng và tôi ngưng lại bên hông chợ, nơi có một tiệm may quần áo được dựng bằng gỗ và tôn sơn màu xanh đậm trông cách biệt với các sạp che bằng dù vải phía trước chợ. Hai chữ "HIỆU MAY" của tiệm này cũng được sơn bằng màu mực vàng. Tôi chỉ Dũng.

- Chỗ này ngày xưa đâu có gì...

- Cũng mới mở.

- Hẳn ông bà chủ là người từ miền bắc vào.

- Anh chẳng để ý... sao em nói vậy.

- Thì hai chữ "hiệu may" chứ không phải "tiệm may".

Dũng bật cười và đưa tôi đến một quán ven hồ.

- Thấy thay đổi nhiều không?

- Lạ vì lâu ngày gặp lại nhưng quen ngay vì thế.

- Là sao?

- Là những điều em hình dung đều trật lất khi gặp lại. Nhưng quen ngay

vì biết mình đã thấy, đã sống tại đây...

- Em có vẻ trưởng thành.

Dũng nhìn tôi bằng cái nhìn của một ông anh vẫn thương yêu đứa em út xấu xí. Tôi cảm động nói lướt qua để tránh cảm giác xấu hổ vì các điều dối trá.

- Hai mươi năm rồi còn gì...
- Mau thật! Mới ngày nào...
- Bao nhiêu là thay đổi mà anh cũng vậy.
- T... ao già rồi!

Tôi nhìn Dũng khi bàn tay hai anh em quấn lấy nhau. Đến bây giờ anh tôi mới trở lại thái độ bình thường sau tiếng "Tao" ngắt quãng. Khoảng cách thời gian và mặc cảm thua kém trước đứa em út đã được cởi bỏ trong lối nói chuyện.

- Anh Dũng!
- Hả?
- Sao anh không lập gia đình?

Có một thoáng ngập ngừng rồi câu chuyện cũng được kể. Có tình yêu. Có sự cách trở của bố mẹ hai bên. Có khoảng cách về lý tưởng của hai người cha... Nghĩa là có đủ để anh Dũng và người con gái đó không thể hoàn thành một cuộc sống chung. Dũng kết luận.

- Tao không thể quên.
- Chị ấy ra sao?
- Lấy chồng rồi.

Dũng thản nhiên tiếp.

- Đâu ai có thể đợi mãi. tao cũng chẳng muốn thế... Một mình mình sống theo sự suy nghĩ của mình là đủ. Thật ra nếu tao thích thì cũng được nhưng bấy giờ bố đang đau nặng... Cũng là cái số! Tao cũng chẳng giận bố mẹ nhưng không muốn nhắc đến trước mặt. Dù sao mẹ cũng buồn vì tao chả lấy ai.

Dũng bưng ly nước lên. Ánh sáng điện từ thành ly hắt vào mặt thành một vệt méo mó làm khuôn mặt méo theo trong khoảng tối mập mờ của quán nước. Phía ngoài trời, mặt hồ đã lãng đãng kéo các vệt sương mù.

- Anh cũng nên...
- Một mình chị Thu làm bố mẹ buồn là đủ. Nhưng...

Dũng lại ngập ngừng.

- Sao anh?
- Thật ra, theo tao nghĩ, chi Thu có cái lý của chị ấy. Và ngoài cái lý, chị ấy can đảm hơn tao là dám sống thật đời sống của mình. Tao không dám. - Em thấy mẹ có vẻ giận chị ấy.

Dũng nhún vai. Anh tôi đã trở lại thái độ bình thường của một người đàn ông.

- Mày định ở nhà lâu không?
- Em chưa biết. Nhưng dù sao cũng về Sài Gòn vài bữa trước khi đi. Ngày mai anh đưa em đến trường Việt Anh nghe.

Tôi nhắc đến ngôi trường ngày còn bé theo học. Và trong trí, những hình ảnh cũ lãng đãng trôi về. Mặt hồ đã ngập sương.

Đêm cuối cùng ở tại Sài Gòn, Thái và Thu đưa tôi đi chơi thật khuya mới về. Thành phố thay đổi nhưng mang nhiều vẻ gượng ép. Sự hào nhoáng, sang trọng của một số nơi không đủ che lấp đời sống chung đầy vội vã, lam lũ. Tôi trở về, mệt nhoài ngồi tại chiếc ghế như ngày đầu đến. Khu phố đã đắm vào giấc ngủ, hai hàng nhà dưới ánh điện lúc có, lúc không làm con hẻm trở nên sâu hút. Tôi cố nhìn về phía cuối ngõ để kiếm điểm tận cùng. Nhưng vô ích. Tất cả như hòa lẫn vào nhau thành một khối đen đặc.

Thu và Thái ngồi trên miếng phản kê sát tường. Bóng hai người ôm lẫn vào nhau thành một khối. Họ, hai người như một. Tôi nhìn bóng tôi rớt chơ vơ trên mặt xi măng.

- Anh đi ngủ đi, mai còn đi làm sớm.

- Thức với cô thêm tí đã sao?

Giọng nói miền Bắc của Thái ấm và dịu. Tôi chợt nghĩ đến thứ ngôn ngữ xa lạ của David. Luôn luôn Thu là người được hưởng nhiều may mắn hơn tôi. Ngay cả lúc sút kém nhất của chị là hôm nay. "Đáng lẽ chỗ mày là của tao, và ngược lại". Tôi chợt nhớ đến câu nói của Thu hôm nào và thở nhẹ. Nếu đổi chỗ cho nhau thì ai sẽ là người mong ước hơn. Tôi hay Thu. Một cuộc sống được chọn theo những điều mình muốn nhưng khốn khó và một cuộc sống chỉ có lớp vỏ bên ngoài hào nhoáng. Khoảng cách thật xa và chỉ có người đang sống mới hiểu. Tôi nhìn thấy. Thu nhìn thấy Thu. Tôi mơ hạnh phúc của chị. Chị mong chỗ của tôi. Nhưng đâu là chỗ của Thu và đâu là chỗ tôi? Ông bác sĩ Thành nào đó chỉ có trên giấy mực... Tôi giật mình nhìn Thái chăm chăm. Có phải anh đang yêu Thu như chị vẫn nói?

- Nghĩ gì mà thừ người ra vậy?

- Chẳng có gì. Mới hôm nào về, mai lại đi. Mau thật chị nhỉ.

- Mày muốn ở lại? Đừng dại. Tao đang muốn ngày mai lên máy bay với mày đó. Hay mày ở lại đây với anh Thái còn tao thế chỗ mày để mai đi...

Thu bật cười sau câu nói đùa. Thái và tôi cùng cười theo. Trong ánh đèn mờ, tôi thấy ánh mắt của người đàn ông sáng long lanh. Và tấm thân với cái lưng rộng đen kịt thành khối lớn làm tôi rùng mình khi chợt nhớ những cơn mơ ngày trước. Cái bóng trong cơn mơ của tôi cũng có tâm lưng thật chắc. Cuồn cuộn thịt và nặng trĩu để thân tôi nóng bỏng. Bất giác tôi khép đùi lại. Cảm giác khó chịu chợt lan trên phần dưới cơ thể. Gần tháng trời ở đây tôi chỉ có một mình, chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện đó. Vậy mà bây giờ cơn thèm khát lại đến. Tôi xiết hai bàn tay vào nhau khi Thu đột nhiên ngồi nhích gần Thái.

- Đi ngủ chưa anh?

- Hai chị em ngồi nói chuyện đi. Anh đi tắm một chút.

Thái đứng dậy, tự nhiên cởi áo trước mắt tôi. Hai bắp tay anh cuồn chuộn những tảng thịt chắc. Tôi nuốt nước bọt thật khẽ khi anh bước vào nhà trong. Thu thật có lý như lời anh Dũng nói với tôi bên hồ Xuân Hương. Nếu đổi chỗ cho nhau, liệu Thu có chịu kê đầu dưới cánh tay đã nhão của David? Tôi gạt ý nghĩ bằng một câu chuyện bâng quơ với Thu để chờ Thái trở lại. Tình chị em không đủ cản lầm phạm tôi bằng tia nhìn tôi.

Bên ngoài tiếng dội nước của Thái đã dứt. Tôi kéo thêm câu chuyện một lúc nhưng vẫn không thấy anh trở lên. Hẳn Thái đã vào phòng ngủ. Tôi thở dài đứng dậy.

- Em mệt rồi, chắc phải nằm một tị.

Thu thả màn xuống và đi vào trong. Tôi nằm xuống chiếc phản hai người vừa ngồi. Hơi nóng của họ như vẫn còn phảng phất. Tôi đưa tay xoa nhẹ vào chỗ Thái đã ngồi. Tưởng tượng đến vòng mông của người đàn ông. Hẳn sẽ khít khao một vòng ôm của cánh tay mình. Tôi với tay lấy chiếc gối kẹp vào hai đùi. Trong cái nóng của Sài Gòn, những khe thịt của tôi đã nhớp nháp lại càng nhớp nháp hơn. Đứa con gái tuổi nhỏ lại sống trong trí với cái bóng đen đè lên thân thể. Tôi xiết mạnh hai bắp đùi và nhắm mắt lại, cố dỗ giấc ngủ. Không nghĩ, không nghĩ đến nữa. Tôi nhủ tôi và hình dung lại từng khuôn mặt của các anh chị em trong nhà. Hai mươi năm đủ để mỗi người có sự chọn lựa riêng để sống. Và nên ngừng lại tại mức sống của mình. Tôi chọn như Dũng đã chọn. Thu chọn như hai người anh em trai khác đã chọn. Với tay vào đời sống của nhau làm gì khi các nhánh sông đã rời khỏi ngọn? Ngày mai sẽ về với David.

Tôi thở dài khi đến những nụ hôn gượng ép và tạo nên các cơn thèm muốn bị ngắt đoạn của David. Thời gian đã cướp mất sinh lực của người chồng khác chủng tộc. Gối chăn thừa thãi trên mặt nệm đến độ chán chường. Đêm chỉ là đêm với giấc ngủ. Tôi uốn mình lại và kẹp chiếc gối chặt hơn khi tiếng rên của Thu chợt vọng đến. Trong đêm, giữa cái nóng của Sài Gòn, chuỗi âm thanh khoái lạc bị ngắt quãng từng chập ngắn của người chị làm tôi khó chịu. Bao giờ Thu cũng có những điều chị muốn... Tôi mở bừng mắt. Khoảng màn trắng toát và lay khẽ theo gió như các lớp sóng nhẹ. Đêm vẫn chỉ là đêm với tôi. Ngay tại đây và cả tại vùng đất xa lạ. Tôi mệt nhoài thiếp vào giấc ngủ khi tiếng rên của Thu vẫn còn tiếp tục.

Bỏ lại cái nóng của Sài Gòn, trên chuyến bay trở về với David, đứa con gái út của gia đình nép mình vào nệm ghế như đã nép mình trong chiếc áo dài mới hôm qua.

NGUYỄN Ý THUẦN



ERICA JONG

PHẠM VIỆT CƯỜNG *dịch*

kinh nguyệt tháng năm

Những cái chết & những sự phản bội
người bạn gái phải cắt bỏ đi bộ ngực,
người bạn trai cho nối lại mạch tim,
một người chồng dối trá
một người yêu không bao giờ liên lạc,
& cả việc này nữa cũng đến ngay giữa tháng năm.

Tôi bước đi trong ngọn gió xanh biếc mùa Xuân
Gió nhẹ mơn man bước chân
như vớ lụa -
những chiếc vớ lụa của bà ngoại
cất trong ngăn tủ -
& đang thầm thì khúc hát tuổi đôi mươi.

Cặp vú tức đau,
trái tim nhảy dập theo những mảnh trứng rời,
tử cung trĩu xuống
cùng máu huyết nặng nề.
Dường như tôi gắn liền với những gì yêu quí
bằng xích xiềng của xác thịt.
Có lẽ tâm hồn không đủ cảm thâm;
nên thân xác cũng phải góp phần đổ máu.

Không thể nào hình dung
người ta đang cắt rời một phần thân thể bạn.
với những giấc mơ đau thương bất tận,
tôi nằm thao thức trong đêm, khóc than
cho cả một đời dài dặc.

Dù không bao giờ nhìn thấy ngực bạn
tôi vẫn không thể nào tưởng tượng ra
người đàn bà không có vú.
Trọn tuần lễ tôi vuốt ve đầu vú mình,
với cảm giác vừa kinh sợ vừa khoái cảm.
Hãy ở lại cùng ta, hỡi xác thịt, hãy ở lại.
Nhất là,
nếu đó là tất cả những gì chúng tôi có,
thì xin ngươi ở lại

*

Có chăng thứ thi ca làm bằng máu huyết
với những câu thơ là những cánh tay bị chặt bỏ
& và những đoạn thơ là trọn thân hình rộng mở?
Có thứ nghệ thuật nào tô vẽ chúng ta
giống hệt như đời sống?

Tôi hoài công vắt ép ngực mình
để tìm thứ mực vô hình của sữa.
Tôi chửa mang nặng nhọc -
mà không có chiếc đầu đứa bé nào xuất hiện.

Mỗi tháng những bài thơ vẫn hoài tuôn chảy
như máu huyết tôi.

Chữ nghĩa là xác thịt, tôi cho như vậy,
dù vẫn còn nghi hoặc.

Xác thịt là xác thịt.
Chữ nghĩa chịu trách nhiệm chính mình.

ERICA JONG
PHẠM VIỆT CƯỜNG dịch



THÁI PHƯƠNG

họa sĩ và người mẫu



Phòng vẽ của họa sĩ nằm trong căn nhà cổ trên đồi thông. Từ cửa sổ, qua những cành thông xanh, có thể nhìn thấy biển từ xa. Lúc này trời đã về chiều, một buổi chiều thu California, chút nắng cuối ngày còn vương nhẹ trên khung cửa sổ. Họa sĩ đứng đó, tĩnh lặng nhìn ra ngoài. Đó là người đàn ông tuổi chừng bốn mươi, cao, gầy, tóc nâu sẫm chải lật ra sau để lộ hai mắt sâu, buồn, ánh lên một chút gì u uất, một chút gì hoang dại. Sau lưng họa sĩ là phòng vẽ khá rộng, trần cao, sàn gỗ, trên tường treo đầy tranh đủ màu đủ cỡ vẽ cá. Toàn cá. Dưới sàn cũng dựng nhiều tranh úp mặt vào tường. Đèn chiếu, bàn vẽ, giá vẽ, bàn sơn, ghế xếp bừa trong góc. Gần cửa sổ nơi họa sĩ đang đứng đặt một ghế bằng mây - thứ ghế mây của Van Gogh ngày nào - giữa cụm ánh sáng được chiếu bởi một thứ đèn rọi gắn từ đâu đó trên tường. Rồi đột nhiên, một bóng trắng hiện ra trong khoảng tối cuối phòng lặng lẽ đến sau lưng ghế. Đó là người mẫu. Cô đứng đó, một tay đặt lên thành ghế, một tay giữ hai mép khăn tắm xanh rêu khoác hờ trên vai. Cô sạch, loáng ướt như vừa tắm xong. Cô nâu hồng như vừa phơi nắng biển. Cô trong sáng và rực rỡ. Thân thể cô là sức sống của tuổi hai mươi. Cô đứng đó nhìn họa sĩ với đôi mắt như không nhìn gì cả. Đôi mắt sâu đen long lanh đợi chờ. Họa sĩ như vừa nghe tiếng gọi thầm đâu đó, ông quay nhanh lại; ông đến bên ngời mẫu, ông nâng nhẹ tay cô dìu cô ngồi xuống ghế.

Phòng vẽ lúc này trong góc xa vẫn tối, nhưng nơi người mẫu ngồi đã được chiếu rọi thêm nhiều thứ ánh sáng đến từ nhiều góc tạo thành một khung

cảnh lung linh mờ khói. Từ ghế người mẫu, họa sĩ bước lùi về cửa sổ. Ông đứng dựa vào thành cửa sổ nhìn sững vào vùng ánh sáng mờ ảo, nơi có người mẫu tươi trẻ, nâu hồng ngồi như chờ đợi ai. Họa sĩ lại đến bên người mẫu, ông quỳ một chân trước mặt cô; ông nhìn như chiếu rọi lên tóc, lên mắt, lên má, lên môi cô. Ông xoải tay bấm nhe vào nút cái remote control gần đó, tức thì nhạc trổi lên trùm phủ hai người. Đó là âm thanh là tiếng nhạc của thiên nhiên, của tiếng vỗ rì rầm, của gió lùa qua khe cửa, của sấm dội từ xa, của mưa rơi, suối chảy, của thác đổ, của hải âu tìm mồi. Họa sĩ ôm nhẹ hai tay lên mặt người mẫu. Lẫn vào tiếng nhạc bùng vỡ đó là tiêng gọi từ xa, cao vút, thì thầm: Call me... call me...I don't care where you are... Call me... I will be there... Call me. Họa sĩ vẫn quỳ một chân trước người mẫu, vẫn nâng niu ôm nhẹ mặt cô, vẫn nhìn như chiếu rọi vào cô: "Em hãy khép mắt lại, đúng rồi, chỉ khép lại thôi như đang nhìn vào chính mình, như đang nghĩ đến một điều gì thú vị... Ừ, hãy nhớ lại, hãy nghĩ tới một điều gì thú vị, như em vừa nhặt được một vỏ sò đẹp trên bãi cát hoang, như em vừa nhận được một cuốn sách hay do người yêu gửi tặng. Ừ, hãy nhìn vào trong em, hãy nhớ lại, hãy tưởng ra một điều gì thú vị, chỉ thú vị thôi, chỉ là vui nhỏ mà thôi". Họa sĩ vừa nói vừa quan sát khuôn mặt người mẫu: "... Chỉ là vui nhỏ mà thôi...". Họa sĩ đứng bật dậy: "Đúng... đúng rồi... Khuôn mặt em là thế, mắt em là thế và môi em là thế, Perfect, Beautiful... Beautiful..." Ông nhìn sững vào người mẫu. Khuôn mặt cô sáng rỡ, mắt nhìn xuống hững hờ với nụ cười nhẹ trên môi. Họa sĩ lại quỳ một chân trước người mẫu: "Em cứ giữ nguyên thế, không phải bằng da thịt trên môi trên mắt mà bằng cái gì em đang nghĩ bên trong. Em là người mẫu tuyệt vời, chính em đang vẽ ra em. Em mới là họa sĩ". Qua khe hở của đôi mắt khép hờ, họa sĩ nhìn thấy sâu thẳm bên trong thứ tia sáng lung linh ánh ngọc. Call... me. Họa sĩ quay nhanh về phía cửa sổ. Ông vừa nghe thấy tiếng gọi ngoài xa "Chú ơi...". Ông đứng bật dậy ngơ ngác, ông bước nhanh ra cửa sổ. Ông vừa thấy một bàn tay bé nhỏ vỗ vào cửa kính "Chú ơi... cháu rét lắm". Tiếng gọi khẽ, run rẩy, trẻ con. Rõ, thật rõ, ông vừa thấy một bàn tay nhỏ cùng với những cành thông đập nhẹ vào khung kính. Bên ngoài, qua khung kính, ông thấy một khuôn mặt bé gái ngước nhìn lên ông: "Vào đây... vào đây bé...". Nhưng khuôm mặt đó đã lẫn vào sương đêm. Có tiếng thì thầm đến ông "Em không còn bé nữa". Khuôm mặt người mẫu như vừa hiện trên kính, bên ngoài khung cửa, mờ nhòa trong sương. "Anh đã gọi em...". "Vào đây... Vào đây đã". "Anh vẽ cá là để ký hiệu cho em tìm đến. Hôm nay anh vẽ người là muốn gọi em đến với anh...". Họa sĩ nhìn theo bóng trắng vụt đi như muốn vòng ra cửa chính để vào. Ông quay nhanh lại, và ngay lúc đó người mẫu cũng vụt đến ông. Chiếc khăn tắm tuột xuống sàn, cô trần truồng ôm chặt lấy ông.

- Sao thế... Anh làm sao thế?

Họ dìu nhau lại ghế. Căn phòng đã trở về tĩnh lặng. Họa sĩ dìu người mẫu ngồi xuống, quàng lại khăn lên cô. Ông ngồi bệt trên sàn, đầu dựa vào chân cô. Những ngón tay thon dài, nâu hồng vuốt nhẹ lên mớ tóc bồng rối của ông.

- Sao thế. Cái gì vừa đến với anh. Anh cuống lên, như điên. Anh gọi, anh gọi ai ngoài đó?

- Có phải mình mới gặp nhau không? Họa sĩ ngơ ngác hỏi.

- Mình mới gặp nhau lần đầu hôm qua. Thế mà hôm nay em đã ở đây ngồi cho anh vẽ. Và bây giờ thì... thế này. Nhưng em vẫn thấy nó tự nhiên là thế. Như mình đã gặp nhau từ lâu lắm rồi... Như từ khi em còn bé - Cô vừa nói vừa nhìn ra xa, môi cô vẫn giữ nụ cười lúc nãy - Anh biết không, lúc nãy anh bảo em khép mắt lại và nghĩ tới một điều gì thú vị. Thật ra em chẳng biết nghĩ gì cả. Nhưng rồi trong em lại hiện ra cảnh như em còn bé lắm, mười hai mười ba gì đó... Em đứng ở cửa, anh vừa đi tới, em đưa anh trái ổi, anh định bỏ túi nhưng em bắt anh ăn ngay. Anh cắn mạnh rồi nhăn mặt kêu lên... Em cười phá, vì trái ổi chỉ bằng đất thôi. Đó, em thấy ra chuyện đó, và em cười thú vị.

- Đó là khuôn mặt tuyệt vời - Họa sĩ nói như nói thầm - Em có khuôn mặt tuyệt vời, khi mắt em khép lại khuôn mặt đó trở thành xa vắng như để sống riêng với nguồn vui nào đó trong em. Không sao vẽ được, không sao nói được - Rồi đột nhiên ông vừa nhìn sững ra cửa sổ - Có thể nào...

- Có thể nào... cái gì đấy anh?

- Có thể nào vừa rồi em ở ngoài cửa sổ. Rõ là em, khi anh gọi là anh gọi em đó.

- Không, không, em vẫn ngồi đây. Em thấy anh cuống lên, như điên, nên vùng chạy tới.

Họa sĩ lại gối đầu xuống chân người mẫu, nghiêng mặt ra cửa sổ, giọng bâng khuâng

- Cô bé đó lại về... Có thể nào cô bé đó lại về. Lớn hẳn lên và đẹp như em.

- Em không hiểu. Cô bé nào lại về, lại đẹp như em?

- Em biết đấy, bao lâu nay tôi chỉ vẽ cá. Lên núi, xuống biển, vào thành phố cũng đều vẽ cá. Lúc đầu tôi vẽ một xâu cá - ông hơi ngừng lại - một xâu cá với cô bé cầm trên tay. Rồi tôi vẽ cá trên đĩa, trên bàn, trong rổ. Vẽ một con, vẽ nhiều con. Sau chỉ vẽ đầu cá, mắt cá. Và bây giờ, như em thấy đấy... cá không ra hình cá nữa... cá không ra hình cá nữa... Ngày đó cũng là ngày cuối thu, nhưng là thu Hà Nội. Lâu rồi nhỉ, hơn mười năm rồi đấy. Tôi từ Đà Lạt ra Hà Nội để vẽ cảnh thu. Thế nào là nắng vàng, thế nào là mưa bụi, thế nào là lá rơi. Và gió heo may. Tôi thuê được một căn phòng gần sát Hồ Tây. Từ cửa sổ có thể nhìn qua đám liễu thưa để thấy mặt hồ sương phủ. Gió thổi lướt những đợt sóng bạc lăn tăn. Đêm, trời se lạnh, gió thổi qua khe cửa. Tôi thường làm việc rất khuya ngay gần cửa sổ.

Và rồi, một đêm tôi nghe thấy tiếng gõ nhẹ bên ngoài. Tôi nhìn ra thấy khuôn mặt bé gái với bàn tay nhỏ gõ lên ô kính. “Chú mua cá không?” Bàn tay nhỏ dơ cao xâu cá, tiếng cô bé lại run lên trong gió “Chú mua cho cháu đi... Rét quá...” Tôi mở bung cửa sổ chồm người ra. Cô bé chạy biến vào sương, để lại xâu cá nơi bệ cửa. Và như thế, cách một đêm, cô bé lại mang cá đến cho tôi một lần. Chúng tôi đã chuyện trò với nhau, và đã hẹn nhau như

thế. Cô bé vẫn đứng ngoài cửa sổ, kiễng chân lên mà nói. Bố cháu đi bộ đội chết trong Nam. Mẹ cháu đi lấy chồng. Cháu ở với ông. Ông cháu có cái thuyền thúng đi bắt cá trộm để cháu đi bán. Sao lại phải bắt cá trộm? Chú không biết đấy, cá Hồ Tây là của hợp tác xã Hồ Tây. Thế có bao giờ bé đi bắt cá với ông không? Thuyền thúng nhỏ xíu, dễ lật ông không cho đi. Bé vào đây kẹo lạnh. Không... cháu phải về. Cô bé lại chạy biến đi, tôi chẳng biết bé ở đâu, xa hay gần. Thế chú có vẽ cá không? Thế bé có muốn xem tranh không? Vào đây, vào đây mà xem. Không... cháu phải về... cháu chẳng cần xem cũng biết. Và hai tuần trôi qua. Chiều hôm đó trời nổi gió, tôi đạp xe lên phố, chạy qua những con đường cũ, những hàng cây cao. Lá rơi, lá bay, lá cuốn vào bánh xe, vào gốc cây lề đường. Đêm, gió lạnh, tôi ngồi uống rượu với bạn đến khuya mới về. Khi mở cửa vào phòng nhìn qua cửa sổ tôi chợt thấy cô bé đứng ngoài. Trời giá lạnh sao bé còn đứng đó. Tôi vớ vội cái khăn, chạy phóng ra ngoài. Bé đứng đây từ bao lâu rồi? Tôi phủ khăn lên người cô bé, Thân thể bé nhỏ gầy lạnh toát trong tay tôi. Bé đứng đó từ bao lâu rồi, bé đợi tôi ư? Bé câm lặng không nói gì. Trong đêm, đôi mắt bé nhìn tôi như hờn giận. Vâng, đôi mắt bé nhìn tôi, nhìn tôi, cứ nhìn tôi thế thôi. Đôi mắt đẹp, đẹp như mắt em lúc này, nhưng lại là mắt người lớn trên khuôn mặt trẻ con. Cái nhìn cứ hút lấy tôi. Tôi xin lỗi bé, tôi về trễ, ừ mình đã hẹn với nhau mà tôi lại về trễ. Bé vào đây, vào đây cho ấm đã. Bé vẫn yên lặng, run rẩy nhìn tôi. Ôi! cái nhìn làm tôi muốn khóc. Có cái gì đó không nói được mà cũng không vẽ được trong cái nhìn này. Cái nhìn từ đôi mắt người lớn trên khuôn mặt trẻ con. Vẫn không nói gì, bé rời tay tôi lặng lẽ đi. Tôi nhìn theo để thấy cô bé chìm lẫn vào sương mù dày đặc.

Đêm quá khuya, tôi không ngủ, vẫn đi lại trong phòng. Một cái gì đó bứt rứt không yên. Đôi mắt, đôi mắt của hai mươi, ba mươi, bốn mươi vẫn nhìn vào tôi trên khuôn mặt cô bé mười ba. Bên ngoài chợt nổi lên tiếng trống bập bùng. Tôi nhìn qua cửa sổ thấy ánh đuốc lập lòe. Tiếng trống thúc dục, ánh đuốc chập chờn, Họ đi tìm ai? Một tiếng gọi thầm ngay ngoài cửa sổ "Chú ơi...!". Tôi chạy bay ra nhưng chẳng thấy ai. Tiếng trống rõ dần, ánh đuốc sáng hực lên. Tiếng người lao xao. Tôi chạy ra phía bờ hồ. Đêm đen, gió rít, tiếng trống đã ngừng. Chỉ còn ánh đuốc chập chờn soi rọi. Và, tôi thấy một ông lão bồng ngang trên tay cô bé mười ba ướt sũng, tay thõng xuống, đầu ngoặc sang bên. Tôi thấy và tôi hiểu. Toàn thân tôi đờ cứng. Phải thế không, bé đã gọi tôi?

Trời sáng, phòng vẽ rõ dần. Giữa khung nắng chiếu qua cửa sổ, họa sĩ nằm dài trên sàn gỗ. Một tay ông quàng lên mặt ghế, ở đó chỉ thấy một con cá hồng được bọc trong khăn tắm xanh rêu.

THÁI PHƯƠNG
(Orange 1/95)



NGUYỄN TRỌNG TẠO

miếu hoang



Quên đi! Chị thốt thành tiếng trên giường ngủ mênh mông, cô đơn rợn ngợp. Chị quay nghiêng, lật sấp, mặt cuốn trong mái tóc đen dày mịn màng, gợi cảm giác va chạm xác thịt một đêm nào xa lắc trên chiếc giường này, thơm phảng phất mùi gỗ xoan, mùi chiếu hoa, mùi gối màn mới toang và mùi mồ hôi thanh tân. Nhưng chị không quên được, không ngủ được, dù đã uống đến viên gac-đê-nan thứ bao nhiêu suốt gần chục năm qua. Chị rùng mình khi nghĩ tới thuốc ngủ. Và, rùng mình nhớ về lần duy nhất được tận hưởng cảm giác hây hây, đê mê mãn nguyện mà gần chục năm rồi chưa một lần lặp lại. Người đàn ông ấy đã ra đi sau đám cưới. Anh đi vào chiến trường như bao người đàn ông khác, gửi lại sau lưng vợ trẻ, gia đình, ruộng đồng, xóm mạc và cả giấc mơ hạnh phúc lung linh ngũ sắc. Trở lại là những lá thư thưa dần theo thời gian, theo con đường hành quân nối dài, nét chữ ngày càng xiêu vẹo, vội vàng, những mảnh thư ngả màu ố cũ, để rồi dù chỉ vài dòng xiêu vẹo ố cũ ấy thôi cũng không bao giờ đặc ân cho chị nữa. Anh hy sinh rồi ư? Chị đã khóc thổn thức bao đêm dài, nước mắt ướt đầm gối cưới, ướt đầm mái tóc đen dài gợi cảm giác va chạm xác thịt một đêm nào xa lắc... Nhưng chiến tranh còn dài. Thỉnh thoảng, một người lính bặt tin bỗng trở lại thăm quê nhân một đợt về hậu phương điều trị vết thương. Chị lại hy vọng. Hy vọng nối dài hy vọng.

Vậy mà có lúc chị cũng quên đi được. Ấy là ban ngày, với bao công việc đồng áng, công việc đoàn thể. Chị tham gia công tác đoàn thanh niên, phấn đấu trở thành đảng viên cộng sản, rồi làm hội trưởng hội phụ nữ xã. Đất nước thời chiến tranh, chị đặc biệt chăm lo đến những vợ bộ đội. Chị nghiêm khắc lên án những hành động phản bội lòng chung thủy. Trước thời chị làm hội trưởng hội phụ nữ, những chuyện trai gái vụng trộm, chửa hoang, đánh ghen

xảy ra trong làng xã như cơm bữa. Hơn nửa số hội viên của chị là vợ bộ đội, vợ thương binh, liệt sĩ, cuộc sống tình cảm thường thiếu thốn triền miên. Đêm đêm, chị nghe được tiếng thở dài não nuột thèm khát đàn ông của bao người cùng cảnh ngộ với chị, và trong số họ khối người nhan sắc mơn mởn. Những tiếng thở dài trong đêm sâu nối tiếp nhau từ nhà này sang nhà khác, từ xóm này qua xóm khác, như là đêm đang góp gió thổi rung cánh rừng sau làng phát ra tiếng ì ầm của biển động. Chỉ cần một cám dỗ nhỏ là xô đẩy người ta sa ngã. Chỉ cần nghe một thằng đểu nói bóng nói gió "Nửa đêm tôi liều đấy", thế là đêm ấy cửa chính cửa phụ của cái con người cô đơn thèm khát khác giới kia bỗng dưng "quên" khóa, "quên" chốt, dù quanh làng trộm cắp như rươi. Nàng nằm trở trăn nửa thức nửa ngủ chờ đợi một tiếng kẹt cửa, chờ đợi một cái bóng đen thiên thần ập đến nhận chìm thân xác mình vào vực sâu không cùng của khoái cảm. Chỉ cần một thằng choai choai láu cá, khỏe mạnh, chỉ đáng tuổi em út, trong một buổi đi rừng cất tiếng gọi "chị ơi, đây có cái thảm cỏ tuyệt đẹp" là họ lập tức chạy theo tiếng gọi vô tư ấy, và, tất cả các chân tơ kẽ tóc bỗng rung lên cảm giác từ lâu bị kìm nén khi nhận ra rằng, chung quanh là cây cối um tùm kín mít đang vây bọc hai người. Thế là cái thảm cỏ tuyệt đẹp kia nhanh chóng trở thành tấm đệm thơm tho trên chiếc giường thiên nhiên kỳ ảo. Chỉ cần một lão dê già sặc mùi rượu đang đêm gọi cửa "xin lửa" là nghe ngay tiếng lách cách hối hả mở khóa, và cái mùi rượu chết tiệt kia cứ bám riết lấy họ, cứ bao phủ thân xác họ suốt đêm này qua đêm khác... Bao nhiêu vụ gia đình đổ bể bất cần đời, bao nhiêu câu chuyện về "cái điếu cày ủy ban" đã diễn ra trong xã chị, từ làng này sang làng khác, từ năm này sang năm khác. Chỉ đến thời chị làm hội trưởng phụ nữ, *nó* mới được *phanh* dần lại. Chị trở thành người tin cậy của xóm làng, là nơi để chị em vợ bộ đội, vợ thương binh liệt sĩ gửi gắm, san sẻ những vui buồn, rối rắm, trắc ẩn cuộc đời.

Nhưng cái người gần gũi cảm thông với chị nhất, chính là bà mẹ chồng của chị, bà yêu quí chị từ khi chị chưa về làm dâu nhà bà. Sở dĩ bà chọn chị cho con trai độc nhất là vì gương mặt chị phúc hậu, đoan trang, lại được cái nết hay lam làm siêng năng ít người theo kịp. Riêng đôi vú tròn căng và cặp chân dài của chị, thì theo bà, đấy là người mắn đẻ, dễ nuôi được con đàn cháu đống. Duy chỉ có đôi lông mi đen dài và rậm là thường gặp chuyện buồn về đường tình duyên. Quả người xưa nói không sai. Bà nghĩ vậy, và càng thương chị bội phần. Chị hiểu điều đó, nên dù bận bịu công việc đoàn thể, chỉ vẫn thu xếp thời gian để săn sóc, chiều chuộng mẹ chồng chu đáo. Nhờ thế mà mẹ con sống với nhau êm ru, không ai chê cười mẹ chồng nàng dâu nhà chị được. Sự êm đẹp trong nhà là cái nền móng vững chắc cho con người hoạt động xã hội của chị, nó giúp chị nguôi bớt tủi buồn, khao khát của người vợ hiền biệt tin chồng.

Chị không sao quên được bộ ngực đàn ông vạm vỡ ấy. Chị cứ bị hút vào

nó khi anh chàng bí thư xã áo vắt vai đánh trần uống rượu. Thỉnh thoảng chị liếc nhìn trộm bộ ngực vạm vỡ của anh ta rồi bỗng thấy hai tai nóng bừng một cảm giác lén lút, xấu hổ. Anh ta là một người đàn ông rắn chắc, tràn đầy sức lực, chỉ cái cặp mắt sắc lẻm dao lam là dễ ghét không chịu được. Khi anh ta lườm lườm nhìn ai thì cứ y như là sắp rọc phăng cả áo quần người ta. Tuy vậy, anh ta là một người tốt, một cán bộ lãnh đạo có uy trong xã, một con người không nề hà bất cứ một công việc khó khăn nào, và luôn sẵn sàng giúp đỡ người kkhác. Mỗi khi thấy chị không được vui là thế nào anh cũng hỏi thăm tin tức chồng chị ở chiến trường, rồi tìm cách động viên cho chị yên lòng: "Hắn sẽ bất ngờ mang ba lô ập về thăm vợ nay mai đó". Những lúc như thế, anh ta cười to, tiếng cười che chở, tin cậy. Dứt tiếng cười, anh ta hô mọi người cạn chén. Chị lại liếc nhìn trộm bộ ngực vạm vỡ, rồi cúi mặt che dấu sự xấu hổ vào trong chén rượu mà chị chỉ nhấp môi cho vui lòng mọi người.

Quên đi! Nhưng chị không sao quên được bộ ngực đàn ông vạm vỡ ấy. Chị úp mặt vào tóc, nhắm mắt lại cố ngủ mà không ngủ được. Lại một viên gac-đê-nan bị bộ ngực vạm vỡ vô hiệu hóa. Nó cứ hiện lên rõ mồn một trước giường nằm của chị. Không phải một, mà là hai bộ ngực. Một bộ ngực của anh chàng bí thư xã và một bộ ngực của chồng chị. Hai bộ ngực ấy giống nhau như đúc. Rồi bỗng dưng chúng nhập lại làm một. Quên đi! Chị thốt thành tiếng trên chiếc giường ngủ mênh mông, cô đơn rợn ngợp, khiến bà mẹ chồng giật mình tỉnh dậy: "Cái gì vậy con?". Chị không trả lời. "Chắc nó lại nói mớ". Giọng nói ngái ngủ của bà chìm dần vào hơi thở mơ hồ của gió sương cây cỏ. Hai mắt chị mở to nhìn lên mái nhà phủ đầy bóng tối, linh cảm thấy hai hàng lông mi dài rậm như mách bảo về đường tình duyên lận đận cứ bám riết đời người.

Anh chàng bí thư xã vừa đi vừa cởi áo vắt vai. Ánh trăng hắt lên ngực anh lấp loáng mồ hôi. Chị rùng mình buột nói một câu gì vô nghĩa, hình như có liên quan đến cuộc họp cán bộ vừa xong. Anh chàng bí thư lại cũng nói một câu vô nghĩa khác mà chị lờ mờ hiểu rằng, hình như sắp có nhật thực, nguyệt thực gì đó. Đường trăng vắng lặng. Tiếng côn trùng kêu inh ỏi, vụt tắt chỗ này lại bùng lên chỗ khác. Những bụi cây sáng tối nham nhở hình quái vật biến nhân. Chị bỗng thấy lo sợ, muốn bỏ chạy. "Đi nhanh thế?". Tiếng nói khiến chị trầm tĩnh, đi chậm lại, và thấy mình đột ngột bị siết vào trong hai gọng kìm sắt. Chị dẫy dụa, xô đẩy, né tránh những cái hôn bốc lửa vào má vào tóc vào vai vào ngực. "Đừng... Đừng... Đừng làm thế!". "Không... Không... Khô...ông!" Anh bí thư thì thào lời gì không rõ, u u, âm âm. Hai gọng kìm sắt như siết lại mạnh hơn. Va chạm. Xô đẩy. Va chạm... Chị ngỡ mình có nguy cơ trở thành đồng lõa, sắp tuột vào vực thẳm không cùng. Nhưng cái đầu lý trí đã thắng. "Không!". Bốp! Một cú tát bất thần làm anh bừng tỉnh. Từng đàn đom đóm xanh vàng tím đỏ bay ra từ mắt anh. Anh vội vàng lùi lại, rồi sợ hãi quỳ xuống dưới chân chị, giọng nói run rẩy lập cập xin

chị tha thứ, xin chị quên đi. Chị nhìn anh nửa khinh, nửa thương. "Tôi không đưa ra đảng ủy đâu. Yên tâm đi. Đừng bao giờ làm thế nữa!" Chị nhìn anh chàng bí thư lần nữa, ánh mắt vô tình chạm phải bộ ngực mồ hôi lấp lánh ánh trăng, và chị không dám nhìn anh ta nữa. Chị quay người bước đi, rồi như sợ cái bộ ngực vạm vỡ kia đuổi theo, chị ù chạy thật nhanh. Gió thổi thốc vào da ngực lành lạnh. Chị cúi nhìn xuống ngựa. Hai khuy áo bật ra từ bao giờ, và khi cài lại áo, chị nhận ra một chiếc khuy đã vĩnh viễn mất đi...

Anh chàng bí thư xã sau cáo "bốp" bay ra từng đàn đom đóm xanh vàng tím đỏ, vị nể chị một phép, cặp mắt sắc lẻm dao lam không còn dám nhìn rạch vào chị nữa. Anh ta đối xử tử tế với chị như là đối xử với bậc bề trên, dù anh ta hơn tuổi chị, là cấp trên của chị. Rồi anh ta xưng tụng chị không tiếc lời với cán bộ lãnh đạo huyện. Chỉ một thời gian sau, chị được huyện rút lên làm hội phó hội phụ nữ huyện, cái công việc vô cùng phù hợp với khả năng của chị. Nhà chị lại chỉ cách thị trấn ba bốn cây số, sáng đạp xe đi, chiều đạp xe về, trưa ăn cơm tập thể bếp cơ quan huyện, chiều ăn cơm với mẹ chồng. Những hôm lên tỉnh họp hoặc xuống các xã xây dựng phong trào, chị thường mua sẵn thức ăn cho mẹ chồng, kẻo bà phải chạy chợ vất vả. Công việc, họp hành liên miên đã lôi hút chị theo đuổi sự nghiệp chung lớn lao, ít có thì giờ để mà suy tính riêng tư trong dày vò, tuyệt vọng. Rồi chị được cử đi học trường bồi dưỡng cán bộ phụ nữ ở tỉnh, ở trung ương. Mẹ chồng thương chị, lấy sự tiến bộ của chị làm niềm an ủi tuổi già. Có một đứa con dâu như thế, cũng mở mày mở mặt với xóm giềng. Khi chị được cử làm hội trưởng hội phụ nữ huyện thì nước nhà thống nhất. Những người lính từ chiến trường nườm nượp trở về, trên vai ba-lô cóc mới tinh, tay xách chiếc khung xe đạp quấn vải giữ sơn và và tay kia ôm con búp bê to bằng đứa trẻ, mặt mày anh nào cũng rạng rỡ hân hoan. Họ tỏa về các làng quê xóm mạc nơi họ đã từng tạm biệt người thân lên đường vào chiến trận. Chị đã dự nhiều cuộc đón tiếp những người lính chiến trở về, đã trào nước mắt sung sướng buồn đau trộn lẫn. Thấy người lính nào chị cũng nhìn thật lâu, gặp người lính nào chị cũng hỏi thăm tin tức chồng mình. Nhưng hy vọng rồi tuyệt vọng, tuyệt vọng rồi hy vọng cứ quay tròn như đèn kéo quân trong đầu chị. Cho đến một hôm, chị hốt hoảng chạy về nhà ôm chặt lấy mẹ chồng, cả hai người òa khóc, tan rã, quay cuồng, ngất xỉu. Quanh mẹ con chị là xóm giềng, là các đồng chí cán bộ huyện, là đồng đội của người hy sinh trở về, là chiếc ba lô thủng đạn, bộ quần áo lính bốc mùi hôi quen thuộc, cuốn nhật ký bong bìa hiện những con chữ xiêu vẹo vội vàng, tấm ảnh người mẹ già và người vợ trẻ nhòa bụi bặm thời gian. Tất cả ẩn hiện chập chờn trong một thứ ánh sáng loạn, rồi chìm vào tuyệt vọng bất động.

Quên đi! Chị giang hai tay trên giường ngủ như một cây thánh giá lưu đày

trong cô đơn rợn ngợp. Dưới ánh đèn ngủ lờ mờ, hai hàng mi dài rậm khép lại. Bộ đồ ngủ màu hồng nhạt dưới ánh sáng mờ ngỡ như chuyển thành màu trắng tinh khôi, đối nghịch với màu đen áo quần lâu nay chị vẫn thường mặc. Đã năm năm rồi kể từ ngày được tin chồng tử trận, chị chỉ mặc một màu đen độc sắc. "*Bức tranh chỉ một màu thôi - Đen như màu áo xui tôi nhớ nàng*", cái câu thơ vu vơ mà anh chàng thư ký ủy ban huyện vẫn thường đọc một cách vui vẻ mỗi khi gặp chị, không hiểu sao nó cứ lởn vởn quanh giường ngủ lúc giữa đêm chợt thức, nghĩ ngợi mung lung. Anh ta là một người vui tính, nói năng tưng tửng mà thông minh đáo để, nhiều cô gái trong cơ quan huyện cứ chết mê chết mệt. Là nói vậy thôi chứ anh ta vợ con đàng hoàng, chiều vợ thương con ít ai bằng, lại hào hoa phong nhã có học hành tử tế, ai mà chẳng ưa. Chỉ hiềm một nỗi, trên bộ mặt đẹp ấy lại mang một bộ ria quặp nên bị anh em trong cơ quan phong cho cái chức hội trưởng hội *Sợ Vợ*. Có lần chị đùa anh: "Cho tôi gia nhập hội của anh với". Và anh cười phá lên khi nghe chị giải thích: "Tôi cũng là người sợ vợ mà, sợ vợ của các anh, đúng không nào?". "Chị đáo để lắm, đi sứ được đấy".. Rồi anh lại vui vẻ đọc cái câu thơ vu vơ về màu đen "*đen như màu áo xui tôi nhớ nàng*" làm chị thẹn đỏ cả mặt. "Anh ta mà cũng nhớ mình sao? Chị nghĩ - Thôi, đừng nghĩ vớ vẩn nữa, đồng chí hội trưởng. Quên đi!"

Cây thánh giá khép lại đột ngột, chị nằm thẳng người như một dấu chấm than trên giường. Quên đi! Chị thốt thành tiếng trong cái thở dài thườn thượt. Nhưng không còn mẹ chồng nữa để hỏi chị một lời ấm áp từ phòng ngoài "Cái gì vậy con?". Sau khi nhận được giấy báo tử con trai, bà sụp đổ hoàn toàn, không thể vực dậy được. Đứa con trai duy nhất còn lại của dòng họ đã ra đi, không để lại một dấu vết. Tất cả mọi bệnh viện đều không cứu nổi bà. Không có một nền y khoa vĩ đại nào cứu nổi bà. Bàn thờ chồng, bàn thờ bố mẹ chồng những lúc chị ở nhà nghi ngút hương khói. Mùi hương làm chị rùng mình sợ hãi, nhưng cứ phải thắp lên. Thắp lên để mà sợ hãi, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác...

•

Chị dùng gáo dừa múc nước trong xô dội nhẹ từ cổ xuống. Nước giếng trong mát mơn man da thịt chị như có bàn tay mềm mại thoa nhẹ khắp thân thể. Chị cúi nhìn xuống cặp vú tròn căng và giật mình nhận ra hai nhũ vú bỗng tươi hồng khác thường, như là thời chị còn hai mươi tuổi. Chị đặt bàn tay xoa nhẹ lên núm vú và cảm thấy thân thể tỏa ra một mùi hương từ lâu đã ngủ quên. Phải khá lâu, chị mới nhận ra cái mùi thơm của thời thanh tân xa lắc. Chả lẽ mình lại có thể hồi xuân được sao? Đợi chờ, khắc khoải, cô đơn, kìm nén, tan nát, đau thương... từ lâu chúng tới tấp quất vào chị đến chai lì. Ý thức của một con người hoạt động trên cương vị xã hội được quí nể đã nhận chìm khát khao dục vọng xuống tận đáy, sao bỗng dưng nó lại tươi hồng, tỏa thơm tự lúc nào? Chị ngỡ ngàng với chính mình, hân hoan với chính mình, và hổ thẹn với chính mình. Chị bước ra khỏi nhà tắm với bộ đồ đen cổ áo hình

trái tim, và bẽn lẽn trước làn gió nhẹ run rẩy lùa vào làn da trắng mịn màng sau gáy, dưới bầu tóc búi cao. Chị ngước đôi mắt long lanh nhìn lên bầu trời sáng trong, ấm áp, bắt gặp vô vàn lộc xoan tươi non màu ngọc đang đua nhau lan tỏa khắp cành nhánh sau một mùa đông dài lạnh lẽo, rụng rơi. Một buổi sáng tuyệt đẹp, buổi sáng mà chị sẽ cùng đại diện của huyện ủy, ủy ban đi mừng thọ một cụ bà trong huyện đúng trăm tuổi tròn mà da dẻ vẫn hồng hào, trí óc còn mẫn tiệp.

Anh thư ký ủy ban huyện chạy xe máy sang đón chị hơi sớm hơn giờ hẹn, sững người khi nhìn thấy chị mơn mởn trong bộ quần áo lụa đen tha thướt, làm nổi bât nước da trắng hồng vốn đã rất đẹp của chị. Anh ngỡ chị trẻ lại đến mươi tuổi. Sự hấp dẫn của người đàn bà hồi xuân cứ như nam châm cực mạnh, có thể cuốn hút luôn cả những con người thép, huống là anh, một kẻ mơ mộng phù du. Anh trở nên lúng túng, mất hết vẻ tự nhiên. Chị nhận ra điều đó khi nghe giọng anh ấp úng, hỏi những câu hỏi ngu ngơ mà người thông minh như anh không mấy khi hỏi thế. "Bếp nhà chị ở đâu?", "Vườn nhà chị có nuôi gà được không?". Đáng lẽ phải bật cười vì những câu hỏi, thì chị lại thấy lòng xao động, trống ngực đánh rộn lên như trống làng. Chị hướng dẫn anh ra sau nhà thăm vườn tược, thăm giếng nước, quay vào nhà thăm bếp núc, nồi niêu. "Còn đây là buồng ngủ của tôi". Chị đẩy cánh cửa buồng, ánh sáng lùa vào từ phía cửa sổ sau vườn rọi chiếu vào chiếc chiếu hoa còn thơm mùi cói mới. Căn phòng của chị thật ngăm nắp, gọn gàn. "Đẹp quá!". Anh đứng ngoài cửa buồng, buột lời khen, không hiểu mình khen căn buồng đẹp hay là khen chủ nhân của nó. Tuy vậy, lời khen của anh làm chị thấy lâng lâng, một cảm giác khó tả. Từ trong buồng, chị gọi anh: "Vào đây, tôi cho xem mấy tấm ảnh...". Nhưng anh đã không bước qua được ngưỡng cửa. Anh đứng như trời trồng, gương mặt thất sắc vì biết rằng, nếu bước qua ngưỡng cửa ấy thì anh không thể nào giữ mình được nữa, anh sẽ trở thành một kẻ phạm thượng. Còn chị? Chị bỗng sực tỉnh khi thấy anh nhìn đồng hồ đeo tay và nói: "Thôi, ta đi chị, kẻo các anh đợi".

Đêm hôm đó chị đã khóc. Lạ thật, những gì mà người ta cố quên đi thì nó lại càng chôn sâu vào trí nhớ, để một lúc nào đó lý trí xao nhãng, nó lại bùng lên dữ dội, giống như bọt nước từ đáy cốc bất ngờ sủi lên mặt cốc. Chị nhớ lại bài học về *Phân tâm học* ở trường bồi dưỡng cán bộ năm nào, và thầm cám ơn ông Freud đã giúp chị hiểu rằng, ý thức và vô thức luôn cùng chung sống trong mỗi con người, đó là những cái mà ban ngày ta cố quên đi để hòa vào đám đông thì ban đêm nó lại thức dậy với chính ta, hành hạ ta và chia xẻ cùng ta. Cũng như trước đám đông chị đã kêu gọi hạn chế sinh đẻ, để rồi lúc lặng lẽ một mình, chị lại khát khao có một đứa con để chống lại nỗi cô đơn. Vậy mà chị đã cưỡng lại khát khao, chối từ cám dỗ. Rồi đến lượt ta giăng bẫy, rốt cuộc ta lại bị chối từ...

Một cuối chiều, sau giờ làm việc, chị đạp xe từ huyện về nhà mới được hơn

cây số thì trời đổ mưa bất chợt. Cơn mưa rào mờ mịt đang từ phía trước ập đến. Hôm nay đuểnh đoãng thế nào, chị lại không mang theo áo mưa. Cứ liều đạp xe về nhà thì túi tài liệu treo trên ghi đông chắc sẽ ướt hết. Dọc đường lại không một chỗ trú. Chị chợt nhớ cái miếu hoang khuất lấp trong lùm cây um tùm giữa đồng, cái miếu mà chị nghe nói ngày xưa linh thiêng lắm, quanh năm khói hương nghi ngút, nhưng từ hồi ta bài trừ mê tín dị đoan, nó mới trở thành miếu hoang, không một ai dám đến thắp hương khấn vái nữa. Có lần ghé qua, trong cơn tuyệt vọng chị đã nghĩ mình cũng giống cái miếu hoang ấy. Miếu có mái hiên rộng, có thể vào đấy trú tạm đợi cơn mưa qua. Nghĩ vậy, chị quành xe rẽ sang lối mòn dẫn vào ngôi miếu vừa lúc cơn mưa ập tới. Vừa dựng xe vào bờ tường rêu xám, chị lấy làm lạ khi nhìn thấy một người đàn ông ngực áo phanh trần đang ngồi uống rượu dưới hiên miếu, trên một cái chiếu hoa cũ. Chai rượu đã vơi nửa, và lá gói nem đã vun thành một đống nhỏ. Người đàn ông vừa uống nhấm nháp vừa nhìn ra trời mưa vẻ ngẫm ngợi xa xôi. Khi trông thấy chiếc gậy hèo và cái đàn nhị dựng bên cái túi du lịch bằng vải bạt cũ rách, chị mới biết người đàn ông ấy chính là người hát xẩm mù, thỉnh thoảng vẫn ghé qua chợ thị trấn hát dạo. Chị thở phào nhẹ nhõm. "Chào bác! Bác cho tôi trú mưa với nhé?". Người hát xẩm mù bị ngắt dòng suy nghĩ đột ngột, giật mình quay lại. Hai mắt tuy mở to nhưng bất động. Ông lấy chiếc kính râm từ túi áo ra rồi nói buông một câu: "Chà, mưa lâu đấy. Chị vào chiếu mà ngồi". Chị để túi tài liệu cạnh cái túi du lịch cũ rách của ông, rồi vui vẻ ngồi vào chiếc chiếu hoa cũ: "Sao bác không gọi tôi là *cô* hay *bà* mà lại gọi *chị*? Ông cười: "Nghe giọng nói, tôi đoán được tuổi chị đấy. Người mù mà. Chị chỉ bốn hai bốn ba là cùng". "Bác giỏi thật đấy". "Tôi chỉ hơn chị vài dăm tuổi thôi. Người ta gọi là gì nhỉ? À, là cùng thế hệ ấy mà". "Sao bác không ở nhà với bác bà mà lại đi hát xẩm lang thang?". "Hóa ra chị nghe tôi hát rồi hả? Đời nó thế đấy. Tôi đi lính, bị đứt dây thần kinh mắt. Về thì vợ đã đi với thằng khác, có đến ba bốn đứa con rồi. Thế là may cho cô ấy". Chị thở dài, thông cảm: "Sao bác biết ngôi miếu ở đây mà đến?". "Hai năm trước tôi qua đây gặp mưa, theo mấy người vào trú mưa. Thế mà nhớ được đấy". Ông nhấp một ngụm rượu rồi hỏi: "Chị được mấy cháu rồi?". "Dạ, nhà em cũng đi bộ đội vào chiến trường B dài. Đợi mãi sau giải phóng thì nhận được giấy báo tử. Em thành đàn bà góa". "Buồn". Ông thốt lên một tiếng cụt ngủn, rồi uống cạn chén rượu. "Chị rót giùm tôi chén nữa". Uống cạn, ông mời chị uống một chén cho ấm người. Không nỡ từ chối, chị cảm ơn rồi uống cạn chén rượu ông mời. "Chị nên đi bước nữa, không thì cũng phải có một đứa con, chứ ở mãi thế, khổ lắm". Nghe ông nói, chị thấy mình được an ủi. Người chị ấm dần lên. Người hát xẩm lặng nhìn vào bóng tối như thấy rõ từng sợi mưa đan dệt mịt mù: "Chà, mưa to quá". Rồi ông hỏi: "Chị quê ở đâu ta nhỉ?". "Em ở tận mãi bên Huyền Không - Bỗng dưng chị nói dối, và để tránh những câu hỏi của ông về quê quán, chị lảng sang chuyện khác - Bác ca đi bác". Người hát xẩm quờ tay lấy cây đàn nhị so dây, rồi đột nhiên từ cây đàn nhị bay vút lên một điệu nhạc làm xao động không gian, run rẩy da thịt, và

xoáy sâu vào tận nơi mềm yếu nhất của trái tim. Ông cất giọng hát theo điệu nhạc, giọng hát lúc bổng lúc trầm lúc trong lúc đục hòa với tiếng mưa mông lung đưa đẩy lời ca khiến chị ngất ngây, rạo rực. *"Được năm hôm về*

phép - Mất hai hôm làm quen - Thương sao đời lính chiến - Em ơi cho mình biết tên...". Chị như bị tiếng đàn tiếng hát thôi miên vào một thế giới ảo huyền chưa hề gặp cả trong mơ mà sao gần gũi lạ lùng. *"Đời người con gái - Như hoa nở một lần - Không tay người đến hái - Hoa phai tàn trên bến xuân"*. Bài hát làm chị trào nước mắt. Trời vẫn mưa không ngớt. "Chị cho tôi xin chén rượu". "Bác ca hay quá. Uống xong chén này, bác ca bài nữa nhé?". "Tôi còn nhiều bài lắm. Chỉ sợ mưa tạnh, chị đi, tôi biết hát cho ai nghe". Tiếng đàn nhị lại ngân lên da diết hòa lẫn giọng hát ngấm men rượu nồng nàn của ông. Chị thấy mình lâng lâng bay trôi theo điệu hát. Chưa bao giờ tâm hồn chị được buông thả tự do như lúc này. Ngây ngất, diệu huyền, như ở ngoài thế giới trần tục thường ngày. Hình như chị không còn nghe rõ tiếng mưa rì rầm ngoài trời nữa. Những giọt mưa bắn té đã đẩy chị nhích gần ông lúc nào không hay. Ông quờ tay tìm chai rượu. Chị nhận ra điều đó, và giữ tay ông lại: "Bác uống nhiều rồi đấy". "Không sao mà". Bàn tay ông bỗng bóp mạnh bàn tay chị, nóng bỏng. Chưa bao giờ chị gặp một bàn tay nóng bỏng như thế. Hơi nóng từ bàn tay ông lan truyền sang chị, hkiến chị cảm thấy toàn thân mình nóng rực lên như có một luồng điện rần rật chạy qua. Và bàn tay chị cứ để nguyên trong bàn tay nóng bỏng kia...

Ngoài trời, mưa mỗi lúc một to, gió mỗi lúc một mạnh. Lá cây bứt khỏi càng trút bay phần phật như tơ lua. Những cành nhánh vặn mình kêu răn rắc, tiếng kêu truyền vang khắp cả một vùng. Những viên ngói trên ngôi miếu hoang chuyển động, rung rinh. Nều miếu chao đảo, bập bềnh. Mặt đất trôi ngả nghiêng trên biển nước mênh mông, vô định, rồi bỗng dưng rơi tuột vào vùng sóng xoáy hun hút, ngập chìm, tan biến.

Chị tỉnh dậy, không biết mình đang ở đâu. Phải một lúc sau mới trấn tĩnh lại được. Chị nhận ra hơi thở đều đều của người đàn ông nằm bất động bên mình và mùi men rượu thơm thơm lẫn mùi mồ hôi ngầy ngậy phảng phất, đê mê như đã gặp trong một đêm nào xa lắc. Mưa đã tạnh từ bao giờ. Gió đã lặng từ bao giờ. Hơi nước lành lạnh phả vào da thịt, khiến chị co người lại ngồi bật dậy. Trong ánh trăng mờ mờ, chị nhìn thấy bộ ngực đàn ông vạm vỡ loang loáng mồ hôi. Chị úp mặt xuống bộ ngực vạm vỡ ấy gửi một nụ hôn nồng ấm lòng biết ơn, và hiểu rằng, sớm mai tỉnh dậy, trong cô độc, người đàn ông sẽ tưởng mình vừa trải qua một giấc mơ...

Phong trào phụ nữ huyện chị được tỉnh chọn làm lá cờ đầu toàn tỉnh, nghĩa là các huyện khác phải phấn đấu noi theo. Còn chị thì được tỉnh khen là một cán bộ phụ nữ giỏi, và có ý định đưa chị lên làm phó chủ tịch hội phụ nữ tỉnh thay cho một cán bộ vừa được trên rút lên trung ương hội. Được như thế, ai mà chẳng vui sướng, tự hào. Vậy mà chị lại lo sợ, buồn bã, ớn lạnh.

Chị đã có thai. Cái thai đã được hai tháng, ngoài chị, chưa một ai biết. Càng phải giữ gìn nó bí mật bao nhiêu chị càng phải gắng sức cho công việc bấy nhiêu để tránh mọi điều dị nghị. Nhưng rồi chị sẽ dấu diếm nó được đến bao lâu nữa. Dấu cái kim trong túi còn khó, huống lại dấu một cái thai, chẳng bao lâu nữa nó sẽ chềnh ềnh ra trước mắt mọi người. Từ hồi biết mình có thai, không đêm nào chị ngủ ngon được. Cuối cùng, chị quyết định táo bạo: gặp đồng chí bí thư huyện ủy, người có quyền lực to nhất huyện.

Bí thư huyện ủy lặng sững như một khối đá túa tỏa mồ hôi khi nghe chị thú nhận với ông là chị đã có thai. Một cán bộ gương mẫu, một huyện ủy viên cao phiếu thứ hai (sau ông), một người vợ liệt sĩ chính chuyên thờ chồng bao nhiêu năm... lại bỗng dưng tự đào hố chôn mình. Chuyện vỡ ra thì khác nào bôi tro trát trấu vào mặt huyện. "Cái thằng thư ký ủy ban phải không?", ông hỏi. Chị lắc đầu. "Nó là thằng lãng mạn. Lại còn thơ với thẩn nữa. Không nó thì ai?". Lắc đầu. "Hay là thằng Huấn thông tin cổ động? Hát hò cho lắm rồi dửng mỡ lên". Lại lắc đầu. Ông bí thư huyện ủy điểm một loạt tên đáng nghi vấn trong cơ quan huyện ủy, ủy ban, tòa án, huyện đội... có quan hệ công tác với chị, kể cả phó bí thư huyện ủy, chủ tịch, phó chủ tịch huyện, nhưng chỉ nhận được từ chị những cái lắc đầu. "Thế thì Đức Chúa Trời sa xuống chắc? Chả lẽ cô cũng là Đức Mẹ Đồng Trinh hay sao?". Nước mắt chị ứa ra giàn dụa. Chị cứ để mặc cho những giọt nước mắt nóng bỏng chảy xuống má xuống môi mặn chát, cay đắng. "Em sẽ định không nói với bất cứ ai về người đàn ông ấy, nhưng để bác khỏi nghi ngờ người này người nọ, thôi thì em cũng chẳng dấu gì bác. Bác có tin đó là một người mù không?". Ông giật mình kinh ngạc: "Một thằng mù?". "Là em nghĩ, chỉ có người mù lang thang mới không biết em là ai, ở đâu, làm gì...". Đồng chí bí thư nói chêm vào: "Nhưng lại biết cô cần gì". Chị im lặng, và nước mắt lại ứa ra. Lần này thì nước mắt làm đồng chí bí thư mềm lòng lại. Ông nghĩ nhanh, rồi nói: "Thôi thế này, đã trót rồi thì phải trét, chứ còn biết làm sao nữa. Chuyện cô chửa hoang mà lộ ra thì rồi cả huyện, cả tỉnh, cả nước biết. Tôi đứng đầu cái huyện này, tội của cô người ta lại trút lên đầu tôi, làm sao tôi dám ngẩng mặt khi lên tỉnh xuống xã được nữa. Thế nên, giải pháp duy nhất là nạo cái thai ấy đi. Tôi sẽ cử cô đi công tác Hà Nội. Chỉ có nạo ở Hà Nội thì mới giữ kín chuyện được. Thai mới hai tháng, người ta chỉ nạo vài phút là xong". Nghe ông nói nạo thai dễ hơn nạo một quả đu đủ, chị rùng mình, tái mặt. Vai chị co lại, hai tay khoanh ngang bụng thít chặt như sợ người ta sẽ dần mất đứa con đang trứng nước. Từ hôm biết mình có thai, chị đã nghĩ đến chuyện ấy. Chỉ mới nghĩ đến thôi mà chị đã nằm khóc ngất. Nhưng giữ được cái thai thì rõ ràng chị phải trả giá đắt, phải chịu trăm nghìn điều tiếng xấu xa, phải từ bỏ tất cả các cương vị xã hội bao năm từng dày công phấn đấu, xây đắp. Cuộc chọn lựa âm thầm diễn ra trong chị suốt cả tháng trời, và cuối cùng, chị đã chọn cái thai. Chị trấn tĩnh lại, nhìn đồng chí bí thư bằng ánh mắt cầu cứu: "Em biết bác thương em, giúp đỡ em tiến bộ rất nhiều, nhưng bác không hiểu em phải chịu đựng thế nào suốt hai chục năm qua. Em cũng là một con người, lại là một người

đàn bà... Em nghĩ kỹ rồi bác ạ. Em sẵn sàng chịu tiếng xấu, chịu kỷ luật đảng, chịu kỷ luật chính quyền để trở về làng làm một người mẹ bình thường, bởi đứa con là hạnh phúc duy nhất và cũng là hạnh phúc cuối cùng của đời em. Em xin bác rộng lòng thương...". "Thôi... ôôi! Cô quẩn rồi. Tôi mới là người đáng thương đây này. Mà cô có thương tôi đâu. Cô làm như thế, chuyện vỡ lở ra là cô làm nhục tôi, làm nhục huyện, làm nhục lãnh đạo. Nghĩa là cô giết tôi, chứ còn gì nữa. Bây giờ thì chính cô phải cứu tôi, chứ đâu phải tôi cứu cô. Cái thai hoang, mà cô dám đem đánh đổi cả uy tín xã hội của mình, uy tín của cả một bộ máy tin cậy của dân. Cô nghĩ lại xem có phải là mình ngu hay không. Thế nên, cô không được phép làm mẹ của cái thai hoang ấy. Cô phải làm lãnh đạo. Tôi sẽ tuyệt đối giữ bí mật cho cô để cho cô làm một cán bộ lãnh đạo đàng hoàng, như không hề có chuyện này. Cô hiểu rồi chứ? Tôi quyết định, ngày kia cô đi Hà Nội. Cô về thu xếp đi".

Chưa lần nào chị thấy đồng chí bí thư hốt hoảng, lo lắng, run sợ và kiên quyết như lần này. Ông vừa thống thiết yêu cầu lại vừa tàn nhẫn buộc chị phải thực hiện mệnh lệnh của ông. Một tình cảm lạ lùng bỗng xuất hiện trong chị về con người mà bấy lâu chị hằng kính nể, tôn quí và gửi cả lòng tin vào đấy: cùng một lúc, chị thấy mình vừa kính trọng ông, vừa căm ghét ông, lại vừa sợ hãi ông. Cuối cùng chị òa khóc thành tiếng, biết mình không thể làm khác những điều ông đã quyết. Chị nói trong tiếng khóc nấc, nghẹn ngào: "Thưa bác, em xin vâng..."

Sau cuộc liên hoan huyện tổ chức để tiễn chị lên tỉnh với "sắc phong" mới, trên đường về nhà, chị rẽ vào ngôi miếu thắp mấy nén hương cắm vào cái bát hương nhỏ mà sau lần đi Hà Nội về chị đã mang tới đặt trong am miếu. Rồi chị về nhà thắp hương cắm lên bàn thờ chồng, bàn thờ bố mẹ chồng, cầu xin các hương hồn linh thiêng hãy tha thứ, che chở và phù hộ cho cuộc đời vinh quang và cay đắng của chị, và chị thấy hồn mình bỗng thanh thản nhẹ nhõm hơn bất cứ lúc nào. Chị lên giường nằm giang tay như một cây thánh giá, lắng nghe một nhịp điệu êm đềm phát ra từ chiếc cát-xéc nho nhỏ đặt cạnh bên tai, điệu nhạc mà lần nào nghe chị cũng thấy xao xuyến, bồi hồi. *Quê hương mỗi người chỉ một, như là chỉ một mẹ thôi. Quê hương, nếu ai không nhớ, sẽ không lớn nổi thành người...* Bài hát làm chị nhớ đêm mưa dưới hiên miếu hoang, nhớ người hát xẩm mù đã ra đi biệt tăm từ dạo ấy. Bỗng chị nghe tiếng gọi cửa. Đồng chí bí thư huyện đến. Ông đến để dặn dò chị thêm mấy việc cần thiết mà trong buổi liên hoan đầy bia bọt, ông quên, và kiểm tra lại việc nhà cửa, vườn tược, hương khói chị gửi lại mấy đứa cháu ngoại bên chồng trông nom, xem đã chu tất chưa. Rồi ông xin lỗi chị về việc làm hơi thô bạo nhưng không thể khác được dạo nào là buộc chị phải từ bỏ giọt máu mang trong người. Còn một điều quan trọng mà ông phải chần chừ mãi mới nói ra được: Ông yêu chị. Từ hồi chị còn làm việc dưới xã, ông đã cảm mến. Đến khi chị lên huyện, ông mới biết là ông đã phải lòng chị. Ông bảo ông yêu chị còn

hơn cả yêu cái người mà ông đã lấy làm vợ. Có lúc nằm cạnh nhau, nhìn khuôn mặt vợ ông lại tưởng tượng ra đó là khuôn mặt chị. Nhưng mà ông chỉ chôn chặt trong lòng vậy thôi. Bây giờ chị sắp đi, ông mới dám nói một lời thành khẩn. Ông vừa mừng cho chị, lại vừa buồn cho mình...

Chị bàng hoàng kinh ngạc nhìn vào cặp mắt ông và bắt gặp một ngọn lửa đam mê rừng rực đang cháy lên như có thể thiêu đốt chị thành than tro ngay lập tức. Chị rùng mình sợ hãi và nói nhanh: "Em cảm ơn bác. Thôi bác về đi, khuya rồi. Em sợ lắm". Chị đứng dậy, và ông đứng dậy theo. Ông chìa bàn tay to bè cho chị bắt. Bàn tay rắn khô như ngói, nắm chặt bàn tay mềm mại của chị. "Thôi bác về đi, khuya rồi". Chị nói chưa hết câu, ông đã kéo ập chị về phía mình, ôm riết. Chị nghe các đốt xương mình kêu lên rau ráu. Ông như một con sư tử dữ dằn vồ mồi. Chị không sao chống đỡ nổi. Ngọn đèn dầu vụt tắt. Ông bế thốc chị lên giường. "Tôi kêu lên bây giờ". Miệng chị bị bịt lại. Các khuy áo bật tung. Nịt vú bật tung. Chị thấy cấn ở bụng dưới. Toàn thân chị run bắn, sự run sợ của một kẻ bị đất đá vùi lấp. Chị bỗng nhớ tới cái thai bị nạo. Cái thai hiện lên trước mắt chị, nó biến thành một đứa bé có bộ mặt nghiêm khắc, cặp mắt nẩy lửa trừng trừng nhìn chị, quở trách. Chị khiếp đảm co chân lại, rồi bất thần đạp mạnh, làm ông bật nghiêng. Chị vội vàng kéo ngược thắt lưng quần, giữ chặt, ông không làm sao gỡ tay chị ra được, nhưng vẫn cố dằn chị xuống, dồn lên toàn thân chị sức nặng của một trái núi khổng lồ. Chị rùng mình co rúm người lại khi cảm thấy bàn tay mình lạnh ướt, sệt dính. Chị nói giọng lạnh lùng: "Bác về đi. Tất cả mọi dục vọng trong em đã chết". Ông cúi xuống, hôn vào trán chị. Chị đứng lặng bất động cho tới khi nhìn thấy tấm lưng ông choán lấp khung cửa...

Quên đi! Bây giờ thì chẳng còn gì có thể làm cho chị ngạc nhiên, rung động nữa. Chị quên đi tất cả, chỉ trừ đêm tân hôn, người lính mù hát xẩm và đứa con được tác thành dưới mái miếu hoang đã hóa thành cát bụi trong một bệnh viện ở Hà Nội. Mỗi lần từ tỉnh ghé về làng, chị lại rẽ vào ngôi miếu thắp hương. Và chị thấy trong chiếc bát cắm hương nho nhỏ, chân hương mỗi ngày một nhiều thêm.

NGUYỄN TRỌNG TẠO

(Hà Nội 1981 - Trại viết quân đội, Sầm Sơn, 1994)



KINH DƯƠNG VƯƠNG

biển

• tặng HĐN.





Chàng trải qua mùa đông dài trong thành phố bủa vây những thành kiến - như những tường thành cổ phủ rêu mốc - với sinh-lực-mùa-xuân của chàng. Bầu sinh lực rào rạt, cuồn cuộn, chực làm căng nứt tấm thân thể hồng hào để vọt thoát ra ngoài, chảy lai láng như một mạch nước vỡ. Thứ sinh lực bị dồn nén khiến tứ chi và toàn thân run lên, bật những động tác không kềm chế, bằng không, nó sẽ quật ngã chính kẻ cưu mang bằng một vụ nổ. Đó là thứ sinh lực dồn trú trong gió nén, đòi thổi căng những cánh buồn ruổi dong trên muôn dặm hải lý. Một thứ sóng ngầm tạo ra do những cơn địa chấn dưới sâu thẳm đại dương đòi xuất đầu lộ diện thành sóng thần để cuốn phăng những lục địa cổ xưa, tạo dựng Thế giới mới.

Thanh niên ngẩn mặt lên nhìn vệt sáng vừa hé mơ hồ trên nền trời xám đục. Khí hậu đang rùng rùng chuyển mình như một mãng xà già oằn mình lột lớp da cằn cỗi để phục sinh trong một thể xác mới. Ánh mắt chàng thu hút làn ánh sáng mỏng manh, cùng với cơn vặn mình của khí hậu vẹt lớp mây mù bao phủ cả bầu trời. Mây vén mở như bức màn đen chợt bị xé toang bởi một đường kiếm dũng mãnh để lộ ra cõi thăm thẳm bát ngát. Thần trí chàng bước ra trong hào quang của một thế giới tinh tuyền lao vút đi như mũi tên phát xuất tự cánh cung thần: con-chim-với-đường-bay-về-vô-định phóng mình qua không gian không nhắm hướng.

Bấy giờ tâm trí chàng hướng về một đại dương không bến, dậy sóng. Một đại dương đang nổi cơn thịnh nộ.

Chàng muốn đem sinh lực tràn trề của mình làm lễ vật hiến dâng.

Như trong cơn mộng du, thanh niên được tháp cánh. Với đôi cánh của

mộng tưởng, chàng lướt đi, hướng về phía bầu ánh sáng vỡ xôn xao và không khí đẫm hương muối nồng nàn ướp săn da thịt.

Đó là thế giới của chàng, thế giới đắm say duy nhất của chàng: đại dương. Cõi bát ngát hiện ra trước mắt chàng như thành tựu nhiệm màu của lời cầu nguyện, chàng trào nước mắt mừng vui hạnh ngộ.

Chàng đã chọn lựa đến với niềm say mê của chàng vào ngày cuối cùng chấm dứt một mùa đông. Nhưng trong không gian chưa ngớt những cơn gió giá buốt, biển chưa nguôi cơn cuồng nộ và, đó là thời gian biển - người-đàn-bà-mê-đắm - tiết ra hơi lạnh đầy đủ nhất mà nó đã hấp thụ và tích tụ đầy ứ trong suốt mùa đông: Khối âm khí vĩ đại quyến rũ Mặt trời để sinh ra đứa con nhu hòa ấm áp.

*

Cho đến một lúc, con người thấy cần thiết có một cơn bão lửa thổi qua thế giới. Cũng như vào một bình minh, giữa cơn điên cuồng của bể cả, thanh niên cảm thấy lời réo gọi thiết tha của thể xác được tan hòa trong những cơn sóng cả xanh biếc của đại dương. Nghiệt ngã cho mọi sinh vật trên mặt trong một Mùa-thử-thách...

Chàng đứng dạng chân, những ngón trần bám sâu vào cát ướt, vòng tay rắn rỏi ôm lấy bộ ngực nở phập phồng, mắt đăm đắm nhìn ra cõi muôn trùng, tâm hồn chìm sâu trong phút giây chiêm bái. Dòng suy tưởng đưa chàng lên đến đỉnh cao những con sóng, những cây nước cao ngất trắng xóa bọt reo vui, rồi dìm chàng đến tận chốn tối tăm lạnh lẽo của những hố nước sâu thẳm. Chàng cuốn theo vòng xoáy trôn ốc của những hố nước hun hút... Chàng bước đi trên một đại dương không khoan dung, từ con thuyền mỏng manh đến những tàu buồm trăm tay chèo.

Khi chàng ngẩng lên, thế giới trước mắt chàng mở ra: một bầu trời xanh ngát, một chân trời dậy sóng, có một loài chim bé nhỏ bay trên những bọt sôi sục của cơn sóng thần đang tiến về phía bờ cát phẳng mịn màng - như bờ lưng rám nắng của thiếu nữ thanh xuân - có ảo ảnh của những đứa bé con gái và con trai, xoay lưng lại phía biển, say sưa vẽ những hình người mà những cơn sóng nhỏ không ngớt tràn lên xóa mất. Dường như không biết đến sự thể đó, chúng vẽ đi vẽ lại, không ngừng. Cơn sóng thần tan ra dưới chân chúng. Những ảo ảnh thị giác biến mất khi tai chàng tiếp nhận những vọng âm bé bỏng - tiếng kêu của một loài chim lông màu xám nhạt từ sóng dội lại - những thiên thần bể khơi. Chúng bay dọc theo bờ nước, đùa với những con sóng, đậu xuống cát, nhún nhẩy trên đôi chân vàng ngắn nhỏ.

Bãi bể mang sự im lặng, vắng vẻ tuyệt đối của một nơi mà bước chân loài người từ lâu không bén mảng đến, bày ra bộ mặt man dã: những độn cát đùn,

những trũng sâu ngổn ngang xác cây mục, những mảnh vụn của ván thuyền vỡ, cột buồm gãy trôi dạt: chiến tích và niềm kiêu hãnh thầm lặng của bể khơi. Và làm tăng thêm vẻ im vắng, một cách dịu dàng, những cánh hoa mỏng mang màu tím nhạt của một giống cây bò trên mặt cát, sống bằng hơi sương đọng ngay bên cạnh một đại dương đắng chát, một đời sống thầm lặng và tươi mát không kém vẻ sinh động của bể với âm thanh trầm hùng, bất tuyệt... Chung quanh chàng, những cây dương liễu bị sóng xoi mòn sắp bật gốc, ướt đầm đìa nhỏ giọt, lá xanh ngắt đang run rẩy, không ngớt bị bao phủ một màn hơi nước bắn tung từ những bọt sóng vỡ.

Trần truồng, chàng chạy bay trên bãi bể, đá văng những vỏ sò dồn đống. Lưỡi sóng liếm lên chân chàng. Chàng hét lên vì sung sướng, những tiếng kêu la như không phải tiếng người, lồng ngực chàng muốn vỡ, phổi nở chàng muốn rách - mà âm thanh luôn luôn bị chìm lĩm trong tiếng sóng gầm thét. Chàng cười lên những tràng dài sặc sụa, sự gắng sức cốt làm cho lớn hết cỡ đã khiến giọng chàng vỡ ra, trở nên khàn đục, và khí quản chàng rớm máu. Chàng khóc. Những cơn khóc ngất ngây tưởng như chàng đứt hơi. Nước mắt chàng tuông rơi chan hòa.

Chàng chạy nhảy, múa, uốn lượn thân thể. Chàng la hét thỏa thuê, cười thỏa thuê và khóc thỏa thuê. Những tiềng la, những tràng cười chỉ có thể được gió, ánh sáng, trời xanh và đại dương cuồng nộ chấp nhận trong bao dung, khích lệ mà không ngạc nhiên.

Chàng nhìn mặt nước bao la đầy những khoảng trũng, lồi lõm, không ngớt giao động. Chàng bị thôi thúc không cưỡng nổi muốn chìm sâu vào trong cơn giao động bất tuyệt đó của bể cả để hưởng thụ những cơn vùi dập không ngừng nghỉ.

*

Vầng thái dương và nhô lên khỏi một đại dương xao xuyến rạo rực cơn dâng hiến. Một vần lửa đỏ rực chói chang ngạo nghễ nhấp nháy con mắt của kim khí chảy lỏng: vành môi nồng cháy của gã tình nhân cuồng si đang run rẩy ghé xuông làn da tươi mát đôi ngực thanh xuân căng phồng nhấp nhô những chiếc vú no tròn muôn vàng đồi vú khổng lồ xanh biếc uốn lượn điên cuồng tự để mình rơi xuống những chiều sâu thăm thẳm nhất chuẩn bị cho động tác ưỡn mình vọt lên hoàn hảo đưa núm vú căng tràn đầy sinh lực rồ dại vào giữa làn môi đỏ rực hé mở của tình nhân Thái dương háo hức đón đợi trong tuyệt vọng động tác khép chặt cho đứt lìa đau đớn.

Những đồi vú sống động mù quáng không ngớt tái tạo lại khoái cảm dâng hiến trong cơn đam mê ngây ngất triền miên. Sự cuồng nhiệt của dục vọng bể khơi mỗi lúc dâng lên cao ngất, vầng Thái dương trồi hẳn mình lên tỏa sinh khí đốt cháy, nút cho khô cạn sữa sóng sánh trong những đồi vú xanh biếc còn kéo dài cơn háo hức

Đôi mắt thanh niên si mê hút lấy sinh khí của vầng dương, cũng trở nên nóng bỏng. Máu trong thân thể chàng rạo rực như vó ngựa đưa chàng dong buồm ra khơi lìa khỏi thuyền chàng trầm mình. Những chiếc vú khổng lồ chưa nguôi cơn đói khát lập tức ôm riết lấy tấm thân thể uyên nguyên, ấp ủ chàng trong màu da xanh ngát, đưa chàng vào tận cùng cơn khoái cảm mê sảng của xác thân...

Những chiếc vú nhắm mắt hấp thụ mê đắm sinh chất tuôn trào từ thân thể tràn đầy sinh lực thanh niên đang trút ra không kềm chế, cho đến giọt cuối cùng, đưa chàng vào tận trạng thái đê mê rũ liệt.

Qua làn sóng nước xanh ngan ngát thân xác chàng chìm sâu, tươi nguyên như được nhuộm bằng phản quang xanh biếc của lục diệp. Trong tư thế dịu dàng và thoải mái, chàng bỏ quên chính thân xác chàng tRong sự ve vuốt ngàn đời của bể khơi.

Mái tóc chàng bềnh bồng theo nhịp thở của thủy triều, mịn màng như một đám rêu đen.

KINH DƯƠNG VƯƠNG



ĐẶNG HIỀN

bài hai mươi

Tôi ở đây có những ngày gió nóng
Một khoảng trời xanh, bỗng nhớ vô cùng
Nhớ tóc mây bay nhớ chiều hanh nhẹ
Nhớ em về phơi áo giữa vườn xưa

Đôi cánh tay em nắng vàng hôn khẽ
Hồn say nghiêng theo khóe môi cười
Nghe lá khô phai trên thềm mùa cũ
Dòng sông đời rồi mấy đoạn chia xa

Ở tuổi hai mươi yêu người vội vã
Tình qua nhanh như buổi xa người
Một nhánh sông trôi một lần ghé lại
Nụ hôm đầu nghe gió nóng vành tai

Tôi ở đây có những ngày buồn bã
Ngồi yên bên ngọn gió hát lưng chiều
Những chuyến xe lên dốc đời bỡ ngỡ
Bài hai mươi tôi viết tặng cho người

ĐẶNG HIỀN



TRẦN NGỌC TUẤN

Gió ơi hãy hát



"Hãy viết tất cả sự thật, nếu không mình chết không nhắm được mắt" (Lời trăn trối của một người bạn)

Ngày mai làm lễ tuyên thệ. Tiểu đoàn sinh viên lớp sĩ quan dự bị khối thằng méo mặt (Đừng tưởng học xong là thôi). Nguyện thì bất chấp, làm chó gì cũng được. Đi lính cũng xong, nhiều khi còn thú vị nữa. Hoàng nói: Sợ đ... gì. Ông già mày là tướng, lại là con trai một, không phải làm sĩ quan chuyên nghiệp đâu.

Ông già - Nguyện nghĩ ngay đến ba mình - một người ngang tàng, khí phách, vả lại tính anh cũng bất cần, đến đâu thì đến.

Thiếu tướng hiệu trưởng gọi anh lên phòng riêng khề khà: - Tổng cục chính trị xin đích danh cậu về - Đợt này phong quân hàm chỉ mình cậu và hai cậu nữa được phong quân hàm trung úy, còn lại là thiếu úy hết.

Nguyện ngồi im (Thiếu hay trung với anh chẳng có gì quan trọng). Anh chỉ muốn nhanh nhanh để về Hà Nội, gặp Kim, bạn bè, bù khú cho vui.

Nguyện lửng thửng đi ra khỏi cổng trường. Hoàng chạy theo rủ rê: - Đi uống rượu với tao, con bé bán quán đẹp như gái Hà Nội, vú to, mông nở, nhìn chỉ muốn hiếp.

- Thế mày đã hiếp nó chưa?
- Mới sờ mó, nhưng sẽ hiếp được.
- Tao tởm mày, làm thơ thì rất trong sáng, nhưng sống lại quá dung tục.
- Mầy là thằng khắc kỷ, mộng mơ, phù phiếm.

Nguyện nể Hoàng (Nó đã trải qua mấy năm ở chiến trường, sau đó mới về đi học và là một nhà thơ có tài). Anh theo Hoàng ra quán rượu, cũng tò

mò xem dung nhan cô chủ quán ra sao?

Nguyện càng uống càng tỉnh, mấy chai rượu làng Vân không quật ngã được anh. Hoàng thì ngả ngớn ôm ấp cô chủ quán: - Liên ơi! Ra tiếp anh Nguyện để anh ấy khỏi cô đơn.

Cô em đi ra, mắt lúng liếng: - Anh cần gì?

- Em có biết hát quan họ không?

- Em làm ở ty văn hóa tỉnh, chuyên nghiên cứu về foncolo, tại sao lại không biết?

Cô bé lùi sát người vào anh: - Em đọc thơ anh rồi, hay lắm, em rất mê, bây giờ mới gặp. Con trai Hà Nội nhiều người tài hoa.

- Cám ơn, thơ tôi dâm thế cô cũng thích à?

- Tục nhưng mà thanh, thơ Hồ Xuân Hương cũng vậy. Em nghe anh Hoàng nói anh là con trai một, nhà giàu nên kiêu lắm.

- Thằng Hoàng nó lừa cô, bố tôi đạp xích lô, mẹ bán đồng nát, nhà nghèo, cứ nhìn tôi thì biết.

- Em không tin. Vào đây, em cho xem cái này.

Cô bé dẫn anh xuống nhà dưới, căn phòng như cái hộp diêm được trang trí quanh tường những bức tranh sặc sỡ, cắt ra từ họa báo.

Cái mà Nguyện xem là một tấm ảnh: Cô mặc quần áo tắm, đứng cười làm duyên.

- Cơ quan em tổ chức đi Sầm Sơn. Anh thấy em có đẹp không?

Đẹp! (mà cũng đẹp thật, cô gái trong ảnh tràn đầu sức sống, khêu gợi, cặp chân dài, vú nở).

- Đây nữa, thơ em làm khi còn đi học, anh góp ý dùm em.

Mẹ kiếp! Thế này mà cũng gọi là thơ (chỉ chút nữa Nguyện buộc mồm chửi đổng):

... "Trời xanh mây trắng bay bay
Quê em quan họ bắt người dừng chân
Quê em rất đỗi anh hùng
Gái trai ai cũng một lòng yêu quê..."

- Thơ cô giống thơ Nguyễn Đình Thi, tôi không dám phạm thượng.

- Anh... - Mặt cô ta đỏ rực ngả đầu vào vai Nguyện. Anh nghĩ ngay tới Kim. Nguyện ngồi rịch ra, anh đang lâm vào một tình huống khó xử (con rắn đen bản năng trong anh bò dậy, có một tiếng nói thì thầm từ xa vọng tới) - Mất gì, mình là đàn ông... Khuôn mặt Kim hiện rõ, đôi mắt tròn to nhìn anh. Không, không thể!

- Tôi phải về thôi!

- Anh ngại gì?

- Tôi là lính - sắp tới giờ điểm danh.

Nguyện đi như chạy.

- Hát nữa cho mọi người cùng nghe (Kim nói). Nhà anh hôm nay vui quá, có Kim, có mẹ, và cả cái lũ bạn lắm mồm gắn bó với anh từ bao lâu nay.

- Ừ thì hát! Nhưng đệm Piano hay ghita? Nguyện hỏi.

- Piano - thằng Thành cận hét lên - Kim đệm cho anh ấy hát.

Kim mở nắp đàn, cô đưa tay khẽ gạt mái tóc, nghiêng đầu hỏi: - Anh hát bài nào?

- "Dư Âm", em đệm ở cung đô trưởng ấy.

Những hợp âm bay ra từ tay Kim, Nguyện hát say sưa... Những buổi tập, những sự gắt gao khe khắt của ba tháng quân trường, giờ đây anh quên hết. Nguyện thấy hạnh phúc, cái hạnh phúc tạm bợ, vá víu, không biết ngày mai...

Nguyện tiễn Kim về. Phố anh ở thường ngày đã vắng, đêm lại càng thêm vắng. Kim hỏi: - Anh đã biết được phân công về đâu chưa?

- Chắc là một tòa soạn nào đấy.

- Nhớ em không?

- Chẳng nhớ một chút nào - Nguyện tinh nghịch.

Kim ôm choàng lấy anh, cô hôn cuồng nhiệt lên môi, lên mắt, thì thào: - Anh gầy quá! Lại thức đêm nhiều chứ gì?

- Đêm thức cùng anh, chứ anh không thức đêm.

- Anh phải giữ gìn sức khỏe, đừng buồn, đừng nghĩ ngợi, em luôn cạnh anh. Nên nhớ, anh phải sống cho mình và cho em nữa.

- Anh đang bị dằn vặt.

- Vì điều gì?

- Trước kia anh nghĩ, môi trường quân đội đẹp lắm. Chỉ có ba tháng, anh thấy nó trần trụi, dối giả, khác hẳn những điều anh đã đọc.

- Anh sống lý tưởng quá, nên dễ thất vọng, giữa đời và sách khác lắm.

- Em có còn vẽ không?

- Vẫn vẽ, vẫn chơi đàn, và đánh vật với những con số khô khan. Với dân bách khoa, em là kẻ lạc loài, vì lạc loài nên mới yêu anh.

- Chưa muộn, em vẫn có thể tẩy anh ra khỏi hiện tại. Thật lòng, mỗi lần đi với em, anh đọc được ánh mắt thiên hạ, họ nói: Thằng kia xấu trai thế mà lừa được một cô gái đẹp ghê!

- Anh mặc cảm đấy mình. Gia đình em quí anh lắm, cả bố mẹ đều khen anh là người có trí, hiểu biết, đàng hoàng, và lại có tài nữa.

- Bố mẹ em không tỉnh táo, anh bất tài, ngổ ngược, bê tha chẳng đàng hoàng một chút nào.

- Bố em nhìn tướng anh, cụ phán: Thằng này làm nên nghiệp lớn, sẽ nổi tiếng.

- Đúng - anh sẽ nổi tiếng bằng hành vi nổi loạn của mình. Ví dụ sẽ đốt tháp

Rùa chẳng hạn.

- Lảm nhảm, anh điên à? Tối mai lên nhà em, em vừa vẽ xong một bức tranh, hy vọng anh sẽ thích.

- Tôi và ba anh là bạn (Ông trung tướng lên giọng kẻ cả). Anh về tòa soạn, cố1 mà viết, phải biết tự hào về truyền thống quân đội. Có gì khó khăn trực tiếp đề đạt với tôi. Hình như con gái tôi học sau anh hai năm phải không?

- Thưa chú, con gái chú tên gì? Nguyện lễ phép.

- Khánh.

- À, Khánh (Nguyện nhớ ra ngay). Cái cô gái mập như một con hà mã, kênh kiệu, ngáp chẳng bao giờ lấy tay che miệng. - Cháu biết. Nguyện trả lời.

- ra trường, có thể em nó sẽ về công tác cùng anh.

(Tai họa - cô này thì viết lách quái gì).

Hoàng nheo nheo mắt: - Mày mặc quân phục trông hợp hơn thường phục, bởi tướnb mày phong trần.

- Mày về đâu? Nguyện hất hàm.

- Xưởng phim truyện, tao vừa trình xếp một kịch bản phim.

- Mày định lôi cái gì lên màn ảnh?

- Một thằng đàn ông ngủ với một con đàn bà ở Trường Sơn, đẻ ra đứa con tàn tật, vì bị ảnh hưởng chất độc màu da cam, thằng bé lớn lên, nguyền rủa bố mẹ sinh ra nó. Bỏ nhà đi bụi dời, dính vào một vụ giết người bị lãnh án tử hình. Mẹ nó lại là chánh án trong phiên tòa xử con mình.

- Nặng nề.

- Rồi mày sẽ thấy, chiến tranh còn khủng khiếp hơn nhiều, là thằng lính thời chống Mỹ tao hiểu lắm, hãy nghe lời khuyên của tao. Hãy lạnh, đừng để cho bất cứ một điều gì ám ảnh, nếu không mày sẽ điên.

- Tao cám ơn mày, ra "Tam giác quỷ" uống bia với tao, ngồi nhà chán bỏ mẹ.

...

- Em có đái vào bia không? Hoàng hỏi cô chủ quán.

- Anh chỉ hỏi bậy.

- Tôi thấy có mùi khai, nếu có lỡ đái vào càng ngon, mấy khi được uống nước đái người đẹp. Hoàng tuông ra cái ngôn ngữ lính tráng.

Nguyện ngắt lời: - Thôi mày, cắt cái băng rè, cho tao hỏi, tình duyên của mày và Tú ra sao?

- Vẫn đẹp như thơ, và mơ như nhạc.

- Tú chịu được mày, cũng giỏi, mày lăng xăng, vạ vật.

- Tú cũng vậy, hai đứa tao không chấp vặt nhau.
- Một tình yêu quái gở, sẽ chẳng ra gì.
- Mày lầm, sẽ có hậu, chúng tao sắp có con.
- Và sau đó sẽ bỏ nhau chứ gì?
- Thôi, uống đi, tình ái nhức đầu, tao chắc một trăm phần trăm mày và Kim cũng không bền lâu.
- Tao biết - Nguyện trầm giọng - Tao đang nghĩ cách để Kim chán tao, sắp đi xa rồi.
Hoàng trợn mắt: - Đi đâu?
- Mặt trận 479.

Mẹ hỏi: - Con đã nghĩ kỹ chưa?
- Rồi mẹ ạ. Con không chịu nổi không khí bàn giấy, xét nét từng câu chữ, khi phải đi thực tế thì ngại khổ, nói trắng ra là sợ chết. Con muốn đi xa một thời gian, thiếu vốn sống khó viết, mẹ hiểu con chứ?
- Thế còn Kim, bắt nó chờ à?
- Kim còn trẻ, hơn nữa khi mặc bộ đồ lính vào người con chỉ muốn Kim quên con, lấy nhau chỉ khổ cho Kim, cứ nhìn ba và mẹ, con sợ vòng luân hồi quay sang Kim. Làm vợ lính như mẹ có hạnh phúc gì đâu?
- Ông ơi! Tôi nhờ việc này - Mẹ gọi với sang phòng bên.
Ba của Nguyện lững thững đi ra, ông hỏi: - Có việc gì vậy?
- Thằng con ông tình nguyện đi Cămpuchia, dại chưa? Ông xem có cách nào không?
Ba anh hỏi: - Ý các chú ra sao?
- Thưa ba, các chú đồng ý, hơn nữa con chẳng muốn dựa dẫm vào ba mang tiếng.
- Khá lắm, con trai tôi rất đàn ông. Thôi mẹ nó đừng lo, tôi chinh chiến cả đời có dính phát đạn nào đâu. Tình hình bên ấy cũng tạm ổn, nên chú ý khi xuống các đơn vị cơ sở, bọn tàn quân hay đánh lén, chứ cho kẹo chúng cũng không dám đánh đàng hoàng với mình. Ba sẽ viết thư cho tư lệnh mặt trận, con cần gì cứ đề bạt với chú ấy.
- Cám ơn ba, con thấy không cần thiết.

- Cháu uống nước đi, Kim nó học chưa về.
- Cháu xin bác.
Anh nhấp ngụm nước và đưa mắt nhìn bức tranh Kim vẽ treo gần giá sách... Vệt sáng của trăng soi vào căn phòng tối, cây đàn ghita nằm buồn bã, cái gạt tàn đầy mẩu thuốc, khói chưa tắt hẳn bay lên mỏng manh. Nguyện rất thích bức tranh này, nó buồn sâu lắng, cách sử dụng màu hợp lý. Phía dưới bức trnh là dòng chữ KIi viết: "Kỷ niệm ngày quen anh".
- Kim nó mê vẽ từ nhỏ - Bố Kim nói - Bác thấy nó có năng khiếu nên tạo

điều kiện cho nó đi học, cái con bé này nó say mê âm nhạc, hội họa, mỗi thứ đều dính một tí. Còn cháu, có viết được gì không?

- Thưa bác, càng ngày cháu càng cảm thấy khó viết, ngột ngạt, tù túng.

- Bác hiểu, nhưng bác tin các cháu có nhiều điều kiện hơn thế hệ của bác. Bác cũng lâu rồi hầu như không viết nữa, chỉ chú tâm vào công tác giảng dạy và sưu tầm tài liệu làm một đề tài về cồng chiêng Tây Nguyên. Sang năm bác sẽ lên Tây Nguyên khảo cứu, những năm kháng chiến chống Pháp, tuổi trẻ của bác gắn bó với mảnh đất này, bao nhiêu bạn bè thân thiết đã ngã xuống ở đấy, nghĩ lại thật buồn. Nhìn bộ quân phục của cháu bác thấy xót xa, dân tộc mình có duyên với chiến tranh, bác thương cháu và tội nghiệp cho con gái bác, yêu cháu nó phải chịu đựng rất nhiều, đẻ nó ra bác hiểu chứ!

Nguyện thấy cay xè trong khóe mắt, anh phải cố gìm nếu không sẽ òa lên mất vì những câu nói chân tình của bố Kim. Hình như bố Kim cảm nhận được điều ấy, ông chuyển giọng: - Hai bác cháu mình uống rượu nhé, đợi Kim về.

Mẹ Kim từ nhà trên đi xuống, bà xởi lởi: - Hai bác cháu có gì mà vui thế, cho tôi tham dự với có được không?

- Bà nó, nướng dùm tôi mấy con mực.

- Hai bác đằng nhà có khỏe không? Mẹ Kim hỏi.

- Ba, mẹ cháu vẫn khỏe.

- Thôi bà ơi! Đừng hỏi cung nữa, nướng mực dùm tôi.

...

Kim về. Mắt cô long lanh khi nhìn thấy anh, Kim nói: - Bố và anh Nguyện ăn mảnh, con bắt được quả tang.

- Phải ưu tiên cho lính, đừng ích kỷ con gái ạ! Con vào bếp giúp mẹ một tay nhanh lên, thằng Nguyện nó đói rồi.

Cơm xong, bố mẹ Kim lên nhà trên, chỉ còn Kim và Nguyện ngồi với nhau. Nguyện mấy lần định nói anh sắp đi xa (nhưng chẳng hiểu sao lại thôi). Kim rất nhạy cảm, cô hỏi:

- Hình như anh có điều gì muốn nói?

- Không có gì.

- Anh dấu em, nom anh hốc hác thế kia. Hút thuốc ít thôi, cứ như là cái ống khói tàu thủy thuở còn chạy bằng hơi nước.

- Anh nghĩ chuyện anh Hoàng với Tú, chẳng hiểu sẽ ra sao. Hoàng nó sống bạt mạng và thiếu trách nhiệm với chính bản thân mình. Nó là một thằng có tài, nổi tiếng sớm, nhiều khi cứ khùng khùng điên điên. Sau này có gia đình nếu nó cứ như vậy thì hỏng.

- Bữa trước anh ấy có qua đây, tặng em tập thơ rồi biến. Em hỏi bao giờ thì cưới chị Tú, anh Hoàng trả lời: Tại sao lại phải cưới, có con trước rồi cưới sau cũng được.

- Thằng ấy thích làm ngược đời, anh sẽ không ngạc nhiên khi nó đi bằng tay và chổng chân lên trời. Nó bị ám ảnh của chiến tranh mà thiếu nghị lực vượt qua, kiểu ấy chỉ làm khổ thân.

- Anh cũng sẽ vậy thôi! Khoan phê phán người khác - Kim vừa nói, vừa cười. Cô luồn tay vào tóc anh xoa cho rối bù lên - Trông anh giống con bú dù, lại gần gương mà xem.

- Em nghịch vừa vừa thôi! Lớn rồi đâu còn là trẻ con.

- Chưa gì đã gắt rinh lên, anh khó tính như một ông già.

- Tại sao lại còn yêu ông già?

- Vì ông già cho kẹo.

Nguyện kéo Kim vào lòng, anh úp mặt vào ngực cô. Nguyện chợt thấy mình yếu đuối, anh ghì chặt Kim như sợ Kim biến mất. Một cái gì đó chua xót dấy lên, anh muốn nguyền rủa số phận, muốn đập phá, muốn nói thật với Kim anh sắp phải xa cô, nhưng lý trí kịp thời ngăn anh lại.

- Anh sao vậy? Kim hoảng hốt.

- Chẳng có gì cả, anh yêu em, và anh sợ.

- Sợ điều gì?

- Sợ tất cả sẽ trở thành truyện cổ tích, khi nhắc lại người ta thường bắt đầu: - Ngày xửa, ngày xưa...

- Có một ông vua sinh được ba nàng công chúa đẹp ơi là đẹp, một hôm... (Kim lém lỉnh tiếp lời).

Em thân yêu,

Trước tiên, hãy tha lỗi cho anh bởi vì anh đã dấu em, đã không nói cho em hay: Anh phải xa em một thời gian dài, ngày về không biết được.

Anh đang đi vào một vùng đất chết, đi một mình chẳng muốn ai đưa tiễn cả. Anh sợ, sợ lắm khi thấy em buồn, hãy hiểu dùm anh.

Nhiều khi, anh muốn em quên anh, không muốn em khổ vì anh (giá như anh không là lính thì mọi sự khác nhiều, nhưng hiện giờ anh chẳng đem lại cho em một chút hạnh phúc nào).

Em biết không? Những kẻ viết văn, làm thơ thường nhạy cảm vô cùng. Lũ này ngửi được cả tương lai (anh thấy tương lai của mình tanh mùi máu). Chỉ còn mấy tiếng đồng hồ là anh xa Hà Nội, xa em, anh lặng lẽ đốt hết những bài thơ cho em (Đừng giận anh nhé! Anh sẽ trở về, nhất định thế). Chiến tranh, ai mà bói được mình sống hay chết? Mong em hãy quên anh (Một thằng con trai có tính cách nửa già nửa trẻ, méo mó, vụng về, đi vào cuộc đời em). Anh không chịu nổi cái bổn phận ngồi lì, bị xăm xoi từng câu chữ. Anh muốn chứng minh, muốn cho mọi người hiểu rằng: Anh sẽ, và mãi mãi không bao giờ chịu làm con ốc thu mình trong cái vỏ.

Em thân yêu,

Anh không điên tới mức đọc cho em nghe bài thơ "Đợi Anh Về" của Ximônốp, ngớ ngẩn, anh không muốn em hóa đá. Đây là bài thơ anh tặng em:

Mùa xuân ấy nói thật là anh đã
Xếp ba lô gọn ghẽ để xa nhà
Câu thơ cũ có gì không thật nữa
Lóe qua hồn như ánh chớp mà thôi!
Đừng bao giờ chán nãn em ơi!
Hy vọng vút lên từ phía ấy...
Cuối cánh rừng, lửa còn dai dẳng cháy
Bàn chân đi theo thẳng hướng chân trời
Đất biên cương có mồ bao đứa bạn
Cỏ héo đi quanh chổ bạn nằm
Và gió ơi! Gió ơi hãy hát
Cỏ đã luồn qua đống sắt khô cong
Nhớ thu đến hạ đi trong trống trận
Tiễn tuổi thơ không một tiếng kèn
Đỏ hoa phượng ơi! Mười năm hoa phượng
Rơi ngút ngàn bên miệng hố bom đen
Anh bất ngờ rơi xuống tim em
Cánh hoa trắng dại khờ (Em biết đấy!)
Những vừng đông nối nhau vào chiến đấu
Bao nốt trầm tha thiết lá me rơi
Đừng bao giờ chán nãn em ơi!
Xin hãy giữ những buồn vui đã có
Mùa xuân ấy - dưới màu hoa rất đỏ
Anh xếp ba lô, lặng lẽ đốt thơ mình.

Cậu phóng viên quân đội im lặng từ nãy giờ bổng lên tiếng: - Anh kéo cửa lên, lạnh quá, mà tại sao chẳng có ai tiễn anh?

- Tôi thích đi một mình, tiễn đưa là phù phiếm. Sợ nhất là nước mắt.

- Tôi cũng rất sợ nước mắt, nó không đỏ như máu nhưng cứ ám ảnh người ta...

TRẦN NGỌC TUẤN

(Trích chương Một tiểu thuyết "Rừng Máu")



PHAN THỊ VÀNG ANH

hoài cổ



Sáng sớm, trời đùng đục, lành lạnh. Người nói sẽ mưa, người nói sẽ không mưa, mẹ tôi và chị Tương đưa ra cái lý thuyết: "nhỡ dọc đường... Đến nơi người ẩm ướt, hôi hám!" Tôi gắt: "Mưa sao được mà mưa. Cuối mùa rồi, cuối năm rồi, chọc cũng không ra nước!". Lữ không nói gì, đi vòng quanh cây ổi, thỉnh thoảng giơ tay xem đồng hồ, mãi đến cuối, chịu không nổi cái đám phụ nữ tẩn mẩn vô ích này, nó làm bộ lơ đãng hỏi tôi: "Cúng đình bắt đầu mấy giờ?". Thế là vội vã kéo nhau đi, lần này bà cụ quên kính, chị Tương quên không gói theo xí muội, còn tôi thừa cơ hội giả quên luôn hai cái áo mưa ở nhà.

Với bốn cái giấy mời, chúng tôi được liệt vào hàng quan khách, được ngồi ghế. Mẹ tôi và chị Tương xúng xính áo dài; vào trong điện, mẹ tôi tự nhiên lôi ra cái quạt giấy màu nâu, phe phẩy; chị Tương rút kính cận ra đeo, chăm chú đọc mấy chữ nho thếp vàng trên cột. Cả hai trông đều già nua hẳn đi, lạ lẫm; hình như họ không còn là của tôi, họ đang ở một thế giới khác của nghi lễ, phẩm phục. Tôi nhìn lại mình, tôi ngồi thẳng lại, tôi nhìn sang Lữ, tôi bảo Lữ khép chân lại, kèm theo lời thì thào: "Chịu khó, cả năm chỉ có một lần!".

Chưa đến giờ làm lễ, trong điện, các bàn thờ đã nghi ngút khói hương. Hàng chục ông già khăn đóng, áo dài lụa xanh niêng niểng, vẻ quan trọng ra đón quan khách, hoặc chỉ đạo cho bộ kèn trống nên ngồi đâu. Hàng chục bà già áo dài màu tăm tối: cánh gián hay xam xám, những búi tóc giả đen nhẫy, mặt trang điểm theo kiểu cổ, lông mày vẽ mảnh như sợi chỉ, ngồi rù rì, nhai trầu... Lữ thì thầm: "Kinh quá! Toàn người già!". Tôi nói nhỏ: "Rồi chúng ta cũng vậy thôi!". Đột nhiên, đèn trong chính điện sáng bừng lên. Khoảng mười lăm ông già áo xanh đứng thành hàng dài. Mẹ tôi chỉ: "Bác Mãi kìa!". Bác Mãi, ba chị Tương đứng gần cuối hàng, mắt hấp háy. Lữ hỏi tôi: "Bác Mãi

có chức gì không?". Tôi phì cười: "Hàng cắc ké kỳ nhông!". Một ông già lụ khụ, mặt lạnh lùng đến gần micro, mẹ tôi quay sang giảng giải: "Chủ tế!". Giọng ông ta sang sảng vang lên, bốn bề im phăng phắc, chỉ nhang khói vòng vèo, và buổi lễ bắt đầu. "Chắc sẽ rất lâu - Lư lẩm bẩm - cứ nói rề rà như thế này thì phải đến chiều mới hết!".

*

Buổi lễ kéo dài tưởng như vô tận với anh bồi tế xướng ngân nga: "Tam bái... Tứ bái...", mấy anh ăn mặc kiểu lính lệ đứng ngây dộn, vài cô mặc như cung nữ, sặc sỡ, lượn qua lại. Mẹ tôi chỉ một nhóm người xúng xính: "Mặc thế kia là kiểu quan hoạn đấy!". Rồi cau mày: "Sao lại mặc như thế ở đây, ông này là quan chứ đâu phải là vua?". Tôi quay sang Lữ truyền đạt lại, không thiếu một chữ, chỉ thiếu cái cau mày. Có lẽ, văn hóa truyền từ đời này sang đời khác cũng bị thất thoát như vậy.

Bên ngoài, những cái sân gạch đã hắt nắng hồng chói chang, dân chúng cũng đã lục tục kéo đến. Hôm nay họ chưa vào được đây, họ chỉ mới lẩn quẩn ở vòng ngoài đợi xem hát bội. Lữ chồm người qua: "Bác và chị Tương ở lại coi hát bội à? Mình có ở lại không?". Tôi gật đầu. Lữ ngồi ngay lại, chán chường: "Lại ư ử, ư ử, chẳng nghe được cái gì cả!", rồi hỏi nhỏ: "Ra ngoài kia chơi không?". Tôi cương quyết: "Không!". Một cô gái trẻ mặc áo dài bưng cái khay xà cừ bóng loáng đi từ đầu này sang đầu kia, phát cho mỗi người một cái khăn đỏ viền vàng, cái khăn trường thọ. Tôi muốn lấy cái khăn ấy, tôi không muốn đi đâu, tôi chỉ cô gái cho Lữ, bảo: "Đợi một tí!". Lữ nhìn cô, mặt thoáng ngây ra, khen: "Dễ thương!". Tôi không thấy dễ thương gì lắm, cô ta không cao mấy, tóc lửng ngang vai, mắt mũi miệng không có gì đặc sắc, cô ta chỉ điệu, từ cái cách đưa khay ra mời khách nhận khăn, đến cái dáng đi uốn lượn như rắn. Tôi hỏi mẹ, mẹ bảo: "Thường thôi!". Tôi với sang hỏi chị Tương, chị Tương cười: "Điệu quá!". Tôi ngạc nhiên hỏi Lữ, Lữ cười độ lượng: "Phụ nữ biết gì!".

Cô gái đi một vòng mà không phát khăn cho chúng tôi, Lữ càng chán tợn. Tôi áy náy, hỏi: "Ra ngoài thì không được rồi, bác Mãi giận chết. Làm gì cho vui bây giờ?". Lữ bảo: "Đưa bàn chân đây!". Tôi bỏ dép ra, đặt bàn chân mình lên bàn chân Lữ. Thấy nó lạnh toát và vững chãi như một cái thớt đá. Anh bồi tế lại ngân nga: "Cúc cung bái!". Mẹ tôi lại phiên dịch: "khom lưng mà lạy!". Bác Mãi và một ông nữa phủ phục trên chiếu, tôi nhỏm người lên nhìn: "Bác Mãi kìa!". Lữ khịt mũi: "Thấy rồi, để im cái chân được chứ?". Tôi ngồi ngay lại, mỉm cười: "Được thôi", thấy chẳng có cảm giác gì, thấy hình như cái chân mình vô hồn. Rồi tôi nhìn quanh, có lẽ không ai phát hiện ra cái trò này, những ngón chân Lữ bắt đầu ngo ngoe sau gót chân tôi, mẹ tôi với sang hỏi: "Cháu xem lâu có buồn không?". Lữ chống cằm cười: "Dạ, không!". Mẹ tôi lại nói: "Năm phút nữa là có hát bội rồi, mình sang bên kia ông chủ tế sẽ cầm chầu, hay lắm."

*

Trên sân khấu mới dựng, những tấm sa tanh đỏ rực thêu rồng phượng bằng chỉ vàng kim tuyến, những màn nhung màu huyết dài ngắn treo tầng tầng lớp lớp... đều như mới tinh. Tôi đã tưởng tượng là chúng phải sờn cũ, lấm tấm gián nhấm. Một bà cụ bên cạnh khoe có vẻ tự hào rằng tất cả màn trướng này đều là đồ mới, rằng hôm nay sẽ được xem tuồng chính gốc, toàn nghệ nhân cả. Rồi bà cụ têm một miếng trầu, tôi muốn xin một miếng thử, rồi lại thôi. "Đó là một dạng chewinggum!", Lữ nhận xét.

Người ta bảo rằng ngày hôm nay sẽ diễn hai trích đoạn, một của vở "Bách Lý Hề" , một của "San Hậu". Mẹ tôi và chị Tương ngồi hàng trên, Lữ và tôi hàng dưới, cứ mỗi lần một diễn viên bước ra trong tiếng trống phách dồn dập, Lữ lại hỏi: "Bách Lý Hề đây hả?". Có ai đó cười nhẹ: "Chưa, còn phải qua màn cúng trời đất trước đã!" - "Là sao?", Lữ nhăn nhó, chị Tương quay lại: "là phần mua vui cho thần, phần sau mới là giải trí cho người trần."

Trên sân khấu đã có năm vị, mặt đặc phấn, áo quần sặc sỡ xanh, đỏ, lưng đeo một nắm cờ đuôi nheo. Mẹ tôi ngửa ra sau, giảng: "Ngũ hành đó!", rồi chỉ người mặc áo vàng đứng giữa: "Đây là Kim!", ngay lập tức lại lẩm bẩm: "Không biết có đúng không, hay là Thổ?". Lữ cũng đang ngửa ra sau, nghe một ông cụ giảng giải: "Bốn người xung quanh là Xuân, Hạ, Thu, Đông; giữa là mặt trời." Hai đứa tôi hoang mang, bảo: "Chịu thôi! Đến các cụ còn bất nhất thế!". Ở cánh gà, một diễn viên ăn mặc nửa như thằng hầu nửa như lính lệ, đầu buộc khăn đứng thập thò, chốc chốc lại lom khom chạy ra sân diễn nhặt nhạnh. Vài đứa bé ngồi vắt vẻo trên lan can reo lên hoan hỉ: "Có hề kìa!". Chị Tương quay lại nhìn rất khinh bỉ, rồi ngoái xuống nói với tôi: "Ông đó nhặt tiền người ta ném lên". Hóa ra trong thâm tâm, chị Tương cũng đánh giá tôi bằng mấy đứa bên trên lan can kia rồi!

... Tôi nói nhỏ: "Đổi cái chân nhé, chân này tê bại rồi!" Lữ cười: "Không có nó, không biết làm sao đi hết một buổi lễ, buồn quá!". Bác Mãi len lỏi đến cạnh mẹ tôi và chị Tương, thì thào. Mẹ tôi cúi xuống hỏi hai đứa có đi ăn cơm chay không, các giấy mời đều có phần cơm. Tôi hỏi chừng nào diễn Bách Lý Hề, bác nói khoảng một giờ nữa, mẹ tôi và chị Tương hoan hỉ đòi ở lại, Lữ rụt rè hỏi tôi có nên về trước không. Tôi nhìn lên sân khấu, các diễn viên vẫn đang nhẩn nha, nghe không tiếng nào ra tiếng nào, nếu có nghe ra thì cũng toàn chữ cổ, người trẻ không thể hiểu nổi. Tôi bảo Lữ về thôi, Lữ rút chân ra khỏi bàn chân tôi, xỏ dép, mẹ tôi dặn với theo, về nhà nhớ cho chó ăn, đổ nước mới cho gà con, đổ xong nhớ đóng chuồng cẩn thận.

*

Chúng tôi đã làm đủ số việc được giao. Đã cho mấy con chó ăn. Lữ bảo hình như con Tít mới bị lòa một mắt, tôi nhẩm thử, mười hai năm rồi còn gì. Lữ gọi Tít lại, vỗ lưng âu yếm: "Sắp phải nuôi báo cô mày rồi!". Xong cho gà uống nước, gà con khát rã họng, lúc cúc đứng như cục bông. Hết việc, hỏi

nhau đi đâu. Lữ nói cả buổi sáng nay sống cứ như bị kéo dãn ra, chậm chạp, mệt quá. Nó rủ ra quốc lộ chơi, quốc lộ ngay sau nhà tôi, đường rộng và láng, có thể chạy nhanh được. Tôi bảo, nhớ đi cái đường ngang qua hồ sen, cho tôi mua một bó về, Lữ gạt đi, bảo cả ngày đã vướng víu bởi nghi lễ, tế cùng rồi, giờ lại thêm cái bó sen này!

Chúng tôi chạy như bay một hồi, Lữ phanh ngực áo, bảo: "Thoải mái hẳn!". Dừng xe ở một quán bên đường, ghế mây, sàn lót gạch tàu, chủ quán đã quen, bảo: "Hôm nay mướn đầu* về chiếu phim, nghe nói hay, có đấu võ nhiều lắm!". Tôi kêu xá xị, vừa dòm chừng vừa coi phim. Bên đồng xa, mặt trời không còn chói nắng, đỏ ối như một cái bóng bay; tôi chỉ cho Lữ, Lữ nhìn qua quít: "Ừ, đỏ nhỉ!". Tôi kêu thêm thuốc cho Lữ. Muỗi cỏ đã vào đầy nhà, tôi hỏi chủ quán có cái gì đốt được cho muỗi khỏi cắn Lữ không. Rồi tôi bắc một cái ghế mây ra ngoài cửa ngồi chơi, nhìn những hàng cây sậm dần, những ô tô lớn nhỏ chạy vụt qua, pha đèn... Khoảng chín giờ, chúng tôi về đến nhà, mẹ tôi đang ngủ gật cạnh tivi, giật mình tỉnh dậy, ngượng nghịu giải thích: "Cả ngày mệt quá!". Tôi hỏi mẹ, vở Bách Lý Hề có hay không, mẹ bảo tuyệt lắm, thế hai đứa cả chiều đi đâu? Tôi uể oải ngồi phịch vào ghế, kể lại cả chiều đi những đâu, mẹ tôi nửa đùa nửa thật: "Chúng mày rồi mất gốc hết!". Tôi bảo: "Con cũng đang nghĩ thế!". Lữ vươn vai bảo: "Về thôi, trễ rồi!". Tôi đưa Lữ ra cổng. Lữ lại trách: "Khờ! Nãy không chịu coi phim, hay lắm!". Tôi cười, gật đầu, dặn: "Mai nhớ lên sớm". Rồi tôi quay vào, vừa leo lên những bậc tam cấp đầy lá rụng, vừa nghĩ, không hiểu từ nay về sau, những buổi lễ hoài cổ như sáng nay biết tìm ai cho hợp mà rủ theo bây giờ?

PHAN THỊ VÀNG ANH

---

* đầu: máy video (chú thích của tòa soạn)



HUỲNH MẠNH TIÊN

nhìn xéo ngón trỏ

Khóa tim em đổi hồi nào
Chìa ta thử mãi chưa vừa ổ kia
Ô hay, chẳng lẽ ra rìa
Hôm qua còn hứa hẹn thề sắt son
Trách em một, ánh trăng non
trách ta mười, ngón xỏ lòn hư không!

HUỲNH MẠNH TIÊN



ĐẶNG TIẾN

dải yếm trong văn học



Thơ Tết, thơ Xuân thường là ước lệ. Nhưng qua những ước lệ chúng ta có được nhiều câu thơ hay, và hay về nhiều mặt: nghệ thuật, tâm cảm và phong tục. Trên ba kích thước ấy, có lẽ Nguyễn Bính là người lưu lại nhiều thơ Tết, thơ Xuân hay nhất, từ tâm sự tha hương đến hình ảnh mùa Xuân đất nước hay ngày Tết dân tộc:

Trên đường cát mịn một đôi cô
Yếm đỏ khăn thâm trẩy hội chùa
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc
Tay lần tràng hạt miệng nam mô
(1937, Tâm Hồn Tôi)

Bài dưới đây ghi lại hình ảnh dải yếm, trong y phục phụ nữ Việt Nam ngày xưa, sau này ít người dùng và nhớ đến. Yếm là mảnh áo lót, che phần ngực bụng, hình quạt, có hai cặp dây buộc phía sau cổ và eo lưng. Tấm yếm gắn bó mật thiết với thân xác và nhan sắc người đàn bà, vừa khêu gợi vừa gìn giữ, phô bày và che đậy. Dải yếm nằm trong biện chứng kín và hở, khoe và che. Khi đọc nhan đề một tiểu thuyết **Khi chiếc yếm rơi xuống**, người ta có ngay một thành kiến - và thành kiến sai, vì trong tác phẩm (1939) Trương Tửu chỉ tố cáo những bất công và tệ đoan xã hội đưa người con gái đến nghề buôn hương bán phấn.

Trong Kiều, đoạn Thúy Kiều khuyên Thúc Sinh về quê thú thật với Hoạn Thư mối tình cát lũy giữa hai người:

Dễ lòa yếm thắm trôn kim
Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng

Hai câu đều mượn ý tục ngữ: cái yếm đỏ thắm dù lộ liễu có khi người đời không để ý, còn trôn kim, tuy nhỏ bé, nhưng cố ý bới tìm vẫn thấy. Trong Kiều câu này nghĩa rộng hơn: dễ gì giấu được dài lâu mọi chuyện dù lớn dù nhỏ. Cũng có thể hiểu yếm thắm trôn kim là hai hình ảnh đối lập Hoạn Thư với Thúy Kiều.

Trong thơ cổ điển, Hồ Xuân Hương tả dải yếm đào trong bức tranh thiếu nữ khêu gợi và thanh tú:

Lược trúc biếng cài trên mái tóc
Yếm đào trễ xuống dưới nương long.
Đôi gò bồng đảo hương còn ngậm,
Một lạch đào nguyên suối chửa thông.

Ca dao có những lời tình tứ:

Ước gì sông hẹp bằng gan
Bắc cầu trải yếm cho chàng sang chơi

Người con gái táo bạo, lẳng lơ, nhưng vẫn dè dặt vì chỉ nói lời ngông nghênh dựa vào dự tưởng. Câu ca dao này còn một thoại khác. Khởi đầu là lời người con trai huê tình nhưng từ tốn:

Gần đây mà chẳng sang chơi
Để anh ngắt ngọn mồng tơi bắc cầu

Người con gái bạo dạn, chanh chua hơn, trả lời ngay:

Mồng tơi chẳng bắc được cầu
Để em trải yếm bắc cầu anh sang

Câu đáp đằm thắm, sắc sảo, ý trách người con trai tán tỉnh vẩn vơ: là đàn ông, anh phải đến với em, chứ sao lại bắt em sang, mà lại còn trách cứ "chẳng sang chơi". Vả lại tình cảm của anh chỉ mong manh như ngọn mồng tơi thì... yếu quá. Chúng ta cũng có thể mường tượng một cảnh đối đáp khác:

Đôi ta cách một con sông
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang
Ước gì sông hẹp bằng gang
Bắc cầu trải yếm cho chàng sang chơi

Đến câu đối đáp này mới thần tình:

- Bông cúc vàng nở ra bông cúc tím (a)

Em lấy chồng rồi trả yếm lại anh (b)

- Bông cúc vàng nở ra bông cúc xanh (a')
Yếm em em mặc, yếm gì anh anh đòi? (b')

Chuyện tặng yếm, đòi yếm, trong thực tế, chỉ là chuyện dự tưởng, làm nền cho lời hát huê tình thêm thi vị và sắc sảo. Chúng ta thử sống lại dự tưởng đó. Khi tặng yếm cho nhau thì quan hệ giữa hai người đã đến độ mật thiết lắm. Tặng nhau chiếc yếm là đã đi sâu vào đời nhau. Khi đòi yếm lại, chủ yếu người con trai không phải là thu lại một vật sở hữu - *tình đã cho không lấy lại bao giờ* - như lời thơ Xuân Diệu. Chàng chỉ nhắc lại "*tình mới đã thành xưa* để trách cứ nàng thay lòng đổi dạ. Lời trách có cơ sở, ít nhất về mặt chủ quan người nói, nhưng gặp phản ứng tài tình và chính đáng của cô gái, về hai khía cạnh: cô gạt phăng, gạt thẳng thừng và đanh đá chuyện đòi yếm, bản thân nó nhản nhí (b, b'). Về chữ thủy chung, câu đáp tuyệt vời vì nó khẳng định tự do người phụ nữ: Lấy ai và yêu ai là quyền của em. Thậm chí cỏ cây có khi thoát khỏi qui luật tất yếu (*nécessité*) đi vào cõi ngẫu nhiên (*contingence*) nói chi đến con người có lựa chọn. Bản chất nhân tính vốn tự do. Chàng trai trách, lời ẩn dụ văn hoa và chua chát:

Bông cúc vàng nở ra bông cúc tím (a)

Cô gái sử dụng lại ngay ẩn dụ ấy và quay ngược mũi kim:

Bông cúc vàng nở ra bông cúc xanh (a')

Lời trách (a) có phần nào hiện thực: bông cúc có khi vàng, khi tím. Lời đáp ương ngạnh đanh đá, vì không làm gì có màu cúc xanh (a'). Mà bông cúc vàng dù có nở thành màu xanh, thì là quyền của bông cúc. Việc gì đến anh? Cũng như lấy ai, yêu ai là quyền của em. Câu thơ thật hay, đã giàu màu sắc, màu sắc lại đậm đà ý nghĩa. Lời ví von, nhưng giản dị, gây ngay ấn tượng sâu xa. Cảm giác đầu tiên là sự dí dỏm, pha chút lẳng lơ chung quanh hình ảnh chiếc yếm, nhưng sau đó, người nghe suy nghĩ xa hơn: từ câu chuyện đòi yếm có tính cách tượng trưng, đến chuyện chung thủy thủy chung vốn phức tạp - "*lạc từ cái ý chung tình lạc đi*" như lời Nguyễn Bính - đến quyền sống của người phụ nữ trong một xã hội khắc khe với người đàn bà, và cuối cùng là tự do, tình yêu, hạnh phúc và định mệnh con người nói chung - giữa một trần gian dạt dào hương sắc, nhưng phôi pha và bất trắc.

▪

Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ốm tương tư
Ốm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu

Gắn bó với bộ ngực, phần nữ tính lộ liễu nhất, tấm yếm vừa che vừa khoe; trong y phục cổ truyền, yếm là trang sức nhiều màu sắc, cùng với dải thắt lưng.

Yếm thắm bỏ bùa... Thật sự, biết đâu dải yếm, bản thân nó, chẳng đã là tấm bùa mê, vừa hộ mệnh, vừa đoạt mệnh.

Một thương tóc bỏ đuôi gà
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên
Ba thương má lúm đồng tiền
Bốn thương răng nhánh hạt huyền kém thua
Năm thương cổ yếm đem bùa
Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng

Tấm bùa thì lấy gì làm đẹp? Sở dĩ mê tấm bùa vì mê cổ yếm. Và không có thứ bùa ngải nào mê hoặc con người hơn nhan sắc cô gái - điển hình là chiếc yếm, ngày xưa chắc phải rực rỡ lắm:

Dưới mặt nước chói lòa yếm đỏ
Trên bầu trời rạng tỏ mây xanh
Từ ngày chia rẽ em anh
Nước trời còn đó, ai đành phụ nhau

Báo **Kiến thức ngày nay** số Xuân năm ngoái (1994) có đoạn viết hay về tấm yếm: *"Ở chừng mực nào đó, chiếc yếm thể hiện được bản sắc văn minh Việt Nam: kín đáo, đạo đức nhưng cũng rất gợi cảm. Đối với cô gái trẻ, chiếc yếm dùng để che bộ ngực thanh xuân bát ngát, làm giảm đi tính cách khiêu khích của phái tính nhưng đồng thời vẫn nói lên một thứ ngôn ngữ lãng mạn của niềm tự hào về phái tính. Đó là chiếc yếm được may với những màu sắc tươi đẹp: màu hồng của hoa đào, màu xanh lục của lá non, màu xanh phỉ thúy của ngọc, màu trắng của bình minh nhan sắc. Chiếc yếm ấy được mặc trong cái áo tứ thân và vào những dịp quan trọng, những ngày lễ hội (...) Mùa Xuân chiếc yếm thắm tạo màu sắc tưng bừng trên khắp nẻo đường quê. Những ngày hội làng, những đêm hát chéo, hát bội; chiếc yếm thắm rộn ràng những cuộc gặp gỡ, xôn xao những xúc động tình yêu và long lanh những lời hò hẹn"* (Lam Điền, tr. 70).

Tác giả bài báo giàu rung cảm và tưởng tượng, đã dẫn chứng nhiều thơ - tiếc rằng câu nào ông trích cũng sai.

Yếm thắm, yếm đào là dư vang những ngày hội thuở xưa, như ta còn hấy trong một bài thơ đúm, trong lối hát quan họ:

Sớm đi chơi hội
Tối về quay tơ
Dải yếm phất phơ
Miếng trầu, mồi thuốc
Miếng ăn, miếng buộc

Miếng gói đầu giường
Muốn tìm người thương
Tìm đâu cho thấy

Những lời tình nồng nàn, thiết tha như vậy, trong văn chương xưa nay không phải là nhiều.

*

Dải yếm, cùng với y phục cổ truyền đã lùi dần vào dĩ vãng trước làn sóng văn minh phương Tây. Thời trang mới, y phục mới, cho đến tình đời cũng đổi thay. Trong Thơ Mới, hình ảnh chiếc yếm ít xuất hiện. Nguyễn Nhược pháp có ghi lại, cũng chỉ để gìn giữ một kỷ niệm về dân tộc học, qua **Ký sự một cô bé ngày xưa**:

Khăn nhỏ, đuôi gà cao
Em đeo dải yếm đào
Quần lĩnh áo the mới
Tay cầm nón quai thao
(Ngày Xưa, 1935)

Anh Thơ, trong thi phẩm, đã ghi lại nhiều hình ảnh nông thôn. Dù được thi vị hóa, phong cảnh của Anh Thơ vẫn giữ được nét bình dị của **Bức tranh quê** (1941):

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm
Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa

Những cô thôn nữ vùng Bắc Giang, khi cuốc đất, có mặc yếm thắm hay không, tôi không biết. Cỏ ruộng có hoa hay không, tôi không rõ. Nhưng cứ tưởng tượng dải yếm đào giữa hoa đồng cỏ nội, là đã thích. Cũng như cảnh chợ Tết, không biết có "tưng bừng" như trong thơ Đoàn Văn Cừ:

Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon
Vài cụ già chống gậy bước lom khom
Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ

Đoạn thơ nhắc lại hai loại yếm: dải yếm sặc sỡ trang sức của tuổi trẻ, và tấm yếm không màu - chắc là yếm sồi, nhuộm nâu hay đen, của người mẹ, thầm lặng, kín đáo. Ông Lam Điền, trong bài báo đã dẫn cũng có nhắc đến

chiếc yếm này, phổ biến trong toàn quốc: "*Tôi nhớ mãi hình ảnh bốn mươi năm về trước, dưới lũy tre của làng Bàn Thạch nằm cuối hạ lưu sông Thu (Quảng Nam). Mẹ tôi mặc chiếc quần vải tám đen, phía trên mặc chiếc yếm nâu lam lũ, đang khâu vá hoặc đang lặt rau, chẻ củi (...) Tôi và bao nhiêu người trạc tuổi tôi đã lớn lên từ những dòng sữa ngọt, tự nhiên phía sau những chiếc yếm*". Viết được một đoạn như vậy, Lam Điền là người có tình có nghĩa.

Tả **Đám cưới ngày xuân,** Đoàn Văn Cừ ghi lại hình ảnh tươi sáng:

Hai má thắm, ngây thơ nhìn trời biếc
Dăm bảy cô phủ mình trong những chiếc
Áo đồng lầm, yếm đỏ, thắt lưng xanh

Đồng lầm là một màu áo, màu đồng xám như có nhuộm bùn (lầm); tác giả sử dụng màu này là để giữ lại một màu sắc nông thôn, cũng như Nguyễn Bính ghi lại màu *yếm đỏ khăn thâm* trong **Tâm hồn tôi.**

Chân quê trong thi tập đầu tay này, là một trong những bài thơ sớm nhất và nổi tiếng nhất của Nguyễn Bính mô tả buổi giao thời giữa hai nền văn minh cũ và mới, và niềm u hoài tuyệt vọng của nhà thơ trước cảnh vật đổi sao dời.

Nào đâu cái yếm lụa sồi
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen..
Rồi Nguyễn Bính xa xôi, mát mẻ:
Hoa chanh nở ở vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê
Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều
(1936, Tâm hồn tôi,
Tuyển Tập, bản Hà Nội và Hà Nam Ninh 1986)

Nhà thơ không cưỡng lại được một trào lưu văn minh đang ngày một ngày hai chiếm lĩnh cả toàn cầu, nhưng niềm u hoài đã tạo ra được những lời thơ đẹp nhất, cay đắng và nhẫn nhục như hương hoa chanh mong manh và bền bỉ, thầm lặng và thiết tha, dịu dàng mà quyến rũ trong thoáng ca dao:

Cây chanh lại nở hoa chanh
Để con bướm trắng bay quanh cả ngày

Mùi hương đơn giản, từ những loại cây vườn tầm thường, dung dị, nhưng chiếm mãi một không gian trong đời mình: hoa bưởi, hoa cau, hoa khế, hoa mù u. Có lẽ vì đời mình chỉ là một mảnh vườn quê, hoang sơ, khuya khắc.

Thời kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Bính lưu lạc ở Nam Bộ, chiến đấu

và sống lăn lóc khắp mọi miền. Sau này, thơ ông mang nhiều hình ảnh tổng hợp của đất nước, những kỷ niệm cái yếm sồi của tuổi thơ vẫn ám ảnh:

Sông đỏ phù sa, nước lớn rồi
Nhà bè khói bếp lững lờ trôi
Đường mòn rộn bước chân về chợ
Vú sữa đầy căng mặt yếm sồi
(Chiều thu, 1957 (?))

Nguyễn Bính gắn bó với cái Tết dân tộc cho đến tận cùng số mệnh. Ông mất ngày 30 Tết (ngày giáp năm Ất Tỵ, 20.1.1966). *Bài thơ quê hương* ca ngợi đất nước từ Lạng Sơn đến Cà Mau:

Quê hương tôi có sầu riêng măng cụt
Lòng bưởi đào, lòng gấc đỏ như son
Có gạo tám xoan thổi nồi đồng điếu
Cam Xã Đoài ai bóc cũng thơm ngon
Quê hương tôi có những người con gái
"Một ngày hai bữa cơm đèn..."
Cách sông cái cũng bắt cầu dải yếm
Cho chàng sang đính ước chuyện nhân duyên

Bài thơ được ghi làm cho dịp Tết Bính Ngọ 1966 phải chăng là tác phẩm cuối cùng của Nguyễn Bính, làm cho một ngày Xuân mà ông không kịp hưởng:

Năm mới tháng giêng mồng một Tết
Còn nguyên vẹn cả một mùa Xuân
(Nhạc Xuân)

*

Dải yếm thắm trong Thơ Mới, cuối cùng chỉ phảng phất âm hao xa vắng của những hương nhạt màu phai. Phải đợi đến Hoàng Cầm thì dải yếm, ngoài giá trị hoài niệm, mới đạt tới chức năng thẩm mỹ, và động lực tạo hình, diễn đạt và cấu trúc:

Bao giờ về bên kia sông Đuống
Anh lại tìm em
Em mặc yếm thắm
Em thắt lụa hồng
Em đi trảy hội non sông
Cười mê ánh sánh muôn lòng xuân xanh
(1948)

Hình ảnh dải yếm, bắt đầu cũng chỉ là một kỷ niệm, giữa rất nhiều kỷ niệm:

Những nàng dệt sợi
Đi bán lụa màu
Những người thợ nhuộm
Đồng Tỉnh, Huê Cầu
Bây giờ đi đâu? Về đâu?

Nhưng "yếm thắm" ở cuối bài thơ *Bên kia sông Đuống* là một hình ảnh tổng hợp toàn thể thanh sắc bài thơ. Giá trị gợi tình của dải yếm, ta đã thấy rồi, không cần nhắc. Chỉ nên lưu ý giá trị thẩm mỹ của từ *yếm*, làm bằng một câu đầu (y) dài và khép, một nguyên âm đôi (yê) dài và rộng và một phụ âm cuối (m) môi, dài. Mỗi âm vị như vậy đều có giá trị gợi tình; nói đơn giản: trong những chữ *yêu em, âu yếm, yên ấm, êm ái..* ta đều thấy phất phơ bóng dáng và âm vang chữ *yếm* (ngày nay vật dụng tương đượng với dải yếm được gọi là xú-cheng, hương đồng cỏ nội đã bay đi nhiều lắm). Câu thơ Hoàng Cầm *Em mặc yếm thắm*, mỗi từ đều có chữ *m* đọc thành *em*. Về từ vựng, tiếng Việt chỉ có hai chữ *yếm*: y phục phụ nữ, nới rộng ra thành hình tượng *yếm cua, yếm rùa...*; và chữ *yếm* trong nghĩa *âu yếm*. Nói thêm về nguyên âm đầu (voyelle initiale) thường tạo cho câu thơ cảm giác dịu dàng, mềm mại:

- Ái ân bờ cỏ ôm chân trúc (Thế Lữ)
- Trời mưa ướt bụi ướt bờ
Ướt cây ướt lá ai ngờ ướt em
- Yêu anh thịt nát xương mòn
Yên anh đến thác vẫn còn yêu anh (ca dao)

Ngày xưa nhà thơ Đông Hồ có nhà xuất bản tên *Yểm Yểm* có lẽ vì hình ảnh về thính giác lẫn thị giác của từ ngữ.

Hoàng Cầm vừa mới xuất bản tập thơ **Về Kinh Bắc** bị dìm 35 năm nay. Chỉ trong tập thơ mới này thôi, chúng ta đã tìm thấy nhiều hình tượng đẹp về dải yếm, từ người mẹ:

Mùa chưa về
Tu hú gọi Em đi tìm Mẹ
dãy tre xa giấu biệt dải khăn điều
Khi gậy nắng ăn mày đã quăng sau núi
Hàng tre nhả yếm
trả mẹ về
lều dột đón mưa đêm
... Bao giờ Mẹ về
Buổi yếm đào phai vỗ hát ru
(Đợi mùa)

Cho đến dải yếm "*gợn xuân tình trên bộ ngực thanh tân*" (Đinh Hùng) của những ngày hội:

Luồn tay ôm say
giấc bay lay đỉnh núi
Tuột hàng khuy lơi yếm tóc buông mành
(Thi đánh đu)

)

Gái Tam Sơn đờ đẫn môi trầu
Ngực yếm phập phồng bưởi ngọt
(Hội vật)

Đến lúc nào đó trong sáng tạo, cái yếm mất tính chất hiện thực của nó, trở thành một hình tượng nghệ thuật có chức năng cấu tứ - như một số điển cố trong thơ xưa:

Chùa Phật Tích ruổi trong màn lụa bạch
Chuông chiều cởi yếm
Chuông sớm đội khăn
Trưa hè gãy rắc cành hoa đại
Mái hậu cung bồ các tha rơm
Liếu điếu vỗ hoa soan lả tả
Lụa sồng nén nghẹn búp thanh xuân
(Đêm thủy)

Nhưng chức năng cấu trúc (*fonction structurante*) của hình ảnh dải yếm trong thơ Hoàng Cầm rõ nhất trng bài *Hội yếm bay* ở tập **Lá Diêu bông** (1993). Giữa hàng chục đám hội hè trên quê hương Kinh Bắc. Hoàng Cầm tưởng tượng thêm "huyền sử", một lễ hội các nàng hoa khôi phải... tung yếm

Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết
Những nếp xiêm hờ giả bộ ngây

Chúng tôi cho đăng nguyên văn bài thơ có bổ sung và sửa chữa theo ý Hoàng Cầm, theo lá thư anh viết cho chúng tôi ngày sinh nhật của anh: 12 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1922), đúng ngày mở hội Quan họ (viết bài này cũng để mừng thọ Hoàng Cầm).

*

Vị trí ưu đãi của dải yếm trong thơ Hoàng Cầm là một biệt lệ, có thể là duy nhất trong thơ Việt Nam, vì bản thân thơ Hoàng Cầm đã mang sắc thái đặc biệt, một định mệnh lẻ loi. Ngày nay, trong thơ hiện đại - và đời sống - ta không còn thấy chiếc yếm, ngoài ký ức những nhà thơ cao tuổi như Đặng Đình Hưng (thân phụ nhạc sĩ Đặng Thái Sơn):

Bến lạ ngay gầm jường mưa to ngay ở gầm bàn và trong hòm
mọi người chở một con tàu navir trọng tải những hình thù

Hồng Hải, căng lên những cái yếm mùi nồng của đám cưới
năm ngoái hong ra khoe và đã đi - những cột đèn đứng lại.
(Bến lạ)

Ngày xưa Tế Hanh đã so sánh "*cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*", ngày nay những cơn gió xa lộng vào dải yếm. Trong tập thơ **Bóng chữ** mới đây, Lê Đạt đã vài ba lần sử dụng hình ảnh dải yếm: có khi lấy lại ý ca dao:

Sếu gọi đò ngang nước đổ
Dải yếm đào gẩy cầu
Những cái hôn gửi đi
Biền biệt phù sa
Đất hẹn má mùa nắng hạ
Vườn đồi
ai nhặt lá ô môi
(tr. 45)

Hơi thơ kín đáo, tân kỳ, có phần cầu kỳ vẫn phập phồng hơi thở trên cơ thể người đàn bà, vừa rạo rực vừa trống vắng, đang hiện thực bỗng biền biệt như một hẹn hò mới đó đã xa xăm:

Một câu thơ khác, được xem như là bí hiểm...
Mùa chẳng là xuân
Đất dậy men
Trời ghẹ lạnh
Yếm trúc mẩy măng đôi núm sừng bò
(tr. 60)

Hình ảnh đôi vú măng non căng đầy nhựa sống, mà có khi Lê Đạt tô đậm nét hơn: "*cồn đất múp / Sừng gái mười bảy*" - Tục ngữ có câu: gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu - Chữ yếm Việt Nam có lẽ do từ *yếm* chữ hán nghĩa là che đậy. Thơ Trịnh Cốc thời Đường có câu: "*Thúy yểm trùng môn yến tử nhàn*": màu xanh (cây cỏ) che kín mấy lớp cửa vào, chim yến bay thảnh thơi. Có thể Lê Đạt không biết câu thơ Trịnh Cốc, nhưng một số hình ảnh trong thi ca trở đi trở về qua nhiều thời đại. Hình ảnh mà độc giả Việt Nam ngày nay cho lập dị, có khi đã có từ thời xa xưa. Dù sao, cùng một ý thơ (che đậy) chữ "yếm trúc" của Lê Đạt tình tứ hơn chữ "thúy yểm" của Trịnh Cốc. Hoặc câu này nữa:

Lá nẩy chìa
chim yếm đỏ
nhạn thia lia
(tr. 34)

Có lẽ "chim yếm đỏ" là do câu dân ca Pháp "*Rouge gorge! Rouge gorge*"? mà Lê Đạt đã trích dẫn (tr. 34) như là động cơ của bài thơ *Chim ức lửa:*

Ôi con chim ức đỏ môi đồng
Thả đỏ đốt xứ đồng không anh nhớ
Một thoáng đào
nhen mấy độ hồng
(trang 34)

Khó mà nói rằng những ý thơ trên không có tương giao. Thậm chí, có khi là Đạt không dùng chữ yếm, người đọc vẫn thấy dải yếm trong bài *Quan họ* (tr. 91):

Tóc trắng tằm xanh, qua cầu với gió
Đùi bãi ngô non / ngo ngó sông đầy
cây gạo già
lơi tình
lên hiệu đỏ
La lả cành
cởi thắm
để hoa bay

Ta thử làm một việc bạo tay: cởi thắm. Thay vào đó: cởi yếm. Hoa vẫn bay.

Hoặc thay vào: *yếm thắm. Vẫn hoa bay.*

*

Ở nước ngoài, hiếm khi chúng ta còn gặp kỷ niệm dải yếm, như trong câu văn mới đây của Mai Kim Ngọc, rất khiêu gợi:

Tuấn cởi khuy áo em, cởi dải yếm em. Em nghe Tuấn áp mặt vào ngực em, như trẻ sơ sinh áp mặt vào ngực mẹ tìm sữa. Mặt sông phẳng lặng mà em tưởng như con thuyền chao đảo, lửa như cháy trong ngực em (...) Như cùng một lúc, em đang làm vợ làm mẹ..."

(Báo Văn Học, California, số Xuân Ất Hợi 1995, tr. 121-122)

Hoặc trong thơ Trần Hồng Châu (bút danh của Nguyễn Khắc Hoạch, cựu khoa trưởng trường Văn Khoa, SàiGòn), trong một thi tập xuất bản tại Mỹ, có câu:

Em là con gái mười thương
Yếm đào một dải mấy đường nhỏ thon
Thắt lưng hoa lý càng son

Bốn thân áo đẹp gạch non nhuộm màu
(Ước gì sông rộng một gang
trong Nửa Khuya Giấy Trắng, 1992 tr. 106)

Và cùng trong tập thơ ấy, ta lại được đọc:

Tôi lăn mình trên cỏ xanh non
Miệng ngậm nửa vành hoa tường vi
Ôi màu tím nhạt cyclamen của những quầng mắt bài thơ
Của áo ngủ Valisère rung rinh thủy triều trên mình em đại lục hoang vu...
(Giới hạn, s.đ.d. tr. 92)

Thơ, ý thơ và lời thơ cốt lõi ở tự do, xóay sâu vào thời gian nhưng cũng trải rộng ra không gian. Đã đành là vậy, cuộc đời là vậy, nhưng chúng ta vẫn ái ngại cho tâm tình một Nguyễn Bính ngày xưa, khi cô gái "*đi tỉnh về*":

Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng
Áo cài khuy bấm. Em làm khổ tôi
Thị thành bôi nhọ em rồi
Nào đâu cái yếm mua hồi sang xuân

Mấy câu này là nguyên bản bài *Chân quê* (1937) trong tập **Tâm hồn tôi**, do nhà Lê Cường in năm 1940. Những bản in sau này đã thay đổi lời và ý. Giấy trắng mực đen, ngày một ngày hai, còn thay đen đổi trắng, trách cứ chi cô gái quê chỉ mới ngấp nghé cài... khuy bấm.

Chuyện cái yếm là cuộc rong chơi dông dài ngày Tết, không nên lấy làm đề tài văn hóa, văn chương hệ trọng.

ĐẶNG TIẾN
(Tết Ất Hợi, 16.1.1995)



HOÀNG CẦM

hội yếm bay

(huyền sử)

Yếm hãm xuân tình em hé đối
Gặp cơn lốc cuốn tuốt lên trời
Cúi nghe thánh lý giơ roi thép
Ngồi bên Liễu Hạnh nhếch môi cười

Em phải quì run xe tóc lạnh
Từ nay dải yếm cấm buông lơi
Buồn pha lê thiên không nức nở
Trời phạt may ra hiểu lẽ người

Chị Liễu liền ném tan chén ngọc
Mù xanh thủng đáy chúa tiên rơi
Còn em đày xuống làm thi nữ
Tay trói chân cùm chợt biết vui

Bỗng có đêm vàng yêu mãi miết
Biết đâu là đất nhớ đâu trời
Tinh mơ chợt thấy trần như lá
Ngợp chớp toàn thân những mắt người

Vội tìm chiếc yếm vua cha dặn
Định dấu bầu men lánh nẻo xa
Ngất núi ơ kìa anh vỗ nhịp
Bay cờ triệu yếm ríu ran ca

Ngũ sắc chen nhau cầu lễ hội
Mượt mà cởi bỏ áo hoa khôi
Em không buộc thắt lưng thon nữa
Thả búp tròn căng nuột ấy... ơi!

Nguồn sống tuôn thơm nhựa ứa đầy
Một chiều e sợ bốn chiều say
Đã phanh yếm mỏng thì quăng hết
Những nếp xiêm hờ giả bộ ngây

Hương ấm em lồng kín cõi anh
Yếm đào trút lại phía vô linh
Đung đưa gác lửng nghênh xuân ấy
Đôi núm hồng em nở hết mình

HOÀNG CẦM

PHAN QUỐC SƠN

gốm cổ hoa lam việt nam vớt được tại biển đà nẵng



Gửi em Ph., nhớ đêm Hà Nội, nghe em kể những chuyện "nằm bãi" ở đầu nguồn cuối biển. Không có những người như em, di sản nghệ thuật của tổ tiên ta ngày nay vẫn còn chìm đắm trong bóng tối lịch sử.

Suốt dải đất nước tên gọi Việt Nam, nơi gửi gấm tro bụi cốt xương của tiền nhân ta, vẫn còn giữ lại được nhiều tạo phẩm làm nên do bàn tay khéo và óc thẩm mỹ của người xưa. Trong số ấy, di tích gốm cổ đánh dấu các giai đoạn lịch sử nghệ thuật đã qua, lần hồi tìm lại được một số lượng khá phong phú ở nước ta, cả trên rừng dưới biển.

Vùng biển Việt Nam là nơi thuyền bè nước ngoài lui tới của một lịch sử ngoại thương từ rất lâu đời. Sau việc khám phá thuyền buôn đồ sứ Khang Hy nhà Thanh đắm khoảng năm 1690 tại Côn Đảo, vừa rồi dân chài lại vớt được gốm vẽ lam Việt Nam đời Lê Sơ (1427-1527) từ một chuyến thuyền đắm ngoài khơi Đà Nẵng.

Do sự tình cờ, các ngư dân Đà Nẵng khi đánh lưới, vớt được một số đồ gốm cổ tại một tọa độ gần bờ biển Hội An và Cù Lao Chàm. Theo lời các thợ lặn, thuyền đắm chỗ mực nước rất sâu, độ tám mươi sải tay hay 120 mét. Dấu tích còn lại có lẽ là một thuyền buôn Đông Nam Á của vùng Nam Dương thời xưa, với cột buồm thật to bị cháy rã. Thuyền buôn thời ấy đóng bằng gỗ và dương buồm vải, thường bị đắm do hỏa hoạn. Ngoài bão tố hay nạn hải tặc, bất cẩn khi nấu nướng, hay sét đánh làm cháy tàu là nguyên do chính nạn đắm thuyền.

Có lẽ vì sức nặng thuyền chở đồ gốm, hầm hàng ràng buộc kỹ nên khi chìm, xác thuyền vẫn qui tụ trong một diện tích nhỏ độ 80 mét vuông dưới lòng biển. Những ngày trời yên, sóng lặng, thuyền ngư dân trở lại trục vớt cổ

vật gốm bằng cách thả lưới ngầm dưới đáy cát, vì sức thợ lặn không xuống sâu và làm việc dưới một độ nước như thế.

Do thời gian nước mặn soi mòn, và do cách trục vớt bằng lưới nên nhiều món đồ mang lên bị vỡ sứt, nhất là những món lớn có hình dáng mong manh như be, lọ có quai vòi. Những món bé nhỏ như hủ ngãi, lọ thủy chì, hộp sáp môi, đồ trang sức v.v... đỡ bị vỡ hơn. Và người ta vớt được vô số những loại này. Ngoài ra có nhiều món vỡ dính đùn cục nhau, vì rong rêu sò hến bám chặt qua nhiều năm. Có những món vấy màu khói nám cháy, dấu vêt nạn cháy thuyền.

Tôi ghé thăm Đà Nẵng, rất tình cờ trong những ngày cuối mùa trục vớt như thế, khi mùa biển động bắt đầu. Chuyến thuyền hầu như đã được vét sạch trước mùa bão biển.

Hầu hết di tích gốm cổ Việt Nam trước đây tìm thấy trên đất liền, ở địa bàn miền Bắc các tỉnh Thanh Hóa, Hòa Bình, Tuyên Quang, Hải Hưng v.v... Và mới đây còn tìm được khi khai quật di tích của dân tộc Che Mạ tại cao nguyên Tuyên Đức, khu lò sành ở Bình Định. Tầm quan trọng của cuộc vớt được gốm cổ tại biển Đà Nẵng, đánh dấu lần đầu tiên tìm được một số lượng đáng kể gốm vẽ lam mước Đại Việt từ lòng biển miền Trung, gần cửa Đại Chiêm, bến thuyền cũ của Chàm Pa (cửa Thuận Hóa dưới đời Lê). Và những cổ vật vớt được nhiều kiểu quí hiếm, chưa hề thấy lưu hành trong cũng như ngoài nước. Kiểu vẽ với trang trí nhiều chủng loại khác thường như vẽ trâu, vẽ chuột đồng, cá hóa long, tượng lân, tượng nghê đính trên gốm, nhiều món vẽ bằng lam Hồi thượng hạng, rất nhiều màn sặc sỡ vẽ men ba màu v.v... Ngoài ra, cũng có những kiểu tương tự các kiểu còn bảo lưu trong các bảo tàng hay sưu tập tư nhân tại Nam Dương, Singapore, Mã Lai...

Trong dịp trở ra Hà Nội, tôi có dịp tiếp xúc với một người bạn vốn là chuyên gia gốm cổ Việt Nam, đúng vào lúc ông tiếp cận sơ khởi với loại gốm này. Ông xác nhận đây là gốm hoa lam làm tại lò Chu Đậu, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Làng gốm Chu Đậu nằm trong cương vực của ba bến thuyền lớn thời xưa là Vân Đồn, Phố Hiến và Long Biên (Thăng Long). Lò gốm Chu Đậu khởi công làm gốm từ thế kỷ thứ 14, cực thịnh suốt ba thế kỷ từ 15 đến 17 và hoàn toàn ngưng hẳn vào cuối thế kỷ 18. Ngày nay dân làng Chu Đậu chẳng còn ai biết nghề làm gốm hay nhớ nhiều về chuyện làm gốm xưa của tổ tiên. Ngoài ra còn nhiều dấu tích lò gốm cổ ở làng Hợp Lễ, xã Long Xuyên, huyện Cẩm Bình (túc huyện Cẩm Giang và Bình Giang cũ) cũng tỉnh Hải Dương. Hàng gốm từ các nơi đây chở về bến Vân Đồn. Nơi ấy có Dịch Bạc Trường lập từ đời Lý, chỗ cho phép thuyền tàu nước ngoài đến buôn bán và cho phép thương khách cư trú tại đó. Đến đời Lê Thái Tổ, tuy có cho lập mấy nơi nữa, nhưng Vân Đồn vẫn là bến tàu chính cho tàu bè đổ bến và cấm người ngoại quốc, nhất là Trung Quốc ra vào Thăng Long(1). Như vậy, tính từ Vân Đồn theo bản đồ, thuyền đắm tại biển Thuận Hóa sau khi đã vượt được khoảng 600 cây số dọc theo bờ biển Đại Việt.

Đời Nguyên bên Tàu, quân Mông Cổ đem binh hùng tướng mạnh đi chinh phục khắp Âu Á, mở đường cho lái buôn Trung Quốc đem hàng hóa ồ ạt xâm nhập các nơi. Khi nhà Minh lên thay Nguyên, quay lại với chính sách bế môn tỏa cảng. Năm 1371 người Tàu bị cấm đi buôn nước ngoài, mãi gần hai trăm năm đến năm 1567, cuối đời Minh Gia Tĩnh mới bỏ lệnh cấm này. Vì lẽ ấy, nghề gốm nước ta trong thời kỳ này phát triển lên hẳn, để lấp đầy nhu cầu cần hàng gốm. Có lẽ lái buôn Tàu cư ngụ tại Dịch Bạc Trường ở bến Vân Đồn nhảy vào khuyến khích các lò gốm ta sản xuất cho các bạn hàng đã có sẵn trước đó của gốm Tàu, nên kiểu mẫu thời này rất gần với kiểu cũ của đời Nguyên.

Sau khi đánh đuổi quân Minh khôi phục lại non sông, vua Lê Thái Tổ bèn thiết lập nền tảng cai trị, xây dựng lại giềng mối đất nước dựa vào đạo trị nước của Khổng Nho. Các đời vua Lê kế vị lần hồi bổ túc luật tắc chặt chẽ thêm không ngoài giềng mối đó. Cứ xem các chiếu sắc đời Lê cho thấy nhà nước sắp đặt toàn bộ phép tắc từ ngoài xã hội đến trong gia đình, từ hàng tăng đạo đến hàng quan lại, phân rõ phận vị vua tôi thứ dân, ban sắc chiếu định luật cấm kỵ để củng cố uy quyền vương triều: đặt lệ tên kỵ húy, cấm người thường dùng màu vàng (màu của nhà vua), cấm dùng đồ vàng bạc chạm hình rồng phượng dành riêng cho họ nhà vua, cấm những trò chơi xa hoa lãng phí trong quan lại dân chúng mà biếng nhác nghề nghiệp v.v... Ít nhiều phỏng theo cách trị nước của nhà Minh.

Vì thế, đối với người trong nước, nghệ thuật Đại Việt thời Lê chuyển



Bát hoa lam vẽ hình hoa dây

hướng sang phong cách kiệm ước bình dị của thứ dân, hình thành nền nghệ thuật dân gian.

Nhưng đây cũng là thời kỳ mỹ thuật gốm nước ta nở rộ tinh hoa đạt đến hàng cực kỳ tinh xảo. Đó là loại sứ ngự chế dành cho cung đình nhà vua, hay loại sứ dùng làm biếu cống trong giao hảo với các nước, cùng với gấm vóc nhiễu lụa, cũng là cách làm mẫu hàng giới thiệu đặc sản Đại Việt cho sự mua bán với nước ngoài.

Những cổ vật gốm ta thời kỳ này còn lưu lại trong các sưu tập tư nhân hay bảo tàng Đông Nam Á đã đạt trình độ cực kỳ tuyệt hảo. Trong số ấy, chắc chắn có những biếu phẩm của vua nhà Lê tặng các vương hầu bản địa. Vả lại, hàng sứ gốm xuất phẩm do các nước đặt làm được quyền chế tác vẽ vời những đề tài bị cấm lưu hành trong nước, như chứng tích một số các đồ họa vớt được ở biển Đà Nẵng, hoàn toàn không thấy có tại Việt Nam.

Sách Địa Dư Chí của Nguyễn Trãi chép: lò Bát Tràng có lệ cống sang Tàu 70 bộ chén bát. Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có ghi: năm Đinh Tỵ 1437, sứ nước Xiêm sang cống và xin giao thương, khi về vua ta gửi tặng chúa nước ấy hai mươi tấm lụa màu, 30 bộ bát sứ và tặng bà phi năm tấm lụa màu, 3 bộ bát sứ, mỗi bộ 35 chiếc. Nhiều chỗ khác, sách còn cho biết các nước phiên thần sang cống đều được ban tặng lụa và đồ sứ.

DI TÍCH GỐM CỔ VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI

Tại phía Đông Java, người ta tìm được nhiều gốm cổ Việt Nam từ đời Lý, phát tích từ lò gốm Thanh Hóa. Theo tư liệu Nam Dương, đây là loại gốm bán sang Chàm Pa, và được người di dân Chàm mang sang đấy dùng.

Tại một lâu đài cổ ở Nhật, thuộc quần đảo Lưu Cầu (Ryuku) người ta đào được vài mảnh vỡ một chiếc bát gốm Việt Nam, cùng với mảnh gỗ chạm năm tương đương 1330 dương lịch. Theo sử Nhật, mậu dịch giữa Lưu Cầu và Việt Nam bắt đầu nhộn nhịp từ năm 1363. Mảnh vỡ gốm trang trí hình hoa cúc vẽ bằng men chất sắc nâu, nét phóng túng, đáy bát bôi nâu, tiêu biểu kiểu gốm đời Trần.

Vào hậu bán thế kỷ 14, màu lam cobalt được dùng để vẽ trên gốm, mở ra một cung cách mới cho gốm Việt Nam. Màu lam cobalt, ta còn gọi là màu lam chàm, hay lam Hồi vì xuất xứ từ các nước Hồi giáo Trung Đông. Chất này được các lái buôn đạo Hồi từ Sumatra mang sang ta bán. Màu xanh tươi thắm rất đẹp mắt, khác với màu xanh đục thấy có ở Vân Nam. Từ khi có loại gốm hoa lam, nghệ nhân Việt Nam có truyền tụng câu vè, đánh giá trình độ thẩm mỹ: “Nhất dáng, nhì men, tam chàm, tứ vẽ”. Nghĩa là, món gốm đẹp phải gồm đủ cái đẹp mà ngày ta gọi là kỹ thuật lẫn nghệ thuật, hội họa lẫn điêu khắc. Tạo phẩm gốm có đủ bốn yếu tố ấy, được xem là quí như trân ngoạn, đáng lưu truyền như báu vật. Sứ hoa lam đời Nguyên được xem là hội



Các loại be, lọ, thủy chì tí hon và đĩa vớt tại biển Đà Nẵng

đủ các yếu tố ấy, ngày nay được trân quí hơn bất cứ loại sành sứ nào.

Truy lại con đường giao thương thời cổ từ Java cho đến tận Fustat (Ai Cập) đâu đâu người ta cũng tìm thấy nhiều di tích gốm sứ vẽ lam xuất khẩu từ cuối thế kỷ 14 đến 17. Và luôn luôn rải rác ít nhiều vết gốm vẽ lam Việt Nam. Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có ghi vào thế kỷ thứ 15 các nước Tô Văn Đáp Lạp, Trảo Oa, Xiêm La, Tam Phật Tề, Chiêm Thành, Mãn Lạt Gia v.v... vượt biển sang cống và buôn bán với nước ta (2).

Khi khai quật phế tích Trowula, phía Đông Java, kinh đô vương quốc Majapahit vào thế kỷ 13, 14, rất nhiều di tích gốm Việt Nam có tuổi từ thế kỷ 14 được tìm thấy. Vương quốc Majapahit rất cường thịnh dưới triều vua Hayam Waruk (1350-1381). Việc giao thương với Trung Quốc và các nước lân bang cực kỳ phát triển. Tình nghĩa với vương quốc Chàm Pa rất thâm sâu, vì một công chúa Chàm tên Gayatri được ứng gã làm ái thê của tiên vương Raden Wijawa (1239-1309), vua khai sáng nước Majapahit. Bia đá thế kỷ thứ 10 có chép sự tích dân Chàm đến định cư tại Java.

Cố đô Majapahit hồi thế kỷ 14 được sử Tàu mô tả là một kinh thành có tường thành tráng lệ vây bọc, nhà lợp mái ngói xanh, dân chúng chuộng đồ sứ vẽ lam. Tại Trowula còn vương vãi vô số mảnh gạch gốm kiến trúc Việt Nam. Mảnh sứ vẽ lam Việt Nam tuổi thế kỷ thứ 15 vẫn còn thấy trang hoàng trên các ngôi đền cổ Hồi giáo ở Demak, miền Trung Java. Hiện nay tại miền Nam Sulawesi, những đĩa sứ cổ hoa lam Việt Nam vẫn còn được đem ra dùng

vào những ngày lễ hội lớn, chứng tỏ chúng được bảo dưỡng lưu truyền qua nhiều đời như những báu vật.

Như vậy kết quả khảo cổ cho thấy các nước ở vùng biển Nam Dương mua rất nhiều gốm sứ Việt Nam hơn cả ở Đông Nam Á vào thời cổ, nhất là các thị trấn miền Nam Sulawesi và phía Đông Nam Dương. Thuyền chở gốm Việt Nam từ bến Vân Đồn về bến Nam Dương đắm tại biển Thuận Hóa nhằm vào buổi thịnh thời của cuộc mua bán này, theo tôi vào khoảng tiền bán thế kỷ thứ 16, thuộc đời Lê Sơ nước ta.

•

MỸ THUẬT GỐM HOA LAM VIỆT NAM VỚT ĐƯỢC TỪ BIỂN ĐÀ NẴNG

Tạo phẩm gốm, với người Đông phương ngày xưa tin là một nghệ thuật huyền diệu. Nó kết tinh không hẳn do bàn tay con người, mà còn do năm thành tố trong vũ trụ: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ cùng hội đủ trong hiện vật. Đặc tính ấy khiến nhiều dân tộc thời xưa tin gốm có linh hồn, có thần khí như ngọc, gieo vận hên xui, liên hệ đến tục tùy táng theo chủ nhân sang bên kia cõi âm.

Trong suốt quá trình bốn thế kỷ chế tác gốm hoa lam, giai đoạn thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ 16, thời Lê và Mạc, là thời cao điểm gốm nước ta. Và đây cũng chính là niên đại hết sức khó giám định chính xác thế kỷ nào của loại gốm này cho những ai nghiên cứu gốm Việt Nam trong cũng như ngoài nước. Nói chung, từ chất liệu chế tạo đến phong cách hình dáng, đồ án trang trí họa tiết, suốt một thời gian dài vẫn không mấy thay đổi.

Cuối thế kỷ 20, không như bộ môn khảo về gốm sứ Trung Quốc đã đạt đến chỗ hoàn chỉnh một cách có hệ thống, thì sự nghiên cứu gốm Việt Nam vẫn tiến triển chậm, dữ liệu thông tin còn thiếu sót, nên chưa được hệ thống hóa hẳn hoi. Việc giám định niên đại vẫn chưa thống nhất trong các sách báo (vốn dĩ hiếm hoi) viết về gốm Việt Nam, hoặc trong các bản tiêu dẫn của các viện bảo tàng trên thế giới.

Đứng trong bóng núi Thái Sơn Trung Quốc, sự ảnh hưởng của văn vật nghệ thuật Bắc phương là điều không thể tránh khỏi. Sự am tường lịch sử nghệ thuật, kỹ thuật gốm Trung Quốc là điều xét ra cần thiết cho những ai nghiên cứu gốm Việt Nam. Nhờ đó có thể áp dụng hiệu quả phương pháp đối chiếu, tỉ giảo giữa gốm ta và gốm Tàu, chỗ đồng chỗ dị, giúp sự đánh giá nghệ thuật và giám định niên đại đi gần đến mức chính xác. So sánh ta với Tàu, mới nhận ra mức độ ảnh hưởng của Trung Quốc đến đâu. Cũng từ đó, cái gì là nghệ thuật thuần túy dân tộc tính Việt Nam mới tỏ rõ.

Chẳng hạn tại miền Bắc nước ta còn lưu lại khá nhiều gốm độc sắc đời Ngũ Đại của Tàu, gốm đời Bắc Tống (960-1127 AD), gốm Nam Tống (1127-1279 AD) và đời Nguyên (1260-1367 AD). Chúng có mặt lẫn lộn với gốm độc

sắc của ta thời Bắc thuộc, đời nhà Lý (1010-1224 AD), Trần (1225-1401 AD) cần được phân loại. Lại nữa, theo nhận xét của tôi, có những mẫu gốm đã sớm mang sắc thái Việt Nam thuộc thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, đánh dấu 60 năm đầu nền độc lập đất nước (thế kỷ thứ 10), hầu như chưa được khai triển, làm sáng tỏ đúng mức.

Nếu di tích thư họa cổ Việt Nam trên giấy, lụa đã mất dấu hẳn, thì bút họa trang trí còn giữ lại trên gốm sứ thật vô cùng phong phú. Một sử liệu quí báu cho những người nghiên cứu nền họa cổ truyền Việt Nam. Các mẫu vẽ rất đa dạng trên gốm vớt được ở Đà Nẵng, tìm thấy qui tụ cùng một chỗ, sang trọng cũng như bình dân, phô bày cốt cách hình họa đặc biệt Việt Nam, không hề thấy nơi gốm sứ Trung Quốc.

MÀU SẮC: Màu vẽ gốm là màu xanh chàm (hay lam). Những hiện vật thu vớt được vẽ bằng hai loại chàm: màu chàm đục cố hữu trên gốm ta; và màu chàm mà người nước ta và Nam Dương gọi là "chàm Parker" - màu xanh tươi pha sắc tím như thứ mực cùng tên - tức là màu lam Hồi, có lẽ nhập từ Nam Dương. Món nào vẽ bằng lam Hồi được người ta rất quí chuộng.

Có nhiều món vẽ men màu mà người Việt ta gọi là "Tam Thái", tức gốm ba màu (Một danh từ vay mượn gốm màu đời Đường). Ba màu vẽ trên gốm Việt thường là màu vàng, xanh đọt chuối và đỏ. Song song với sự phát minh gốm vẽ màu tạp sắc đời Minh thế kỷ 15, thợ gốm Việt Nam cũng bắt nhịp theo, vẽ màu lên gốm.



Be rượu trang trí hình mây Như Ý bằng men màu tam thái

Gốm màu tìm được ở Đà Nẵng còn là chứng tích cách chế gốm màu độc đáo khác của thợ gốm ta: họ áp dụng lối vẽ màu "đấu thái" của Tàu (nghĩa là màu đối chọi): màu lam vẽ xong được nhúng một lớp men trong suốt rồi nung, xong điểm thêm các màu khác lên trên, và nung lần nữa.

Vì vẽ trên men và nung ở hỏa độ thấp, nên tiếc thay những gốm màu thu vớt được

không chịu nổi nước biển tàn phá, đã mờ nhạt rất nhiều, chỉ còn trơ lại màu lam dưới men.

HÌNH HỌA: Quan sát hình họa ở loại gốm này, tưởng chừng suốt mấy trăm năm, nhiều đề tài vẫn không mấy thay đổi: hình vẽ chim, cá, hoa đồ, những biểu tượng tín ngưỡng v.v... Có những kiểu gốm phối hợp cả hai hình thức của điêu khắc và hội họa: bình nước dáng đầu chim phượng hoàng, lân chạm nổi trên gốm... Đề tài cấm kỵ với thường dân: đĩa lớn vẽ phượng, cá hóa long v.v... Khi rồng phượng là biểu tượng cho quân quyền, đài các thì cá chim là đề tài thông dụng cho dân gian. Ở loạt gốm này, hình chim vẽ thật nhiều, qua ngọn bút điệu nghệ rất Việt Nam.*

Hãy hình dung những làng gốm xưa: muôn đời vẫn là ngôi làng cơ bản xã hội nông thôn Việt Nam. Cò bay, vịt lội, trâu cày trên đồng lúa ngoài làng, chim chóc bay nhảy trên cành tre, cá rô cá chép bơi lội dưới ao bèo ao sen... bằng cảm hứng thật thà, nghệ nhân vẽ trên gốm ta quanh quẩn không ngoài hoạt cảnh đó nơi thôn ổ làng quê. Những đề tài ấy rõ ràng được dân gian trong nước và các dân tộc Đông Nam Á sinh hoạt trong cùng một môi trường của xã hội nông nghiệp thấy thân quen ưa chuộng.

Dù khai thác nét đẹp của bút họa, gốm đời Lê là sự tiếp nối gốm truyền thống đời Lý, Trần, thiên về chỗ sâu kín của tâm hồn. Dưới mắt người thưởng ngoạn, phong cách họa trên gốm ta mang nét quyến rũ có chiều sâu tâm linh, khác hẳn với tinh thần và kiểu cách Trung Quốc. Cũng áp dụng đề tài hoa cúc dây, sen dây, cá chim như những đồ họa đời Nguyên hay đời Minh, nhưng bút pháp Việt Nam thể hiện nét phóng dật của cái tâm linh vô ngại như tranh Thiền. Tưởng chừng rung một nhịp với trái tim đằm thắm tình yêu thiên nhiên của kẻ lấy núi rừng thôn dã làm nơi ẩn dật. Nên không lấy làm lạ khi biết mỹ thuật gốm Việt Nam góp công lớn vào sự thành hình tục trà đạo Nhật Bản, gây ảnh hưởng sâu đậm đến thuật làm gốm của các nhà nghệ sĩ Nhật thời cổ. Đề tài hoa cúc và chim trên gốm ta còn bắt gặp trong không gian thơ Thiền từ đời Lý Việt Nam của sư Mai Viên Chiếu. Chuyện kể:

Mai Viên Chiếu thiền sư làm một bài quyết cho quan tham tụng Hiền, đại lược rằng: "Một ngày nọ, đang ngồi trước nhà, bỗng có một ông tăng hỏi: Phật với Thánh nghĩa là thế nào?. Trả lời: Cũng ví như:

Lý hạ trùng dương cúc
Chi đầu thục khí oanh

Nghĩa là:
Hoa cúc dưới dậu thu
Chim oanh trên cành xuân.

Ý nói hai thứ đều đẹp cả.

"Tam giáo đồng nguyên" là hệ tín ngưỡng dung hợp Phật, Lão, Khổng thành hình từ đời Đường bên Tàu, cũng phổ biến ở xã hội truyền thống nước



Be rượu và chén bát đủ các kích thước

ta. Trong diễn tả nghệ thuật, nó tượng hình "Tam Hữu" - ba người bạn thiết: tùng, trúc, mai - là đề tài đưa vào tranh, gốm Tàu và ta ngày xưa. Từ đời Trần đến đời Lê, Mạc, nghệ sĩ Việt Nam thường thường chọn tách ra, vẽ một cành mai lên gốm, tả cốt cách cao quí của kẻ đạt nhân. Rất nhiều chén bát tìm được ở biển Đà Nẵng đủ mọi cỡ, ngoài thân bát vẽ hoa mai năm cách lẫn với lá cúc dây, hoặc giữa lòng vẽ độc nhất một đóa mai. Làm ta nhớ lại nhan sắc diện mục của mùa Xuân đến rồi đi trong câu thơ thiền sư Mãn Giác đời Lý:

"Tiền đình tạc dạ nhất chi mai"

Và hoa mai ấy lại nở ra trong thơ Quách Tấn đời sau, khoe phong nhụy trong khu vườn tâm thức Việt Nam:

"Hiu hắt vườn quê một nhánh mai"

Các thi sĩ của hội Tao Đàn Nhị Thập Bát Tú dưới thời Lê thường làm những bài thơ vịnh hoa mai, và cảm tác thơ khi ngắm tranh vẽ mai hay hoa sen của các họa sĩ. Ngoài hoa mai, cúc dây, sen dây là những loài hoa cao quí, trong vô số những loại bát đĩa thu vớt còn nguyên vẹn, nghệ sĩ gốm ta trang trí các loại hoa quì, hoa chanh, hoa bưởi (loài cây đất Lĩnh Bắc Trung Quốc không có) đượm tình quê hương mộc mạc.

"Chim trời cá nước" là đề họa ưa chuộng và được khai thác suốt một thời gian dài, đó là những tuyệt tác về tranh gốm không đâu sánh bằng. Nói chung, thế kỷ thứ 15 chuộng về đề tài cá, thế kỷ thứ 16 thiên về chim. Hoặc có khi vẽ cả hai con vật lên cùng một món gốm. Đề tài "chim trời cá nước" như bày tỏ ước vọng thầm kín của con người Việt Nam về sự tự do trong đời sống tâm linh cũng như xã hội, chuộng nếp sống thái hòa trong lũy tre làng, ở xa phép vua luật nước. Đạo trị nước theo khuôn thước Khổng Nho quá nghiêm nhặt của triều đình nhà Lê không tránh khỏi ít nhiều xung đột với truyền thống lệ làng của thôn quê Việt Nam.

Ở đây, đề tài chim được khai thác triệt để vẽ trên các món tí hon hủ, lọ, thủy chì v.v... Mỗi món có hình một hay hai con chim. Nét bút tuyệt nhỏ như

tơ tóc. Tôi đã được thấy trong một sưu tập tư nhân tại Việt Nam, trọn một bộ thủy chì bé con tương tự vẽ chim. Cái thứ nhất chim đậu trên đất; cái thứ nhì chim cất cánh sắp bay; cái thư ba chim đã tung cánh bay. Cả ba xếp theo thứ tự cạnh nhau, thành một hoạt cảnh thú vị sống động cho mắt nhìn, như âm điệu tai nghe động tác bài thơ con cóc. Chủ nhân cho biết bộ ba thủy chì này đào được tại Hà Giang (Tuyên Quang) cùng loại vớt được ở Đà Nẵng.

Trong lòng một chiếc đĩa to, vẽ hình một con ngan đang táo tác chạy sải cánh trên mặt nước; cái khác vẽ hình ngan bay là là trên mặt sông, bên bờ lau lách. Riêng tôi có lựa cho mình một chiếc đĩa lớn vẽ chim chích chòe đậu cành tre. Dù trên món nhỏ hay lớn, nét vẽ chim mỗi món đều khác nhau, và bút pháp nào cũng cực kỳ sống động.

Theo lời mô tả mà tôi chưa được thấy, có thứ đĩa lớn trang hoàng hình đôi chim phượng tuyệt đẹp không kém gì họa gốm đời Nguyên. Lạ lùng nhất là đĩa vẽ hình trâu (3), hình chuột đồng chạy trên cỏ, đĩa vẽ người...

Một số hiện vật thu được có trang trí hình mây, là đề tài tín ngưỡng truyền thống của Đông phương. Trên một lọ sứ, mây vẽ bằng màu lam Hồi, xung quanh điểm thêm các màu khác. Nét vẽ mây cuồn cuộn sống động, dùng thuật tô bóng làm tăng vẻ huyền ảo. Mây có đuôi xoắn nhọn như biến thể hình nấm linh chi biểu hiệu cho Đạo giáo, thường thấy trong mỹ thuật đời Minh thế kỷ 15, 16, cũng kiểu mây trong trang trí kiến trúc đời Lê Sơ. Ta có thể nhận ra đồ án mây tương tự chạm trên các thành bậc đá điện Lam Kinh, nơi lăng tẩm các vua Lê; ở đàn Nam Giao; Thái Hà Ấp Hà Nội, và thành bậc dựng 1513 ở Văn Miếu Hà Nội; hay lan can bằng đá dựng ở điện Kính Thiên năm 1468.

Trên một chiếc bình có vòi và tay cầm, cũng trang trí một kiểu mây quanh thân, cùng với cảnh sơn thủy vẽ trong khung hình lá Bồ Đề, xanh rực màu lam Hồi quí báu, điểm thêm các màu tam thái đã mờ. Tranh phong cảnh vẽ trên gốm dùng bút pháp rất phóng khoáng; khóm cây trên gành đá, đám cỏ trên đầu non, bút họa, nét chấm phá và đánh bóng diễn tả được tinh thần bút họa tượng trưng.



Đĩa hình chim đậu trên cành trúc

GỐM NẶN HÌNH: Đợt

gốm này còn bao gồm loại gốm phối hợp giữa vẽ và nặn tượng, những món có công dụng lọ, bình nước, be rượu.

Rất nhiều những hình tượng nặn thú vật tí hon mà người Việt gọi là "con giống", lòng rỗng, có lỗ trên lưng dùng để đựng nước hoặc có thể thổi như còi: hình trâu, bò, cá óc nóc, cóc, rùa, gà, vịt v.v.. là những món vật hiện còn một số lượng đáng kể ở các bộ sưu tập tại Đông Nam Á. Loại lớn có bình trang hoàng hai con nghê đắp nổi bên hai thành bình, nằm trong khung viền lá đề.

Đặc sắc nhất trong các tượng nặn là một be rượu hình chim phượng, phỏng theo kiểu bình chim phượng gốm cổ màu tam thái trứ danh đời Đường: miệng be là hình đầu phượng, hai bên thân nổi lên hai cặp cánh điểm thêm vài nét màu lam vẽ lông cánh chim. Vòi và tay cầm đã gãy mất. Be chim phượng này mang âm hưởng cung cách kiểu gốm nặn hình phượng và thú vật rất thịnh hành vào đầu thế kỷ 16 bên Tàu, cũng là thời chế tạo kiểu be rượu tam thái hình cá cõng tôm, từ lò Phúc Kiến, tôi còn gặp rải rác tại miền Bắc ta. Dựa theo sử liệu, tôi cho đây là một trong những kiểu gốm cùng loại chén bát Minh Phố vẽ lam sớm nhất xuất trở lại qua nước ta, khi bên Tàu lệnh bế môn khá nới lỏng vào đầu thế kỷ 16.

Trong loại gốm nặn tượng tìm ở Đà Nẵng, tôi có nghe kể lại người ta vớt được một cây kiếm làm bằng gốm, nhưng rủi thay lại rơi trở lại xuống nước chưa tìm lại được. Nếu quả vậy, đây là món tuyệt hiếm chưa hề thấy từ trước.

Năm 1527, nhà Mạc lên thay nhà Lê và cầm quyền được 65 năm. Việc buôn bán với nước ngoài vẫn tiếp tục và có phần phồn thịnh hơn xưa. Đề tài sáng tạo có được thoải mái hơn, nhưng nghệ thuật gốm dưới thời Mạc cũng nằm trong dòng mạch thời Lê, khai triển từ truyền thống cũ. Món vật làm ra bởi tay nghệ nhân cha truyền con nối trong nếp làng xưa, sự thay đổi triều đại chính sự nơi kinh đô chẳng mấy khi ảnh hưởng đến cảm thức sáng tác của họ. Tiến trình biến đổi nghệ thuật ấy vẫn có nhưng diễn ra rất chậm.

Trong hệ văn hóa cũ, sách vở không ghi chép vì cho nó là cái nghề chân tay tầm thường. Sự phát hiện gốm ở biển Đà Nẵng làm chứng tích cho chuyện cũ: cha ông ta ngày xưa đã sử dụng óc thẩm mỹ, tài khéo đôi bàn tay ra sao, làm giàu thêm kho tàng văn vật chẳng những cho nước ta mà cho cả thế giới. Và trước hiện trạng đất nước ngày nay, nó làm ta không khỏi chạnh lòng nhớ lại thời đại kinh thương rực rỡ của tổ tiên ta gần năm thế kỷ cũ.

Những trang chính sử hay ngụy sử là thứ giấy dễ mục nát, và trí nhớ con người hay quên. Nhưng vật chất làm nên bởi đất và lửa kia vẫn còn kia, lớp rong rêu sò hến bám đầy khác nào bao linh hồn rong rêu hưng phế của gần năm trăm năm lịch sử vương vất chung quanh.

Như thế nó đâu phải chỉ là thứ hiện vật tầm thường làm nên bởi đất lửa.

PHAN QUỐC SƠN

(Lake Forest, Xuân 1995)

Chú Thích:

(1) Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư: Năm 1435, Thiệu Bình năm thứ hai, thuyền buôn nước Trảo Oa đến bến Vân Đồn, vào cống lễ địa phương. Năm 1468 Quang Thuận thứ

chín, thuyền Xiêm La cũng cập bến Vân Đồn. Chứng tỏ dưới triều Lê, bến Vân Đồn vẫn là bến chính của thuyền bè nước ngoài.
(2)- Tô Văn Đáp Lạp hay Tô Môn Đáp Lạp, tức Sumatra nay thuộc Indonesia.
- Tam Phật Tề: tên Trung Quốc chỉ một vương quốc trung đại Palembang ở Sumatra, người ta cũng thường đồng nhất Tam Phật Tề với vương quốc Srivijaya (Thất Lợi Phật Thệ) được biết đến từ cuối thế kỷ thứ 7 ở vùng này.
- Mãn Lạt Gia: Tức Molucca, một tiểu quốc Hồi giáo do vua Paramesvara cai trị ở vùng cửa sông Molucca, bán đảo Mã Lai. Nước này phát triển thịnh vượng trong thế kỷ thứ 15, nhưng đến năm 1526 thì bị Bồ Đào Nha diệt.
(Chú thích của Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, quyển XI - Kỷ nhà Lê, tập II trang 321.)
(3) Theo sách Bác Mạch Dao Liên (Khảo về trân ngoạn) của Tàu viết vào đầu thế kỷ 17: Sứ màu đấu thái có từ đầu thế kỷ 15 dưới đời Minh Tuyên Đức, nhưng nay đã tuyệt tích. Duy có sứ màu đấu thái quí và đẹp nhất là sứ ngự dụng Minh Thành Hóa (hậu bán thế kỷ 15) còn lưu lại một ít, là những báu vật quí nhất của sứ Tàu ngày nay. Sứ màu đấu thái Việt Nam thịnh từ khoảng năm 1500 trở đi, cùng thời với loại sứ màu vớt ở Đà nẵng này.
(4) Tại viện bảo tàng nghệ thuật quốc gia Tokyo, Nhật Bản, có trưng bày một đĩa gốm Việt Nam cũng hình vẽ trâu màu nâu, điểm xuyết màu xanh. Đường kính đĩa 43,2cm, đường kính đáy 24,4cm bôi màu nâu.
(5) Trong cuốn Chinese Pottery and Porcelain vol II trang 40 của Hobson có in hình một be rượu màu nặn hình tôm cùng loại thấy có ở Việt Nam (thuộc sưu tập của Dresden)

Sách và tạp chí tham khảo:

- An nam Chí Lược, viện Đại học Huế, ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam 1961.
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, 3 tập, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1993.
- Đại Việt Sử Lược - Khuyết danh - Nguyễn Gia Tường dịch, nxb th. ph. Hồ Chí Minh 1993.
- Mỹ Thuật Thời Lê Sơ, nxb Văn Hóa Hà Nội 1978
- Mỹ Thuật Thời Mạc, nxb Viện Mỹ Thuật Hà Nội 1993.
- Ming Pottery and Porcelain - Soame Jenyns - Faber and Faber Ldt - London - 2rd Edition - 1988.
- Southeast Asia on the Age of Commerce 1450-1680 - Anthony Reid - Yale University Press 1988.
- Marinetime Trade and State Development in Early Southeast Asia - Kenneth Hall - University of Hawaii Press - Honolulu 1987.
- Oriental Ceramics, World's Greatest. Collections Museum Pusat, Jakarta - Abu Ridho, volume 3.
- Oriental Trade Ceramics in Southeast Asia from Ninth to Sixteenth century - John s. Guy - Oxford University Press 1990.
- Art of Asia, march - April 1986 - Vietnamese Ceramics in Jakarta - Sumarah Adhyatman.



HOÀNG HƯNG

nói về những bài hát ở sài gòn trước 1975



Năm 1993 đời sống âm nhạc thành phố Hồ Chí Minh nổi lên hiện tượng Karaoke với sự lấn át của các bản nhạc Sài Gòn cũ. Nhiều người yêu nhạc giật mình vì phương tiện văn hóa đại chúng hiện đại này đã tạo cơ hội ngàn vàng cho loại nhạc "sến" tràn ngập không gian. Chẳng lẽ ca khúc Sài Gòn trước 75 chỉ là như thế? Ba tập tình khúc của Trịnh Công Sơn ra đời là một sự cải chính. Việc ấy gợi ý cho tôi - một người yêu nhạc - tìm đến anh hỏi chuyện về ca khúc Sài Gòn xưa, cốt để mình và những người giống như mình không sống ở thời ấy có một cái nhìn đại khái nhưng chuẩn xác về một quá khứ dù muốn dù không vẫn hiện diện cách này, cách khác trong đời sống hôm nay. Sau một cú điện thoại, nhạc sĩ nhận lời ngay, mặc dù anh đang mệt sau nhiều đêm mất ngủ.

- Nói chuyện cũ dễ mênh mông. Vậy xin anh nói ngay, anh nhớ đến những tên tuổi nào?

TCS: (nghĩ một chút): Đầu tiên là Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Cung Tiến. Phạm Duy bàng bạc trong tất cả đời sống âm nhạc, đặc biệt tràn ngập từ năm 1960 trở đi. Rồi một số nhóm: Ngô Thụy Miên, Vũ Thành An, Từ Công Phụng (tạm gọi nhóm trẻ), nhóm Hữu Thành, Văn Phụng (tiền chiến), nhóm "bolero" (gốc của nhạc được gọi là "sến" từ nhóm này): Hoàng Thi Thơ, Duy Khánh, Y Vân - Y Vũ và Trần Thiện Thanh, Thanh Sơn, Trực Phương. Cũng phải kể Nguyễn Hữu Thiết (bố của ca sĩ Hồng Hạnh), Phạm

Trọng Cầu (anh mang về một số bài từ Paris: “EmRra Đi Mùa Thu...") Tôi và một số bạn khác đi vào thanh niên, sinh viên, trí thức là chủ yếu.

- Trong những tên anh vừa nêu ngoài Phạm Duy và anh ra, tôi và các bạn tôi ở Hà Nội chủ yếu yêu Cung Tiến, Phạm Đình Chương, cũng có thích Vũ Thành An chút chút...

- Y Vân rất đáng kể với “Lòng Mẹ”, Ngô Thụy Miên giới trẻ thuộc nhiều loại nhạc êm êm, và Từ Công Phụng “Bây giờ tháng mấy rồi hỡi em”. Còn một số nữa, phải ngồi một lúc, đào óc rồi mới nhớ ra.

- Tôi nghĩ cái gì lưu được trong ký ức mình là đáng kể. Anh nhận xét thật ngắn gọn về Phạm Duy thế nào?

- Phạm Duy phát triển dân ca, đưa đến một màu sắc khác, cập nhật hóa, làm nó thoát ra khỏi thân phận cũ của nó (khác với giọng dân ca hơi thấp, không phát triển như Hoàng Thi Thơ...)

- Nói cách khác, dân ca Phạm Duy đã được đô thị hóa?

- Hiện đại hóa. Gần gụi giới trẻ thành phố. Ông còn thêm cả giai điệu và lời cho dân ca. Một con người rất tài năng, thông minh. Điểm thứ hai: không ai phổ thơ hay bằng Phạm Duy. Thời kỳ sau, ông phổ thơ rất nhiều. Bài thơ nào qua tay ông là nổi tiếng. Một nhà ảo thuật về phổ thơ.

- Tiếng Sáo Thiên Thai, Nắng chia nửa bãi... tuyệt vời. Ngoài Bắc hồi chiến tranh tôi nghe lén đài Sài Gòn, mê hai bài này lắm. Thế những Đạo Ca, Tâm Ca, Tục Ca có đóng góp gì không?

- Chỉ có tính cách phong trào, giai đoạn, vui chơi ngôn ngữ, không bền. Như tục ca ông viết trong các buổi sinh hoạt của giới trẻ, trong lúc du ca (Nhân đây nhớ đến nhóm Du Ca với Nguyễn Đức Quang cũng nổi tiếng).

- Cung Tiến tôi thấy đặc biệt. Chắc ở chất cổ điển?

- Cung Tiến có nền tảng rất vững, bán cổ điển, màu sắc Tây phương.

- Ăn khách nhất, chắc cũng như bây giờ, là loại nhạc “sến”.

- Thanh niên, sinh viên thích nghe Từ Công Phụng, Vũ Thành An, Ngô Thụy Miên, Y Vân, Y Vũ. Đại công chúng thích cái gì dễ nghe, lời bình dân, nhạc eo éo, tức là nhạc “sến”. Thời nào cũng vậy. Tất nhiên “sến” cũng có nhiều bậc. Nhóm “bolero” còn là bậc trên.

- Những loại nhạc như thế có đóng góp gì không?

- Điều quan trọng là nó đúng với thời đại của nó. Như vậy cũng là có đóng góp. Nhiều nhạc sĩ trẻ hôm nay vẫn khai thác một số mô-típ của loại nhạc êm êm (người ta có thể nói ngay bài này giống giống Từ Công Phụng, bài kia giống giống ai đó...)

- Nói về ca từ, anh thấy ai làm lời đẹp?

- Phạm Đình Chương, Phạm Duy, Cung Tiến.

- Tức là lớp trước. Các lớp sau có vẻ không chăm sóc đến lời?

- Có thể có nhưng không tới.

- Vì sao?

- Các lớp sau lời có thể thơ mộng (poétique) nhưng chỉ nghe đường được, không có chiều sâu, tâm tình không mở ra chân trời mới. Có lẽ vì hoàn cảnh sống; đời trước sống chậm, sáng tác theo cảm hứng; đời sau sống vội và phải sáng tác để sống, phải cạnh tranh để tồn tại, phải luôn có mặt để không bị quên. Ngay Phạm Duy về sau nghĩ không kịp lời, phải phổ thơ. Chính tôi cũng phải bảo đảm mỗi năm có một tập nhạc và một băng nhạc, có năm phải hai.

- Nhưng lời của anh đâu có bị tầm thường, thậm chí nhiều người còn coi anh thành công chủ yếu nhờ lời hay - như thơ.

- Tôi có cách làm việc; năm nay tôi đi đây đi đó lấy mưa nắng cho năm sau. Tôi tích lũy gối đầu.

- Từ nãy anh chưa nói đến dòng ảnh hưởng nhạc Pop Âu Mỹ.

- À, phong trào này có trung tâm là trường *Taberd* rồi vườn Tao Đàn. Đỉnh cao là các "đại hội nhạc trẻ". Rất thành công. Một số nhạc sĩ trẻ như Lê Hựu Hà từ chỗ dịch lời bài hát nước ngoài rồi làm nhạc Pop-rock Việt Nam

- Cô đọng lại được gì không?

- Chủ yếu là bắt chước.

- Hình như người Việt Nam cho đến hôm nay vẫn không hợp với rock?

- Môi trường ở đây (điều kiện kinh tế, điều kiện sống) không đủ chất Pop-rock. Vả lại các top-hit nước ngoài có lẽ cũng thỏa mãn người yêu rock rồi.

- Ca khúc Sài Gòn trước 75 thiếu chất hùng tráng mà ca khúc miền Bắc thời ấy dư thừa?

- Chỉ có loại nhạc nhà binh do các nhạc sĩ quân đội viết cho quân trường. Nhưng ngoài Bắc lại không có dòng nhạc đấu tranh: căm hờn, thiết tha, ước mơ, kêu gọi. Đến bây giờ sinh viên vẫn thích những bài đấu tranh dạo ấy, như bài "Nối Vòng Tay Lớn" vẫn là bài hát tập thể trong sinh hoạt thanh niên. Bây giờ có tổ chức sáng tác bài hát tập thể, nhưng viết không được, không có không khí.

- Anh có theo dõi công việc của các nhạc sĩ cũ sau khi ra khỏi nước?

- Khoảng mười năm đầu rời nước họ còn viết được, cảm hứng đau thương của những ngày vượt biển vẫn còn nóng hổi. Sau đó, yếu dần, hiện nay thì bế

tắc.

- Cùng với Phạm Duy, anh là một hiện tượng đặc biệt khác của âm nhạc Sài Gòn. Anh có một từ vựng và một âm hưởng rất riêng. Cái đó bắt nguồn từ đâu?

- Nói tóm tắt thì tôi đi từ những cuộc tình nho nhỏ, đến triết lý về thân phận con người, rồi ám ảnh chiến tranh. Không gian mở rộng dần, các vấn đề trên đan vào nhau. Sinh viên thấy đúng là tiếng nói của họ lần đầu tiên có người nói lên. Còn âm hưởng, tôi ảnh hưởng của thi ca và âm nhạc da đen; blues, gospelsong. Tôi muốn viết nên điệu buồn da vàng.

•

Cuộc nói chuyện của chúng tôi ngưng ở đây vì có mấy người em của nhạc sĩ từ nước ngoài mới về. Chúng tôi chuyển sang nói về băng nhạc mới "Bống Bồng Ơi". Một bài hát 30 năm xưa của Trịnh Công Sơn được thể hiện qua giọng ca của hôm nay: Hồng Nhung. Rõ ràng là khác, rất khác. Bây giờ thì người hỏi là Trịnh Công Sơn:

- Ông thấy thế nào?
- Hơi dynamique.
- Ừ, nhưng bây giờ mà hát lê thê như trước thì ai nghe.

Ý kiến ấy của nhạc sĩ có lẽ là một gợi ý đáng suy nghĩ về thái độ khai thác một quá khứ âm nhạc.

HOÀNG HƯNG



tư liệu



NGUYỄN ĐĂNG NA

"XUÂN HƯƠNG DI CẢO, TẬP THƠ MỚI TÌM THẤY

Khi còn công tác tại Hà Nội, tôi rất quan tâm đọc thơ Hồ Xuân Hương. Tiếc là tập *Xuân Hương Di Cảo* thì chưa được đọc. Tôi đến thư viện Viện Nghiên Cứu Hán Nôm tìm, trong bộ thư tịch sách Hán Nôm, *Xuân Hương Di Cảo* mang ký hiệu AB.26. Đã ba lần tôi ghi phiếu mượn cuốn sách này, nhưng cả ba lần đều được trưởng phòng thư viện trả lời "sách bị mất vào năm 1970 - thời kỳ sơ tán Vĩnh Phú". Sau đấy vài năm tôi được biết cụ T. ở Hà Nam Ninh có tập sách đó. Nhưng cụ không công bố tập thơ, và cũng không cho phép người khác mượn để công bố.

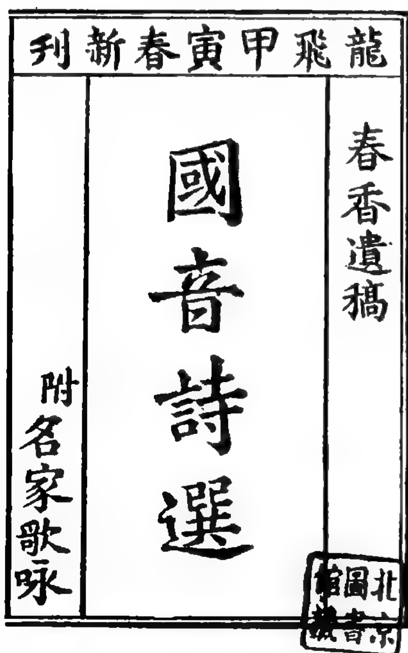
Rồi bất ngờ, khi đến Mátxcơva, tôi được nhà Việt Nam học, phó tiến sĩ lịch sử A.A. Ni-ki-tin cho xem tập thơ (nhân đây xin gửi lời cảm ơn anh A.A. Ni-ki-tin). Anh đã chụp lại nó từ thư viện Bắc Kinh, Trung Quốc. Ngoài bìa sách còn dấu in rõ: *Bắc Kinh Thư Quán tàng.*

Tập thơ nguyên có tên là *Quốc Âm Thi Tuyển*. Dòng chữ trên cùng ở bìa sách đọc từ phải sang trái: *Long phi, Giáp Dần Xuân, tân san*, nghĩa là: *Long phi, mùa Xuân năm Giáp Dần, bản mới*; cột dọc phía bên phải, từ trên xuống dưới là các cột chữ: *Xuân Hương di cảo (Bản thảo còn lại của Xuân Hương)*;

cột giữa với bốn chữ to: "*Quốc Âm Thi Tuyển" (tuyển thơ quốc âm)*; cột bên trái gồm 5 chữ: "*Phụ, danh gia ca vịnh (phụ thêm những bài ca vịnh của các danh gia)*.

Tóm lại, chữ ghi ngoài bìa cho hay, đây là tập thơ in năm *Giáp Dần* (1914) gồm hai phần: Phần thứ nhất là thơ còn lại của Xuân Hương, phần thứ hai là thơ của các danh gia khác. *Xuân Hương Di Cảo* gồm hai mươi lăm bài mà khắc in cho là thơ của Hồ Xuân Hương. Ngoài những bài thơ lâu nay ai cũng biết như *Lấy chồng chung, Núi ba đèo, Bánh trôi, Khóc quan phủ Vĩnh Tường v.v...* còn có một số bài chưa được mấy ai biết đến như: *Du cổ tự (Dạo chơi chùa cổ), Nhĩ Hà tức cảnh, Phiếm chu ngoạn nguyệt (Bơi thuyền ngắm trăng), Quá phu quân cố lý (Qua nơi làm quan trước đây của chồng) v.v...* Đáng chú ý là, những bài chưa được công bố mang đậm tính trữ tình và giàu sắc thái cá nhân người sáng tác, do đó chúng có thể giúp chúng ta hiểu thêm về phong cách cũng như đời tư Hồ Xuân Hương.

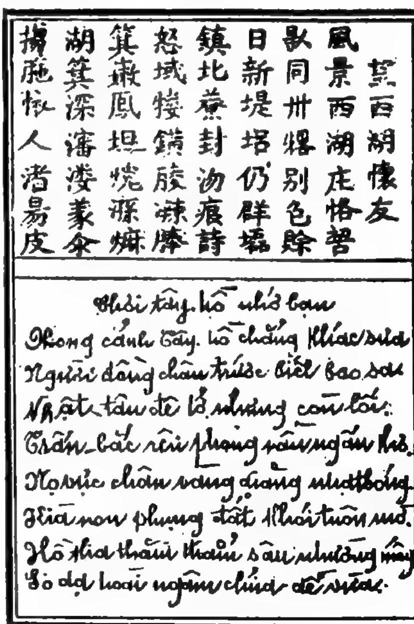
NGUYỄN ĐĂNG NA


龍飛甲寅春新刊

春香遺稿

國音詩選

附名家歌咏


Nhớ Tây Hồ nhớ bạn

Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa
Người đồng châu trước biết bao sau
Nhật Tân đê lở nhưng còn lối.
Trấn Bắc rêu phong vẫn ngấn thơ.
Nọ vực Châu vàng dường nhạt bóng.
Kìa non Phụng đất khéo tuôn mờ.
Hồ kia thăm thẳm sâu nhường mấy
Sở dạ hoài ngậm chửa dễ vừa.

Bản chụp trang bìa và bài Vọng Tây Hồ hoài hữu
in trong Xuân Hương Di Cảo

vọng Tây Hồ hoài hữu *(1)*

Phong cảnh Tây Hồ chẳng khác xưa,
Người đồng châu(2) trước, biết bao xa.
Nhật Tân đê lở nhưng còn lối,
Trấn Bắc rêu phong vẫn ngấn thơ.(3)
Nọ vực Trâu Vàng trăng lợt bóng,
Kìa non Phượng đất khói tuôn mờ.
Hồ kia thăm thẳm sâu dường mấy.
So dạ hoài nhân(4) chửa dễ vừa.

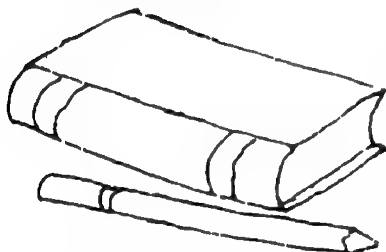
HỒ XUÂN HƯƠNG

Chú thích:
(1) Ngắm Hồ Tây nhớ bạn
(2) Đồng Châu có hai nghĩa:
a) cùng Châu, quận (đồng hương)
b) cùng thuyền (cùng hội cùng thuyền - cùng đi thuyền chơi trên Hồ Tây với nhau).
(3) Ngấn thơ: Dấu vết của bài thơ, chắc là bài thơ của bạn tác giả viết trên đó.
(4) Hoài nhân: Người được nhớ đến. Có lẽ đó là Nguyễn hầu, tác giả Truyện Kiều *chăng? Trong tập* Lưu Hương Ký *của Hồ Xuân Hương có bài thơ gửi Nguyễn hầu.*



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 28 tháng 1 năm 1995

Một tin buồn vừa đến với cầm bút và độc giả: Nhà văn Phùng Quán đã qua đời (ngày 21 tháng 1, 1995) tại Hà Nội, bởi bệnh ung thư gan.

Về cuộc đời Phùng Quán, lớp độc giả ở vào lứa tuổi từ 40 trở lên, hẳn không xa lạ gì. Tuy nhiên, để giúp những bạn đọc trẻ hiểu thêm về một nhà văn, nhà thơ từng bị chế độ dập vùi suốt nhiều chục năm qua, Kim Thi xin khái quát vài nét tiểu sử của ông, đúc kết từ sách vở báo chí đã được phổ biến.

Phùng Quán sinh năm 1932. Gia cảnh nghèo, mồ côi cha từ lúc lên hai. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông xung vào Vệ Quốc Quân làm liên lạc viên, năm13 tuổi, để rồi trở thành một người lính trinh sát những năm sau này. Chiến tranh chấm dứt, ông chọn thêm nghiệp văn. Tác phẩm đầu tay: "*Vượt Côn Đảo*", được in, tái bản tổng cộng năm lần, đưa tên tuổi của Phùng Quán lên hàng những nhà văn được đọc nhiều nhất thời bấy giờ.

Năm 1956, cùng với các văn thi hữu khác, ông tham gia phong trào phản kháng của văn nghệ sĩ miền Bắc (chúng ta thường gọi là nhóm *"Nhân Văn Giai Phẩm"*). Từ đó, đang là một chiến sĩ hào hùng, một nhà văn uy tín, ông nhanh chóng bị đẩy lùi vào bóng tối, bị dập vùi và sống khốn đốn suốt ba mươi năm, đến gần những năm cuối đời mới được "phục hồi"! Bài thơ "*Lời Mẹ Dặn*" của ông từ lúc xuất hiện trên *Nhân Văn Giai Phẩm*, đến nay, và có lẽ mãi mãi, vẫn là bản tuyên ngôn tiêu biểu cho sĩ khí nhà văn: không bao giờ bạo lực, danh lợi có thể làm làm biến dạng hay bẻ cong ngòi bút.

Mục "*Ngày... Tháng...*" kỳ này Kim Thi xin nhường cho nhà văn Hoàng Khởi Phong, nhà thơ Thường Quán, nhà thơ Trần Ngọc Tuấn tỏ bày cảm tưởng cũng như tấm lòng của mình đến một nhà văn, tuy xác thân đã nằm sâu trong đất, nhưng tên tuổi và sự nghiệp vẫn gắn liền với một giai đoạn lịch sử đầy thảm kịch của quê hương.

HOÀNG KHỞI PHONG
MỘT VÌ SAO "NHÂN VĂN" VỪA TẮT

1. Cách đây gần 30 năm, chi li hơn thì cách chúng ta 29 năm cộng với nửa vòng trái đất, một vì sao xuất hiện chói lọi trong màn đêm. Ngôi sao có tên là **Phùng Quán**, vòm trời có tên là *Nhân Văn* và màn đêm chính là vùng đất vừa được giải phóng trong tay ngoại nhân, để rồi rơi vào trong một vùng bóng tối ngự trị ngay giữa ban ngày.

Năm 1954, khi vết dao chém đứt ngang mình đất nước còn đang đổ máu, tổ quốc của chúng ta bị chia thành hai miền thù hận, và toàn thể dân tộc bị đẩy vào thế một mất một còn. Trong bối cảnh lịch sử đó hầu như miền Nam của những người Việt Nam không Cộng Sản, dưới sự cai trị không mấy sáng



Phùng Quán (1932-1995

suốt của Đệ Nhất Cộng Hòa, có một nhãn quan thiếu nghiêm chỉnh với mọi sinh hoạt của miền Bắc, phóng ra hết đợt "Tố Cộng" này đến đợt khác, bất cứ cái gì khởi đi từ miền Bắc đều không đáng quan tâm, đều bị bịt kín. Thậm chí quay lưng lại với những sai lầm độc ác của chính quyền miền Bắc, trong các đợt cải cách ruộng đất, đấu tố địa chủ, tiêu diệt cường hào diễn ra trên đất Bắc.

Lẽ ra miền Nam phải hỗ trợ cho các cuộc tranh đấu của những người cầm bút bên kia vĩ tuyến 17, khi những người này gióng lên tiếng nói bất khuất của họ ngay từ năm 1956, trong một số sách báo xuất bản ở thời điểm này. Mãi cho tới năm 1959, khi những nhà văn đích thực của miền Bắc đã bị Cộng Sản đàn áp, người thì chết, kẻ thì sống dở, đến độ tiếng ta thán ngút trời mây. Chính chế độ của những người Việt Nam Cộng Sản thấy rằng: Họ phải trấn an dân chúng bằng những đợt "Sửa Sai" phát động trên toàn miền Bắc, thì trong Nam học giả Hoàng Văn Chí, sau một thời gian dài quan sát, thu thập tài liệu cho xuất bản một tác phẩm viết về các cuộc tranh đấu của giới trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc. Đó là quyển **Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc**. Công trình biên khảo này hoàn toàn có tính cách cá nhân, không hề được sự hỗ trợ của chính quyền miền Nam. Mãi tới lúc đó những người ham đọc sách, thích suy nghĩ và quan sát chính trị và lịch sử ở miền Nam, mới có dịp thấy được một phần những sự kiện đang xẩy ra bên kia vĩ tuyến 17, bên kia vết thương chém ngang mình tổ quốc, một vết thương không bao giờ lành cho dù lịch sử có trôi đi thêm vài trăm năm nữa. Bởi vì vết thương nơi con sông Bến Hải chỉ là vết thương lập lại, làm to thêm miệng một vết thương cũ kỹ ba thế kỷ nơi hai bờ sông Gianh trong thời Trịnh Nguyễn.

Trước khi tác phẩm biên khảo **Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc** ra đời, tên tuổi của Phùng Quán chỉ được biết tới trên đất Bắc. Đối với miền Nam ông còn đang lần mò trong bóng tối mông mênh. Khi miền Nam biết tới ông, chính là lúc ông đang sống không sống được, chết chẳng chết cho do những đánh phá của những người làm văn nghệ và ăn lương chế độ. Học giả Hoàng Văn Chí giới thiệu Phùng Quán như sau:

"*Phùng Quán năm nay (năm 1959) 25 tuổi, là một thanh niên nghèo. Trước đi bộ đội, sau được giới thiệu về trường Dự Bị Đại Học để học thêm. Về Hà Nội anh lại tiếp tục công tác văn nghệ trong quân đội.*

Anh viết theo lối hiện thực xã hội và được coi là Triệu Tử Long trong nhóm đối lập. Những bài thơ của anh được dư luận gọi là những "bom nguyên tử".

Chúng tôi trích đăng bài "Chống Tham Ô Lãng Phí" đăng trong Giai Phẩm Mùa Thu, tháng 10, 1956 và bài "Lời Mẹ Dặn" đăng trong tờ Văn, tháng 9, 1957.

Anh không đòi hỏi gì hơn là quét sạch những rác rưởi trong xã hội và yêu cầu các nhà văn phải trung thành với tâm hồn mình: **"Yêu ai cứ bảo rằng yêu, ghét ai cứ bảo là ghét"**. *Anh bị khủng bố chỉ vì dám nói như vậy.*

Phùng Quán bị lôi đi chỉnh huấn và phải viết bài thú tội. Trong bản này nhà thơ trẻ tuổi thú nhận rằng sau khi nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị giải tán thì suốt ngày chỉ chơi với con bù dù. Các bạn hỏi tại sao thích nuôi bù dù Phùng Quán trả lời: "Chơi với người chán lắm rồi, thành phải chơi với bù dù."

Một chế độ đã đào luyện cho thanh niên một tâm trạng như vậy đủ làm cho chúng ta suy nghĩ về chân giá trị của chế độ đó vậy".

Tôi ghi lại nguyên văn lời giới thiệu Phùng Quán của học giả Hoàng Văn Chí, bởi vì khi ông viết những dòng giới thiệu đó, hẳn là tâm trạng của học

giả còn đang xúc động ngùn ngụt trong lòng, những sự kiện còn quá tươi, như máu đang chẩy thánh thót xuống dòng đời. Thành thử chỉ một đoạn văn ngắn, học giả Hoàng Văn Chí đã vẽ cho chúng ta chân dung thật rõ, như một tấm ảnh chụp được những con bão đang ào ào ập tới với nhà thơ trẻ tuổi Phùng Quán. Nhà học giả của miền Nam làm như cảm nhận được trọn vẹn cả phần hồn cũng như phần xác của nhà thơ bên kia vĩ tuyến 17.

Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc đưa ra hai bài thơ của Phùng Quán. Một trong hai bài thơ này, bài "*Lời Mẹ Dặn*" có thể nói không còn là thơ như chúng ta hằng mong đợi ở thơ. Đó là một bản tuyên ngôn cho nhân phẩm con người, của một người cầm bút viết dưới dạng thi ca. Bản tuyên ngôn mới giản dị làm sao, nó đi thẳng từ trái tim người viết và vọt thẳng tới lòng người đọc, không cần qua một trung gian gửi gấm nào. Nó giản dị đến độ đọc xong chúng ta cảm nhận được trong hơi thơ của Phùng Quán, có hơi thở của cuộc đời ông, và không phải chỉ là hơi thở của một mình ông, đó là hơi thở của cả một xã hội, đang dồn dập gấp gáp vì hình như nhà thơ, và cuộc sống quanh ông đang thiếu đi một dưỡng chất không mất tiền mua: Đó là khí trời để thở. Khi đọc thơ ông, tôi có cảm giác bắt gặp hình ảnh những con cá mắc cạn, hai cái mang nhấp nháy liên hồi, và càng quẫy động càng tiến dần đến cái chết.

Phải, khi mà trong đời sống hàng ngày, ngay cả đến lòng yêu thương, sự ghét bỏ cũng cần phải ngụy trang thì đó chẳng qua chỉ là một đời sống không thật. Con người sẽ phải cúi gằm mặt xuống để sống, để tiết kiệm một chút khí trời mỗi người có được. Còn nhà thơ thì phải gào lên cho số phận hẩm hiu của mọi con người. Nhà thơ phải quên đi những hạnh phúc của chính mình, mà kêu cứu cho toàn bộ xã hội chung quanh.

Ông vốn là người nhiệt thành yêu nước, ngay từ khi còn niên thiếu đã là liên lạc viên cho các mặt trận, rồi từ đó ông bước một bước Phù Đổng trở thành một người lính, chân thành bảo vệ tổ quốc chống quân cướp nước. Ông lao mình vào tên đạn của quân thù những mong rằng cuộc chiến đấu mà ông góp phần sẽ mang lại tự do, cùng cơm no áo ấm cho đồng bào ông. Nào ngờ khi bóng quân thù mất đi trong phần đất của ông, ông đối đầu với một chế độ cai trị còn hà khắc hơn là quân xâm lược. Do đó trong thi ca của ông, người ta bắt gặp lại anh lính tiền phong ngày nào, viết những dòng thơ như nhắm bắn thẳng vào quân thù trước mặt.

Chỉ với hai bài thơ mà thôi, Phùng Quán đã hiện nguyên hình một anh lính thiện xạ trong thi ca. Cái đích bây giờ không phải là quân xâm lược mà là cả một guồng máy cai trị nặng nề và kệch cỡm. Trong "*Trăng Hoàng Cung*", tác phẩm mới nhất của ông, do nhà Thanh Văn xuất bản tại Hoa Kỳ, ông viết:

"...Từ năm 24 tuổi cho tới năm 56 tuổi, cơ chế quan liêu đã đánh trả tôi đến chí mạng. Tước đoạt của tôi quyền lao động thiêng liêng: sáng tác, xuất bản, quyền được sinh sống cho ra một con người. Và dìm ngập tôi trong bùn nhơ, lăng nhục trước công luận.

Chịu chừng ấy đày ải, lim thép ắt cũng gẫy gục. Nhưng Thơ đã cứu tôi, giúp

tôi đứng vững, dậy tôi dũng khí bền gan.

Nếu cần đi trở lại
Tôi lại đi đường này
Để cuối cùng lại chấm hết ở đây..."

Nhà văn Phùng Quán sinh năm 1933, năm 1954 sau hơn 80 năm dùng súng đạn cai trị nước Việt, khi người Pháp phải xuống tầu về nước ông 21 tuổi. Ông tự giới thiệu trong lời khai từ của Trăng Hoàng Cung như sau: *"...Hai mươi mốt tuổi, tôi, người lính chiến bước thẳng vào làng văn với cuốn tiểu thuyết đầu tay kể chuyện những người vượt ngục thất bại. Ngay sau đó tôi được coi là nhà văn. Nhưng với tôi Thơ mới là tất cả. Thơ là mạng sống, lý lịch của đời tôi..."*

Năm ông 24 tuổi là năm 1957, chính là cao điểm nhất của phong trào *Nhân Văn*. Trước đó một năm Phùng Quán viết bài thơ *"Chống Tham Ô Lãng Phí"*, ngay lập tức ông là "cái đích" của những "cái đích" do chính ông chọn. Tuy nhiên trong năm 1956 đó, lời kêu gọi *"Bách gia tranh minh, bách hoa tề phóng - Trăm nhà đua tiếng, trăm hoa đua nở"* của Hồ Chí Minh chưa kịp ráo miệng, nên những "cái đích" của Phùng Quán nhịn ông một mũi giáo. Năm 1957, ông xả một đường gươm khốc liệt *"Lời Mẹ Dặn"* đúng vào lúc những "cái đích" của ông bắt đầu phản công. Trong thời điểm một mất một còn này, nhóm *Nhân Văn* cần có một đạo quân mới mong đánh đổ được những con người trì trệ, quan liêu, máy móc thì nhóm *Nhân Văn* quanh đi quẩn lại có được một quân số không quá một trung đội. Một trung đội vài chục người, ném vào một trận chiến mà bên kia là cả một đạo quân nghiêng nước. Thật là một trận chiến không cân xứng. Thế là đem trứng chọi đá, thế là trù dập bắt đầu.

Trong **"Cát Bụi Chân Ai"** in cuối năm 1993, tác phẩm mới nhất của Tô Hoài, một nhân vật có thể coi là một trong những "cái đích" của Phùng Quán, thời 24 tuổi. Tô Hoài hồi tưởng lại giai đoạn kinh hoàng này và tiết lộ cho người đọc những chi tiết không một ai biết được: Có người quá sợ nuốt dao cạo tự tử, hay một hoạ sĩ được chọn làm tiểu đội trưởng trong chiến dịch cải cách ruộng đất. Để tránh né cảnh mình phải đứng ra tổ chức những buổi đấu tố, lăng nhục con người, họa sĩ này đã giả vờ đi lạc trong rừng hai ngày đêm. Khi tìm được thì ngơ ngơ ngẩn ngẩn, giống như là bị ma ám, mồm miệng đầy đất cát. Tô Hoài cũng cho biết đã gặp Phùng Cung, một nhân vật xung kích khác của nhóm *Nhân Văn*. Cách mô tả của Tô Hoài cho thấy Phùng Cung như một bóng ma, mới được móc từ huyệt ra, lôi từ bãi tha ma về, toàn thân là một tổng hợp của mọi thứ bệnh gây nên do đói, nghèo, bệnh hoạn...

Tôi không có ý so sánh kích thước văn chương giữa Phùng Quán và Phùng Cung, nhưng quả thật *"Lời Mẹ Dặn"* đau hơn *"Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh"*. Thành thử Phùng Quán viết từ năm ông hăm bốn tuổi cho tới năm

ông năm mươi sáu tuổi ông bị trù dập, lăng nhục, tước đoạt quyền sống trong ba mươi hai năm trường, không có gì là lạ với những người quan sát chính trị và văn học miền Bắc.

Suốt ba mươi hai năm không được sống như một con người, Phùng Quán không bao giờ vì những áp lực mà uốn cho cong cái lưng thật thẳng của ông. Ông không thể đầu hàng, ông không thể thỏa hiệp bởi vì một lý do giản dị ông là tác giả những dòng thơ, tuyệt không bóng bẩy, không kêu, không rỗng, chỉ giản dị nhưng quyết liệt với bất cứ ai làm cho đời sống của dân chúng trở nên tồi tệ. Tôi xin ghi lại đây toàn bài thơ *Lời Mẹ Dặn* của ông để thấy được cái bối cảnh xã hội miền Bắc vào những năm 1956-1957, và vì sao ông lại là "cái đích" của muôn người:

Lời Mẹ Dặn

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi
Mẹ tôi thương con không lấy chồng
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn
Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ
Ngày ấy tôi mới lên năm
Có lần tôi nói dối Mẹ
Hôm sau tưởng phải ăn đòn
Nhưng không Mẹ tôi chỉ buồn
Ôm tôi hôn lên mái tóc
- Con ơi - Trước khi nhắm mắt
Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật.
- Mẹ ơi chân thật là gì?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu.
Từ đấy người lớn hỏi tôi:
-Bé ơi, bé yêu ai nhất?
Nhớ lời mẹ tôi trả lời:
- Bé yêu những người chân thật.

Người lớn nhìn tôi không tin
Cho tôi là con vẹt nhỏ
Nhưng không! những lời dặn đó
In vào trí óc của tôi
Như trang giấy trắng tuyệt vời
In lên vết son đỏ chói

Người làm xiếc đi giây thật khó
Nhưng chưa khó bằng nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật

Năm nay tôi hai mươi nhăm tuổ i
Đứa bé mồ côi thành nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.
Phùng Quán

Với những người yêu thi ca bóng bẩy, lãng mạn thì có thể những dòng thơ trên chưa chắc đã hay, nhưng không một ai có thể phủ nhận kích thước của những dòng thơ này lớn. Chỉ một bài thơ, không hề dùng những từ ngữ có tính bác học, ai đọc cũng thấm vào hồn, cũng lậm vào máu. Chỉ một bài thơ mà bao trùm được cả một xã hội buồn bã, không dám cười, khóc, không nói thật lòng mình cho dù chỉ là những điều nhỏ nhặt như sự yêu ghét của mỗi con người. Khi viết những dòng thơ này, vô hình chung Phùng Quán đã tuyên chiến với bọn giả hình dẫy đầy trong xã hội miền Bắc. Tất nhiên ông cũng tuyên chiến với bọn giả hình trong miền Nam, bọn giả hình trong hiện tại và trong tương lai vậy.

Bản chất của Phùng Quán là một người lính quật cường, bất khuất. Ông vùng vẫy trong nghịch cảnh, ông không chịu đầu hàng dù cho toàn thể nhóm *Nhân Văn* đã tan thành những con người tiều tụy, trở thành những mảnh đời vất vưởng không nơi ăn chốn ở. Nguyễn Hữu Đang, một trí tuệ lớn, một kẻ sĩ thứ thật vào ở trong một cái chuồng lợn. Những tên tuổi như Trần Dần, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Trần Lê Văn, Sĩ Ngọc, Văn Cao... tan tác trong một

sớm một chiều. Đó chỉ là danh tính của những người đã nổi lên trên mặt tầng, còn biết bao người đã ngã quỵ trong tăm tối như Tô Hoài cho biết trong "**Cát Bụi Chân Ai**".

Theo tiết lộ của Văn Xương, một người bạn cũng dân bộ đội phục viên như Phùng Quán, và đã dậy Phùng Quán nghề "câu cá" độ nhật, khi cái bẫy đời đã ập xuống đầu ông: Những năm Phùng Quán 27, 28 tuổi mặt ông lúc nào cũng dàu dàu, nhầu nát, quân phục bạc mầu, gương mặt xanh xao hốc hác, ánh mắt buồn rầu u uẩn, Phùng Quán thường mua một bát cơm và một bát canh, với vẻ lơ đãng như không biết mình đang ăn gì. Câu cá hợp lệ phải mua vé hai đồng câu suốt ngày, nếu ngày nào không có cá cắn câu thì mất cả chì lẫn chài, do đó Phùng Quán đi theo phường câu trộm, thời gian này ông hay đọc thơ của Essinine, đặc biệt là câu: "*...Những số phận khác thường sinh ra thường định trước - Tôi không thành nhà thơ thì cũng thành trộm cướp...*". Trước kia Phùng Quán chê bia, cho là đắng, giờ đây ông nốc rượu cuốc lủi tì tì. Vì không được phép viết dưới tên mình, trong suốt ba mươi hai năm trời mầy mò trong tăm tối, để có thể sống được ông đã "viết chui" hơn năm chục quyển sách dầy mỏng, dưới hàng chục bút hiệu. Ông cũng câu trộm hơn 4 tấn cá. Ông được các bạn văn cùng thời vẽ chân dung ông thật giản dị: "Cá trộm - Rượu chịu - Văn chui".

Tôi có cảm giác không ổn, khi đọc lời giới thiệu tác phẩm "**Trăng Hoàng Cung**" của Phùng Quán do nhà xuất bản Thanh Văn ấn hành. Cái cách của người viết lời giới thiệu, chỉ nhìn những dòng thơ trong tác phẩm này như là những bài thơ tình thuần túy. Tôi nghĩ có một cách hiểu "Nàng Thơ" của Phùng Quán khác hơn. Cả cuộc đời ông là một bài thơ hùng tráng, lẫm liệt, quật cường. Nàng Thơ của ông chính là cuộc đời, cho dù cuộc đời đối với ông có tệ bạc, phũ phàng thế nào chăng nữa, ông vẫn chiến đấu, vẫn làm thơ cho cuộc đời tươi tốt hơn. Giản dị mà nói thì toàn bộ tác phẩm ngắn gồm thơ trộn lẫn với văn này, là một thí dụ điển hình cho thành ngữ: "Ý tại, ngôn ngoại". Cho dù có một mối tình thật sự của Phùng Quán với một giai nhân nào đó, cho dù ngôn ngữ thi ca của ông trong tác phẩm này đầy dẫy những "anh" và "em", tôi vẫn không tin đây là những bài thơ tình thuần túy. Tôi tin tưởng mãnh liệt vào điều này bởi vì trong "Khai Từ" của cuốn sách do chính Phùng Quán viết, tôi đọc được những điều sau đây:

"Có những phút ngã lòng
Tôi vịn câu thơ mà đứng dậy.

...

Cạn thơ giữa cuộc đời, tôi quyết định rời bỏ thành phố, gia đình, bạn hữu, giữa cái tuổi năm mươi, lên rừng đào tìm mạch thơ giữa thiên nhiên.

Tôi đã sống suốt ba năm trong cái lán lợp tranh lá nứa, giữa một bãi đất phù sa cổ hoang vu, vùng đồi núi Thái Nguyên, mọc lút đầu cỏ dại và cây trinh nữ xanh. Xung quanh bãi đất hoang, con suối lớn Linh Nham vây bọc. Bàn ghế

là rễ cây chết tôi lặn lên từ lòng suối. Giường nằm là cây Cơi cổ thụ bị bão xô bật gốc, con suối Linh Nham mang từ rừng đại ngàn về, dâng lũ lên đến tận thềm lán, trao tặng tôi. Tôi vạt bằng mặt trên thân cây bằng rìu, rồi đục lõm sâu xuống, phảng phất hình cái áo quan; mùa đông nằm vào đó tránh được cái giá rét và sơn lam chướng khí. Tôi sống cùng một con chó, một con heo, một bầy gà; ăn bắp, sắn, rau lang, ốc suối, tôm cá tự đánh bắt lấy.

Mưa lũ không ai dám vượt suối dữ Linh Nham, nên có khi mười ngày liền không nói tiếng người. Trong ba năm thì có hai người bạn lặn lội tìm đến thăm. Trần Quốc Vượng, giáo sư sử học; Đỗ Quốc Thuấn, một bạn làm thơ trẻ.

Trước mặt lán, sát bờ suối, tôi đào cái huyệt rộng một mét, dài hai mét, sâu mét rưỡi. Tôi nguyền nếu không tìm thấy Thơ, tôi sẽ lăn xuống đó...

Đàn mối đất phù sa
Sẽ thay phu đào huyệt
Bao nghiệt ngã trần gian
Chỉ một tuần vùi hết..."

Tôi chưa được đọc một tác phẩm nào trọn vẹn của ông ngoài **Trăng Hoàng Cung**. Theo cách nhìn rất chủ quan của tôi thì cuốn sách này không phải là một cuốn sách hay. Có lẽ lần đầu tôi bắt gặp thơ Phùng Quán trong "*Lời Mẹ Dặn*" tạo cho tôi ấn tượng quá lớn. Khi đó tôi hai mươi tuổi, nhìn cuộc đời giản dị và lý tưởng. Những lời thơ tôi đọc trong tuổi thanh xuân đó đã chỉ hướng phần nào cho cuộc đời tôi sau này. Vả lại hình ảnh ông tôi mang trong đầu là hình ảnh của một "kẻ sĩ" trong thế trận bối thủy. Ông tựa lưng vào bờ sông, đánh những đường gươm chí tử cho bản thân ông và cho cuộc đời. Trước mặt ông, hàng hàng lớp lớp những con người, tiêu máu xương dân chúng như tiêu bạc giả đang ùn ùn kéo tới. Thế mà ông vẫn sống còn, cho dù sống như cánh cò trắng phau, bay qua nền trời chiều chập tối.

Trong các tác phẩm xuất hiện dưới tên Phùng Quán, người ta hay nhắc tới **"Vượt Côn Đảo"** và **"Tuổi Thơ Dữ Dội"**, tôi chưa có dịp đọc hai tác phẩm này, nhưng cũng trong bài viết của Văn Xương, đăng trong báo "*Người Hà Nội*", tôi nghĩ **Tuổi Thơ Dữ Dội** gồm một bộ ba cuốn là một tác phẩm hay. Nhân vật chính của tác phẩm này, một cậu bé liên lạc viên 13, 14 tuổi, bị nghi ngờ là Việt Gian. Cuối cùng khi đã bị đạn, thương tích đầy thân thể, vẫn cố gắng liên lạc về với anh Trung Đoàn Trưởng, chỉ để thều thào trước khi chết: *"..Anh ơi! Em không phải là Việt Gian, em là Vệ Quốc Quân..."* Tôi tin chắc nhân vật chính này có mang phần nào hình ảnh của chính Phùng Quán. Bởi vì ông đã từng là liên lạc viên trong thời niên thiếu.

Ông được mọi người nhìn ông như là "Cá trộm - Rượu chịu - Văn Chui". Ông đã hoàn tất hơn năm chục tác phẩm dưới dạng "Văn chui" với rất nhiều bút hiệu này. Tôi không hiểu sau khi ông nằm xuống, những người làm văn học trong nước có bao giờ nghĩ đến những đóng góp âm thầm, như những bào thai phải đẻ non này. Cóp nhặt, tuyển chọn lại những đóng góp có giá trị

cao, in thành một "**Phùng Quán Toàn Tập**". Phải có một cố gắng nào đó để trả ơn cho một nhà văn, nhà thơ đã vì sự sống còn của một xã hội, một dân tộc mà hứng chịu không biết bao nhiêu là oan khiên, cay đắng. Bị bỏ đói, bị lăng nhục, bị chèn ép đến độ không được sống như một con người. Thế mà ông vẫn không bao giờ oán hận cuộc đời. Ông chỉ thản nhiên sống như một con người.

Tôi không biết Phùng Quán có khi nào đọc Herman Hess, nhưng cách ông sống làm cho người đọc ông liên tưởng tới một ý tưởng của nhà văn Đức nêu trên: "*Cho dù có phải đau đớn quằn quại cách mấy đi chăng nữa, tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian điên dại này...*"

Đúng như thế, ngoài hai bài thơ đăng trong **Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc**, cùng tập sách mỏng **Trăng Hoàng Cung** của Phùng Quán, tôi chưa được đọc những tác phẩm khác của ông. Nhưng chỉ cần có một bài thơ *Lời Mẹ Dặn* không mà thôi, ông đã có một chỗ ngồi chắc chắn trong văn học Việt Nam cận đại. Tôi có cảm giác là những đóng góp của ông trên lãnh vực văn học tuy lớn, nhưng hình như không lớn bằng chính cuộc sống của ông.

Hình như các nhà văn, nhà thơ luôn luôn là kẻ tiên tri cho chính mình. Phùng Quán cũng vậy, làm như ông đã nhìn thấy trước cái chết của ông trong một tầm gần. Cách đây chưa đầy một tháng, tôi nhận được số Xuân *Văn Học*. Cũng như thường lệ hàng năm số báo này là số báo đúp, dầy hơn hai trăm trang, như một quyển sách. Tôi lật qua những trang đầu. Nơi trang mục lục tôi đọc thấy tên Phùng Quán và bài viết "*Chút Nghĩa Cũ Càng*" của ông. Lúc đó tôi đang bận làm một công việc gì đó trong tòa soạn *Người Việt*, nhưng tôi nhớ như in, tôi bỏ dở công việc đang làm, vào thư viện, ngồi một cách nghiêm chỉnh nơi bộ bàn ghế mới mua, còn thơm mùi vải mới. Tôi chọn một thế ngồi ngay ngắn, chăm chú đọc bài viết của một thi sĩ đã làm tôi chấn động trong tuổi thanh xuân. Tôi cũng phải thú thật một điều: Người viết lời giới thiệu cuốn **Trăng Hoàng Cung** làm cho tôi lơ là khi đọc tác phẩm này.

Thành thử giữa hai lần đọc Phùng Quán một cách nghiêm chỉnh, có một khoảng cách hơn ba mươi năm. Lần đầu đọc thơ *Lời Mẹ Dặn*, tôi 20, và lần này đọc văn *Chút Nghĩa Cũ Càng* tôi đã 52. Hình như khoảng thời gian 32 năm cũng bằng khoảng thời gian Phùng Quán bị truy nã, trù dập. Ông và tôi có những tiểu dị trong các đại đồng: Ông và tôi cùng mặc quân phục, chỗ khác nhau ông quân phục miền Bắc và tôi quân phục miền Nam. Ông và tôi cùng bị lưu đầy, tôi lưu đầy ngoài nước, còn ông lưu đầy ngay chính nơi chôn nhau cắt rốn. Ông và tôi cùng cơm hàng cháo chợ, ông ăn cơm trong "bụi", tôi ăn "food to go". Đó là tôi chưa kể tới ông và tôi cùng viết văn và làm thơ. Ông "văn chui", còn văn chương của chúng tôi nơi đây, người ta rao bán ê hề như những đồ dùng một lần rồi bỏ.

Hai lần đọc ông tôi có hai cảm giác khác nhau. Lần đầu là máu chẩy bừng bừng trong huyết quản, lần này là một chút hiu quạnh trong lòng. Thơ của ông ngày trước cho tôi những phẫn nộ, tưởng như sắp xăn tay áo xông về phía trước. Văn của ông bây giờ cho tôi những đau sót bồng bềnh, như những đám

mây trắng nõn trên trời. *Chút Nghĩa Cũ Càng* ông viết về cái chết của nhà thơ Đoàn Phú Tứ, một thi sĩ lớn của văn học thời tiền chiến. Tất nhiên trước khi viết về cái chết của tác giả **"Màu Thời Gian"**, ông duyệt qua những chông chênh cay đắng trong những năm tháng cuối đời Đoàn Phú Tứ. Nào có khác gì đoạn đời của chính ông mấy năm gần đây. Mỗi người khổ một cách khác, đau một cách khác, nhưng sống thì cùng chết dở như nhau. Tôi trích ra đây một đoạn ngắn Phùng Quán viết về Đoàn Phú Tứ, nhưng có lẽ ông cũng viết cho chính ông:

"...Nhà thơ ngồi trên cái hòm gỗ thông xập xệu. Bức phản gỗ được dọn dẹp quang một góc làm bàn viết. Cạnh các tác phẩm của Ra- bơ-le, Stăng-đan, Íp-xen... mà ông đang dịch thuật theo một hợp đồng nào đó, là mùng mền cũ nát ám khói, những cái gối đen đúa mồ hôi, chiếc chiếu rách xơ cuộn tròn, một chai rượu sắp cạn đến đáy, vài cái chén sứt quai... Tóc ông ngả màu bạc cổ, dợn sóng, đuôi tóc xoăn mềm mại lòa xòa quanh gáy, ria mép hơi vểnh lên, chòm râu nhọn được xén tỉa cẩn thận, làm tôn thêm vẻ đẹp thanh tú, quý phái của gương mặt ông. Nom ông như một đại công tước Nga, thời Sa Hoàng đang chơi trò giả trang. Tôi thường ngắm gương mặt ông và thầm nghĩ: Đó là một vẻ đẹp bền vững của thời gian, sự nghèo đói, túng quẫn không sao tàn phá nổi. Và tôi chợt hiểu tại sao vợ ông, chị Khiêm, kém ông những hai mươi tuổi, khá xinh đẹp, con nhà gia thế đã yêu ông say đắm, bỏ cửa bỏ nhà để theo ông...

Nhưng rồi năm tháng và cuộc sống cùng quẫn đói nghèo đã làm lụi tàn đi tất cả... Lụi tàn tình yêu, lụi tàn hy vọng, lụi tàn mộng mơ..."

Chỉ một đoạn văn ngắn, người đọc bắt gặp không biết bao nhiêu là hình ảnh, trộn với tình cảm, cộng với xót xa, hòa với khổ đau của Phùng Quán dành cho Đoàn Phú Tứ và dành cho chính Phùng Quán. Thế nhưng văn phong lạnh lùng, thản nhiên, cam chịu, không có vẻ gì là quỵ lụy, phân bua mà kỳ diệu thay người đọc còn bắt gặp được cái nồng, ấm, dịu dàng, thương yêu giữa hai người bạn.

Tôi chưa bao giờ được nhìn thấy dung nhan ông, nhưng cảm giác về ông thì thật là gần gụi. Trong khi đó nơi tôi đang sống, đang lăn lộn với đời có những người tôi biết mặt, quen tên, thỉnh thoảng có bắt tay mà tôi thấy hình như xa hàng vạn dặm. Càng ngày tôi càng đọc được nhiều tài liệu nói về những nhà văn đích thực của miền Bắc. Bốn chục năm trước là những Phan Khôi, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Văn Cao, Lê Đạt... và bây giờ là những Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Lưu Quang Vũ, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Trần Văn Thủy... Tất nhiên tôi đang nói tới những người cầm bút ngoài miền Bắc, nên không thể liệt kê những tên tuổi như Doãn Quốc Sĩ vốn là nhà văn của miền Nam, mặc dầu Doãn Quốc Sĩ là người miền Bắc. Chao ôi! cái chữ Bắc, Nam này mỗi lần nghe thấy là một lần tôi phải nhìn trước ngó sau. Thiệt ra Nam và Bắc nếu có, chỉ nằm trong tấm lòng của mỗi con người.

Những tài liệu đã đọc khiến cho tôi cảm thấy tôi phải làm việc nhiều hơn nữa, bởi vì những nhà văn, nhà thơ đích thực trong nước hầu như đã làm được

nhiều việc đáng kể, đã mô tả gần đủ xã hội họ đang sống. Để làm được điều này, trong gần nửa thế kỷ qua có nhiều nhà văn trước khi ngã xuống đã bị sỉ nhục, bị đầy ải, bị trấn áp, đè nén... Trong khi ở ngoài này dường như nhà văn chúng ta chỉ mới chạm được tới vành ngoài của sự thật. Chúng ta có quá nhiều điều để viết mà hình như chúng ta chưa...muốn viết. Nếu như "Sự Thật" có hai mặt, thì mặt bên trong dường như đã được vẽ lại gần đầy đủ, trong khi mặt ngoài ở phía chúng ta thì chỉ mới có vài nét phác họa sơ khởi.

Tin Phùng Quán mất đến với tôi thật ngỡ ngàng. Những cơn mưa bão bất thường của California tưởng như kéo dài bất tận. Tôi mang số Xuân *Văn Học* ra đọc lại bài viết của ông. Chữ và nghĩa còn rành rành, giấy còn thơm mùi mực. Tôi gọi điện thoại cho K. H., một người có duyên với ông hơn tôi, vừa mới gặp ông không đầy một tháng. Té ra anh đã biết trước tôi vài tiếng đồng hồ. Anh hứa cho tôi mượn tấm hình anh chụp Phùng Quán cách ngày ông mất không đầy một tháng. Anh lội mưa mang hai tấm hình tới tôi. Một tấm ảnh Phùng Quán đang đọc thơ, tấm còn lại đang hút điếu cầy. Trong ảnh Phùng Quán già hơn tuổi thật nhiều. Ông thua Hoàng Cầm, Văn Cao cả chục tuổi, thế mà trong ảnh ông có vẻ già hơn Văn Cao, hom hem hơn Hoàng Cầm.

K.H. cho tôi biết khi anh gặp Phùng Quán thì cái bụng của ông đã to chướng lên. Với những người bị bệnh xơ gan cổ trướng như Phùng Quán, mà bụng bắt đầu to là bắt đầu có chuyện. Thế nhưng ông trấn áp những cơn tàn phá thể xác bằng một vẻ thản nhiên như không có gì. Ông vẫn cười nói tự nhiên, vẫn rượu, bia, thuốc lào, thuốc lá. Vẫn thức khuya, chong đôi mắt nhìn thấu bóng đêm, ngắm bóng mình trên vách. Tất nhiên ông hiểu bệnh trạng ông hơn ai hết, nên ông an nhiên chờ. Ông đã sống một đời người lính bảo vệ tổ quốc. Ông đã sống đời một nhà thơ, viết những bài thơ hệt như bản tuyên ngôn của những người cầm bút chống lại bạo quyền. Ông đã sống đời một nhà văn, dùng ngòi bút mình chấm vào Sự Thật, và chấp nhận bất cứ một hậu quả nào. Sống tới ba con người trong một thể xác như thế, mà kéo dài sự góp mặt với đời sống, dưới một chế độ cai trị lạnh lùng, khắc nghiệt của miền Bắc được hơn 60 năm, thì quả là một kỷ lục.

Mà lạ một điều, những con người phải đối phó với nhiều nghịch cảnh như ông thì lại hay sống dai. Cho tới nay những ngôi sao *Nhân Văn* còn nhiều. Trần Dần, Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Hữu Loan, Trần Lê Văn, Văn Cao... vẫn còn là những chứng nhân cho một giai đoạn khốc liệt của lịch sử Việt Nam cận đại. So với những danh tính vừa kể 40 năm trước đây Phùng Quán là tay xung kích trẻ tuổi nhất của toàn nhóm *Nhân Văn*. Ông vội về làm chi, trong khi các nhà văn lớn tuổi hơn ông, ngoài 70, vẫn còn nhiều người chưa chịu chết, vẫn còn nhiều thân thể chỉ còn da với xương, nhưng đứng thật thẳng trên đôi chân, và cái cổ tuy có gầy gò, khẳng khiu nhưng không bao giờ chịu gục xuống.

Ông vội về làm chi, đường trần vẫn còn nhiều điều cần nói. Vẫn theo bài viết của Văn Xương: Ông đã phát thệ ba điều, ông làm được cả ba điều. Nhà

văn Việt Nam như thế là nhất, bởi vì ba điều đó thuộc về danh dự của người cầm bút. Thế là ông không còn nợ đời, mà dường như đời thì nợ ông nhiều lắm. Sao không sống thêm ít năm, xem chừng ra bánh xe lịch sử đang quay, đời sắp trả nợ ông thì ông lại cho đời một cơ hội quỵt. Ông đâu có giầu có gì, nhưng xem chừng ra vẫn hào phóng như tay lính trẻ trinh sát ngày nào. Đám tang ông diễn ra tại Hà Nội, mặc dù ông viết thơ cho một người bạn văn ở ngoài này là ông muốn được chôn trong mùi thơm của thông Ngự Bình. Theo một nguồn tin tôi đọc được, đám tang ông có 500 người đưa tiễn, một nguồn tin khác cho biết có tới 2000 người. Số người đi đưa như thế nhiều hay ít đối với một nhà văn, nhà thơ có ơn với đời? Chỉ một bài thơ *Lời Mẹ Dặn* không mà thôi, đời cũng đã nợ ông nhiều. Tôi không nghĩ Phùng Quán coi điều này là quan trọng. Điều quan trọng với ông chính là ông đã "Sống" và "Chết" như thế nào? Và đó cũng là điều những người quan tâm đến văn học trong thời cận đại phải biết: Ông đã sống như một *"Nhà văn - Nhà thơ"*, và ông đã chết như một *"Con Người"*.

Trong đám tang ông, người đọc điếu văn hẳn là Hoàng Cầm, chứ còn ai vào đây nữa, bởi vì gần đây khi Hoàng Cầm suy sụp, chính Phùng Quán là một trong những người muốn vực Hoàng Cầm dậy. Phùng Quán đã làm một bài thơ để đẩy lui những mầm suy tàn trong con người Hoàng Cầm, để ươm lại mạch thơ cho bạn và cho chính ông. Ông cũng vẫn là một tiên tri cho cái chết của ông, đằng sau quan tài của ông, không phải chỉ có thân nhân và bằng hữu. Còn có cả những người ông không biết mặt quen tên. Ấy là không kể tới những người xa cách ngàn trùng, muốn về đưa tiễn ông đến nơi an nghỉ cuối cùng, nhưng hoàn cảnh chính trị không cho phép. Tuy nhiên tôi tin chắc đằng sau quan tài ông, có một chút nhỏ phần hồn của núi sông, của Đảo Côn Sơn, suối Linh Nham, sông Hương, núi Ngự, hay của những cái hồ mà ông câu trộm cá trong những năm khốn đốn nhất trong cuộc sống ông. Tôi xin chép lại đây bài thơ của Phùng Quán tặng Hoàng Cầm để chấm dứt bài viết viết về cái chết của ông. Ghi lại bài thơ này để hiểu rằng tại sao người đọc điếu văn trước nấm mộ Phùng Quán phải là Hoàng Cầm, và bên cạnh đó phải là những ngôi sao đã tạo nên vòm trời *Nhân Văn* ngày nào.

Thơ Phùng Quán Tặng Thi Sĩ Hoàng Cầm
Tôi tin núi tàn!
Tôi tin sông lấp!
Nhưng tôi không thể nào tin:
Một nhà thơ như anh lại ngã lòng suy sụp
Tôi tin, nhà thơ anh đã viết:
Cách đây 30 năm
Những vần thơ lẫm liệt!
Tiểu đội anh, những ai còn và ai mất?
Không ai còn ai mất,
Chỉ chết cả mà thôi!

Người sau kẻ trước lao vào giặc,
Giữ vững ngàn thu một giống nòi.
Thế gian có một ngàn con sông,
Và một ngàn nhà thơ lớn.
Nhưng chỉ có một giòng,
May được thơ xưng tụng,
Nhờ đó mà vang vọng,
Nhờ thơ mà vinh danh,
Đó là con sông Đuống,
Con sông của quê anh,
Mà anh xót xa như bàn tay anh ngón rụng.
Tôi có một niềm tin,
Chắc như đanh đóng cột.
Ngày mai anh nhắm mắt,
Đi sau linh cữu anh,
Ngoài bạn hữu gia đình,
Có cả con sông Đuống.
Sông Đuống sẽ mặc đại tang,
Khóc bên bồi bên lở,
Sóng cuộn bờ nức nở,
Ngàn đời chịu tang anh.
Tôi tin núi tàn!
Tôi tin sông lấp!
Nhưng tôi không thể nào tin
Một nhà thơ như anh
Lại ngã lòng suy sụp.

Phùng Quán

Việc Phùng Quán tin vào con sông Đuống sẽ khóc Hoàng Cầm bên lở bên bồi còn có thể hồ nghi, nhưng tôi tin khi nào còn những bà mẹ yêu thơ, dặn dò, dậy dỗ con cái thì ngày đó vẫn còn có người nhớ tới Phùng Quán, người đã làm bài thơ "*Lời Mẹ Dặn*", và đem tặng những vần thơ này cho đời.

HOÀNG KHỞI PHONG



THƯỜNG QUÁN

để được lời nói

● *Khóc thi sĩ Phùng Quán*

Không một hiên chùa một hiên sân nhà thờ
tôi khóc anh đứng giữa đường phố
cái nắng khô cuối mùa hè
bây giờ tôi biết tại sao gió lặng lẽ mà ăn hết
chia tay anh, mây là đá mộ,
không phải thế, anh nói, mây là đá
anh lập lại chữ - chữ khô khan thẩn thẩn,
khẳng khái mà công bằng
không phải chỉ có thế, khi tất cả đã mất đi,
anh nói, chữ là chân tình
chữ là đất, chỗ ta đứng
chia cho muôn con người rách áo cơm
tôi nhớ mấy đêm ngồi với anh dưới một bóng đèn vàng
nhìn ra đêm tối, cái gì lặng lẽ thăm thẳm
những mái nhà đau đáu
ngọn gió cũng đòi mang những đôi mắt
phần lành lặn thua sút biết mấy phần tích lũy
của cái đau không tính được bằng số
vẫn ném về bất kể những chiếc khung méo mó số phận
bằng đôi tay vẫn lại của những con người
hỗn hợp u tối, sợ hãi, hung bạo, hãnh điệu
tôi nhớ anh đã đi qua
nhiều đêm đói và nhiều ngày biếm nhục
sống chung đụng với nửa phần kia của con người
chấp nhận, can đảm, thầm lặng, mơ mộng
đứng trên vuông thềm những ngôi nhà cháy
lượm lặt từng trang
nén tiếng khóc để được lời nói...
Nhưng giờ thăm đã muộn màng
năm cùng tháng tậm đêm qua giấc ngủ ngắn tôi đi về
ngôi nhà sườn cột còn nguyên chứng tích trận cháy nám đen
thềm nhà sũng nước lụt và những tiếng nổ dội buốt nhức

sáng nay nguyên đán TDB điện báo tin anh mất -
để được lời nói để được lời nói
anh,
người ta không phải chỉ lật lại
những giấc mộng tối đen đêm qua, nén những lời nói dối
rằng mình không biết
khóc đôi lần

thư cuối năm gửi anh phùng quán

Kẻ câu trộm cá
ở trọ trong căn chòi của Prométhée
lối nào bếp lửa nhân sinh
đường về uống chén rượu thanh thản
bầu trời không tuổi
trẻ thơ mọc răng non giữa chợ
kẻ câu trộm cá
nắm rong xanh mắc giữa trời
chọn thêm chỗ nghèo ngặt
vừa gỡ bằng sinh mạng lại lẩm nhẩm:
Mấy nồi canh nước suông
sẽ đủ cho mọi người đứng trên một vuông đất?

●
Cái gì đã cho không
thần Zeus cũng không thể lấy mất.
Ở đêm đã đóng sập, gió đe lửa
Chính là những căn nhà trái đất
neo những mảnh sao ốm nước
●
chỗ đáy chiều chao lọn sóng
lưỡi kiếm sét mảnh như sợi tóc
cũng không cắt được.
Đi trong đêm tối hát bằng thơ ca
sự sống bao kẻ vất đi không thương tiếc
không thiết cảm tạ
nhưng những đời cá thức đêm ăn chút bùn đất
nếu chẳng vì ta
thì chắc vì một lưỡi câu chịu trận:

Ai vô đây. A đốm lửa ma trơi lận đận
không phải chỉ trong mắt cá ao nước tối bưng
đường dây chùng - có cái gì nào đâu quá sáng quá lớn
ngọn gió thổi mạnh: được, mất
như vậy
liếp cửa mở sẽ tiếp tục cỏ và
mối dại

•

Đọt lá cảm hàn khuya ai qùa xin
gửi lòng bàn tay chất đạm biết ngụm hồi phục
những con người đi về lòng vòng hoạn nạn
quanh nước nôi, gió khô hạn tiếp tục gió khô hạn.

THƯỜNG QUÁN



TRẦN NGỌC TUẤN

lều thơ ven hồ

● Kính tặng linh hồn nhà thơ Phùng Quán

Con cá hồ Tây đêm không quẩy nát trăng
Gió ngơ ngẩn vì lều thơ vắng chủ
Thấy hồn Đỗ Phủ
Cùng Phùng tiên sinh cao giọng đọc thơ Đường

Bao bài thơ của Người phải vụng trộm chuyển trao
Không ai dám in trên mặt báo
Những bài thơ như đã làm ra bão
Thổi sạch trơn nỗi sợ hãi ở con người
Có một thời
Viết thơ trên đá
Giấy bút bị cầm tù
Bởi tiếng đầu nghe "lời mẹ dặn"
Kẻ sĩ như người
Thiên hạ được mấy ai?

Lều thơ, chén rượu, trăng lên...
Nhà thơ sống và làm ông Lã Vọng
Nào có lẻ loi
Lũ nhiều chữ chơi ngông không mời vẫn tới

Tôi không tin người làm thơ sẽ chết
Bởi thơ luôn bất tử trên đời
Họ chỉ đi xa và về bất chợt
Trên miệng môi người và trong những trái tim

TRẦN NGỌC TUẤN

Ngày 24 tháng 2 năm 1995

Tiếp theo tin buồn về cái chết của nhà văn Phùng Quán, chúng ta vừa có một tin vui: Nhà văn Doãn Quốc Sỹ cùng gia đình đã sang định cư tại Hoa Kỳ.

Cũng như Phùng Quán, những ai từng quan tâm đến văn học nghệ thuật, đều không lạ gì tên tuổi của nhà văn Doãn Quốc Sỹ: Ông từng bị tù tổng cộng mười ba năm. Trừ ra mười ba năm ấy, những năm còn lại, trong suốt hai mươi năm kể từ 30 tháng tư, 1975, nhà văn Doãn Quốc Sỹ vẫn không xa rời ngòi bút, như ông đã trả lời phỏng vấn cho một cơ quan truyền thanh khi vừa đặt chân đến vùng đất mới: Đã là kiếp tằm, sinh ra thì phải nhả tơ, tôi là nhà văn, tôi còn biết làm gì hơn là viết? Để chứng minh cho lời nói ấy, nhà xuất bản *Văn Nghệ* sắp phát hành ba tác phẩm mới nhất của ông: 1) *Mình Lại Soi Mình*, 2) *Người Vái Tứ Phương*, và 3) *Dấu Chân Cát Xóa.*

Theo một vài văn hữu đã có dịp đọc qua ba tác phẩm mới nhất này của nhà văn Doãn Quốc Sỹ, thì, dù đã bị đày ải trong tù tội, dù từng sống khốn đốn giữa một môi trường đảo điên, thế nhưng văn chương của ông vẫn rất khoan hòa, nhân ái và thanh thản. Vẫn đầy ắp tình người và ngời ngời cái đẹp của thiên nhiên, của xây dựng, của lý tưởng.

Một con người như thế, một tâm hồn như thế, một nhân cách như thế, rất đỗi hiếm hoi trong thời buổi này.

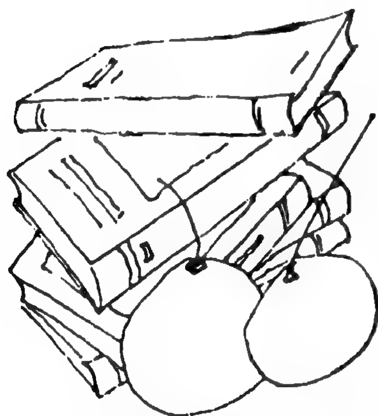
Thay mặt ban chủ trương Hợp Lưu, Kim Thi chúc nhà văn Doãn Quốc Sỹ cùng gia đình sớm ổn định mọi mặt, đồng thời cũng thiết tha mong mỏi ông đủ sáng suốt để đừng bị rơi vào những trò xiếc rẻ tiền của bọn cơ hội, chắc chắn đang sắp hàng chờ dịp hành nghề

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



THIÊN SỨ, Phạm Thị Hoài. Trình bày bìa Lương Xuân Đoàn. Tái bản lần thứ nhất bởi Hội Nhà Văn. Giá 12.000$VN.

Bản in lần này có sửa chữa, trên giấy trắng, bìa màu, tráng láng.

Cũng nên nhắc lại, đây là cuốn tiểu thuyết mỏng, gồm hai mươi chương, với mười chín nhân vật (kể cả tác giả), là tác phẩm đầu tay của một nhà văn mà theo nhận xét của nhiều nhà phê bình trong lẫn ngoài nước: mới mẻ, cô đọng, súc tích, với những nét châm biếm ý nhị và thông minh, những suy tưởng giàu trí tuệ. Cùng Nguyên Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Bảo Ninh... Phạm Thị Hoài là một trong những "kiện tướng", tiên phong mở đường cho một thời kỳ văn học đầy triển vọng của Việt Nam hậu chiến.

BÓNG THIÊN ĐƯỜNG I, tiểu thuyết Trần Long Hồ. Bìa Đinh Cường, Minh Văn xuất bản 1995. Giá 15MK.

Là quyển thứ 3 trong bộ trường thiên *Dung Thân*, tiếp theo *Cõi Sa Mù* (quyển 1) và *Cửa Địa Ngục* (quyển 2).

Theo tác giả, hai quyển đầu chỉ là phần mở của bộ trường thiên, đến quyển này, người đọc mới chính thức bước vào nội dung truyện. Như vậy, bộ trường thiên hứa hẹn sẽ có một chiều kích thật rộng lớn. Cũng theo tác giả, *Bóng Thiên Đường* được chia làm hai tập, tập hai sẽ ra mắt độc giả nay mai. Tác giả còn cho biết: vì khuôn khổ hạn hẹp của một cuốn tiểu thuyết, *Bóng Thiên Đường* chỉ mới nói lên, phần nào, những cảnh ngộ đau lòng trong một

đất nước phân ly và một xã hội hỗn mang mà tình người đã sớm thui chột. Một nơi mà đời sống không thể tạo nổi một niềm tin nào và con người cũng chẳng còn chỗ dung thân trên quê hương của chính mình. Tất nhiên, vì chỉ mới "bước vào nội dung", nên mọi nhận xét, phê phán hình như rất khó trung thực, chúng ta nên chờ, khi bộ trường thiên hoàn tất, lúc ấy, chắn chắn sẽ có những bài phê bình nghiêm túc. Và cũng đến lúc đó, nhận xét của chúng ta mới không bị khúc xạ bởi chủ quan.

THỤ NHÂN, số đặc biệt 1995 do Hội Ái Hữu Viện Đại Học Đà Lạt tại Houston, Texas thực hiện. Không ghi giá.

Với sự đóng góp của các giáo sư và cựu sinh viên cùng thân hữu, như Linh mục Ngô Duy Linh, Linh mục Vũ Minh Thái, Sư huynh Nguyễn Văn Kế, Giáo sư Trần Long, Nguyễn Xuân Hoàng, Lê Thị Huệ, Nguyên Lương, Phong Châu...

Một tuyển tập thơ văn được thực hiện để "ôn lại kỷ niện vui buồn của thời sinh viên".

ĐÀN BÀ, tập truyện Hải Vân - Phạm Văn Hải, bìa tác giả. Thế Kỷ 21 xuất bản. Giá 10MK.

Người đọc thắc mắc: Hải Vân và Phạm Văn Hải chỉ là... một người. Vậy tại sao phải chia tác phẩm làm hai phần. Phần một ký Phạm Văn Hải, với 4 truyện ngắn. Phần 2, ký Hải Vân, với 10 triện ngắn? Người đọc thắc mắc, vì đọc qua nội dung cuốn sách, nhận thấy 14 truyện ngắn trong tuyển tập đều có cùng một bút pháp, một văn phong, và cùng xoay quanh một chủ đề trung tâm: Đàn bà? (Đàn bà yêu - và được yêu; đàn bà ghen - và bị ghen; đàn bà đoan trang - và dễ dãi; đàn bà trắc nết - và buông tuồng; đàn bà ngoại tình - và thủy chung; đàn bà khó hiểu - và dễ... hiểu; đàn bà giản dị - và rắc rối...) Phải chăng tác giả muốn ngầm xác định với người đọc: Hải Vân tức Phạm văn Hải, một người, hai bút hiệu?

Trước đây vài năm, khi các truyện ngắn của Hải Vân-Phạm Văn Hải xuất hiện trên báo chí (nhiều nhất trên tạp chí Thế Kỷ 21), đã ít nhiều gây xôn xao dư luận: hình như truyện của ông thấp thoáng bóng dáng của những nhân vật đàn bà "có thật". Họ sinh hoạt quẩn quanh đâu đó tại vùng đất ông đang sinh sống.

Thời gian qua đi, các truyện ngắn ấy được thu góp lại thành sách. Đối với người giữ mục này, và có lẽ cả độc giả, "có thật" hay "hư cấu" không phải là chuyện quan trọng. Văn chương, của bất cứ tác giả nào, lại không lấy chất liệu từ cuộc đời? Điều đáng bàn là bằng vôi vữa đó, khi biến thành chữ, nó có trở nên văn chương hay không? Qua "Đàn Bà", Phạn Văn Hải sẽ trả lời cho độc giả câu hỏi ấy.

MUÔNG CẦM TRẠI, truyện cổ tích George Orwell, bản dịch Hà Minh Thọ, từ nguyên bản tiếng Anh "Animal Fam: A Fairy Story". Diễn Đàn

Magazine (Đức) xuất bản. Không ghi giá.

"Đây là lịch sử về một cuộc cách mạng đi trệch hướng - và về những lời biện hộ khôn khéo lúc nào cũng sẵn để xuyên tạc học thuyết ban đầu"

Orwell đã viết như vậy cho lời giới thiệu trong lần tái bản đầu tiên của "Muông Cầm Trại" năm 1945.

Bầy muông thú ở một trang trại đánh đuổi chủ của chúng đi, giành lấy trang trại và tự điều hành công việc. Cuộc thử nghiệm hoàn toàn thành công, trừ mỗi việc không may là phải có ai đó thế chỗ chủ trại cũ. Vai trò lãnh đạo hầu như tự khắc rơi vào tay con lợn...

Câu chuyện ngụ ngôn giản dị mà sâu sắc của Gheorge Owel đã trở thành tác phẩm kinh điển nổi tiếng thế giới nhiều thập niên qua, và bây giờ, xuất hiện dưới dạng Việt ngữ, có lẽ lần đầu tiên. *Hợp Lưu* trân trọng giới thiệu với độc giả.

ĐÁ & HOA, thơ Song Hồ. Bìa và ảnh: Văn Vũ. Minh họa Nam Thanh. Hướng Dương xuất bản. Giá 12MK.

Song Hồ là bút hiệu ký dưới những bài thơ từ năm 1952.

Như vậy, người thơ này đã hệ lụy với thơ cả, tính đến nay, ngót nửa thế kỷ.

Thơ Song Hồ giản dị trong ngôn từ, nhưng chuyên chở trong nội dung những băn khoăn, bứt rứt của thân phận con người giữa cuộc đời, với bao nhiêu thúc phọc, trầm luân. Đây là một tập thơ khá "nhức đầu" cho những ai vốn xem thi ca là chỗ rong chơi, mơ mộng.

ĐI TÌM DẤU VẾT VĂN HÓA VIỆT TRÊN ĐƯỜNG BẮC MỸ, tập I, biên khảo Phạm Quốc Bảo. Bìa Nguyễn Đức trình bày. Tranh bìa "Chim Lạc Việt", của Nguyễn Văn Trung. Hình ảnh: Phạm Quốc Bảo và các báo ngoại quốc. Việt Hưng xuất bản 1995. Giá 15MK.

Tháng 8/1993, nhân dịp sắp hai mươi năm người Việt bung ra khỏi nước nếu lấy dấu mốc 30 tháng 4, 1975 làm chuẩn thời gian, Phạm Quốc bảo lên đường, đi qua mọi địa danh có đông người Việt cư ngụ khắp vùng Bắc Mỹ, để tìm hiểu đời sống, cũng như những thành công, những thất bại, những vui, buồn... của họ, và nhiều trường hợp điển hình, cụ thể đã được ông ghi chép lại, kèm theo nhận xét riêng.

Đầu tháng 1/1994, Hoa Kỳ bỏ cấm vận Việt Nam, Phạm Quốc bảo tìm hiểu thêm về những khác biệt kinh tế, xã hội và con người giữa Hoa Kỳ và Việt Nam ra sao. Sự tìm hiểu ấy cũng được "cô đọng hóa" bằng những trang sách nóng hổi tính thời sự.

Cuốn sách này bao gồm nội dung hai giai đoạn vừa nêu trên.

Được biết, tập hai của bộ biên khảo cũng đã hoàn tất, từ lâu. Tuy nhiên do hoàn cảnh in ấn khó khăn, vẫn chưa thể chào đời. *Hợp Lưu* rất mong tập một tác giả vừa phát hành sẽ được đông đảo người đọc đón nhận, để "làm bàn đạp" cho tập hai "mở mắt".

TRĂNG VĂN KHOA, tuyển tập thơ của nhiều tác giả. Nhà xuất bản Trẻ. Không ghi giá.

Gồm nhiều bài thơ của những người từng có một thời là "thư sinh", trên sân trường Đại Học Văn Khoa cũ.

"Chúng ta sẽ chơi một trò chơi. Chúng ta gọi những mùa trăng thư sinh về trong một sân vườn. Có những thư sinh tóc đã như màu trăng. Có những thư sinh còn ngồi học bài dưới bóng phượng. Có những thư sinh của những thế hệ khác nhau và những nẻo đường đời khác nhau. Có những tên tuổi đã nổi sóng từ lâu và những tên tuổi còn chưa tìm ra được bóng mình..." (Tựa).

Tập thơ có khá nhiều bài thơ hay.

TRUNG LUẬN, Nàgàrjuna, Thích Viên Lý dịch. Bìa Đinh Cường. Viện Triết Lý Việt Nam Và Triết Học Thế Giới Xuất Bản. Giá 14MK.

Từ khoảng thời gian khởi đầu Tây Lịch hoặc khoảng thế kỷ thứ II Tây Lịch, Long Thọ đã xuất hiện như một cái gì bất khả tư nghị đột nhập mặt đất. Từ thời đó cho đến thế kỷ thứ XX, gần hai ngàn năm, trong lịch sử tư tưởng triết học, đạo học và tôn giáo ở thế giới (cả Đông lẫn Tây phương), vẫn chưa ai có thể đáng được đứng gần mức độ siêu việt tột đỉnh của Long Thọ...

Con đường ý thức của nhân loại và nhất là của Việt Nam hiện nay đang đi đến chỗ bế tắc, và chỉ có tư tưởng của Long Thọ mới tiêu diệt được tất cả ý thức hệ hiện nay và mở đường rực sáng cho quê hương và cho toàn thể nhân loại... (Tựa, Phạm Công Thiện)

Trong năm 1994 và năm nay, Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới đã đều đặn cho ra đời nhiều tác phẩm rất... "nặng ký": *Lão Tử, Đạo Đức Kinh* (bản mới phát hiện năm 1993 tại Trung Quốc), *Sự Chuyển Động Toàn Diện Của Tâm Thức Trong Tư Tưởng Phật Giáo - Những Bước Chân Nhẹ Nhàng Trở Về Sự Im Lặng*"... và bây giờ *Trung Luận*, "một tác phẩm khó hiểu nhất trong những tác phẩm khó hiểu nhất của nhân loại" (P. C. Thiện). Người giới thiệu sách không dám... lộng ngôn bàn nhằng. Chỉ xin trân trọng giới đến độc giả, nếu không ngại nhức đầu, hãy đến bất cứ nhà sách nào trên toàn thế giới, mua một cuốn, về đọc.

ÂM BẢN, tập truyện Ngô Nguyên Dũng. Bìa và phụ bản Đinh Cường. Minh Văn xuất bản. Giá 11MK.

Tác phẩm thứ bảy sau *Dòng Chữ Tâm Tình, Mười Hai Hoa Cúc, Đêm, Tiếng Núi, Chuông Đêm, Gia Đình Cún*, gồm mười truyện ngắn, đa số đã xuất hiện trên các tạp chí văn chương hải ngoại.

Đã hơn một lần chúng tôi có nói: Ngô Nguyên Dũng là một trong rất ít tác giả tại hải ngoại đã viết văn với tất cả sự cẩn trọng và trách nhiệm. Ngày sau, các nhà làm sách giáo khoa có thể dễ dàng trích dẫn bất cứ đoạn văn nào của tác giả này để làm bài mẫu cho học sinh Việt văn, mà không sợ lầm lẫn.

Đó là về văn phong. Về nội dung, tác phẩm của Ngô Nguyên Dũng cũng cẩn trọng không kém. Ở ông, không có những bung phá ngoạn mục, những

tình tiết éo le, những action dữ dội. Trầm tĩnh, từ tốn, Ngô Nguyên Dũng đưa người đọc đi sâu vào mọi ngóc ngách nội tâm, đẩy người đọc chạm mặt với mọi "vấn nạn" muôn thuở: tình yêu, tình người, quê hương, lưu lạc...

BỤI ĐƯỜNG, truyện dài Vĩnh Hảo. Bìa Phượng Hồng. Chiêu hà xuất bản. Giá 15MK.

Tác phẩm thứ chín của cùng tác giả.

Có lẽ tại hải ngoại, ngoài Hồ Trường An, Xuân Vũ, Vĩnh Hảo là cây viết có sức sáng tác "dữ dội" nhất. Chỉ trong vòng ba năm, ông đã cho trình làng những... tám tác phẩm, chưa kể năn tác phẩm khác, sẽ in nay mai!

Nên xếp chăng *Bụi Đường* vào thể loại tự truyện? Bởi hình như mọi diễn biến trong tác phẩm đều có vẻ gần gũi với sự thật: Một tu sĩ trẻ tuổi "thay đổi cư trú" từ chùa Long Tuyền, Hội An đến chùa Hải Đức, Nha Trang. Ở đó, vị sư trẻ trở thành học trò của Tuệ Sĩ, trước khi Tuệ Sĩ bị bắt. Cũng ở đó, vị sư trẻ chứng kiến nhiều hành vi thô bạo của chính quyền mới đối với tôn giáo. Và đặt biệt nhất: người thanh niên mặc áo nâu sồng này biết... yêu.

Như tất cả mọi tác phẩm khác của ngòi bút này, bằng một văn phong bình dị, trong sáng, Vĩnh Hảo đã đề cập đến nhiều vấn đề, từ đạo đến đời, từ xã hội, chính trị đến kinh nghiệm tu tập. Từ sự dằng co trong nội tâm của một người tu hành khi bị vướng vào tình ái đến ý chí hướng thượng, vươn lên... Tất cả đã tạo thành tác phẩn *Bụi Đường*, và tất cả đã chứng minh một cách thầm lặng nhưng đầy thuyết phục: Nhà văn Vĩnh Hảo, qua những đứa con tinh thần của mình, đã dần dần tạo được một vị trí đáng kể trong sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại.

QUẢNG ĐÀ, Giai Phẩm Xuân Ất Hợi. Thái Tú Hạp chủ trương, với sự cộng tác của nhiều văn thi hữu gốc Quảng Đà. Bìa: cảnh Huyền Không Động, tác phẩm nhiếp ảnh của Lê Quang Xuân. Không ghi giá bán.

Tuy là một đặc san không định kỳ, nhưng trong năm qua, cũng đã có mặt đều đặn theo từng mùa. Thành quả này là một nỗ lực đáng kể của nhà thơ Thái Tú Hạp.

Hy vọng, vào năm tới, Quảng Đà sẽ phong phú hơn nữa, để những đứa con của xứ Quảng có quyền hãnh diện: Dù vùng đất ấy cỗi cằn, chật hẹp, khốn khó bao đời, nhưng cũng chính vùng đất ấy đã sản sinh ra biết bao nhân tài, trên mọi lãnh vực: Kinh tế, Chính trị, Khoa học, Văn học. Nhất là Văn học: Trước đó, khi nước nhà thống nhất, và sau này, khi đất nước chia đôi, trong 30 năm sinh hoạt chữ nghĩa của hai miền Nam, Bắc Việt Nam, và 20 năm tại hải ngoại, rất nhiều nhà văn nhà thơ xứ Quảng đã thành danh, đã trở nên những tên tuổi gắn liền với nhiều thời kỳ văn học...

HOA VÀNG CŨ, tuyển tập kịch Phạm Xuân Tích. Bìa tranh Lê Tài Điển, Nguyễn Đồng trình bày. Thế Kỷ xuất bản. Giá 12MK.

Khổ lớn, dày 104 trang. Là một tác phẩm đẹp về hình thức.

Về nội dung, Trần Thanh Hiệp viết: *"Hoa Vàng Cũ" đưa người đọc, người xem ảo giác được dẫn đi theo một đường vòng quay lại. Nhưng kỳ thực, đó là một vận động hướng tâm để trở về với bản sắc, tránh hiểm họa vong thân vì những tấn kích hung bạo của toàn trị hay những quyến rũ khó cưỡng của mê cung chính trị" (Tựa).*

Thơ, vốn đã ít độc giả, kịch thơ - lại viết bằng một văn phong cổ điển - e rằng càng ít độc giả hơn. Từ thực tế ấy, người giới thiệu sách không thể không ghi nhận nỗ lực và hy sinh của tác giả cũng như nhà xuất bản. Bởi, hơn ai hết, họ biết chắc tác phẩm in ra, chỉ để... tặng, và trăm phần trăm không bao giờ lấy lại được một phần... mười tiền vốn!

VỀ KINH BẮC, tập thơ Hoàng Cầm, bìa Lê Huy Quang, chân dung tác giả qua ống kính Nguyễn Đình Toán. Nhà xuất bản Văn Học, Việt Nam. Không ghi giá.

"... Cả tập thơ Về Kinh Bắc tôi viết từ lập thu năm 1959 đến giữa mùa Xuân 1960, là quê hương tôi, cảnh ngộ gia đình tôi... số phận mỗi người thân yêu... Nhất là số phận những người gái quê Kinh Bắc đã hiện lên thành 48 bài thơ gắn bó hữu cơ với nhau trong một thể, một khối n-phương *thống nhất chia làm tám nhịp mở đầu là* cúi lạy mẹ con trở về Kinh Bắc *và sau khi* Xong cuộc tuần du *là mươi dòng ƯỚC NGUYỆN tạm kết thúc một chuyến về thăm quê xưa, VỀ KINH BẮC...* (Vỹ Thanh - Hoàng Cầm)

Tập thơ gói ghém một phần rất lớn sự nghiệp thi ca của một tài thơ lớn Việt Nam.

HƠN NỬA ĐỜI HƯ, hồi ký Vương Hồng Sển. Bìa chân dung tác giả, Khánh Trường trình bày. Văn Nghệ xuất bản. Giá 20MK.

Sách dày trên 600 trang. Ấn loát tuyệt mỹ.

Có thể nói đây là một hy sinh của nhà xuất bản Văn Nghệ, bởi ai cũng biết thị trường chữ nghĩa tại hải ngoại đang trên đà... tuột dốc. Trong lúc đó tác phẩm này đã bị một nhà xuất bản khác "chôm" và chụp lại bản in trong nước (thiếu nhiều đoạn do nhà nước Việt Nam kiểm duyệt), bày bán tràn lan, thế mà nhà Văn Nghệ vẫn can đảm in lại, với bản đánh máy rõ ràng, sạch sẽ và bổ sung thêm các đoạn bị kiểm duyệt, đồng thời trả tác quyền đàng hoàng cho tác giả.

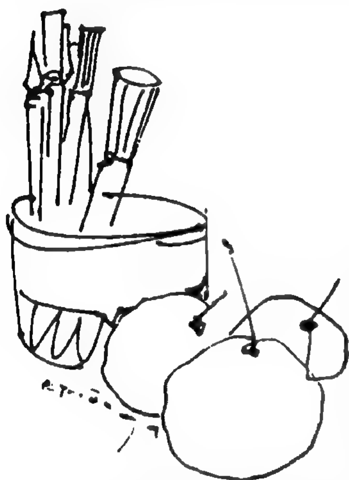
Về nội dung, như "*Sàigòn Tạp Bí Lù* và những trước tác của cụ Vương Hồng Sển, *Hơn Nửa Đời Hư* là một tác phẩm rất hấp dẫn. Bằng giọng kể kề cà rất... miệt vườn mà vô cùng quảng bác, cụ Vương sẽ dẫn độc giả đi lang thang qua mọi ngõ ngách của mọi miền đất miền Nam cùng những "mảnh đời" rất riêng nhưng cũng rất chung của tác giả, với xã hội, gia đình, vợ con, bằng hữu...

Đây là một trong số rất ít những tác phẩm giá trị mở đầu cho năm 1995, không thể thiếu trong các tủ sách gia đình và những người thích đọc.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và độc giả



THƯ VĂN HỮU, ĐỘC GIẢ

Sự thật...

- Hiện tượng chụp mũ (của địch) lên đầu bạn mình lâu nay đã quá phổ thông - có lẽ không kém cảnh đâm lén sau lưng chiến sĩ - để còn được bàn đến. Nhưng mãi vừa rồi (phải chăng đây là một dấu hiệu của hòa hợp và giao lưu tăng trưởng?) mới có (họat) cảnh khoác áo rằn ri và tuyên dương bội tinh cho những người-ở-bên-kia-chiến-tuyến. Xin dẫn bài của ông Nguyễn Ngọc Bích nhắc ... *đến cuộc tranh luận sôi nổi kéo dài trong nhiều tháng ở trong nước về sự đóng góp của thơ miền Nam vào thơ hiện đại Việt Nam - đánh bạt đi thơ miền Bắc, nhất là trong thời gian "chống Mỹ cứu nước" (...) Cuộc tranh luận về thơ, trong đó Phong Lê, Phạm Xuân Nguyên, Hoàng Cầm, Hoàng Hưng... ở một bên (hoặc ủng hộ hoặc tiếp nối con đường đi của thơ miền Nam) và Diệp Minh Tuyền, Trần Mạnh Hảo ở một bên (bênh vực cho thơ xã hội chủ nghĩa), bắt buộc sẽ đi đến sự thắng thế của sự thật. Và trong sự thật đó thì những thành phần tự do, dù không tham gia (như Thanh Tâm Tuyền, chẳng hạn, không thấy cần lên tiếng), vẫn sẽ thắng!* (1994 - Năm Của Nghiên Cứu Và Đối Thoại, *Thế Kỷ 21* số tháng Hai 1995).

- Đọc đoạn trên, tôi hết sức hoang mang khi thấy thơ được phân định ra từng miền để đánh nhau. Hay là người viết có lẫn lộn Hoàng Cầm anh hùng quân đội phát minh ra nồi không khói với Hoàng Cầm nhà thơ của chúng ta? Thơ miền Nam (?) có đánh bạt thơ miền Bắc (?) tôi không được rõ, chỉ có quân đội miền Bắc đánh bạt quân đội miền Nam là điều ai cũng - từ hai mươi năm nay - đã đều rõ. Và chuyện Thơ, với chuyện quân đội, là hai điều

rất ít dính dáng, trừ trong trường hợp những nhà-thơ-quân-đội, mà Trần Mạnh Hảo là một, chẳng hạn.

- Nguyễn Ngọc Bích có lẽ đúng khi đặt ông này cùng với Diệp Minh Tuyền về phe thơ xã hội chủ nghĩa (hoặc thơ kinh-tế-thị-trường-dưới-định-hướng-xã-hội-chủ-nghĩa) nhưng thật đáng tiếc khi ông ngang nhiên xung công những Phong Lê, Phạm Xuân Nguyên, Hoàng Cầm, Hoàng Hưng... vào cái quỹ lèo tèo của phe ông (thơ Quốc gia? Thơ Tư bản? Thơ cựu-tiền-đồn-thế-giới-tự-do hiện đang tạm lánh-nạn-cộng-sản ở nước ngoài?) và kéo cả những thành phần tự do không tham gia (như Thanh Tâm Tuyền, chẳng hạn) để lên tiếng ủng hộ họ. Với cung cách đó, trong cuộc tranh luận về Thơ ở trong nước vừa qua, đồng đội của Nguyễn Ngọc Bích không phải là những người ông tưởng mà chính là Trần Mạnh Hảo, Diệp Minh Tuyền, những kẻ đeo súng cho Thơ và đeo Thơ làm súng ("Khi tôi nghe nói đến Thơ, tôi rút súng lục-bát ra"). Riêng những người được ông Bích đeo súng cho, các bài viết của họ đã cho thấy là việc nghiên cứu và phê bình nghiêm chỉnh thi ca không phải là việc cổ võ đội bóng đá để mà phân thắng bại và càng lại không phải ủng hộ con đường đi của Thơ miền Nam! Đối với người làm thơ hiện đại, gán cho họ nhãn "tiếp nối" không hẳn là một vinh dự nếu không nói đó là một sỉ nhục. Ngay Thanh Tâm Tuyền (nếu ông ấy thấy cần lên tiếng) có lẽ cũng không buồn tiếp nối con đường đó làm gì, nói chi đến Hoàng Cầm, Hoàng Hưng và những người làm thơ khác trong, ngoài.

- Sự thật ắt sẽ thắng. Công lí, lẽ phải v.v... sẽ thắng. Ba Tây cũng đã thắng (Túc Cầu Thế Giới). Nhưng còn làm thơ đánh đây đánh đó, cho miền này và miền nọ thì, phải xin thua.

ĐỖ KH. (California)

Cũng chẳng có chi đáng phàn nàn, đó là chứng bệnh nan y của "phe ta": Cầm đến cây bút là phải cố làm sao nhét cho được cái "ý thức trách nhiệm của một công dân tự do chống chế độ cộng sản tham tàn" vào, thì - theo "phe ta" - bài viết mới có giá trị... vĩnh cửu! Riêng ông Nguyễn Ngọc Bích, từng nổi tiếng là người rất thích chia mọi thứ trong cõi trần ai này thành "miền", thành "mảng". Mấy năm trước, trong một bài viết phổ biến rộng rãi trên báo chí, từ Đông sang Tây, từ cực Nam đến cực Bắc, ông đã cho rằng: sở dĩ văn học hải ngoại muôn màu muôn sắc, phong phú đa dạng rất mực, ấy bởi vì "nó" có nhiều "mảng". Từ "mảng" không quân lướt mây đuổi gió đến "mảng" hải quân hoa tuyết trùng dương, rồi "mảng" địa phương quân canh thủ gìn giữ làng thôn, tới "mảng" nhân dân tự vệ "tuyến đầu lửa đạn có anh, hậu phương khu phố an lành có tôi". Chưa kể "mảng" thủy quân lục chiến cọp biển oai hùng, "mảng" nhảy dù chao nghiêng cánh gió, "mảng" biệt động quân cọp đầu rằn dương nanh múa vuốt... Cho nên, anh Đỗ Khờ ơi, chẳng việc gì anh phải thắc mắc. Có kẻ thích "nguyên con" từ trên xuống dưới, không thiếu một cái... móng chân, thì cũng nên để cho ông Bích thích từng "miền", từng "mảng" chứ. Tự do mà. Riêng người giữ mục này, chỉ xin nhắc nhỏ với ông Bích: chuyện "tổng kết

văn học" cuối năm là rất tốt, nó giúp cho nhiều độc giả không có điều kiện hoặc không có thời giờ đọc, nắm khái quát được tình hình văn học mỗi năm, đồng thời cũng giúp cho các nhà nghiên cứu sau này có tư liệu tham khảo. Tuy nhiên, vì vậy, ông nên... cẩn thận hơn nữa trong công việc của mình. Nhiều chỗ, ông "ẩu" hết...ý! Ví dụ: Nhà xuất bản Trình Bầy của thi sĩ Diễm Châu ở mãi tận một tỉnh nhỏ bên Tây, ông lại cho cư trú tại San Jose, Mỹ quốc. Có tác phẩm đã ra đời từ... hai ba năm trước (1992, 1993), ông lại đưa vào "thư mục" của năm 1994, có cuốn do nhà xuất bản này in, ông tự tiện move qua nhà xuất bản khác, có tác phẩn nội dung một đường, ông "bình" một nẻo... Dù dễ tính lắm, độc giả vẫn không tránh khỏi cảm tưởng ông... chả đọc gì cả, chỉ vội vàng lướt qua các nhan sách, ở tiệm, rồi về nhà, lật các mục "giới thiệu sách mới" hàng tháng trong các tạp chí, để lấy tư liệu làm... tổng kết! Nếu quả có thế thì mong ông... thôi đi, bằng không sẽ nguy hiểm lắm. Ngày sau, người ta căn cứ vào những bài "tổng kết" của ông mà viết lịch sử văn học thì chết con cháu chúng ta! Lời thật mất lòng, mong ông niệm tình tha thứ.

Xin gửi Hợp Lưu...

Tôi biết đến *Hợp Lưu* là do anh S. và chị NTHB. Chị B. không những là một nhà văn nổi tiếng mà còn là một người giỏi về fund-raising cho *Hợp Lưu*, xin các anh chị tận dụng khả năng thứ hai của chị ấy. Nói đùa cho vui, qua chị H.B. xin gửi *Hợp Lưu* $200 như các anh chị vừa kêu gọi trong số mới nhất tôi vừa nhận được. Mong các anh chị tiếp tục đường lối đứng đắn của *Hợp Lưu*, và, dĩ nhiên, tờ báo sẽ bước đến thế kỷ 21 một cách vững vàng.

TTC, M.D. (MD)

- Cảm ơn anh đã quan tâm đến lời "than vãn" của chúng tôi.

- Về khả năng của chị NTHB, hình như anh... lầm rồi! Lâu lâu "ngáp phải ruồi" thế thôi, chứ muôn đời lục quân Việt Nam là... chẳng làm nên trò trống gì (May ra, viết... nhăng được vài cuốn sách, tiền nhuận bút không đủ mua một tấm vé máy bay từ miền Đông sang miền Tây, để thăm cậu em nặng ký cựu chủ bút tạp chí Văn Học!) Bằng chứng, định cư ở Mỹ trên mười niên, giỏi, đã nhà cao cửa rộng vườn trước sân sau hoa cỏ tứ mùa xanh vàng tím đỏ soi bóng hồ bơi "xanh ngắt màu trời", chứ có đâu hết move từ chung cư này qua chung cư khác, xoành xoạch, báo hại tòa soạn phải thay đổi mãi cái địa chỉ, có khi không kịp, khiến báo bị trả về, đóng phạt ốm cả người! Tuy nhiên, nói thì nói thế, vẫn không thể không cảm ơn chị ấy đã rất nhiệt tình với sinh mệnh của tờ báo. Anh giúp chúng tôi chuyển đến chị ấy lời cảm ơn này. Có dịp ghé quận Cam, mong được tiếp. Kính.

cứ làm phiền độc giả...

...

Này! Chia vui với lính dzù. Nếu trước kia chưa sát được tên Cộng phỉ nào thì ngày nay ông Diệp Minh Tuyền phong cho cái huy chương với nhành

dương liễu, kể, cũng là chưa quá muộn! Nên nhậu để rửa lon chứ!

Còn chuyện "Đường Tăng" thì ý rõ quá. Trách chi mấy ông thầy tu. Phải tội chết! Ít bữa xuống dưới đó bị phạt phải ăn... báo cho coi! Con cháu lại mắc công diễn tuồng "Mục Liên Thanh Đề". Phiền.

Chuyện tài chính của *Hợp Lưu*. Biết rồi khổ lắm nói mãi! Sao chưa gửi bill đến CIA hoặc Kinh Tài Việt Cộng mà cứ làm phiền độc giả? Trong khi chờ đời cơ quan hữu quyền cứu xét - chắc là lâu vì đều là cơ quan nhà nước - lỡ *Hợp Lưu* chết thì sao? Cũng phiền! Vậy gửi chút ít gọi là cầm hơi!

NLT (Cupertino, CA)

- Rồi, có dịp ghé Quận Cam phôn cho một phát, sẽ "vời" đi "cụng" ngay. Anh hơn tôi ở chỗ "nhậu kém nhưng phá mồi giỏi". Tôi, cả hai đều kém. Thế mà chỗ nào có ăn có nhậu, hú một tiếng là có nằm liệt giường cũng ráng bò đến! Chẳng qua, ham vui và lạc lòng ấy mà. "Hiền thê" vẫn "mắng": "nếu là phái nữ, có lẽ tôi đã thành... Kiều, từ năm 14! Ai gọi cũng đi, ai nói cũng tin, và chưa bao giờ biết từ chối... mở long ra!" Có lẽ đúng anh ạ!

- Cảm ơn "chút gọi là" để "cầm hơi" của anh.

- Đã chuyển thư anh đến Đ.Q. Hắn ta sốt ruột lắm cái vụ "Ngưu Lang Chức Nữ". Chả biết bao giờ mới sum vầy. Thân mến.

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU VÀ ĐỘC GIẢ

Chị H.L (Santa Ana, CA): Cảm ơn "một chút xíu" phụ giúp cước phí của chị. Cũng cảm ơn lời khích lệ "rất vui khi cần HL trên tay" mỗi lần nhận được. Thân mến.

Bà HTNN (Pháp): Báo bị trả về lần thứ hai. Chúng tôi đã có thư riêng nhưng gần một tháng rồi không nhận được hồi đáp. Bà đã thay đổi chỗ ở? Xin liên lạc với tòa soạn hay người đại diện ở Paris để điều chỉnh địa chỉ. Kính.

Anh THC (Việt Nam): Đúng rồi, 30 năm trước hắn ở Đ.N.và học PTG, nhưng không thể nhớ nổi cái "thằng da đen, mắt nhỏ" ngồi trước hắn hai bàn. Khổ, càng già trí nhớ càng tồi tệ! Thời gian đúng là bóng câu cửa sổ, thấm thoát đã ba mươi năm! Những cậu bé "mặc quần thủng đít" ngày xưa nay tóc đã hoa râm, và con cái của họ có người đã nên vợ nên chồng! Rất muốn gửi cho anh tạp chí Hợp Lưu đều, nhưng khó khăn lắm. Đường bưu điện, vô phương! Cái máy dò hàng ở các ty bưu điện của Việt Nam nó... kỳ lắm: cả ngàn đĩa CD, hay băng video hay thậm chí cả... cái xe ô-tô có khi nó chả thấy (nhất là gói bằng giấy xanh in hình vị cha già dân tộc của Mỹ) nhưng một cuốn tạp chí, mỏng dính, nhỏ tí tẹo nó cũng nhìn thấy rất tỏ tường! Đường Việt kiều thăm nhà thì năm thì mười họa, và không phải ai cũng vui vẻ chuyển hộ. Thay vì mang vài cuốn sách, tập báo, chả ăn cái giải gì (ngược lại,

mất toi mươi tì lì xì), có khi còn bị phiền hà rắc rối, chi bằng mua vài trăm hộp mỹ phẩm, về đến phi trường, sang tay, là có thể bù được hai phần ba tấm vé máy bay. Ngon ơ, giản dị, chắc như bắp. Vâng, nhất định sẽ có ngày gặp lại. Thân mến.

Ông PQPh. (CA): Mệt thật, cứ quẩn quanh mãi chuyện ấy, nhiều khi thấy chả ra làm sao. Hợp Lưu muốn thoát lắm mà vẫn chưa được. Không phải độc giả nào của Hợp Lưu cũng "cùng nhìn về một hướng" đâu. Đến với người, khó, tạo điều kiện để người xa lánh mình, dễ ợt. Chúng tôi không sợ gì hết, tuyệt đối không, nhưng để đi được đường dài, đôi khi cũng phải... nhân nhượng một chút. Mong ông hiểu cho hoàn cảnh và vị thế tế nhị của Hợp Lưu. Kính.

Bà LTH (MA): *Hợp Lưu* các số cũ vẫn còn, trừ các số 1, 3 và 12. Có nhiều độc giả muốn có đủ trọn bộ Hợp Lưu, đành chịu. Nhiều lần chúng tôi đã nhắn tin trên báo, xin mua hoặc đổi các số báo cũ đã tuyệt bản nhưng không kết quả. Vậy, bà cảm phiền, chừng nào tìm được chúng tôi sẽ thông báo. Kính.

Anh THẬN NHIÊN (Seattle): Hôm anh gọi điện thoại cho tên thật và địa chỉ, tôi bề bộn công việc, lạc mất, thành ra muốn gửi báo cho NQT, qua anh, mà tìm trong computer không biết tên thật của anh là gì, để gửi. Xin lỗi và cảm phiền anh cho lại. Thân mến.

Anh HĐTL (Texas): Số đặc biệt về nhà văn ấy đã nằm trong chương trình sẽ thực hiện, nhưng nhiều văn hữu "không thích" ông ta, không viết, khiến bài vở nghèo nàn, chưa đủ một số báo, và không xứng với sự nghiệp ông ta đã cống hiến cho văn học Việt Nam. Riêng chúng tôi, vẫn quan niệm: đời tư, tính tình, quan điểm, lập trường... của một văn nghệ sĩ không liên quan gì đến tác phẩm của họ. Và vì thế, trên Hợp Lưu đã và sẽ xuất hiện nhiều tên tuổi "khác" lắm với chủ trương của chúng tôi, cũng như về mặt tư cách, chúng tôi rất lấy làm buồn phiền. Chả sao cả, ngày sau, các nhà nghiên cứu văn học sẽ "định vị" đâu ra đó, chả sợ lầm lẫn hay thiên vị ai. Thân mến.

Ông HCĐ (CA): Điều ông nhận xét chính xác lắm, nhưng tòa soạn không thể đưa lên mặt báo. Lý do: đó là một đồng nghiệp, lại là một tờ báo đứng đắn, giá trị, những lợn cợn ông nêu ra, gặp nhau, chúng tôi sẽ chuyển, như thế sẽ tốt hơn. Hoặc giả, ông có thể gửi ngay những ý kiến của mình đến tờ bao ấy. Chúng tôi tin họ sẽ tiếp nhận một cách vui vẻ. Làm báo, được độc giả góp ý, dù khen hay chê, cũng là điều khích lệ. Riêng những ý kiến của ông cho Hợp Lưu, thành thật cảm ơn. Vâng, chuyện chính tả, rất nhiều độc giả đã phàn nàn, nhà văn Phạm Thị Hoài còn "dọa" không gửi bài cho nữa, vì "đánh máy sai be bét". Chính chúng tôi, báo in xong, kiểm lại, cũng muốn... dộng đầu vào tường tự trừng phạt! Phải chi ông cư ngụ gần tòa soạn, chủ nhật thứ bảy rảnh rang ghé tòa soạn, vừa đấu láo vừa đọc hộ và sửa hộ bài thì còn gì bằng! Kính.

HỢP LƯU

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Giá biểu áp dụng từ số 21, tháng 2, 1995)

(Tất cả ghi bằng chữ IN)

Tôi tên: ______________________________________

Địa chỉ: ______________________________________

____

Điện thoại: ___________________________________

nhận mua dài hạn tạp chí Hợp Lưu từ số ______ đến số ______

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (1 năm)

Hạng nhất: 26MK ☐ (1/2 năm) • 50MK ☐ (1 năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 70MK ☐ (1 năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm)

Hàng không: 80MK ☐ (1 năm)

Xin gửi bằng MỸ KIM. Ngoài Hoa Kỳ (kể cả Canada) gửi bằng INTERNATIONAL MONEY ORDER, trả cho:

HỢP LƯU

P.OBox 277, Garden Grove, CA 92642. USA

• Cho tòa soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ — 2) Không nhận báo đúng thời hạn — 3) Báo hư, rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ điều chỉnh hoặc gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

• Lưu ý **mã số** ở hàng đầu label để biết ngày hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua **hạng tư** hoặc **tàu thủy** từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF20-25**, tức mua **hạng nhất** hoặc **máy bay** từ số 20 đến số 25 là hết hạn

• Tại Âu châu, có thể trả tiền qua đại diện (*trang bìa 2*)

22

Gía bảy Mỹ Kim